

BULLETIN
DES AMIS DU VIEUX HUE

NHỮNG NGƯỜI BẠN CÔ ĐÔ HUẾ

B.A.V.H

TẬP

❧ V ❧

1918



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỔ ĐÔ HUẾ

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỔ ĐÔ HUẾ

**TẬP V
1918**

Người dịch: Đặng Như Tùng

Hiệu đính : Phan Xương

Biên tập : Nhị Xuyên, Lê Văn

**NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 1998**

BIA LĂNG THIỆU TRỊ

A.LABORDE, *Công sứ*

và NGUYỄN ĐÓN, *Quyền Trợ lý Nội vụ*

Những chữ khắc trên bia này cũng như ở tất cả trên các bia khác, dựng lên để lưu niệm các Hoàng đế mà người ta tìm thấy một mẫu ở trong mỗi lăng tẩm. Đó chỉ là những lời tán tụng dài dòng tâng bốc một cách hoa mỹ cuộc đời của một ông vua; hoặc là lời của một người con kính cẩn đối với vua cha. Bởi vậy nó chỉ giúp ích được một phần nhỏ về mặt tiểu sử của một ông vua mà thôi, trừ phi đối với người chép biên niên sử khi họ muốn thu lượm vài chi tiết.

Trong bản dịch đã làm, để được chính xác chúng tôi đã cố gắng giữ sao cho câu văn Pháp có cấu trúc giống như câu văn An nam, và do đó chúng tôi đã vận dụng hầu hết cách dịch sát nghĩa theo từng chữ một trong bài văn chữ Hán. Khó nể cho câu văn Pháp tại nhiều chỗ nhất là khi chúng tôi không phải dịch một thứ văn xuôi đơn giản, mà là phải dịch những câu thơ 4 chữ với nhịp điệu dường muốn cắt đứt câu văn thành từng khúc.

Chữ ghi ở trên bia được dịch ra ở đây là ở trên bia dựng trong lăng Thiệu Trị. Bia này được đặt trong một nhà nhỏ cao khoảng 5m50 cách mặt đất, xây trên hai tầng nền đứng bên nhau một cách

kiểu dáng. Người ta đi đến đó bằng cách bước lên 13 bậc cấp được trang trí ở 2 bên 2 con rồng đá với thân hình uốn lượn dùng để làm tay vịn khi bước lên bậc cấp. Nhìn tổng thể chúng ta thấy hình thành một nhóm kiến trúc trang nghiêm nhô lên một cách duyên dáng trên bề mặt một sân gạch lát rộng và nổi bật lên trên một vòng tròn cây xanh tuyệt đẹp.

Cái bia, đúng nghĩa thật sự của nó được làm bằng một tấm đá nguyên tảng cao 3m25 rộng 1m50 dày 0m44. Nó được dựng trên một cái bàn đá cũng làm bằng một phiến đá nguyên tảng có kích thước to lớn, xem ra là 2m3, tất cả đều được chạm trổ một cách hoa mỹ. Người xem như bị ngăn ngó trước một cái khối mà chiều cao cả bia và chân hơn 4m. Người ta tự hỏi, bằng cách nào với công cụ thô sơ mà người An nam có thể đưa những khối đá từ Thanh Hóa và nâng lên đến một chiều cao như thế. Thực ra cái bia Thiệu Trị còn nhỏ so với bia dựng ở lăng Tự Đức có kích thước to cao hơn 7mét.

Những chữ khắc sâu vào đá còn mang dấu vết trước đây được thép vàng, một chữ chiếm một diện tích là 1cm², tổng cộng có tất cả 2.539 chữ chia thành 23 cột.

Đây là bản dịch của chữ trên bia:

Thọ ơn Trời, nước Nam ta trải dài trên một diện tích rộng, biên giới hiện nay đã được mở rộng hơn so với thời nhà Trần và Lê. Vị thế của Kinh đô còn thịnh vượng hơn cả thời kỳ Hùng Vương và Lạc Long Quân.

Từ ngày thành lập vương quốc An nam đến nay, thời gian hơn 200 năm; những công trạng và đức hạnh được thể hiện của các thế hệ nối tiếp nhau thật không kể xiết: Dưới thời của Thế Tổ Cao Hoàng đế (Gia Long) phương pháp cai trị được cải tổ; dưới triều Thánh Tổ Nhân Hoàng đế (Minh Mạng) những luật lệ được xem xét

lại và cải thiện, lịch trời tiếp nối nhau không khi nào chấm dứt. Những triều đại ấy đã để lại những công trình tráng lệ cho các thế hệ mai sau.

Khi đến triều đại của thân phụ tôi là Hiến Tổ Chương Hoàng đế (Thiệu Trị) thì để cai trị dân Ngải đã thừa hưởng được từ hai vị tổ tiên trên những đức tính tuyệt vời, vận mệnh của đất nước đã trở nên phồn thịnh hơn trước, và những công lao của Ngải đã được thế giới biết đến.

Tôi là người con khiêm tốn của Ngải, tôi không dám nghĩ đến việc lên nối ngôi Ngải, nhưng thể theo ý nguyện của đức Hoàng đế nên phải có trách nhiệm gánh vác công việc nặng nề ấy. Hằng ngày tôi cố gắng sao cho xứng đáng đối với việc nối ngôi vua cha nhưng thực sự đối với tôi đó là công việc hết sức khó khăn.

Tôi làm bài văn này để nó được khắc lên mặt bia đá và mục đích để kể lại hay ca ngợi những hành động và công việc của đức Hoàng đế Thiệu Trị được mãi mãi tồn tại.

Kính lạy Hiến Tổ Chương Hoàng đế, Ngải là trưởng tử của Thánh Tổ Nhơn Hoàng đế Minh Mạng, Ngải là cha của con đây, Ngải sinh giờ Thìn ngày 11 tháng 5 năm Gia Long thứ 6 (16.6.1807) ở xóm Thuận Lộc⁽¹⁾ phía đông Kinh thành Huế.

Sau 13 ngày Ngải chào đời, thì thân mẫu của Ngải là Tả Thiên Nhơn Hoàng hậu quá thiên và tuy rằng còn rất nhỏ mà Ngải đã bày tỏ được lòng hiếu thảo qua tiếng khóc và tràn đầy nước mắt.

Khi Hoàng đế Gia Long biết sự kiện ấy đức Hoàng đế đã khẳng định rằng về sau Ngải sẽ là một Hoàng tử tuyệt vời, và sau một tháng

⁽¹⁾ Thiệu Trị đã cho xây ở vị trí nơi sinh ra mình chùa Diệu Đế.

Ngài đã được trình diện lên Hoàng đế, để đặt tên. Hoàng đế đã chỉ một chữ Hán trong đó có bộ Nhật; ý Hoàng đế muốn có bộ Nhật ấy. Ngài chắc chắn về sau sẽ được như vua Xương⁽¹⁾.

Ngài có một trí thông minh siêu phàm và rất chăm học. Ông nội tôi nuôi ý đồ thoái vị để Ngài lên nối ngôi, đã dạy cho Ngài câu trong sách Đại Học: "Chi ư chi thiện" nghĩa là "Hãy rất có đức hạnh"; và thân phụ tôi đã cảm ơn việc ấy, không những Ngài đã khắc sâu câu ấy vào tim mà còn cho rằng chỗ của Ngài là Chí Thiện Đường hay là nhà đức hạnh tối cao và Ngài đã chấp nhận họ Ngài cái tên Chí Thiện Chủ Nhơn nghĩa là con người có đức hạnh tối cao.

Trong năm thứ 11 của triều đại Minh Mạng (1830), Minh Mạng đã ban cho Ngài một cuốn sách⁽²⁾ và tước hiệu Trương Khánh Công.

Trong năm thứ 17 của triều Minh Mạng (1836) một sắc chỉ đã giao cho Ngài chủ tọa hội đồng Hoàng tộc và Ngài làm báo cáo tâu lên vua, thảo ra những điều lệ, do sự quan tâm của Ngài mà gia phả của Hoàng tộc được duyệt lại. Ngài đã phân biệt được người chính trực và người có tài, những ý thức hòa hợp và hiếu thảo của Ngài được toàn thế giới biết đến.

Ông nội tôi tỏ ra rất sung sướng về điều đó. Ông tỏ lời khen ngợi Ngài và rất yêu thương Ngài. Mỗi khi gặp một việc quan trọng, Hoàng đế hoàn toàn dựa vào Ngài để quyết định, và luôn luôn Ngài đã đưa ra quyết định rất hợp ý với Hoàng đế. Từ đó Hoàng đế tiên đoán rằng về sau Ngài sẽ chủ tọa những lễ của xã tắc.

Ngày 28 tháng chạp dưới triều thứ 21 (20-1-1841) ông nội tôi là Minh Mạng thoái vị để Ngài lên ngôi kế vị và theo ý muốn của ông,

⁽¹⁾ Xương là tên một ông vua thuộc triều đại nhà Châu bên Tàu.

⁽²⁾ Theo tục lệ, tên các Hoàng tử được ghi vào "sách vàng".

Ngài lên ngôi ngày 20 tháng 1 của năm sau (11-2-1841) chọn niên hiệu là Thiệu Trị. Ngay sau khi lên nắm quyền, Ngài đã chấp chính vương quốc, tỏ ra rất chăm chỉ và rất ân cần đối với muôn dân và tình cảm của Ngài được giữ vững như thời kỳ ông nội tôi trị vì.

Đối với lễ Nam Giao (tế trời) Ngài tỏ ra rất kính cẩn: Ngài đã tôn kính các lăng tẩm Đế vương cụ thể ở Hiếu Đông (lăng Minh Mạng) Ngài đã làm con đường Toại ⁽¹⁾ làm cho nghi lễ của Hoàng gia càng thêm trọng thể.

Ngài đã dâng cho Minh Mạng cái tên là Tổ ⁽²⁾ để làm tước thờ, điều ấy có nghĩa là Ngài đã xem xét đến những đức tính của vua cha. Thêm nữa Ngài đã tỏ ra rất kính cẩn đối với Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (vợ thứ của vua Gia Long và mẹ của vua Minh Mạng). Ngày nào Ngài cũng vấn an, và một lần trong một năm yết kiến Hoàng hậu tại nhà: Ngài lấy làm hân hoan khi các ngày vấn an và yết kiến đến. Ngài đã làm lễ mừng Hoàng hậu có hạnh phúc chứng kiến 5 đời gia tộc, lễ này thật sự rất trang nghiêm; thật hiếm khi có sách kể về một cái lễ tráng lệ như thế. Ngài đã chịu tang bà trong 3 năm: Ngài rất đau buồn về cái chết của bà và Ngài rất nghiêm túc trong các nghi lễ. Ngài đã tôn sùng Hữu lăng và Ngài đã đặt bàn thờ bà trong cùng một miếu thờ của vua Gia Long, tất cả những việc làm đó làm nổi bật tình cảm biết bao nhiêu của ông nội tôi đầy lòng hiếu thảo.

Ngài đặt ra phòng chép sử hàng năm và đã cử những quan viên soát lại sách, mục đích tìm lại những chỗ thiếu sót và chép lại những

⁽¹⁾ Toại là đường hầm để đẩy quan tài từ ngoài vào trong huyệt, mà phải làm theo cách dòng chảy.

⁽²⁾ Tổ là tiếng để chỉ người sáng lập triều đại nhưng ở đây vua Thiệu Trị tặng danh hiệu ấy cho thân phụ mình là để tỏ lòng ca ngợi công đức.

chỗ ghi quá sơ sài. Tất cả những việc làm đó được cập nhật những sự việc đã xảy ra trong từng năm của các triều vua. Mỗi khi mà các sách đó được tái lên, Ngài đã rửa tay sạch sẽ, đọc đến 2 hay 3 lượt, Ngài đã bổ sung những giải thích minh bạch: nhờ đó mà những sách Tiền biên hay Chính biên lần lượt được hoàn thành.

Trong các sách này, Ngài đã làm nổi bật biết bao nhiêu điều tinh tế về bốn phân của một ông vua mà Ngài để lại cho các thế kỷ mai sau những lời dạy bảo quý báu. Những việc làm đó của Ngài thật là đẹp đẽ.

Ngài đối xử rất tốt đối với cha mẹ bao nhiêu thì Ngài đã tỏ lòng rất kính trọng đối với các Hoàng tử lớn tuổi bấy nhiêu. Ngài đã tổ chức những buổi tiệc để tiếp những người trong Hoàng tộc làm cho không khí ở trong triều giữ được sự đoàn kết tốt đẹp.

Đối với những quan lại có tài Ngài lấy cảm hứng từ trong những bài hát "Minh hương hỷ khí"⁽¹⁾. Mỗi năm có một cuộc thi và đôi khi có cả hai cuộc thi trong một năm. Đối với kỳ thi mùa thu ở trường thi Ngài đã cho tăng số lượng cử nhân lên: Ngài đã cho tăng thêm số lượng thái học sinh mà mỗi huyện và châu đã tiến cử, đó là một việc tốt lành đối với đa số người có học thức.

Trong lục bộ Ngài tiến hành việc phân công và cứ 3 năm một lần, Ngài đích thân kiểm tra công việc đã làm, Ngài thưởng chức cho vài công chức giỏi để phân biệt với những người tầm thường và đó chính là việc Ngài đã biết đánh giá công trạng của từng người. Ngài đã cho miễn và giảm thuế: Ngài phân phát cứu trợ cho những người khổ nghèo, Ngài đau xót trước những kẻ đói.

⁽¹⁾ Bài hát hàm ý ca ngợi sự hòa hợp vua tôi.

Ngay trong năm đầu của triều đại mình, sự cai trị của Ngài đã tỏ ra có độ lượng, người ta không kể xiết những việc ấy làm trong mỗi năm. Khi bất thần trong một tỉnh có lụt mà Ngài mới được tin hỏi sáng thì ngay chiều Ngài đã ban cứu trợ. Ngài đã huy động không tiếc hàng ngàn, triệu tiền của trong kho.

Ngài đã cày ruộng dành riêng cho lễ hạ điền, để làm gương cho đời. Ngài đã đi đến tận những cánh đồng để cổ vũ nông dân và ban thưởng cho họ.

Ngài đã cống hiến những câu đối trong miếu thần Hà Bá để làm yên lòng dân.

Ngài đã hoàn thành công việc trên sông Cầu Âu để chấm dứt nạn lụt.

Trong cung điện Ngài luôn luôn cầu khẩn khẩn đảo cho dân. Ngài hỏi thăm nguyện vọng của họ như mặt trăng hỏi thăm sao Cơ và sao Tất⁽¹⁾.

Những việc Ngài sáng tạo có thể ví với trời đã tạo nên. Những tình cảm công minh của vua Nghiêu và vua Văn Vương⁽²⁾ không thể hơn Ngài được.

Khi các quan lại mùa thu⁽³⁾ tâu Ngài một bản án, Ngài giờ ra và xem xét kỹ nhiều lần. Mỗi năm khi xét lại những bản án đã xử, Ngài đã khoan dung cho nhiều người. Đến cuối năm

⁽¹⁾ Theo truyện cổ, sao Cơ ưa gió thì mặt trăng thổi gió, sao Tất ưa mưa thì mặt trăng làm mưa.

⁽²⁾ Nghiêu (2.350 trước công nguyên) Văn Vương (1.132 trước công nguyên).

⁽³⁾ Trong sách Châu Lễ, 6 Bộ ví như trời, đất và 4 mùa. Bộ Hình là Bộ mùa thu.

Ngài đã ra dụ phóng thích tù nhân hay là trong những năm tốt, những năm có đại lễ, Ngài đã giảm ứn cho phạm nhân trọng tội.

Ngài đã ân xá cho ai thú tội: những người do bị lôi kéo và do bị cưỡng bức mà phải a dua với kẻ gian ác thì không bị phạt và như vậy Ngài đã cứu thoát chết cho 7 hay 8 triệu người Hán và Thổ⁽¹⁾.

Sự khoan hồng và thành tâm của Ngài đã thấu suốt đến kẻ trộm cướp. Lòng nhân đạo của Ngài đã thấm đến các tù nhân mang gông cùm.

Cổ xe của vua Võ và lưới của vua Thang⁽²⁾ không thể vượt qua tất cả các điều đó.

Ngài đã cải biên và hoàn thiện sách Đại Nam Hội Điển Sự lệ để ấn định một cách chính xác công việc cai trị.

Ngài đã chú giải sách Thiệu Trị văn quy (những bài văn do vua Thiệu Trị làm) đã giải thích từng chữ một.

Ngài đặt ra ở Huế thi võ mục đích để nâng cao tầm quan trọng của quân đội.

Ngài đã cho tu sửa thành lũy và pháo đài, cho làm bệ súng đại bác và cái đó là để tổ chức phòng thủ một cách nghiêm túc mọi phía.

Những quan lại nguyên quán ở những vùng khác (không phải ở nơi mà họ cai trị) được thay bằng những quan lại nguyên quán tại

⁽¹⁾ Hán là người An nam gốc Hán, Thổ là người Thổ.

⁽²⁾ Vua Võ và vua Thang là các vua thời nguyên thủy xưa bên Tàu có tiếng là đạo đức.

địa phương, biện pháp này đã đem lại nhiều điều dễ dàng cho việc hành chính.

Ngài đã giảm thuế biên giới (hải quan), đó là việc làm đã đem lại kết quả trong việc nâng cao đời sống kinh tế của dân.

Những việc ngày xưa đã được phát triển, những tư tưởng mới có lợi cho việc cai trị đã được thực thi. Ngài đã suy nghĩ nhiều và nghĩ đến tương lai. Ngài đã chiến thắng tất cả những triệu chứng xấu.

Những thành viên trong gia đình bên ngoại⁽¹⁾ không được phép nhận vào làm việc trong chính quyền, nhằm tránh sự lạm dụng trong việc ban cấp tử thiện và đặc ân lớn.

Những người ngoại quốc từ biển vào không được phép buôn bán để tránh mầm họa về chiến tranh và để duy trì danh dự cho vương quốc.

Ngài đã thành lập miếu thờ người Hiền lương và một cái khác để thờ người Trung nghĩa mục đích để khuyến khích những hành động trung nghĩa⁽²⁾.

Để tưởng nhớ những người có những biện pháp an ninh biên giới, Ngài đã cho khắc công trạng của họ và như vậy Ngài đã biểu dương những hành động xứng đáng.

Trời đã phú cho Ngài nhiều tài năng, những lúc nhàn rỗi, Ngài đã soạn thảo những bài viết mà trong đó Ngài nêu lên những phương

⁽¹⁾ Bố mẹ của các bà Hoàng không được làm việc trong bộ máy quan lại của triều đình để tránh ảnh hưởng của các bà trong việc cai trị.

⁽²⁾ Hai miếu thờ này đã xây ở vị trí của trường Quốc Tử Giám phía trước chùa Thiên Mụ và đền thờ Văn Miếu.

chăm bao hàm sự trình bày một thuyết để phát triển (trí tuệ) của con người.

Ngài đã sáng tác 2 cuốn Thánh chế văn (văn xuôi) và 4 quyển Thánh chế thi (thơ) rồi một cuốn Ngự đề đồ hội (thơ về thắng cảnh), 1 quyển Sử luận (luận về Sử học), 1 quyển Hoàng huấn (huấn thị của vua), 1 quyển Võ công (công việc quân), 1 quyển Cổ kim thể cách (Phương pháp cổ và kim), 1 quyển Tài thành phụ tướng (nghệ thuật tương trợ thiên nhiên), 1 quyển Lịch đại đế vương (những vua của các triều đại).

Sáu hay bảy năm chưa qua mà Ngài đã viết đến 14 tác phẩm. Hơn nữa trong khi Ngài chỉ là một Hoàng tử tầm thường còn ẩn trong đáy nước⁽¹⁾ mà Ngài đã viết được 16 quyển văn xuôi và thơ trong tư thất Chí Thiện của Ngài.

Những nguyên tắc hay mà các vua trước lưu truyền cũng như những dấu vết của một sự cai trị giỏi mà các triều đại trước để lại đều được thể hiện trong lời nói và sách vở của Ngài.

Như mặt trời và các vì sao đã tỏa ánh sáng từ nguồn cội (của thế giới), Ngài đã đem nguồn ánh sáng đến cho những bí ẩn của 6 quyển sách kinh điển và chỉ cho cả (thái học sinh) của hàng trăm thế hệ những chỗ "can" và những cái đập "để" qua sông⁽²⁾. Và như vậy, cũng chẳng khác chi tiếng trống làm cho điệu nhảy càng sinh động hăng say (Ngài đã khuyến khích việc học tập).

Đó là một thời kỳ lớn mà chính trị và giáo dục trở nên thịnh vượng hơn bao giờ hết kể từ triều Đinh, Lý, Trần, Lê và trước đó nữa.

⁽¹⁾ Ông Hoàng tử khi chưa trở thành vua vì như con rồng ẩn trong đáy nước.

⁽²⁾ Có nghĩa là Ngài đã giúp cho thái học sinh dịch những sách cổ điển ở những đoạn văn khó hiểu.

Sau những thành tích về văn học, thì đến những công trạng về quân sự. Ở bên trong vương quốc người ta đã dẹp yên người Thổ và bên ngoài đã làm cho người Mọi sợ hãi.

Ngài đã nhìn bao quát khắp tứ phương, mục đích để cho khắp nơi việc làm của Ngài được ăn khớp các việc xếp đặt mà Ngài đã làm để giải quyết công việc ở đồn Trấn, Tông⁽¹⁾ là một chiến lược tuyệt vời để chống đối với quân thù.

Những dân tộc Mán⁽²⁾ không được sống trong bình yên và những loài Lan Bôi⁽³⁾ đã di cư qua Xiêm.

Nhưng thừa cha, đức hạnh của Ngài đã thấu đến mọi người và Ngài đã phán xét sự vật một cách khôn ngoan. Trước hết Ngài chỉ nghĩ đến việc củng cố vững chắc biên cương để đem lại hòa bình bền vững cho dân chúng và mãi đến 5 năm sau Ngài mới cử tướng lĩnh và quân đội để bóc trần những hành động xấu xa và để trấn áp những hành động đó.

Bọn giặc Xiêm khi được ân xá, thủ lĩnh đất Lap (Campuchia cổ) khi chịu thuận phục thì Ngài đã ban cho họ chức tước và với cử chỉ ấy Ngài đã làm cho kẻ phản bội run sợ, trong khi đó Ngài đã ban sự chiếu cố cho những người thuận phục.

Để giữ gìn bấy tôi Ngài không bắt buộc họ quá nhiều công việc quân sự, Ngài lấy đức hạnh làm sức mạnh để trị vì, Ngài đã phục hồi các vua bị phế truất, và trợ cấp cho việc thừa tự những triều đại bị tàn lụi⁽⁴⁾. Ngài đã tỏ rõ lòng nhân đạo cũng như đã chứng tỏ sự công

⁽¹⁾ Minh Mạng năm thứ 15, chính phủ An nam đặt một đồn binh trên đất Campuchia ở Nam Văn (Phnom Penh).

⁽²⁾ Chỉ những người Campuchia ngày xưa.

⁽³⁾ Lan Bôi nghĩa đen là tên 2 loài chó sói, nghĩa bóng để chỉ loài hung dữ, bọn quấy phá.

⁽⁴⁾ Thời kỳ đó, nước An nam chú trọng đến việc phục hưng các vương quốc Xiêm và Campuchia.

bằng bằng cách nghiêm cấm những hành động nguy hiểm nhằm đem lại sự yên lành cho dân.

Thời kỳ ấy, ở biên giới không lo còn khói lửa (chiến tranh) trong nước bình yên trải khắp nơi, trên chiếu và trên đệm, các tướng lĩnh thất nghiệp ở trong triều, bốn tầng lớp xã hội⁽¹⁾ sống yên lành trong nước, và người ta không biết làm sao mà kể cho hết được đức hạnh và công trạng to lớn của Thánh (vua).

Giả như Người ấy (vua) thông minh, dũng cảm, đầy lòng nhân từ đã không có sự hiện diện trên đời hỏi ai là người có khả năng để làm những việc như thế được.

Những việc làm của Ngài phản ánh trong các phương châm của Ngài, và những việc làm ấy là do các vị thần gợi ý cho, những vị thần ấy xuất hiện theo chiều ngang và chiều thẳng đứng khắp bốn phương trời.

Ngài noi theo những tư tưởng và bắt chước những công trình của những vị tiền bối của Ngài. Nhưng Ngài cũng quyết tâm hành động hợp thời và tùy theo hoàn cảnh. Điều gì Ngài đã đặt ra đều đem lại kết quả tuyệt hảo, Ngài biết hào hiệp và khoan dung.

Dưới triều đại của Ngài, những kẻ thuộc hạ không phạm một sai sót nào trong khi làm phận sự của mình, thái học sinh không lười biếng, cư dân không bỏ nghề, trong gia đình 9 thế hệ sống hòa thuận với nhau và trong vương quốc trăm họ gần gũi nhau (thương yêu nhau). Trong khắp vũ trụ những người hoang dã

⁽¹⁾ 4 tầng lớp xã hội là: Sĩ, Nông, Công, Thương.

thuần phục, ánh sáng văn minh rạng tỏa 6 phương và 10 diêm tốt lành được thể hiện⁽¹⁾.

Ngài trị vì có 7 năm nhưng kết quả còn vang vọng 100 thế kỷ bởi vì đức tính và công danh của Ngài là tuyệt diệu.

Tháng 8 mùa thu năm ngoài sức khỏe của Ngài trở nên tồi tệ; tuy vậy Ngài đã cố gắng dậy sớm mặc y phục và ngự thiện rất chậm để có thể không phí mất một phần tử bóng mặt trời⁽²⁾, duyệt phê những chỉ thị và phúc đáp cho hàng nghìn công việc.

Bản thân con đứng trước cửa để hầu hạ Ngài trong cơn lâm bệnh, con kính cẩn chú ý rằng Ngài có một bộ ria tươi cười, do đó con tin rằng Ngài đã khá hơn và sẽ làm cho những người hầu hạ và quan viên mừng rỡ. Than ôi! con không rõ! làm sao mà đoán được ý trời. Và Ngài thì Ngài đã hiểu được ý trời kỳ diệu.

Ngài đã kín đáo thảo ra một chiếu chỉ định con nối nghiệp Ngài, và Ngài đã trao chiếu chỉ ấy cho các đại thần, họ đã cất kỹ, kính cẩn niêm phong lại cho đến khi, trước bàn ngọc, Ngài đã trời lại cho con những lời căn dặn cuối cùng.

Nghe lời Ngài dạy, con kinh hoàng, ngũ tạng như bị xé tan, thế rồi con hiểu ý nghĩa sâu xa của những ý nghĩ của Ngài.

⁽¹⁾ Tục truyền dưới thời vua Nghiêu người ta thấy có 1 ngày ở triều đình xảy ra 10 sự kiện lạ lùng: 1. Một ngôi sao rất sáng 2. Sương mù mát dịu 3. Những con phượng bay lượn trên cung điện 4. Một con rồng xuất hiện 5. Nước suối tự nhiên uống ngọt như rượu 6. Một con chim ngũ sắc bay vào triều 7. Cỏ biến thành ngũ cốc 8. Con quạ đen trở thành trắng 9. Cỏ hoa vàng lá như cây hoa hồng mọc ở hiên cung điện 10. Cây bó hoa mọc trong bếp (lá rất rộng của cây quạt thức ăn của vua và làm cho vua ăn thêm ngon).

⁽²⁾ Ý nói không để mất một phút.

Ngài đã thấu hiểu thiên cơ và số mạng con người: do đó những phương thuốc mà Ngài đem dùng, hằng mong bảo đảm sự sống lâu dài cho vương quốc, đã được thực hiện với bình an, với lương tri và chính xác.

Giờ Quý Mão ngày 27 tháng 9 bệnh tình của Ngài trở nên trầm trọng, đến giờ Quý Sửu, long thể (vua) bay ra từ điện Càn Thành và đi nhận nhiệm vụ (trên trời).

Tuổi của Thánh là 41.

Ôi ! Đau đớn làm sao! Con bám vào râu và ta thán bên cạnh chiếc cung⁽¹⁾ trời rung, đất mở ra. Từ nay trở này sẽ biết dựa vào ai bây giờ?

Những lời dạy mà Ngài để lại có nói rằng: "Hãy làm điều thiện dù là ít, đừng làm điều ác dù rất nhỏ".

Ôi! Lời dạy sao mà đúng thế?

Thân phụ của tôi, vua Thiệu Trị, chắc chắn đã học lời dạy này ở ông nội tôi (vua Minh Mạng) để truyền lại cho con trẻ (bản thân tôi).

Ôi! sáng suốt làm sao!

⁽¹⁾ Từ ngữ diễn tả nỗi buồn do truyền thuyết sau đây: vua Hoàng Đế (2097 trước công nguyên vừa đúc xong một cái vạc đồng bồng khi đó có một con rồng có râu dài từ trên trời hạ xuống và quắp vua đi.

70 trong những đứa con của ông và vợ nhảy được lên lưng con rồng để theo nhà vua, nhưng còn nhiều người khác chỉ có thì giờ để bám vào râu dài của rồng. Khổ thay! râu rồng bị đứt nên họ ngã xuống đất một lần với chiếc cung của nhà vua. Không còn vua nữa, bấy tôi khóc chan chứa với chiếc cung còn lại.

Tôi - đứa con của Ngài, than ôi! Tôi không có khả năng bắt chước Ngài, tôi chỉ có thể kính cẩn vâng lời dạy của Ngài, tôi cố gắng tuân theo những lời dạy đó và làm tròn một phần nhiệm vụ nặng nề ấy.

Cha tôi đã nói ở trong một chỉ dụ, tốt hơn là đừng chi tiêu quá nhiều tiền và sức lực dân công trong việc tu sửa lăng tẩm: trong tai tôi vẫn còn văng vẳng tiếng nói quý báu ấy.

Tôi là con của Ngài, tôi không muốn làm quá ý của Ngài tôi xin kính cẩn tuân theo lệnh hoàn hảo ấy của Ngài.

Trên đồi Thuận Đạo ở huyện Hương Thủy, tôi chỉ đơn giản ra lệnh xây dựng cung điện dưới sân cái lăng và con đường hầm theo mẫu của Hiếu Lăng (lăng của Minh Mạng).

Đối với những chi phí khác, tôi chỉ sử dụng làm sao cho phù hợp với nghi lễ nhưng chỉ có mức độ. Như vậy là tôi đã làm cho mọi người thấy rằng chính phụ thân tôi đã muốn sử dụng tài sản và những cái cung phụng của muôn dân một cách tiết kiệm. Chứng tỏ cho thấy rằng phụ thân tôi đã muốn sử dụng một cách tiết kiệm tài sản và của cải của dân Ngài.

Tôi đã chọn mùa hạ năm Mậu Thân, ngày 24 Bính Thân tháng 5 (24-6-1848) đến giờ Bính Thân để kính cẩn thiết lập cung điện dưới sân (lăng), tôi đặt tên là Xương Lăng.

Ở đây khi người ta nhìn đồi Kiều Sơn⁽¹⁾ tất cả mọi người, kể cả những ai sống trong hang động đều tỏ ra nổi phiền muộn sâu xa.

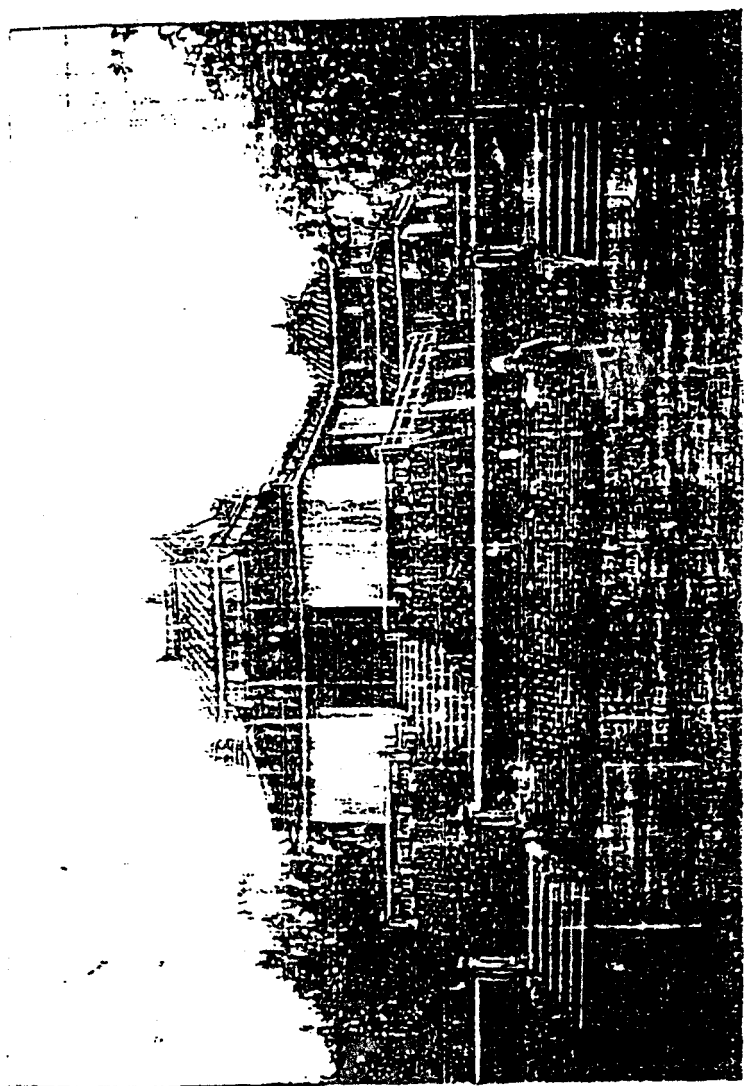
Sự biết ơn đối với Ngài là vô cùng tận.

Ôi ! buồn làm sao!

⁽¹⁾ Đồi Kiều Sơn nơi chôn vua Hoàng Đế bên Tàu.

Ngày hôm nay Giáp Tý tháng 10 năm thứ 1 triều Tự Đức (19-11-1848) người con của Ngài đồng thời là nô bộc của Ngài có những lời cảm động trên môi hòa lẫn nước mắt, xin nghiêng mình và cúi đầu đệ trình những câu thơ kính cẩn...





Lăng Thiệu Trị

VÙNG LÂN CẬN TÒA KHÂM SỨ

LE MARCHANT DE TRIGON

Thanh tra chính trị và hành chính An nam

Tôi không hề muốn nói về cái hấp dẫn có tính chất tương đối của những văn phòng làm việc của toà Khâm sứ mà những hồi tưởng có thể mang lại cho chúng ta. Tuy nhiên đây là một phần nhỏ về lịch sử của những người châu Âu trong Kinh thành, và có thể rằng những người bạn đồng nghiệp của chúng ta sẽ lấy làm thích thú tò mò mà hiểu được ở đâu và trong điều kiện nào những người trước họ đã làm việc và sống.

Khi ông lãnh sự đầu tiên của chúng ta M.Rheinart đóng trụ sở ở sứ quán thì các phòng làm việc của ông ta nằm ở một trong những tòa nhà do chính phủ Nam triều cung cấp, về sau ở tòa Lãnh sự không có một chỗ riêng để đặt phòng giấy. Điều này dễ hiểu: ông lãnh sự chỉ có một nhân viên giữ khuôn dấu là ông chuồng ản, và nhiều khi chỉ còn một mình ông ta làm việc. Người phụ tá của ông ta, lấy trong hàng ngũ nhân viên làm việc ở Nam Kỳ, thường không được thay thế kịp thời khi cần đến nhân viên bản xứ gồm có một thư ký và một trí thức, mỗi người có một bàn giấy trong nhà ở của họ. Ông lãnh sự ở trong tòa nhà chính, ông chuồng ản ở tòa nhà bên trái nhìn ra phía trước mặt.

Từ năm 1883 đến 1890, nhân viên tòa Lãnh sự tăng lên, người ta đã sử dụng một phần của tòa nhà bên phải mái hiên của nhà Lãnh sự để làm các bàn giấy.

Chính vào năm 1889 tôi được ông M.Destinary, chủ sự phòng 1 cho tôi một chỗ để đặt bàn giấy, dưới mái hiên sau văn phòng hiện tại của ông Khâm sứ, mà hiện nay người đánh máy chữ làm việc; phòng phiên dịch ở trong nhà phụ phía đông áp với tường ra bao quanh tòa Khâm sứ hồi đó.

Năm 1896 khi tôi trở về Huế, sau thời gian đi công tác ở tỉnh, phòng 1 đã chuyển đến sau cầu thang lớn nay là nơi quầy bán hàng vải gần cầu thang. Mái hiên này dùng làm chỗ ở cho thầy thuốc trong thời kỳ đầu lập tòa sứ.

Phòng nhì từ năm 1885 đến 1891 ở trong tòa nhà bên phải gần nhà bếp.

Từ năm 1891 trở đi, việc xây dựng thêm tầng lên trên các tòa nhà bên phải và trái của tòa nhà chính cho phép nhân viên làm việc có những phòng khang trang hơn.

Toàn bộ tầng dưới sát đất của tòa nhà phía trái dành cho văn phòng ông Khâm sứ mãi cho đến khi xây dựng xong các phòng làm việc như hiện tại.

Việc làm nhà bếp ra khỏi tòa nhà của tòa Khâm sứ và việc cải tạo tòa nhà bên phải thành phòng khách hay chỗ ở của ông chánh văn phòng năm 1891, bắt buộc phòng nhì phải di chuyển hồ sơ đi nơi khác. Năm 1891 hay 1892 người ta xây trước mặt khách sạn Morin hiện tại dọc theo đường đi Đà Nẵng một tòa nhà bằng gạch và ngói dài khoảng 30m, thấp, không có tầng, chia thành nhiều gian và trong đó người ta đã bố trí phòng nhì, phòng giám binh lính bản xứ, phòng thuốc và phòng khám bệnh cho tòa Khâm. Tôi ít khi được ở một nhà quá lộn xộn và quá mất vệ sinh như vậy.

Những mái hiên chật hẹp buộc phải che kín bằng những bức màn chống chói mắt nhưng lại làm cho thiếu ánh sáng. Trần nhà thấp và rất mỏng do đó việc chống nắng là kém dưới tia mặt trời gay gắt vào mùa hè. Nền lát được nâng cao trên mặt đất khoảng 20cm bị ẩm ướt và ngấm nước suốt mùa đông gió thổi làm tung tóe mưa vào trong phòng.

Hạnh phúc thay khi vẫn còn có người an ủi trong gian khổ: Tôi muốn nói "*Phòng 3*" đây là cái tên chung tôi đặt cho cái quán cà phê trước mặt, trước là của cha Coutel (gọi là người tốt bụng) và sau này là của M.Bogaert.

Trong giờ nóng bức mùa hè, ở giữa hai kỳ lương, hay tính phụ cấp đi đường, chúng tôi ra khỏi cái "*lò quay*" để đến cái "*máng uống nước*" trước mặt.

Ở đó trong khi hoặc là đổ con xúc sắc hay là chơi bài, người ta đã quyết định số phận vài chai bia bỏ nước đá. Nhờ uống nó mà chúng tôi chịu đựng được những ngày ở trong cái "*nhà nuôi tằm*" mà Chính phủ đã cho chúng tôi ở.

Ôi, lạ thật! Dù có nói gì đi nữa thì chúng tôi cũng không lấy gì làm buồn nản lắm với cái phòng nhì đó khi người còn trẻ, ở tuổi trẻ người ta chịu đựng được những phiền chán.

Năm 1807, tòa nhà này được sử dụng làm nhà phụ cho tòa Khâm sứ, chỗ ở của người hầu bàn...

Các phòng làm việc được dịp đến chiếm một tòa nhà có đủ tiện nghi hơn mới xây dựng, nằm song song và cách với đường di Thuận An khoảng 2 hay 3m, đứng ở trục đường dẫn đến các phòng làm việc hiện tại. Chính ở nơi đây về trước là tòa nhà Bưu chính, một nhà tranh lụp sụp tường đất trộn rơm mà nhân viên Bưu chính đã ra đi không tiếc rẻ để đến một tòa nhà khác, nhưng tòa nhà khác này cũng

không phải là chỗ dừng bước của họ, vì nó cũng bị thay thế để giao về cho Ty Kiểm lâm.

Những phòng làm việc mới lần thứ nhất tập trung được cùng trong một tòa nhà, tất cả các sự vụ của tòa Khâm sứ, trừ văn phòng chính thì tầng dưới tòa nhà bên trái và phòng lưu trữ công văn ở dưới mái hiên tòa nhà chính. Năm 1901 phòng lưu trữ phải được dọn đến tòa nhà, hiện nay nó được xây dựng từ trước. Trong khoảng thời gian chờ đợi tòa nhà để dành riêng cho ông chánh văn phòng ở.

Những phòng làm việc mới này được dùng làm việc cho đến năm 1905, năm mà tòa nhà tráng lệ đẹp để có trước mắt chúng ta hiện nay, đã xây dựng xong.

Năm 1904 tòa nhà đối diện với phòng lưu trữ, phòng giám binh lính bản xứ và phòng giám định tài chính, đã được xây cất.

*

* *

Chính vào năm 1894 hay 1895 gì đó, ông M.Brière, thỏa hiệp với chính phủ Nam triều, quyết định thiết lập đại diện chính phủ Pháp bên cạnh các Bộ trưởng Nam triều. Đầu chỉ có 2 người, 1 đại diện ở Bộ Lại và 1 ở Bộ Hộ. Họ ở trong một nhà tranh lớn vách đất được xây cất để dùng cho việc ấy. Nhà này tọa lạc gần góc giáp mỗi của đường đi của các Bộ với đường trước viện Cơ Mật. Họ ở đó được vài năm, từ năm 1894 đến 1900, là vào lúc mà những tòa nhà dành cho các đại diện xây cất xong. Trong ý nghĩ của M.Boullouche là người phụ trách xây cất thì những nhà này lẽ ra phải dùng làm phòng làm việc của những Thượng thư, cho Tham tri Thị lang cùng với nhân viên của họ, nhưng đã lâu mà vẫn không có quyết định cho những Thượng thư đến đó được.

Vì vậy người ta bố trí đại diện Pháp tại Bộ Lại và Bộ Hình còn đại diện tại Bộ Hộ thì đến nhà Nội vụ mới xây xong nằm ở trong vòng rào thứ hai.

Năm 1901 khi có Hội đồng Tối Cao, thì tòa nhà bên phải dùng làm chỗ ở cho một số thành viên của Hội đồng chính là nơi trụ sở Bảo tàng Kinh tế hiện nay.

Tòa nhà Cơ Mật, nơi diễn ra các cuộc họp của Hội đồng Tối Cao là ngôi nhà duy nhất hiện nay vẫn duy trì được cái dung dịch nguyên thủy của nó.

*

* *

Sau khi đã nhắc lại những phòng làm việc, nơi mà chúng tôi đã công tác cách đây 30 năm, tôi vẫn còn cảm thấy thích thú để kể lại cho bạn đồng nghiệp trong thời kỳ ngày nay biết về cái quang cảnh năm 1890 của khu vực người Âu châu nằm trên bờ phải của sông Hương mà hiện tại trông thật là duyên dáng và được bảo quản chu đáo.

Chúng ta có thể đi quanh một vòng nhanh chóng không mất thời gian lâu. Tòa Khâm sứ lúc đó cũng như hiện nay là trung tâm của khu vực như tôi đã trình bày, hai cánh nhà hai bên không có lầu và vườn hoa bị bao bọc tường rào không lớn lắm so với hiện nay. Nó dùng lại phía đông nơi tiếp giáp với vườn công cộng nằm ở giữa sông và đường đi Thuận An, vườn mà thời kỳ ấy không có.

Chỉ có tại đây một cái bến dốc mọc cỏ tro trọi không bồn chậu gì cả. Trên phía trái của vườn hoa, gần đường cái dưới một cây cổ thụ lớn hiện nay đang còn tồn tại là nhà Bưu cục làm bằng vách đất lợp tranh.

Phía sau tòa Khâm sứ có xây 2 trại lính và nhà sĩ quan quân đội vẫn còn tồn tại. Khách sạn Contel tiền thân của khách sạn hiện nay ít quan trọng nằm ở góc chiếm bởi khách sạn Morin. Phía trên cao hơn về phía đường đi Đà Nẵng phía bên phải có 2 nhà, hay đó cũng là chùa của người An nam, một cái nằm ở vị trí rợp chiếu bóng Morin hiện nay. Nhà này dùng làm nơi sinh hoạt Câu lạc bộ của bờ sông bên phải lúc Câu lạc bộ thành lập năm 1891 và một cái kia tại nơi xây nhà giám định tài chính mới đã được dùng làm chỗ ở cho một nhân viên. Tại đây hiện nay là Câu lạc bộ và nhà ở của ông thanh tra hành chính, nằm ở cạnh đường con, thì trước kia là một nhà tranh lớn chia thành nhiều gian. Trời ơi! Chính nơi đây các ông Nhà nước dùng làm nhà ở cho các ông Tham sự và thầy thuốc. Các phòng ở trong nhà ấy ít tiện nghi nhưng khỏi trả tiền thuê, do đó không phải là nơi luôn luôn được dễ chịu nhất. Bức ngăn giữa các gian mỏng manh làm cho người ta muốn tâm sự riêng cũng không được: những bài hát, những cuộc tranh luận triết lý hay tranh luận nào khác và nói cho đúng hơn là những cuộc cãi cọ giữa những nàng vợ trẻ của những "vị chúa tể" trong nhà đã không cho phép ai được ngủ sớm, được đọc sách hay có được một chút yên tĩnh để suy tư. Không chịu nổi! Phải bắt buộc cái thần hồn nó giao hưởng với cái môi trường ấy, hay phải bỏ mà đi. Nhưng biết đi đâu bây giờ, không có một nhà nào cho thuê.

Nơi mà ngày nay là trụ sở Công Chính dựng lên thì trước là lò gạch của cha Coutel: trước mặt hồi đó chỉ có một nhà tranh cho hiến binh ở và chỉ có thế thôi. Ở vị trí đó là ranh giới của khu vực người Âu. Đường đi Đà Nẵng cho đến đồn lính, đường đi Thuận An cho đến cuối vườn hoa của tòa Khâm sứ, đường nhà ga đến trụ sở Công Chính là những con đường để đi trong khu vực đáng được gọi là đường, ngoài ra chỉ là đường mòn chưa có cầu bắc qua sông. Nếu cần qua giang thì dùng đồ ở vị trí cột tu găm đầu tiên dùng để bắt cầu

qua sông. Đi dọc theo bờ sông cho đến trường Quốc Học có nhiều nhà tranh để làm nhà che và làm xưởng sửa chữa ngựa thuyền. Phía bên kia đường mòn, bên trái đường ra ga là những trại lính thủy của Hoàng triều.

Để kết thúc, tôi xin tỏ lòng biết ơn cụ Nguyễn Hữu Bài, Thượng thư Bộ Lại, các ông Ngô Đình Khả và Nguyễn Đình Hòe là những người kết nối ký ức với tôi để nhắc lại một thời kỳ mà chúng tôi sẽ là những người đại diện cuối cùng.



NÓN THƯỢNG LOẠI MŨ CỦA PHỤ NỮ AN NAM

HỒ ĐẮC HÀM,
Học chính trường Hậu Bô

Nón thượng được làm ở làng Việt Yên Thượng (Việt Yên trên) tỉnh Hà Tĩnh, do đó lấy tên là nón thượng. Ở miền Bắc xứ An nam, nón thượng lấy tên là nón Nghệ (nón của Nghệ An) vì nón được làm ở vài làng của tỉnh Nghệ An xưa gồm có đất tỉnh Hà Tĩnh.

Xưa kia đội nón thượng là một thời trang được các bà quý phái yêu chuộng. Nó được đội ở phía bắc nước Nam, nhất là ở Bắc Kỳ, nhưng hiện nay người ta có thể xem Bắc Kỳ như là đất của Huế xưa. Ở Huế thì hình thoảng người ta còn bắt gặp những bà già đội nón thượng.

Nón thượng được cấu tạo bằng cốt tre lợp lá cọ. Hình dạng của nó tròn bẹt, vành nón thẳng đứng xuống làm cho nó như một cái nắp dầy một cái hộp tròn lớn. Đường kính nón khoảng 0m70, chiều cao vành 0m08, ở giữa và phía trong nón có một cái chụp gọi là "cái sũa" dùng để gắn cái nón lên đầu và giữ thẳng bằng cho nón.

Khi các bà đổ xô vào một cách lố lăng để diện nón thượng thì hậu quả thật lạ lùng: người ta cho rằng các bà ấy đội trên đầu một cái đĩa lộn ngược hay nói đúng hơn một cái bánh tráng lớn.

Trong những ngày thường quai nón đơn giản làm bằng 1 sợi dây gai hay lụa. Trong những ngày lễ hội những sợi dây ấy được thay bằng một cái quai nón gọi là bộ quai màu đỏ gồm có 24 sợi lụa kết lại với nhau, mỗi sợi có đường kính 2 ly mét, chia đôi thành 2 nhánh, mỗi nhánh 12 sợi. Tất cả được nối lại phía đuôi bằng những tua dài cùng màu.

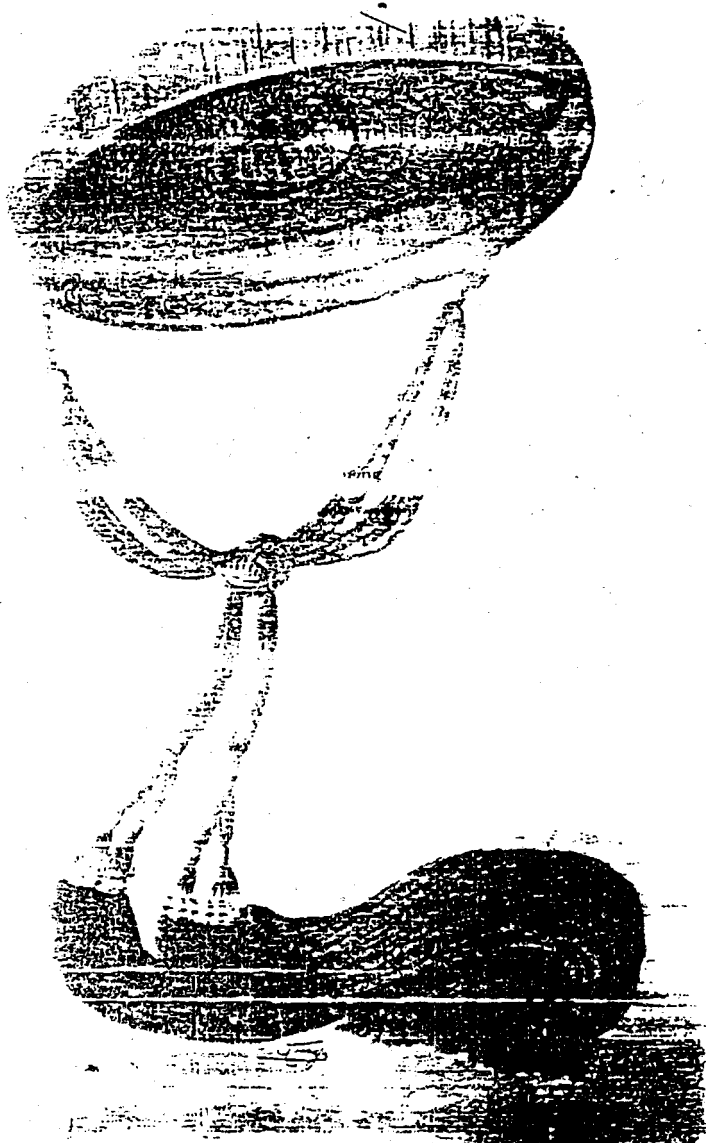
Phía trên của quai nón, mỗi phần có một cái móc gài bằng bạc được chạm trổ dùng để gắn vào 2 bên của nón. Bộ phận bằng bạc này gồm có một phần cổ định và một phần di động.

Bộ phận cố định có một lá mỏng kẹp nơi sườn của vành nón, đó là bộ thể nón (lá mỏng của nón) có cùng một chiều đứng với vành nón và có một cái khâu bạc.

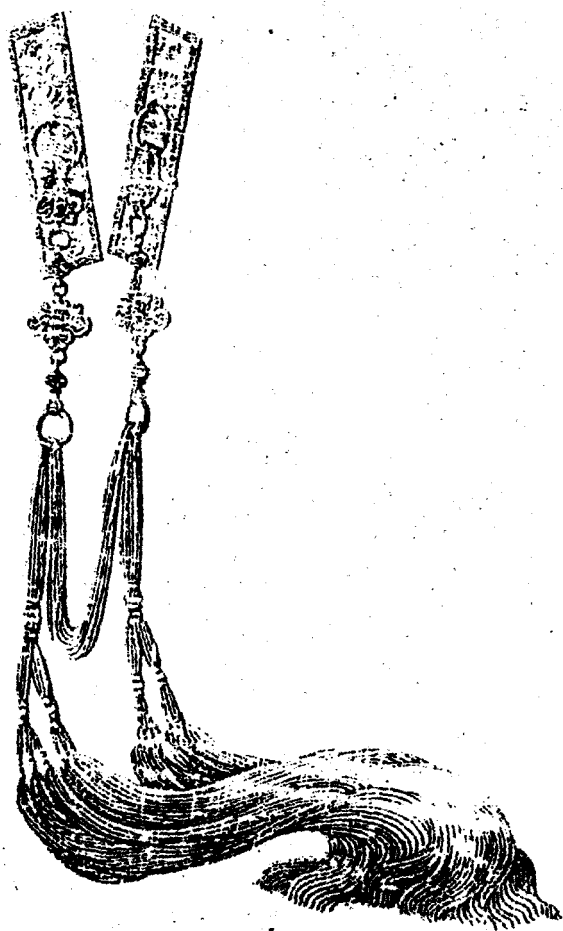
Bộ phận di động gồm có một cái khâu để xuyên quai nón, chạm tinh vi một con dơi giữa hai quả tròn bằng bạc, tất cả hình thành một dây chuyền và một cái móc hình mỏ vịt (bộ mỏ vịt) móc vào khâu của lá mỏng.

Những dây lụa dài 1m được thắt gút lại ở giữa và thả dài xuống khoảng 20 phân. Phần cuối là những tua gồm 50 sợi cũng bằng lụa đỏ dài 0m5, chiều dài quai nón, tất cả khoảng 1m30 do đó khi đội nón thượng những tua lòng thông xuống gần đến chân. Màu đỏ của sợi tơ được nổi lên bởi những sợi kim tuyến và của những sợi tơ nhiều màu. Những sợi tơ này được kết thành từng nhóm 20 sợi một rồi chúng lại kết thành một nhánh của quai nón. Nhìn tổng thể rất thanh nhã và có một sức hấp dẫn lớn về mặt trang trí...

Nếu nón thượng dùng cho phụ nữ đội thì nón gò găng là nón dùng cho nam giới đội. Được gọi là nón gò găng vì nó được sản xuất chủ yếu ở làng Gò Găng tỉnh Bình Định. Nó là loại nón chằm bằng lá nhỏ và sáng hình chóp nón, được giới phong lưu nam cũng như nữ



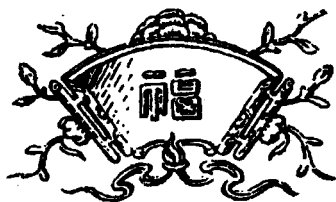
Nón thưng



Dải lụa nón thượng

ưa chuộng, hiện giờ nó đã thay thế cho nón thượng mà chúng ta vừa nói.

Ta nói thêm rằng kiểu trang phục cổ ấy hiện nay còn tồn tại trong 2 trường hợp: Trong đám cưới mà nghi lễ buộc người phụ nữ và cả cô dâu phải đội để trang trí trên đầu, và trường hợp thứ hai là trong ngày lễ cúng thần và yểm ma quỷ: Người ta chú ý thấy rằng hiện nay những đồ mã làm để cúng nữ thần có một chiếc nón bẹt.



BIA LĂNG TỰ ĐỨC

Dịch thuật:

E.DE LAMARRE, *Công sứ*

*Đức Hoàng Đế đã làm bài khắc trên bia này khi
lăng Khiêm Cung được hoàn thành, Tự Đức năm thứ 20.*

Trời màu xanh nhạt tuy vậy thường có gió mây, mưa, sương. Nhưng trời không có một hình thù để có thể sờ mó được, thôi cũng không cần nói đến trời nữa. Còn đất mà hình dáng đã được xác định có những thời kỳ nó bị đại biến. Mặt trời và mặt trăng có sáng đến đâu nhưng cũng có lúc ánh sáng của nó bị che lấp và tối. Không còn một hòn núi cao nào, một biển sâu nào, vàng thì rắn, đá thì cứng mà tránh được sự sụp đổ, lấp bùn đầy tiêu tan, tan rã.

Còn con người thì thế nào? sự ra đời của nó cũng như sự chết của nó là hai vấn đề lớn tuy nhiên còn rất chung nhất.

Ông Nhan mất sớm, ông Bành sống thật lâu, ông Di có đức hạnh, ông Chính vô đạo. Cuộc sống của họ có khác nhau nhưng khi chết thì họ đều như nhau. Cái mà không bị thối rữa là danh tiếng, mà cái bị thối rữa là cái xác. Có cần phải gấp rút chuẩn bị nghi trang cho đám tang không? mỗi khi chôn cất chẳng qua là gởi (cái thân) mình ở lại, để phân biệt với loài vật bằng một nghi lễ bày tỏ tình cảm đó mà thôi.

Tất cả những vua chúa, từ khi lên ngôi đã đóng một quan tài. Quan tài này hằng năm được phủ một lớp sơn lên trên: Có lẽ nào Trẫm lại được phép vượt qua một thói tục đã được các tiên đế lập ra! Người lực lượng còn biết lo những tai biến, người yếu đuối lẽ nào dám cậy mình! Huống hồ Trẫm sức khỏe thường không tốt. Vào lúc Trẫm sinh ra, mẹ của Trẫm đã ốm đau và Bà chỉ được phục hồi sau những tháng dài. Vú nuôi đã để (cho Trẫm) bần thiếu, và mặc dù mẹ Trẫm có cần dặn nhưng Vú nuôi chẳng để cho Trẫm được sạch sẽ hơn. Mẹ Trẫm lo rằng cái đó làm (cho Trẫm) bị đần độn. Bởi vậy khi lên 3 Trẫm được cai sữa và từ đó thân mẫu Trẫm bế Trẫm trong tay Bà và chăm sóc lấy. Trẫm thường hay bị ốm đau và có một lần suýt thiệt mạng, sáng và tối Bà bế Trẫm trên tay, sự vất vả khó nhọc của Bà to lớn biết bao!

Khi Trẫm biết nói và đi được, Trẫm lấy một cục than vạch lên tường một chữ, mọi người lấy làm lạ, đòi Trẫm giải thích chữ đó. Trẫm trả lời rằng đã viết chữ "*Trạng*" bởi vì Trạng nguyên là người đỗ đầu Tiến sĩ, sự việc này do thân mẫu Trẫm kể lại.

Khi đến tuổi đi học, thân mẫu Trẫm đưa Trẫm đến học ở nhà phụ đạo của các Hoàng tử. Từ lúc sơ học, Trẫm đã làm được câu đối, trong khi chưa biết luật làm thơ.

Thân phụ Trẫm tuy có nghiêm khắc nhưng đầy lòng tốt, từ buổi thơ ấu đến thành niên, chỉ có một lần Trẫm bị phạm lỗi. Ông đánh Trẫm vài roi mây và như thế cũng đã làm cho Trẫm sợ. Ông nhận thấy rằng không nên cho Trẫm học nhiều bài quá vì nếu ông đã cho Trẫm những bài học nào thì Trẫm đem hết sức mình ra để học cho thuộc lòng, tránh bị quở trách. Có một lần sau khi đọc một trong những bài làm (văn của Trẫm) ông vui vẻ cười mỉm. Một hôm khác để đùa, ông truyền cho các Hoàng tử: "*Các con hãy tìm cho cha 2 chữ phản nghĩa với tên của mỗi con*". Không suy nghĩ chín chắn

Trầm liền hấp tấp trả lời rằng theo nghĩa trong sách, mà Trầm đã học thì tên Trầm là Hường có nghĩa là quan trọng (vĩ đại) và Nhậm có nghĩa là mang, gánh.

Một nụ cười thoáng trên môi, thân phụ Trầm nói: mang một gánh quan trọng, mang cái gì? Củi à?

Hoàng hậu thân mẫu Trầm, tốt bụng nhưng nghiêm túc. Hằng ngày Bà dạy cho Trầm học phép lịch sự để làm quen với lễ phép và nghi lễ và Bà không bao giờ cho phép Trầm được ranh ma, tinh nghịch.

Sáng nào Trầm cũng đi học đến trưa mới về. Nhận thấy chỗ ở của Trầm lộn xộn cầu thả, Bà quở trách về sự thiếu sót ấy, một bài mà Trầm không học thuộc thì Bà bắt Trầm ngồi xuống học cho kỹ thuộc mới thôi, không cho Trầm được động tay đến đồ chơi để bên cạnh. Nhờ may mắn là con dòng nên Trầm có thiên tư khá. Cũng nhờ đó mà Trầm đi đến chỗ học thuộc lòng trong nửa ngày cả một quyển sách thường dùng cho trẻ con.

Sự lo sợ xuất phát từ nền giáo dục nghiêm khắc làm cho Trầm ít bị đòn, ít bị quở trách. Nhưng mỗi lần Trầm bị đòn thì sau đó Bà luôn luôn khóc.

Phụ thân trầm dặt Trầm theo ông trong các cuộc du ngoạn, ông lại cho Trầm được ngồi với ông trong vườn Thượng Mậu vừa mới xây dựng xong.

Thế theo phép tắc của Hoàng triều, ông phải xem và phán xét về bản báo cáo những hình phạt đệ trình trong những phiên xử án mùa thu. Ông không muốn giao cho ai làm, ông tự chuẩn bị lấy mặc dù đêm đã khuya, ông đọc lên cho Trầm viết.

Năm vừa kết thúc khi thân phụ Trầm nhận biểu tượng Hoàng đế giữa tình cảm mang Quốc tang. Ông không có thì giờ để gọi vợ con

đến gần kể cả những người con khác, riêng một mình Trầm được lệnh truyền đầu tiên để phụng sự cho ông ở tòa nhà Hoàng Phước Diệu.

Năm sau, tuân theo lệnh của Hoàng đế (thần phụ Trầm) Trầm được nhận một cái nhà ở riêng, tòa nhà này sau đặt tên là Thiên Khánh Đường, mục đích để tạo điều kiện cho Trầm được dễ dàng trong học tập.

Năm sau là lễ long trọng đăng ngôi vua. Ông giao cho Trầm nhiệm vụ cai trị Kinh thành. Sau đó Trầm được tham gia Bộ tham mưu của vua cha. Khi ông du ngoạn Bắc Kỳ, cả đi lẫn về và sáng lần chiều, Trầm đều ở bên cạnh ông.

Năm sau ông phong Trầm tước Công và cho ở riêng. Trầm lấy vợ. Đây là thời kỳ Trầm đầy hăng hái trong học tập. Mặc dù đã có vợ, thường lệ Trầm được thân phụ triệu đến cung điện để nhận mệnh lệnh, ông đã ban cho Trầm nhiều đặc ân lớn. Có khi, Trầm chỉ được phép ra về lúc đã khuya theo lệnh truyền của ông hay nếu ông có thảo một chỉ dụ gì có một tầm quan trọng về văn học, ông cũng giao cho Trầm xem lại và cũng theo mệnh lệnh của ông, Trầm thường cố gắng viết văn và làm thơ. Nhiều lần ông lưu Trầm lại trong các buổi ngự thiện và cho phép Trầm được ban nhiều đặc ân ngôi dự. Trầm dùng ăn để bình một bài văn, ông truyền cho cung nữ mang đến đồ văn phòng cần dùng cho Trầm.

Trầm được ban nhiều ân huệ tốt bậc - Bài văn làm xong, ông trao cho Trầm một chén ngọc, cho phép Trầm được dùng những đĩa thức ăn: *"Hãy ăn đi! Con ăn những thức ăn đó cũng như con được thụ hưởng cái dư thừa của những sáng tác hay của cha."*

Trong những lúc khác, khi dâng lễ rượu có kèm ca vũ, theo nhịp múa và hát, ông truyền cho Trầm ứng khẩu những bài thơ và Trầm

đã làm một cách thanh thoát. Trầm được thưởng đồ trang sức, nhẫn và các thứ lặt vặt. Ông truyền rằng: *"Những thứ ấy không quý lắm: ta muốn ban cho con lời dạy này thay cho tặng phẩm hay"* con phải là niềm tự hào của người đã sinh ra con" và *luôn luôn phải nghĩ đến điều đó*". Trầm ghi nhận một cách thành kính những lời dạy ấy, và ghi tạc nó vào lòng. Trầm mới bắt đầu học Tú Thư mà Trầm không hiểu sâu lắm, Trầm cố gắng luyện tập làm thơ và thường là không thành công. Những người anh em của Trầm lớn hơn hoặc nhỏ thua hoặc lười biếng hoặc còn rất trẻ, học thức của Trầm đều hơn chúng. Do đó Trầm trả lời đúng và nhanh chóng câu hỏi về văn học làm cho ông càng yêu mến Trầm một cách đặc biệt. Đó là sự thể hiện lòng tốt của ông, chứ thực ra trang bị học vấn của Trầm đang còn ít. Lúc còn là Hoàng tôn (cháu nội của vua) và sau này là Hoàng tử (con của vua) Trầm không hề có thầy dạy giỏi. Thêm nữa họ chỉ là những người học thức nào đó với tuổi tác nào đó mà thôi và nếu đột xuất họ bị hỏi một câu gì thì họ cũng bị lúng túng như ai.

Nhận thấy Trầm có trí thông minh sớm, ông (vua Thiệu Trị) tiên đoán rằng Trầm sẽ tránh được tai họa và ông để cho Trầm được yên tĩnh trong học tập. Trầm lấy làm tiếc không có đủ sách để học cho thấu đáo. Trầm không cho rằng việc học là một trò đùa. Trầm thích tập cưỡi ngựa. Chắc chắn là do có sự hăng say của tuổi trẻ mà có sự ưa thích ấy.

Sau này Trầm có nhiều tiến bộ trong học tập mà không hiểu vì sao.

Trầm không nhớ hết các lời khen ngợi mà Phụ vương đã ban cho Trầm trong nhiều trường hợp khác nữa. Trong khi tập bắn, Trầm đã bắn trúng mục tiêu Ngài chỉ. Trước mặt các em Trầm và các quan chúc phúc vụ, Ngài bảo: *"Con có thể tha hồ dùng các mũi tên cho thỏa thích vì các đồ vật và dụng cụ ấy sẽ để cho ai sau này? Một trí*

tuệ sáng suốt có thể tạo một ý hướng cao lớn". Một hôm tôi đứng cạnh Ngài, trong khi tập bắn tại Cẩm Viên, lúc đó có cả Hoàng hậu, vương mẫu của Trẫm, Trẫm đã phóng 4 mũi tên và chỉ còn một chiếc trong tay. Ngài bảo: *"Với mũi tên cố gắng đạt mục tiêu để làm vui lòng Mẫu hậu"*. Vừa xong, Trẫm giương cung và mũi tên trúng hồng tâm.

Tư tưởng cao xa của Ngài rất sáng suốt. Ngài không phải là những tâm hồn thất thường mà kẻ khác không dò ra được. Nhưng Trẫm cũng thờ ơ và không quan tâm đến những lời nói của những kẻ ganh ghét. Có nhiều người khuyên Trẫm nên đến Nội Các để cho biết những việc trị vì, Trẫm chỉ trả lời việc ấy là của anh Trẫm. Hơn nữa, bản chất Trẫm là ít bộc lộ và quá rụt rè. Ngoài những người quen biết và rất thân thiết, Trẫm ít chuyện trò với các Hoàng tử và các quan chức mà tình cờ Trẫm gặp ở triều đình: người ta bảo Trẫm có tính đàn bà. Do đó họ ít quan hệ với Trẫm, nhưng Trẫm cũng chỉ muốn mình giữ được cái tư thế khiêm tốn ấy.

Do thể chất mảnh khảnh, yếu đuối trong cái tuổi thanh xuân mặc dầu là vô tư, Trẫm cảm thấy rất rõ sự thiếu một thái tử khả dĩ phù hợp với lòng mong ước của song thân Trẫm, Trẫm lấy làm thẹn thùng. Mặc dù có ý nghĩ ấy, Trẫm cũng chẳng quan tâm đến luôn làm gì. Khi đến tuổi sắp đội mũ thành nhân, thì vào tháng thứ sáu, Trẫm bị bệnh đậu mùa tưởng chừng nguy kịch đến tính mạng, và đến tháng thứ 8 mới bình phục được là nhờ sự điều trị của các ngự y và nhờ cầu nguyện thường ngày của thân phụ và thân mẫu; thời kỳ điều dưỡng chưa hết, các vảy đậu chưa lột hết nhưng do nóng lòng đến thăm song thân, nên mặc dù tình trạng sức khỏe của Trẫm rất yếu Trẫm vẫn phải cố gắng đi đến bên các Người để tỏ lòng biết ơn. Trẫm bước lão đảo và quỳ xuống. Phụ vương miễn cho Trẫm lạy tạ và tặng cho Trẫm cuốn sách *"Chí Thiện Đường tập hội"* (tập sách chỉ

đạo con đường thiện) và nói rằng: "*Hướng về đạo đức trị vì đất nước, tất cả đều có trong cuốn sách này, con hãy đọc để áp dụng*". Ngài còn cho Trẫm được phép vào cung để thăm thân mẫu. Mẫu hậu vỗ về Trẫm và Trẫm thì nước mắt giàn giụa.

Trong lúc rảnh rỗi, Phụ vương bảo Trẫm đọc một ca khúc mà Ngài viết dựa vào "*Khánh vân ca*" (Bài ca viết về các đám mây lành) của Ngưu Thuấn. Trẫm đóng góp được vào với Ngài những vần điệu thích hợp và hay ho, và được Ngài ban cho những tặng phẩm. Trong dịp này Ngài đã quở các quan chức Nội Các không cung cấp được cho Ngài các văn hay.

Ít năm sau khi lên ngôi, Phụ vương ốm. Trong thời gian lâm bệnh, vào hạ tuần tháng 8 đến hạ tuần tháng 9, Trẫm và các anh em Trẫm cùng các quan chức luôn ở cạnh giường Ngài, trong phạm vi của nơi dành riêng để chăm sóc và để thăm dò tin tức. Đây là mùa lũ lụt và mưa gió. Mặc dầu sức khỏe chưa được hồi phục nhưng Trẫm vượt qua rét và mưa luôn luôn khăn áo chẳng dám cởi đi, Trẫm đã quên ngủ, quên ăn. Đến khi kiệt sức Trẫm tựa cột để chợp mắt. Khi Phụ vương cho gọi Trẫm, Trẫm giật mình và theo ngay người Thị vệ. Đây là bốn phận đương nhiên của Trẫm. Trẫm luôn lưu tâm về tình trạng của Ngài và hy vọng hôm nay hay hôm khác, Trẫm sẽ vui mừng trông thấy Ngài bình phục và thụ lãnh được những lời giáo huấn của Ngài. Chẳng may trời không khoan dung Ngài. Ngài đã để lại cho Trẫm sự kế vị với một gánh nặng quá sức đối với bản thân Trẫm yếu đuối và chưa có kinh nghiệm.

Than ôi! biết bao đau khổ. Than ôi! biết bao đau khổ! đang còn quá trẻ để bắt Trẫm nhận lãnh trách nhiệm của quốc gia, Trẫm chưa hiểu rõ những tục lệ cổ truyền (triều đại chúng ta) cũng như lòng người. Ôi! thiếu kinh nghiệm! bao nhọc nhằn. Suy nghĩ sâu, Trẫm sợ không vươn lên được ngang tầm với trọng trách.

Và tiếp đó là cái chết của chị cả Trầm, công chúa "*Điều Phước trưởng công chúa*" làm cho Hoàng hậu, Vương mẫu Trầm càng thêm đau khổ. Trầm phải tìm đủ mọi cách an ủi Đức Bà. Hơn nữa, các anh em Trầm đều gặp những tai biến khác làm cho Trầm càng tiêu tụy hơn. Đồng thời bệnh của Trầm tái phát và tai họa sẵn sàng ập đến. May nhờ đức độ của Tổ phụ và Phụ vương mà mọi người hằng kính mến, nhờ cách sắp đặt khôn khéo của Hoàng hậu Vương mẫu trong cung thất, nhờ các quan Đại thần cũ đã chỉnh đốn việc tại triều đình cũng như các tỉnh nên Trầm mới theo kịp các tập tục cổ truyền của các Tiên đế để lại, theo kịp dấu bước các Ngài trong 10 năm mà không phạm sai lầm lớn.

Tuy nhiên Trầm vẫn chưa thấm nhuần hết được tấm lòng thương con cái của Phụ thân Trầm (vua Thiệu Trị). Ngoài ý muốn của Trầm phải để cho triều đình, vì lợi ích quốc gia và vì lợi ích cho ngài vàng, đi đến chỗ làm nên bản án đối với người anh cả của Trầm. Trầm rất đau đớn khi nghĩ về bài ca có câu "*chia cơm xẻ áo*" (ám chỉ tình huynh đệ mà người ấy đã quên). Ngoài Mạnh Tử thì không ai xét được lỗi của Châu Công? Chao ôi! Trầm đã có hay không có ý định? Trầm đã bị hay không bị có kẻ hiền thần dũa nhing bên cạnh đánh lừa? Dẫu sao đi nữa, lẽ nào Trầm đã có thể đành lòng (nếu không phải do nguyên có trọng đại) cắt lìa chân tay của Trầm ra được!

Hiện nay vẫn khó nói hết cho được! Một trăm thế kỷ lịch sử vẫn còn đó. Trầm đã không có hậu ý gì. Nếu có kẻ bỗng nghĩ rằng về sau này Trầm chẳng nghĩ đến những đứa con mồ côi - Và thật tình dẫu Trầm có nghĩ đến cũng không thể làm gì được, bởi rất dễ hiểu vì lý do chính trị - thì người ấy tất sẽ kết luận gì cho Trầm về sự biền minh của Trầm trước ba quân thiên hạ.

Cuối cùng những kẻ cướp đại lộ cũng như bọn xấu có một thời kỳ phá rối trật tự nhưng chẳng có kết quả gì thì đó là nhờ sự cố gắng của tất cả chứ không phải nhờ công lao của riêng Trầm.

Đến lúc này, tâm hồn dao động của Trầm vẫn chưa trở lại bình thường mà sức khỏe yếu kém này chỉ tàn tạ thêm. Khổ sở cực độ, khi Trầm còn phải trải qua những cơn đau khủng khiếp dường đưa Trầm gần đến cái chết, Trầm đã chết đi sống lại. Trầm đã bị choáng váng, mắt kém đi, chân khăng khèo, dạ dày đau. Tất cả các bệnh tình ấy đều làm cho Trầm lơ là các lễ nghi cúng tế, làm cho Trầm không chủ trì được tốt công việc của đất nước. Đó là những lý do làm cho Trầm bị chỉ trích.

Cuối cùng, Trầm phải nghĩ rằng, một mai nào đó, Trầm sẽ trút hơi thở cuối cùng, có thể được chôn mà không xấu hổ nếu là không biết khôn khéo và lo xa bằng một con cáo? Cũng vì các suy nghĩ như vậy mà Trầm chỉ thị cho các quan chức phòng Khâm Thiên Giám (đài Thiên văn) tìm một chỗ đất (đặt hài cốt) là đám đất trống ở làng Dương Xuân Thượng đã được chọn. Triều đình đến xem xét lại vị trí và cho là được (Trầm đã làm vậy) là chiều theo tục lệ của khoa Thần bí. Đối với Trầm, Trầm chẳng che đây là một đại sự?

Người ta còn bảo năm sau là Giáp Tý và tháng này là Bính Tý, thời tiết rất thuận lợi để khởi công vào tháng 11 (tháng 12 năm 1864) Trầm đã nghe lời khuyên ấy và bắt đầu công trình.

Cho nên, tất cả quan quân được điều động đó đã thi công rầm rộ. Tùy thuộc vào điểm cao, thấp của địa hình, người ta đo đạc và tiến hành các công việc bồi đắp hay nạo vét. Các tảng đá được phá bằng mìn, bụi rậm được phát quang. Các lũy thành, các hào rãnh, các cung điện, các dinh thự nhà cửa, đường có mái che, các hồ nước, các ốc đảo đã xuất hiện dần dần.

Trung tâm của khu vực dành riêng cho nơi an nghỉ vĩnh viễn của Trầm, theo hướng "*Giáp*" và xây lưng tựa "*Canh*". Trên chỗ ấy, người ta không xây mộ, chỉ xây trên mặt đất bằng phẳng một vòng tường để sau này sẽ dựng ngôi mộ như Bá Lăng. Tất cả các đồi chạy

đến lăng tẩm của Trẫm đều được đặt tên là: Dẫn Khiêm, Lao Khiêm, Đạo Khiêm, Long Khiêm, Cư Khiêm, Lý Khiêm. Đồi bên phải có bao quanh bằng lũy thành có thông cửa lớn gọi là Khiêm Cung Môn. Điện phía trước để thờ cúng sau này lấy tên Hòa Khiêm Điện làm chỗ nghỉ chân. Điện phía đông gọi là Minh Khiêm Đường là nơi có phòng múa hát. Điện phía tây gọi là Ôn Khiêm Đường, chỗ đặt các huy hiệu và các đồng phục vương triều.

Phía trong cũng như phía ngoài cổng có 4 nhà nhỏ là Công Khiêm, Cung Khiêm, Lễ Khiêm và Pháp Khiêm là nơi nghỉ của các quan chức phục dịch.

Sau hai điện có 4 nhà gọi là Tùng Khiêm, Dụng Khiêm, Y Khiêm, và Trí Khiêm là nơi khuê phòng của các Cung tần. Sau hậu điện, người ta có xây thêm một điện nữa gọi là Ích Khiêm để có thể ngắm cảnh bên kia được.

Trước cổng trước, có một cửa nhà ngang có tên là Chí Khiêm hơi chật nhưng cũng đủ để thờ cúng các cung tần quá vãng. Một hồ nhỏ gọi Tiểu Khiêm hình bán nguyệt nằm ở vùng giữa, có nhiều hay ít nước khi cạn khô nhưng là chỗ để chứa nước mưa rất tốt. Cái hồ đó xây theo khoa Thần bí.

Cái hồ lớn gọi là Lưu Khiêm Hồ chạy dài từ phải sang trái, có những vòng quanh co, rất sâu và trong vắt, mùa hạ không cạn và mùa thu cũng không tràn vì nó ăn sâu dưới ruộng. Có một đập để chứa nước, hay cho nước chảy ra. Công trình hồ ấy chưa hoàn thành nhưng có rất nhiều cá mà không cần phải đem vào để nuôi, vì lẽ đó là nơi thuận lợi nên chúng bơi đến. Từ trên tảng đá của phần thượng lưu hồ, hòn đá không nứt nẻ mà nước vẫn phun ra trong suốt và róc rách chảy suốt ngày đêm vào hồ. Trẫm cho làm cái lầu Thủy Tạ dùng làm chỗ để neo hai chiếc tàu nhỏ Thuận Khiêm và Ôn Khiêm.

Dưới ánh trăng chúng tôi đi trên hồ để hái hoa sen và ca những bài để thưởng thức cái đẹp (của khung cảnh) làm dịu bớt những ham muốn vật chất. Hồ đầy sen, cạnh hồ chúng tôi xây hai nhà. Một cái lầu một tầng, cao và thoáng mát gọi là Xung Khiêm, cái kia hai tầng gọi là Dũ Khiêm có hơi thấp và chật nhưng rất thuận lợi cho ai muốn câu cá vào lúc gió nồm ban trưa hay ban đêm dưới trăng. Với các nguyên liệu tiết kiệm, Trầm cho xây một đảo lớn và xây ở trên ba đỉnh mà Trầm đặt tên Nhã Khiêm, Tiêu Khiêm và Lạc Khiêm. Trầm đã truyền bắt chước dựng đèo, nương, rừng để nuôi gia cầm, các con thú Công, Thỏ, Trĩ đều đến trú ngụ ở đó. Trên hồ, Trầm cho xây 3 cầu gọi là Tuấn Khiêm, Tiên Khiêm và Do Khiêm để nối liền đảo với đất.

Dưới chân núi bên trái có một nhà gọi là Thể Khiêm Đình, và một bãi bắn. Trên sườn núi có một chùa gọi là Cháp Khiêm Trai nối liền với điện bằng một hàng lang có mái. Trên đỉnh núi nổi lên một điện Di Khiêm có thể nhìn đến tận chân trời.

Điện có lũy thành bao quanh theo địa hình, các lũy thành ấy là tác phẩm nhân tạo không có thể hơn được của thiên nhiên. Cái núi ấy nối đuôi nhau hình thành các dãy tường và bình phong.

Ba cổng bên ngoài tên gọi là Vực Khiêm, Từ Khiêm và Thương Khiêm. Cái cổng trong có đến 6 cái gọi là Tài Khiêm, Nhu Khiêm, Vị Khiêm, Năng Khiêm, Mục Khiêm và Liêm Khiêm.

Tùy theo cảnh vật từng nơi, khi thì người ta làm vườn rau, giàn kiệu, khi thì người ta làm hồ cho cá, rừng cho nai.

Mặc dầu đất sỏi nhưng các cây cối um tùm và tha hồ thức ăn cho thú. Tất cả là do chất đất.

Trầm đã gọi công trình xây cất là Khiêm Cung và sau này được gọi là Khiêm Lăng, Trầm còn ra lệnh cho xây đền để cúng một thần

đã có tên trong số những vị do Nhà nước thờ cúng. Vị thần đó được gọi là Khiêm Sơn và sẽ được phong sắc.

Những tên mà Trẫm đặt không phải là những từ vô ích vì nó luôn chứa đựng một ý nghĩa vì sao? Do Trẫm muốn khiêm tốn và khiêm nhường nên tất cả các sự vật (núi, điện, lâu đài) đều được gọi là khiêm nhường và khiêm tốn? Những sự vật này có thể phạm một lỗi lầm nào đó chăng? Nó có chăng một ý thức trong sáng để biện minh cho cái định tính đó là đúng hay không? Có thể nào tất cả đều có cái tên ấy để gọi, phải chăng cái tính khiêm tốn ở nơi Trẫm thực sự là có?

Khiêm tốn là cung kính và khiêm nhường đưa Trẫm đến chỗ mình làm cho mình bé nhỏ đầu cho ở vào hoàn cảnh nào đi nữa. Trẫm đã chịu đựng những xúc phạm và Trẫm tự cho mình là có làm điều lỗi: còn có khiêm tốn nào hơn thế được chăng? Trẫm có tài gì, đức gì để làm sao mà không khiêm tốn! Trẫm ưa thói đơn giản. Dầu ở dưới mái nhà vàng (cung điện nhà vua) mà lòng Trẫm là lòng của kẻ mặc đồ gai bố. Ở trong cái lộng lẫy của y phục lễ nghi mà không phải là xán lạn, Trẫm vẫn âm thầm. Đó là ý nghĩa của khiêm tốn.

Hơn nữa vào ngày xây dựng cung điện này, sét đánh ở Hòa Khiêm. Các phần tử nổi loạn đã phỉnh nhiều người để kéo họ vào tận trong Hoàng cung.

Sự tức giận của Trời và các phản nghịch của con người đã đổ xuống Trẫm bất thành linh. Như thế thì làm sao mà Trẫm không khiêm tốn hơn nữa?

Trong lương tâm Trẫm, từ đầu đến cuối Trẫm luôn luôn có một sự cảnh giác với mình, Trẫm đã cố gắng hết sức với hy vọng có thể hàn gắn một phần những đau khổ đã gặp phải, phải chăng đó là khiêm tốn?

Đó là lý do làm cho Trầm đặt tên khiêm tốn với tất cả những gì đến gần với Trầm và để mỗi lần khi bị động tâm thì nhìn vào đó mà tự phê bình, sửa chữa.

Trầm không như (một nhân vật đời xưa khi gặp cái mới chắc chắn đã đặt cho nó cái tên mới ngớ ngẩn) nhưng thật ra nó có ngớ ngẩn đâu, tại sao làm mất thân danh của nó?

Do đó mà không cần tìm xem ở đây các vật vô tri có tự nguyện chấp nhận hay không cái tên đặt cho nó.

Khi đặt ra cái tên Khiêm này, Trầm tin tưởng rằng dầu xét theo ý nghĩa nào, thì Trầm không phải là tiêu đề đặc biệt của một cái lấy bớt, hay thêm vào, của một cái hao danh, hay được tiếng.

Trầm phải xây dựng trước cái nơi ở tương lai vĩnh viễn ở chỗ này, là vì theo qui tắc pháp luật và lễ thói truyền thống sau khi Trầm băng hà thì người ta sẽ phải xây dựng một Huyền cung hay một cảnh Chùa để cúng thờ riêng biệt. Nếu như Trầm không làm như vậy thì Trầm sợ kẻ bầy tôi và các Hoàng tử vì chấp hành quá nghiêm khắc các luật lệ hiện hành sẽ xây cất ở những vùng xa xôi những công trình đòi hỏi nhiều công sức. Cho nên, hành động như vậy Trầm nhằm mục đích là tiết kiệm và thuận lợi. Hơn nữa, so với các lăng tẩm của các vua chúa khác, vị trí này rất gần Kinh đô và các đồi cũng không cao. Nước trong sạch, không có bụi bờ rậm rạp và không có đồi cao, đó chỉ là địa hình bằng phẳng có thể xây dựng dễ dàng. Mặc dầu số lượng các đền đài được xây cất ở đây là nhiều nhưng chỉ có những đền Hòa Khiêm, Lương Khiêm và Di Khiêm là tân tạo còn tất cả các nhà khác đều lấy vật liệu của các nhà cũ phá đi để xây cất. Tất cả các nhà đều hoàn tất trong ba năm và chi phí hết 1 triệu quan vừa để trả giá cho công trình vừa để khen thưởng cho người giỏi. Ôi tốn kém và vất vả biết bao cho công trình đất giá này, Trầm nghĩ đến

mà buồn. Trẫm nhớ đến lời của Thành Tử Cao nói, nhà hiền triết đã khinh bỉ các vua chúa làm kiệt sức người dân.

Các công trình làm xong, Trẫm đưa Hoàng Thái hậu và tổ chức lễ hội, tiệc tùng có cả vũ khúc và hát bộ. Lễ khánh thành và vui chơi có tất cả các quan chức triều đình tham dự là do ý muốn của triều thần chứ không phải là của Trẫm, cũng không phải do động lực hay do lòng ham thích vui chơi của Trẫm mà các lễ lượt được tổ chức như thế! Nhưng bắt chước theo người xưa Tư Không, Biếu Thành, Trẫm chỉ muốn đến đó làm thơ, ngâm thơ và uống rượu, chứ không phải Trẫm dùng chỗ đó để làm nơi hội họp và nghỉ ngơi. Từ đó, Trẫm tận dụng những lúc ngự giá vào dịp lễ Thanh Minh đến khi trở về thì nghỉ lại tại đó để giải trí, hái quả ngon, tìm cá tươi và thú béo dâng lên Hoàng Thái hậu để Ngài được thỏa lòng. Những lúc mệt mỏi trong mùa hè nóng nực ngột ngạt, Trẫm tìm đến nơi ấy để an dưỡng và thưởng thức không khí mát mẻ. Nhưng Trẫm cũng không có thì giờ rảnh rỗi nên chỉ đến được 2, 3 lần trong năm. Và khi nào Trẫm không đi dự được lễ tế Nam Giao, thì bắt chước theo vua thời Lê cùng Thượng Đế ở trong một lều tranh, Trẫm chào đón Trời ở tại Khiêm Cung để tỏ lòng cung kính.

Khi đứng một chỗ ở Khiêm Cung, trông ra bốn mặt quang cảnh thì sẽ thấy trước mặt là đàn Nam Giao và sau là chùa Linh Mục. Vị trí đó nói lên ý nghĩ của Trẫm là hướng theo tư tưởng nào. Sau khi Trẫm qua đời, Trẫm có thể thờ cúng vĩnh viễn trời tại đây để đền bù vào những gì mà trong đời Trẫm chưa hoàn thành đối với Thượng Đế.

Bên phải của Khiêm Cung là Tẩm Xương lăng của Thiệu Trị và bên trái, đền Khổng Tử. Trẫm sẽ hài lòng vì được dịp biểu lộ lòng hiếu thảo đối với Phụ vương, lòng thành kính đức Khổng Tử. Khi Trẫm qua đời, linh hồn Trẫm tìm được chỗ ẩn náu bên cạnh lăng này (của Phụ vương Trẫm) và đền (của Khổng Tử) và sẽ hoàn tất các lễ nghi (đối với các vong linh mà Trẫm thờ cúng).

Ở bốn góc của Khiêm Cung có vô số mồ mả mới cũng như cũ, và trong số các bạn cũ của Trầm, Trầm đã đếm hết một nửa đã qua thế giới bên kia ghi trong sổ Thiên Tào. Trầm không hiểu các ngôi mộ đó chôn vùi hài cốt của những quý phái cao sang hay của kẻ cùng căn mạt kiếp. Cho nên một nỗi buồn miên man xâm chiếm lòng Trầm khi nhìn các ngôi mộ ấy và chạnh nghĩ đến cuộc đời của con người. Như thế thì bỏ bao công sức để làm gì bằng con đường của kẻ tham lam và ích kỷ?

Nếu như vậy (khi nghĩ đến vua Cao Tổ của nhà Hán) thì thay đổi Kinh đô (của nước Quan Trung) cho giống như nước Phong (mà ông là người Chánh quán) để mà làm gì?

Đối với Trầm, Trầm chỉ than phiền về học tập chưa đầy đủ và các chương trình chưa thực hiện tốt được. Danh tiếng được người đời dành cho không xứng đáng so với những lỗi lầm thực sự. Bản thân Trầm quá yếu đuối nên không thể hoàn thành những công trình vĩ đại. Cho nên đất nước bị xâm chiếm mà không có cách giành lại, và những biên giới xa xôi của vương quốc chúng ta đang bị quân thù quấy rầy.

Nay vẫn chưa có Thái tử, Trầm chưa biết rồi đây giao phó nhiệm vụ cho ai để gánh vác việc nước và để hoàn tất các chương trình của Trầm. Nhờ bản tính thiên nhiên mà trời phú cho và nhờ giữ được bản tính đó, cho nên đứng trước bao nhiêu việc hận thù và căm phẫn liên quan đến Trầm, mặc dầu đôi khi Trầm có lý do giận dữ và căm giận, Trầm vẫn giữ được bình tĩnh và độ lượng, không buông xuôi theo những việc làm gấp gáp hay chớ.

Vì vậy trong thời gian trị vì nhiều năm ở cương vị tối cao, Trầm chưa bao giờ tự ý xử tử cho bất kỳ một ai. Nỗi buồn và niềm vui của Trầm, Trầm không tự ý để lộ ra ngoài.

Nỗi buồn day dứt nhất mà Trầm phải chịu đựng là khi chăm sóc Phụ vương đau ốm. Khi Ngài hấp hối tất cả mọi người xung quanh đã ra ngoài chỉ còn một mình Trầm ngồi lại bên cạnh giường làm những việc săn sóc cuối cùng và than khóc. Ngài tỉnh lại một lúc, Trầm lại có dịp nói chuyện và ngồi cạnh Ngài.

Ngày lễ an táng, được các quan triều đình và các Hoàng tử họ giá, Trầm đi theo linh cữu cho đến huyệt. Cuồng đau, Trầm chỉ biết nức nở trước Huyền cung và ngất đi ngay cả lúc các quan viên bẩm báo trở lui, Đông các Võ Xuân Cẩn phải cầm tay Trầm và mời đi ra. Lúc đó là lúc đau đớn không tả xiết trong đời người. Có lúc đọc một cuốn sách có đoạn nói về sự trung thành của kẻ bầy tôi đối với vua và lòng hiếu thảo của con đối với cha mẹ, Trầm nức nở khóc và không đọc tiếp được nữa.

Trong cách thể hiện tình cảm, Trầm rất khác với mọi người, có những lúc làm cho người ta buồn phiền nhiều, thì Trầm lại ít hoặc trong khi kẻ khác quá vui thì Trầm lại chẳng vui tí nào.

Trầm luôn muốn học hỏi nhưng do không có thì giờ. Vì vậy không thể nhớ kỹ (do phải đọc chuyên cần) tất cả các câu tinh túy trí tuệ mà Trầm đã lướt qua nên Trầm đã không có hy vọng trở thành uyên bác. Nhưng khi đã hiểu sâu một đoạn nào là Trầm phải lợi dụng ngay.

Trong các câu thơ hay bài thơ mà Trầm đã viết thì chữ viết theo tư duy của Trầm và không văn vẻ. Cho nên cựu Cần chánh Trương Đăng Quế có nhận xét là trong văn chương của Trầm, Trầm rất tự nhiên. Nếu phát biểu thế thì mới chỉ hiểu Trầm được một phần, nhưng dầu sao ông ấy là người đã thấu hiểu cuộc đời của Trầm nhiều hơn ai hết. Cho nên ông là vị bạn cố tri không quên được.

Khi bàn đến tính tốt và tật xấu của một số vua của các triều đại xưa, Trẫm nhận thấy về mặt công trạng thì chúa Văn đời Hán cao hơn vua Thái Tổ đời Đường, trái lại về mặt đạo đức thì vị thứ hai cao hơn vị trước. Nhưng công trạng và đạo đức thì cũng do trời phú cho, mà không phải là kết quả của công sức con người. Ở đây không phải chúng ta không tỏ lòng kính trọng đối với vua Thái Tổ đời Đường, nhưng dầu sao chúng ta hằng mong noi theo gương của vua Văn đời Hán, cho nên trong mọi công việc Trẫm đã hành động với lòng chân thật và chăm lo giữ gìn muôn dân để củng cố vương quốc.

Sáng, chiều, Trẫm dành hết thì giờ để xem xét và phê duyệt mọi công việc.

Đối với âm nhạc, hát tuồng, hoan lạc, săn bắn, các vật quý Trẫm đã không đua đòi nhưng có lúc cũng vui chơi là cốt để giải trí. Trẫm không bao giờ dám làm gì để có thể hại đến muôn dân và thương tổn đến giường máy Nhà nước.

Trẫm chưa bắt buộc được vua Văn, nghĩ rằng đức độ còn ít ỏi nên không thể thay đổi các phong tục, vì tài năng sơ sài nên không thể nắn nót tâm hồn của mọi người, vì kiến thức còn non nớt nên không thể thực hiện các điều dự tính; và tóm lại thì về con người Trẫm quá yếu đuối nên không thể nghiêm chỉnh hoàn thành được các trách nhiệm quan trọng và lớn lao trong vai trò của Trẫm.

Trẫm không hiểu thế giới này cùng phong tục sẽ đi đến đâu. Không chỉ những nước ở rất xa chúng ta đang giành giết nhau về biên giới và quyền lợi, chỉ nề nang sự lừa đảo và sức mạnh; ngay ở một nước văn minh (An nam) trong giới lãnh đạo và quần chúng cũng có nhiều kẻ tham lam, ích kỷ và ưa thích dối trá. Cứ thế mà bắt chước nhau và cách sống như thế của họ đã thành quy luật. Họ khoe khoang về một số ít thành tựu của họ để che giấu những tội ác tày trời, chỉ với mục đích chạy theo những quyền lợi bé nhỏ họ đã gây

biết bao nhiêu thiệt hại mà không thể nào hàn gắn lại được. Nếu có người nào hay nước nào cho rằng cách làm của họ là kỳ quặc thì họ sẽ đồng lòng nhao nhao lên mà bảo những kẻ ấy là ngớ ngẩn và đáng khinh bỉ. Nói cho đúng hơn hiện nay chúng ta đang ở vào thời kỳ Xuân thu và Chiến quốc (cuộc chiến khùng khiếp vì sự sống), nếu Khổng Tử sống lại họ vẫn làm thế được chăng?

Hãy nhìn vào nước Đại Hán, đó là một cường quốc lớn hơn gấp bội so với nước ta mà cũng không đủ sức để làm cho ai phải kính nể hưởng hồ nói chi đến các nước nào khác của ai.

Về phần Trẫm, bên trong thì thiếu niềm vui của kẻ được làm cha, bên ngoài thì dồn dập biết bao việc rắc rối. Trẫm phải một mình hoàn thành công việc quốc gia và gánh chịu mọi trách nhiệm. Hỏi ai là người có thể chịu đựng được một cảnh đời như cảnh đời của Trẫm. Trẫm cũng chỉ lấy cái thành tâm để bảo vệ mình và chống lại những điều gian dối của kẻ khác, và đặt niềm tin vào trời. Tin vào trời là tin vào những nguyên lý những nguyên tắc đạo đức của trời chứ không phải tin vào số phận. Nếu tin vào những nguyên lý, tin vào những nguyên tắc đạo đức đó, thì chúng ta trước hết phải thành tâm và cố gắng hành động hết sức mình. Thành tâm và cố gắng hành động hết sức mình có nghĩa là khiêm nhường để củng cố hòa bình cho vương quốc, chúng ta dám không khiêm nhường hay chăng nếu muốn hoàn thành, đã tốt lại càng tốt hơn nữa cái nhiệm vụ được trao cho đó? Nền hòa bình của vương quốc là kết quả của sự khiêm nhường tự nguyện của chúng ta. Có thể nào chúng ta dám không làm như thế được nhằm mục đích củng cố hòa bình cho vương quốc bằng cách cư xử trung thành theo nguyên lý của trời?

Đường lối của chúng ta hiền hòa mà cương quyết nhưng không hiện ra mặt. Sự nhường nhịn tự nguyện của chúng ta cũng có lợi ích đặc biệt. Cách hành động vừa hiền hòa vừa cương không phải là mâu

thuần tự bản thân nó mà chính là để dẫn đến sự thực hiện các ý định của chúng ta.

Sách "Kinh Dịch" có nói: *"Những người cao cả biết thuận tuân các qui tắc đạo đức của trời và chịu hạ mình đều là những kẻ có thể sống một cuộc đời sung sướng trong tương lai"*.

Do đó, chỉ có những người đã từng trải trong lo lắng và buồn phiền của cuộc sống mới hiểu thấu lòng Trẫm. Và Trẫm mới gửi gắm tâm tình được với họ, bởi lẽ Trẫm không biết tâm sự cùng ai, cho nên Trẫm mong rằng sau này nếu ai biết đến các công việc mà Trẫm đã làm, thì cũng đừng nên ta thán.

Thế đấy, cho nên trong lúc bình thường Trẫm luôn luôn khổ đau như một người mắc bệnh tâm thần. Nếu không có các thần thánh thì Trẫm không thể tự an ủi mình trong cuộc sống buồn tẻ của Trẫm. Vì vậy Trẫm chỉ biết tin trời và các thần thánh là những tinh thần duy nhất có thể làm mãn nguyện được Trẫm.

Nhưng trên thực tế Trẫm không bao giờ viện cớ bất lực để không làm một điều gì hay viện cớ không đủ tài năng để tránh mang về những điều cải cách, giá như nhiệm vụ của Trẫm chỉ là nhiệm vụ của một ngày thì ắt Trẫm đã cố gắng hết mình và hoàn thành nghiêm chỉnh.

Trên đây là những gì Trẫm đã viết và chẳng có gì là thành thật hơn nữa và chẳng có ai tìm hiểu thêm được nữa. Trẫm viết để tỏ lòng thành thật đối với muôn dân. Những việc làm của Trẫm tốt hay xấu thì để cho sử sách mở lời, còn Trẫm thì Trẫm không nói đến. Văn chương có luật lệ của nó còn văn phong (của bản khắc này) có thanh thoát hay không là việc khác.

Sau này mà hạnh phúc có được một Thái tử nối ngôi thì nguyện vọng của Trẫm được hoàn toàn thỏa mãn. Trái lại, nếu ai khác nối

ngôi thì Trầm mong kẻ ấy chia sẻ quan niệm với Trầm và chẳng nên hành động chỉ vì những hình tướng bên ngoài.

Cho nên Trầm ghi lại trên tấm đá này để nhắc nhở về sau.

Thượng nguồn làng Dương Xuân là nơi an nghỉ vĩnh viễn của Trầm. Ở đây đồi không cao, quang cảnh cô liêu. Lựa chọn cảnh vật này là biểu hiện cái khiêm nhường, tự nguyện của Trầm. Người chia sẻ quan điểm với Trầm và tiếp tục đẩy mạnh những công việc làm của Trầm đến chỗ hoàn thiện bây giờ ở đâu? Trầm đang sốt ruột mong chờ mà chưa thấy được; mong trời chứng giám cho những ý nghĩ vững chắc như đá của bia này vậy.

(Tấm đá này được khắc, khi đã hoàn thành Khiêm Cung vào niên hiệu Tự Đức năm thứ 2 (1867)).



LỄ TÔN VINH CÁC HOÀNG THÁI HẬU

Tài liệu do ngài Thượng thư Bộ Lễ cung cấp

LÊ BÌNH, Đốc học Quảng Ngãi, dịch thuật

Lễ Tôn vinh các Hoàng Thái hậu lần đầu vào ngày mồng 7, lần thứ hai vào ngày 13 tháng chạp của niên hiệu Khải Định năm thứ nhất (31 tháng 12 năm 1916 và 6 tháng 1 năm 1917).

Ngày mồng 1 tháng chạp này (22 tháng 12), ngài Thượng thư Bộ Lễ dâng lên Hoàng đế các lễ cầu, sửa soạn cho lễ Chi Cáo (lễ trình cung kính) đến các đền tiên đế. Khi Hoàng đế ghi tên húy (tên của Ngài), Ngài truyền giao các lễ cầu cho Bộ Lễ để sắp đặt vào các vị trí một cách tôn kính.

Ngày thứ 2 (26 tháng 12), sau những phát súng lệnh vào ban mai, các vị quan phục dịch lễ này đặt lễ vật (vàng bạc, trầm, trà...) trên các bàn thờ, sắp các vũ khí bằng gỗ, các nhạc cụ ở các sân đền. Các tôn tước đợi Hoàng đế mặc lễ triều, đến đền và dâng lễ tôn kính tại các nơi ấy (những lễ này chỉ dâng rượu). Lễ xong, họ trở về.

Cùng ngày ấy, Bộ Lễ trình lên Hoàng đế biểu tấu, hai "*Kim tiến*" và hai "*Hạ tiến*", nội dung như sau:

1. Biểu tấu dâng Hoàng Thái hậu:

Trẫm, Hoàng đế kế vị, thần, Bửu... (tên riêng của Hoàng đế) lạy tạ, kính dâng biểu tấu trình như sau:

Muôn tâu Mẫu hậu,

Trẫm đã hiểu mẹ của quốc dân được hưởng lộc quốc gia và người có đức độ được tôn vinh.

Trẫm, thần tử, hình hài bé bỏng, kế tục dòng dõi của Đại tộc. Chính nhờ sự dạy bảo và gương sáng khôn ngoan và lòng ưu ái của Người mà Trẫm có hoàn cảnh sung sướng như ngày nay. Các miền giữa biển bao la hợp lại để cùng một lòng tôn thờ Người, thật sự là đại phúc cho xã tắc. Chính hôm nay, lời cầu nguyện của toàn Phủ Tôn Nhơn (Hoàng tộc) và các tôi trung của triều đình, đồng thanh tôn chúc vị Thiên Đức được Người chấp thuận mà đã hai ba lần Người khiêm tốn khước từ. Khi kính được biết Người thuận ý, Trẫm vô cùng sung sướng.

Sau khi được phép các tiên đế trong các đền thờ, Trẫm chọn ngày lành tháng tốt; đến mùng 7 này, Trẫm và tất cả trung thần sẽ dâng "Kim sách", "Kim ấn" và sẽ tổ chức đại lễ tôn vinh để nêu lên ánh hào quang chí phúc của Người và tổ sự triu mến được chăm sóc hầu hạ cẩn mẫn nhất xung quanh Người. Trẫm kính báo trước việc này, lạy tạ và mong mỗi thịnh tình của Người chiếu cố cho.

Kính tâu

2. Biểu tấu dâng Hoàng Thái phi:

Trẫm, Hoàng đế kế vị, thần... Bửu... bái tạ kính dâng biểu tấu:

Muôn tâu Thái phi,

Trẫm được rõ trong tất cả các luật lệ không có gì quan trọng bằng lời chúc vinh quang; tất cả bốn phận không gì cao hơn tình

hiếu tử. Trẫm, thần tử, thân phận kém hèn, đã được diễm phúc lớn. Đó là nhờ có sự khôn khéo và tình cảm của Người, đã làm tăng lên hạnh phúc bằng đức độ, bảo bọc cho bản thân, để được có hoàn cảnh ngày nay.

Tất cả đều quy đến điều mà Người đã gọi: "Tặng đức quý cho gì phải được quý giá". Như vậy là phải long trọng lễ tôn phẩm giá đối với Người. Nay trong các thành viên của Hội đồng Tôn Nhơn (Hoàng tộc) và thần tôi triều đình đều đồng thanh chúc tụng, kính dâng Thái phi một chúc tước tôn vinh sáng ngời, mong ước được Người thuận ý sau khi đã vì khiêm tốn và nhã ý từ khước.

Trẫm, thần tử, đã kính cẩn được nghe Người chấp nhận, rất vui mừng không tả xiết. Sau khi đã cáo trong các đền của Tiên đế, chọn ngày 13 tốt lành này (6 tháng 1 năm 1917) mà bản vị cùng các bề tôi đưa Kim sách và Kim ấn cử hành lễ long trọng tỏ lòng kính mến và sự chăm sóc ân cần dù còn đơn sơ, thể hiện niềm nguyện ước, tin yêu đối với Mẫu hậu:

Trẫm kính trình sự việc để Người rõ, kính bái và nguyện cầu Người vì thịnh tình chiếu cố.

3. Kim sách tôn vinh Hoàng Thái hậu:

Ngày mồng 7, ngày Nhâm Dần, sau ngày đầu của tuần trăng tháng chạp là ngày Bính Thân năm Bính Thìn niên hiệu Khải Định năm đầu (25 tháng 12 năm 1910). Thần tử, Hoàng đế kế vị, con của Người và các bề tôi, kính bái tâu trình Người như sau:

Trẫm, thần tử, được biết trong sách "Dịch" (các thay đổi) có ghi: Mẹ là chữ mẫu, người mà ta đã chịu ơn sinh thành, nhờ có Người mà ta đã được tạo ra trước kia. Sách "Lễ" (các lễ) có chú trọng đến các luật lệ về sự nuôi nấng của cha mẹ bằng đức độ Người và phải được

tôn vinh, vì nguyên tắc "dương"⁽¹⁾ là tuyệt mỹ, mà không ai miêu tả được sự biến hóa rộng rãi và mệnh mông, nhưng cũng là điều bảo đảm về các điềm phúc ngày càng nhiều thêm mà Người được đón nhận, nhưng nay bản vị chỉ long trọng nêu lên những lời khen ngợi.

Thật là xuất sắc cuốn "Hồng thi"! Cũng như cuốn "Bích thi" đầy chói lọi!

Cung kính, bản vị nhận thấy ở Mẫu hậu, từ ngày thơ ấu, một tình thương ấm cúng, niềm hạnh phúc của một gia đình quý tộc vinh hạnh, cao sang đã được hình thành ngay từ trong nôi.

Mẫu hậu đã trợ giúp Hoàng đế, phụ thân của Trẫm về chăm lo cai trị xã tắc trong 3 năm, Người đã tuân thủ làm theo mệnh trời.

Nhân hậu, nhã nhặn, trung trực và uy nghiêm, niềm sung sướng trong gia quyến như luồng gió tác động đến ngọn lửa. Dịu hiền, trang trọng, khôn ngoan. Và ngợi khen sự trung hậu của Người với kẻ dưới đó là đề tài của một bài hát thơ mộng, trong đó Người như một cây cổ thụ, tỏa cành lá bóng mát cho tất cả mọi người được chỗ che. Trong lúc đảm nhiệm Cung tần mỹ nữ ở Cung cấm, Người đã nêu gương thanh khiết do thái độ mến yêu và tư cách hoàn hảo, luôn chăm nom đến thân thể gầy yếu của Trẫm và xem như con đẻ của mình với tình thương âu yếm và vô cùng độ lượng.

Cũng nhờ vậy, tuy còn thơ ấu Trẫm đã lên ngôi trị vì. Đức độ sáng ngời của Người, không bút mực nào mô tả được và không lời ca tụng nào xứng đáng hoàn toàn. Như vậy, sau khi thỉnh cầu tại các điện thờ Tiên đế, và cùng đoàn tùy tùng mang kim sách và ấn vàng để dâng Mẫu hậu tước phong, kính bái và nguyện cầu Người thuận ý

⁽¹⁾ Nguyên tắc âm dương trong sự hình thành mọi sinh vật.

chấp nhận chức danh vinh quang này và nhận những lời tuyên dương.

Kính cầu Quốc mẫu được toàn dân quý trọng sống mãi vui tươi trong Cung điện Trường Lạc⁽¹⁾ ngày xưa một mùa xuân và mùa thu bất tận. Cuối cùng xin được dâng hầu Người ca ngợi Đào Tri⁽²⁾. Cung kính dâng Kim sách.

*

* *

4. Kim sách tôn vinh Hoàng Thái phi:

Ngày 13 Mậu Thân, một ngày sau ngày trăng Bính Thân, tháng chạp năm Bính Thìn, niên hiệu Khải Định năm thứ nhất (6 tháng 1 năm 1917), Hoàng đế kế vị, con trưởng và các bề tôi kính bái, tâu trình như sau:

Chúng thần được biết trong tất cả các bốn phận không có gì cao quý hơn tình mẫu tử, do đó đạo làm con khi được hiển đạt thì phải tôn vinh mẹ; trong tất cả các lễ giáo không gì bằng sự tôn vinh mà thần tử thực hiện để nâng cao vinh dự của Người phải được tôn sùng. Thực vậy; khi buổi huy hoàng rực rỡ đến, thần tử đã được vinh dự ban hành một luật lệ quan trọng. Thần tử cung kính dâng lên Thái phi, niềm thương yêu sâu rộng như ánh trăng lọt vào Hồng lâu (cung cấm), như hương thơm phảng phất trong cung điện đầy hoa lan. Như Câu Đục⁽³⁾, Người đã trải qua nhiều ngày đau đớn vì sinh đẻ, đã ném

⁽¹⁾ Trường Lạc: Tên cung điện của Hoàng Thái hậu đời Hán.

⁽²⁾ Đào Tri: Chỗ ở của Nữ thần Vương Mẫu, chỉ sự trường thọ của phụ nữ.

⁽³⁾ Câu Đục, cựa Hoàng hậu, Thái hậu của Hoàng đế Chiêu đế đời Hán (86-78) trước công nguyên.

những điều êm ngọt và đắng cay như Đỗ Sơn⁽¹⁾. Người đã nuôi Trầm bằng sữa của Người trong nhiều năm, do đó con đường bốn phận của hiền nhân đã vạch sẵn, phải làm tròn.

Trong lúc có nhiều tai họa ập đến, nguy cơ xã tắc bị đe dọa, Người đã góp sức cùng Hoàng đế thánh thượng vượt qua những khó khăn bước đầu. Người đã đùm bọc những ngày thơ ấu của Trầm để rèn luyện đạo đức: uy danh của Người có thể sánh với địa cầu.

Đối diện với lãng tâm của Đức Vương, lãng quên trên sơn cước, phớ mặc gió mưa, qua nhiều mùa thu mà Người vẫn tỏ ra lớn hơn ba vì sao. Mặc dầu năm tháng trôi qua như thoi của khung cửi, như ngựa phi, Người vẫn đức độ tiết hạnh khả phong không gì lay chuyển suốt 20 năm ròng.

Nguồn hạnh phúc của Người thoáng thấy qua dáng con rồng phun nước tỏa ra từ miệng⁽²⁾. Sự hoàn chỉnh mà người ta muốn loan truyền phải bắt nguồn trước kia bằng một sự hoàn chỉnh. Niềm vinh quang của Người nhắc nhớ lại vinh quang của một công chúa đã là đề tài nguyện ước về các cục có hình phụng⁽³⁾.

⁽¹⁾ Đỗ Sơn: Hoàng hậu của cựu Hoàng đế Vũ, đời Hạ, Thái hậu của Hoàng Thượng Khải (XXII* trước công nguyên).

⁽²⁾ Người ta kể rằng trước ngày sinh của Hoàng đế ngày nay khi gần sinh, ngài Hoàng Thái phi nằm mộng thấy con rồng phun đầy nước trong phòng bà.

⁽³⁾ Trong sách "Đại Nam chính biên liệt truyện" có viết: Một hôm Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (vợ của Gia Long) có ban cho hai quý phi thân yêu của Hiến Tổ Chương Hoàng đế (Thiệu Trị), một trong hai bà đó thuộc họ Phạm và bà kia là họ Nguyễn, hai bộ cục trong đó có một bộ khắc con phụng và bộ kia khắc hoa. Cả hai đều được bọc cùng một loại bao bì, cùng một loại giấy. Hoàng hậu chúc tụng: "Nếu ai nhận được bộ cục có khắc phụng thì sinh con trai"; sau đó, quý phi họ Phạm tên là Nghi Thiên Chương Hoàng hậu nhận cục có phụng sinh ra Dục Tôn Anh Hoàng đế (Tự Đức).

Sự nhân nhục của Người đã ngày càng có nhiều lợi hơn cũng như sự hào nhoáng của Người trong những điều kiện tối tăm vẫn ngời sáng. Cũng như gia đình nào làm việc thiện thì được hạnh phúc. Không có gì lạ là ý chí của trời đều thuận với đạo đức cao cả. Giờ đây, Hoàng tử của Người đã giữ di sản thiêng liêng giữa của cải châu báu trên thế giới Người được bao bọc trong sự chăm sóc của mọi người mãi mãi. Được quý mến, yêu thương trong tất cả mọi miền nên Người cần được tôn phong ở chức vị Từ mẫu cao quý nhất. Sau hai, ba lần thỉnh cầu, Trẫm rất vinh hạnh đã được Người chuẩn y. Trẫm mong muốn được nêu lên tình cảm chân thật của Người, loan truyền hào quang tuyệt hảo của Người khắp nơi không chậm trễ. Vì vậy cần thỉnh cầu các tiên đế trong các đền thờ để biết ý. Trẫm xin được phép dẫn đoàn tùy tùng cung kính đem theo cuốn "Kim sách" và "Kim ấn" để tôn vinh Hoàng Thái phi. Trẫm kính bái và hy vọng Người chấp thuận tước cao quý. Cầu mong Người ban rộng các đặc ân và hưởng hạnh phúc muôn đời như những lời ca ngợi của mọi người. Xin nâng cốc cầu chúc Người trường thọ, giữ trọn tư cách độ lượng để tận hưởng cực lạc mà Trẫm đã tấu trình ở điện Trường Ninh⁽¹⁾.

5. Biểu tấu dâng Hoàng Thái hậu:

Trẫm, Hoàng đế (tên vua) thần tử, kính bái tâu trình như sau:

Nay vào dịp Đại lễ tấn phong tước vinh quang bằng cuốn sách ngọc loan truyền hạnh phúc ghi lại niềm vui mà Người sẽ hưởng tại Kim Hiên, lời chúc "cửu như"⁽²⁾ được hưởng. Thần dân từ bốn

⁽¹⁾ Điện Hòa Bình vĩnh cửu của Hoàng Thái hậu.

⁽²⁾ Trong "Kinh thi", như núi, như đồi, như gò, như đồng mà lượng nước tăng lên như trời rơi sáng hàng ngày, như trắng trên đỉnh, như núi phía nam vĩnh cửu tồn tại, như cây thông và cây thuya, chòm lá xanh. Bằng các câu thơ này thời Chu, thần dân chúc hạnh phúc lớn nhất cho các vị chúa bằng "cửu như".

phương, tám hướng hợp lại bày tỏ ý nguyện chung dâng lên Người niềm hân hoan tốt độ. Trẫm, thần tử, rất sung sướng, toại nguyện được trình lên Người "Kim sách".

Nay kính bái, Trẫm nhận thấy bản chất Người gắn liền với thiên chức (sứ mệnh của trời) nhờ sự độ lượng của Thượng đế. Vinh danh mà Người có là nhờ đức độ của Người, với sự nhẫn nhục của Người. Những chúc tụng dâng lên ở tả triều (dinh thự của Hoàng Thái hậu) vào dịp hân hoan này là niềm vui lan đến cả Nam Môn. Trẫm cũng kính nhận thấy Mẫu hậu tỏa hào quang nguồn gốc do những điều thiện của nhiều thế hệ kết tinh. Hành động của Người tỏ rõ đức độ tuyệt vời. Sự đóng góp trong ba năm của Người cho tiên đế, trong nội tự còn phảng phất hương thơm như Hoàng hậu Đỗ Sơn xưa kia đã giúp cho Chúa, đời Hạ. Đã 30 năm qua, giáo huấn của Người đối với Trẫm thời thơ ấu giống như các luật lệ của cố Hoàng Thái hậu của chúa Văn đã làm phồn thịnh nước Chu. Những điều thiện của Người ban phúc cho tất cả con cháu trong dòng họ và những hân hoan dồn dập đến các cửa, vào tận sân. Trong hiên cỏ huyền⁽¹⁾ tồn tại dưới ánh dương⁽²⁾, vĩnh viễn của Người được cung phụng các mỹ vị. Sự tỏa sáng trong các đám mây ở điện quế⁽³⁾ là điềm hạnh phúc đã thực hiện, hào quang tỏa rạng và vinh quang sáng chói. Những chữ vàng óng ánh đó chứng tỏ một cách long trọng lối nuôi nấng của Người, đưa Người lên đỉnh cao của phẩm giá. Những trang sách hồng về tiểu sử Người đang sáng ngời đậm nét chữ về tính nét lớn lao và rộng khắp. Tư cách đứng đắn của Người đã được kính nể. Dù trang phục như thế nào, sự sáng ngời tự nhiên của Người, cũng giống như trang sức bằng ngọc quý.

⁽¹⁾ Đó là dinh của người mẹ trong gia đình.

⁽²⁾ Nghĩa là Hoàng Thái hậu sống lâu.

⁽³⁾ Chỉ phòng của Hoàng Thái hậu.

Trẫm, thần tử, cung kính tiếp nhận nền giáo dục luân lý của Người, tình thương ầu yếm và độ lượng.

Hình như mây ngũ sắc tụ về đất nước và đã chói sáng ngời phòng hoa rèm thêu.

Nâng cốc trong tay, dâng lên mừng thọ Người như Sơn Ngộ, Trẫm và thần dân hát lên bài "Bích Hồ"⁽¹⁾.

Trẫm, thần tử, không sao kể xiết niềm hạnh phúc và lời chúc mừng dâng lên Người, Trẫm chỉ trình lên dưới mắt Người "Kim sách" mà Trẫm đã khen ngợi.

*

*

*

6. Biểu tấu dâng Hoàng Thái phi:

(Nhất định cũng gần giống như các bài văn trước).

Tôn vinh long trọng Hoàng Thái hậu

Ngày mùng 3 tháng chạp (27 tháng 12 năm 1916) các vị quan Thượng thư Bộ Lễ, cùng với các Thị vệ, Thái giám, đặt các bàn thếp vàng trong phòng cung Diên Thọ. Trước bàn thếp vàng đó có để một bàn màu vàng và trước bàn này, về phía bắc, chỗ bái của Hoàng đế, chỗ để vua ngồi chờ soạn phía tây trong gian đầu bên trái. Ngai của vua đặt bên cánh đông. Trong mỗi một gian đầu bên trái và bên phải có đặt ba bàn màu vàng để nhận kim sách và ấn vàng cùng với các phụ tùng bản biểu và quà biếu.

⁽¹⁾ Chúc sống lâu.

Trong phòng thứ hai bên trái và bên phải có ba bàn đồ và chiếu viển đặt quà và biểu tấu từ các tỉnh đưa đến. Phòng trà bên trái có sắp nhiều bàn, ghế, lọng, màn che... đây là căn phòng sẽ diễn ra cuộc tiếp đón Khâm sứ và các quan chức Pháp.

Ngày mồng 4, các vị quan chuyên việc này lại đặt bên trái, trước điện Cần Chánh, một cái bàn có diềm, lọng, gương, gậy và các nhạc cụ. Vị Tôn tước⁽¹⁾ đại diện của vua và một đại quan Bộ Lễ, áo triều vào trong điện đến trước bàn thếp vàng, mang cung kính một bảng biểu tấu lên ngai vàng (và các biểu tấu khác cùng hai cuốn kim sách và hai biểu tấu rồi đứng lại) sau đó, đến đặt trên bàn có tàn che gánh vào cung Diên Thọ, đi qua Đại Cung Môn. Đến cổng Thủy Quan, bàn có tàn dừng lại. Sau khi được một Thái giám báo tin, Hoàng Thái hậu cho phép Tôn tước, đại diện vua có vị đại quan của Bộ Lễ đi cùng, cung kính dâng biểu tấu có lọng vàng che trong cung Diên Thọ đi qua, đặt lên trên bàn thếp vàng. Xong rồi vị đại diện vua và vị quan cùng đi ra đứng ngoài sân, cúi lạy 5 lạy, vị Thái giám lại trình biểu tấu lên vua. Họ trở về điện Cần Chánh và tại đây họ làm lễ phục mạng (báo cáo lại sứ mạng đã hoàn thành).

Sáng mồng 6, sau khi các quan chuyên trách đã soạn bàn có tàn, diềm, lọng vàng, kiểng và nhạc cụ, ba vị đại thần, một ở Bộ Lễ, một ở Thị vệ và vị thứ ba ở Bộ Nội vụ (ngân khố) mặc triều phục vào điện Cần Chánh, mang cung kính một trong các biểu tấu và vật lễ mà họ đặt ở bàn có tàn rồi đem vào cung Diên Thọ (Hoàng Thái hậu đã được Thái giám trình báo). Bàn có tàn dừng lại ở sân điện. Những vị quan đi theo cùng với các Thái giám, mặc lễ triều, đưa các vật trên bàn và đặt lên bàn màu vàng đã đặt sẵn ở bên trái và phải của điện (các lễ vật dâng lên của các quan lại ở Kinh đô và các tỉnh đều đưa

⁽¹⁾ Quan phụ trách cung trong Hoàng cung.

vào Cung điện cùng trong ngày và đặt vào các bàn trong gian phòng thứ hai từ phải sang trái).

Ngày mồng 7, sau loạt súng lệnh buổi sáng, các vị quan đại diện của buổi lễ ấy đến đứng ở kỳ đài, cờ vàng và cờ ngũ sắc. Có quân lính mang súng gỗ, các nhạc cụ.v.v..., họ sắp hàng bên phải và bên trái trên sân cung Diên Thọ. Con đường từ cửa Nguyệt Ánh đến cung Diên Thọ quét dọn sạch sẽ, các hoàng tử, đại thần văn võ, Tôn tước tam phẩm trở lên, cùng các quan Dự sự (đến dự lễ) mặc lễ triều, đứng chờ từ bên phải sang bên trái của điện. Các Tôn tước, Phò mã và quan chức hạ cấp văn võ từ Tứ phẩm trở xuống, mặc lễ triều ở ngoài bình phong (đó là tường ngăn cách điện ở trong với các nhà ở bên ngoài). Các vị quan cho đem đặt trên sân điện Cẩn Chánh hai bàn có tán, tàn lọng vàng, gương, nhạc cụ. Bốn Tôn tước, hai đại thần của Bộ Lễ và Nội Các (văn phòng) bước đến bàn thếp vàng cầm kính cẩn kim sách và ấn vàng, các phụ phẩm và một biểu tấu đặt tất cả lên bàn có tàn để đem vào cung Diên Thọ bằng lối cửa Đại Cung Môn, Nguyệt Ánh và Thọ Chi. Khi đến cửa cuối này, những người mang tàn, kiếm, gậy dừng lại, còn các lọng vàng đi che cho các bàn có tàn đến tận sân Cung, tất cả dừng lại.

Các vị quan này, lấy các kim sách và ấn vàng ra khỏi bàn, đến đặt trên bàn thếp vàng bên trái biểu tấu và các phụ tùng của ấn được đặt trên bàn sơn vàng bên phải trong cung và trở về chỗ, đứng chờ.

Vào lúc 6 giờ rưỡi, các vị quan chuyên trách cho đặt kiệu vua vào trong gian phòng ở giữa điện Cẩn Chánh, còn gương, lọng, vũ khí bằng gỗ, nhạc cụ thì đặt trong sân điện. Đến 7 giờ rưỡi, Bộ Lễ tấu trình mọi sự đã tươm tất, Hoàng đế đội mũ Cửu long, mặc Hoàng bào, cầm bài Trân quế, đến điện Cẩn Chánh và ngồi lên ngai. Một quân vệ mời vua lên kiệu. Lúc đó chuông, trống ở Ngọ Môn cùng nhạc cất lên. Kiệu có một đoàn tùy tùng đi theo ra khỏi Đại Cung

Môn (7 phát lệnh bắn) qua cửa Nguyệt Ánh và đến cửa Thọ Chi (chuông trống ngừng). Hoàng đế xuống kiệu, vào điện đến ngồi ở chỗ bên cánh nhà Đông.

Một lúc sau, Hoàng Thái hậu, theo lời mời của Thái giám, mặc triều phục đến chỗ ngồi.

Đến 8 giờ rưỡi, ông Khâm sứ đến đi theo có các sĩ quan và viên chức Pháp (một vị quan của Bộ Lễ đã được cử đến tòa Khâm sứ để mời các vị ấy). Khi đến cửa Thọ Chi, có hai Thượng thư ra tiếp và mời vào. Khi vào trong điện, vị Khâm sứ đọc diễn văn và cùng các quan chức đứng dự lễ. Lúc đó Hoàng thượng đến phòng đợi của vua...

Các quan tuyên cáo ở trong và ngoài xướng:

- Tâu Hoàng thượng đến bái vị.

- Tâu Hoàng thượng bái lạy (5 lạy tất cả). Đồng thời tất cả quan lại đều lạy.

- Tâu Hoàng thượng bình thân.

- Tâu Hoàng thượng chính trang phục! (Lễ nhạc nghỉ).

- Dâng lên kim tiền và kim ấn (nhạc cử lên).

- Tâu Hoàng thượng quỳ! Quan chúc quỳ!

- Tâu Hoàng thượng thu thẻ ngọc vào tay áo!

- Tâu Hoàng thượng dâng kim sách (các tôn tước đi đến bàn sơn vàng bên trái, mang kim sách và kim ấn với các phụ tùng và quỳ bên Hoàng thượng sau khi nâng lên trán, vãi xong giao lại cho người bên trái để đến đặt ở bàn để đọc kim sách và kim ấn. Xong rồi các người này trở lại chỗ và chờ).

- Tâu Hoàng thượng dâng kim ấn! (lễ xong như lễ dâng kim sách).

- Tàu Hoàng thượng đưa thẻ ngọc ra! (nhạc nghỉ).

- Đọc kim sách! (vị quan đọc kim sách đến quỳ lạy trước bàn có đặt sách, mở sách và đọc. Sau khi đọc xong ông đứng dậy, đặt sách vào hộp và trở về chỗ đợi).

- Đọc kim ấn⁽¹⁾ (vị quan đọc như đọc kim sách, nhưng khi đọc xong, có nhiều quan khác đến và mang hộp kim sách và kim ấn trao lại cho Thái giám để đặt lại trên bàn thếp vàng trước chỗ ngồi của Hoàng Thái hậu ở gian nhà giữa và mỗi người trở lại chỗ đợi).

- Tàu Hoàng thượng bái lạy (nhạc cử lên).

- Tàu Hoàng thượng bình thân.

- Tàu Hoàng thượng chỉnh đốn trang phục! (nhạc nghỉ).

- Đọc biểu tấu (nhạc cử lên).

- Tàu Hoàng thượng quỳ.

- Toàn quan thân quỳ!

- Tàu Hoàng thượng cất thẻ ngọc vào tay áo!

- Tàu Hoàng thượng dâng biểu tấu! (cũng như lúc dâng kim sách).

- Tàu Hoàng thượng rút thẻ ngọc! (nhạc nghỉ).

- Đọc biểu tấu (vị quan đọc biểu tấu đến quỳ trước bàn sơn vàng bên phải mở ra và sau khi đọc xong, đứng dậy và đặt biểu tấu cùng các phụ tùng của kim ấn, giao lại cho Thái giám để đặt lại ở bàn sơn vàng trong gian giữa và trở lại chỗ đợi).

⁽¹⁾ Kim ấn dâng lên Hoàng Thái hậu có các chữ: "Hoàng Thái hậu chi bửu" và kim ấn dâng lên Hoàng Thái phi có các chữ: "Hoàng Thái phi chi bửu".

- Tàu Hoàng thượng bái lạy (nhạc cử lên).
- Tàu Hoàng thượng bình thân.
- Tàu Hoàng thượng chỉnh đốn trang phục! (nhạc nghỉ).
- Tàu Hoàng thượng bái lạy (5 lạy) (nhạc cử).
- Tàu Hoàng thượng bình thân.
- Tàu Hoàng thượng chỉnh đốn trang phục.
- Tàu Hoàng thượng lễ kết thúc! (nhạc cử lên). Hoàng thượng trở lại chỗ chờ.
- Giải tán!

Tiếp đó, đi theo Thượng thư Bộ Lễ, các công tử và thành viên của họ Hoàng Thái hậu đến ngôi, rồi lạy 5 lạy (nhạc cử và ngừng sau khi lạy), xong ra về (một Thái giám, triều phục đến quỳ trước hiên và bên trái, xin phép Hoàng Thái hậu cho lệnh bắn súng lệnh chào mừng, cúi đầu tạ, đứng dậy lui về). Các quan chức cho bắn ba phát súng. Tất cả ra về.

Vị Khâm sứ và các quan chức được mời sang phòng trà bên trái, họ chào nhau. Hoàng thượng lên kiệu (nhạc cử). Kiệu gánh đi đoàn hộ giá theo sau; trong lúc đó, chuông và trống đánh ở Ngọ Môn. Ba phát súng lệnh. Vua trở về Cung.

Lễ xong, các Thái giám dẫn các Cung phi của tiên đế, các công chúa, vợ Hoàng tử, các mệnh phụ (vợ các đại thần có chức tước vua ban), các công nữ (con hoàng tử) đã túc trực dưới hiên phía tây và đông đến lạy 5 lạy rồi rút lui. Hoàng Thái hậu trở về cung (các Thái giám giao biểu tấu và vật lễ cho các cung nữ dâng lên cho Hoàng Thái hậu).

*

* *

Tôn vinh Hoàng Thái phi

Lễ này cử hành vào ngày 13 cùng tháng ở điện Trường Ninh, cùng các nghi thức như lễ Tôn vinh Hoàng Thái hậu.

Ngày 13, vào lúc 15 giờ chiều, các quan chức phục dịch lễ đặt các bàn thờ trong điện Phụng Tiên, các lễ vật (như vàng bạc giấy, trâm, nến, rượu) và đặt các vũ khí bằng gỗ, các nhạc cụ.v.v... trước sân điện. Sau lời mời của các Thái giám, các Hoàng Thái hậu và Hoàng Thái phi đến cung kính ở các điện trên và lễ tạ mừng rồi trở về Cung.

*

* *

Ngày rằm, lễ Đại triều nghi diễn ra ở điện Thái Hòa; trong lễ đó Hoàng thượng nhận biểu tấu của các quan dâng lên và ban ân huệ, giống như các lễ Đại triều nghi khác và cũng giống như lễ đại bái.

*

* *

Sáng ngày đó (ngày rằm), Thượng thư Bộ Lễ và Thị vệ soạn ba tiệc theo nghi thức:

1/ Trong điện Càn Chánh để cho các hoàng tử, đại thân văn võ và các Tôn tước từ tam phẩm trở lên.

2/ Trong các phòng bên trái và bên phải của điện ấy cho các quan chức cấp thấp, Phò mã và Tôn tước tứ phẩm trở xuống và các công tử cùng gia quyến các Hoàng Thái hậu.

3/ Trong Duyệt Thị Đường dành cho các bà đến dự lễ.

Sau khi cử hành lễ Khánh Hạ, mọi người mặc lễ phục đến dự tiệc.

NHỮNG NGƯỜI PHÁP PHỤC VỤ GIA LONG

II. LĂNG MỘ CỦA DE FORÇANT

L.CADIÈRE

Hội truyền giáo nước ngoài, Paris

Một đồng nghiệp đã có nhiệm vụ điều tra một ngôi mộ của một trong các sĩ quan Pháp phục vụ Gia Long nằm ở hữu ngạn sông Phú Cam trong xóm Phú Tú. Theo kết luận của đồng nghiệp này thì chắc chắn đây là mộ của một người Âu phục vụ cho Gia Long, nhưng không phải là mộ của Vannier mặc dầu vào năm 1898 người ta đã đặt bia đá có ghi tên Vannier. Thật ra đây là mộ của De Forçant.

Tôi xin phép trong bài nghiên cứu này được đưa ra tài liệu chứng tỏ một cách chắc chắn giả thuyết cuối; xin được miêu tả cái mộ như hiện trạng.

Mảnh vườn trong đó có ngôi mộ, hiện nay là tài sản của bà quả phụ Trương Đình Hòe, ở làng Phú Cam. Người chủ vườn khi còn sống có cho tôi lục xem các cật khế về ngôi vườn ấy, và đây là các văn bản mà tôi tìm được.

Trước hết một giao kèo ngày 5 tháng 9 niên hiệu 3 Cảnh Hưng (3 tháng 10 năm 1742). Giao kèo cho biết cái chức trách thư ký,

người đầu và dân làng Dương Xuân, huyện Hương Trà. Do cần tiền để chi phí về việc gì đó có bán một miếng đất rừng độ 1 mẫu và 3 sào diện tích tại phường Long Dương, xóm Phú Tú. Miếng đất này đông cận vườn của thầy Chấn; tây cận vườn của ông Hương bộ tên Tích; nam cận cồn mồ; bắc cận lộ. Phần trên của vườn bán đứt cho thợ Tuấn và vợ với số tiền là 95 lạng, trả ngay toàn thể số bạc sau khi làm giấy tờ. Người mua có quyền trồng trọt trên mảnh đất đó và được xem như của riêng sở hữu.

Trùm tức là Trùm Trí có in dấu tay có từ ngữ "*Trùm Trí thôn*" tên của lý trưởng làng dưới thời Gia Long. Sau dưới thời Minh Mạng đổi tên là "*xã*" hay "*thôn*". Tôi dịch ở trên là trưởng.

Khẳng định sự việc của bức thư ngày 20 tháng 6 năm 1811 "*In Hue hoc anno Dominus Fossant mortus est*". Ông Cosserat đã kết luận: "*Hai câu nói được dẫn xuất đã chứng tỏ một cách không bàn luận gì nữa là Forçant đúng đã mất ở Huế vào năm 1811*".

Dữ kiện nào là sai? Có thể tin ở giấy giao kèo bán vườn của Phú Tú và đưa ngày mất của de Forçant đến sau năm 1813 hay giữ lại năm 1811?

Theo ý kiến tôi, không nên do dự. Bằng chứng gần đúng của đức Chaigneau, bằng chứng chính xác của ông Audeman và cha Clément Maric ở Capauna phải được ghi nhận là chắc chắn, cái giấy giao kèo bán thực ra không phải là sai nhưng là một giấy tờ thụ hiệu, giấy tờ làm sau khi người làm giấy chết.

Nếu ai đã biết về các tục lệ An nam, thì việc này chẳng có gì lạ cả. Trong cái giấy giao kèo cũ có nhiều việc rất kỳ lạ. Do Forçant mất và chôn cất trong vườn, có thể dù đã thương lượng ổn thỏa với chủ nhà hay trong điều kiện nào khác, một thời gian sau, vì lý do gì đó, các bà quả phụ nhất là quả phụ vợ quan chức, và trong trường

hợp hiện tại là vợ của một quan chức người Pháp, các quả phụ có thể lo lắng sau khi chồng các bà mất sẽ là một tranh chấp thật sự. Bằng cách này hay cách khác, bà vợ của de Forçant muốn hợp lý hóa hoàn cảnh chết của người chết và bảo đảm ổn định cho chỗ an nghỉ cuối cùng của chồng về mặt pháp lý nên đã yêu cầu chủ đất cũ làm giấy tờ hợp lệ về bán đất.

Tôi loại trừ hoàn toàn trường hợp cho là giấy tờ giả mạo. Nhưng than ôi phải nói ra hết mọi điều. Vậy thì các vị nghĩ gì về người thợ Tuấn đã mua miếng đất ở làng Dương Xuân ngày 3 tháng 10 năm 1742 và người thợ này lại tự tay bán lại *"tự viết lấy giấy giao kèo"* sau 71 năm vào ngày 4 tháng 9 năm 1813? Các vị có thấy là ông ấy quá già sao? nhưng tôi không nói thêm nữa.

Hai ngôi mộ ghi trong giấy bán đất là của ai? Hiện tại, tôi nghĩ không phải mộ của de Forçant, cũng không phải là mộ của một người gần ông Forçant. Người ta không hiểu tại sao người bán lại ghi hai ngôi mộ vào, và tại sao lại minh thị yêu cầu người mua đất là ông Forçant và vợ ông này không được phá hủy hai ngôi mộ. Dù sao, thì đây không phải những ngôi mộ bằng gạch; văn khế chỉ nói đến các mả đất. Chắc chắn xây hai cái là mộ của thành viên của gia đình người chủ cũ. Nhưng tôi cũng không dám bảo đảm về điểm này.

Các giấy tờ giao kèo tiếp cho thấy sự ra đi dần dần của cái vừa nói ra khỏi tay gia đình de Forçant. Ngày rằm tháng 2 niên hiệu 3 Tự Đức (28 tháng 3 năm 1850), Nguyễn Văn Cửa con cả của de Forçant cầm cái vườn cho một người tên Nguyễn Văn Thông; người chủ cầm đưa 60 quan và hưởng thụ vườn, sau một năm người đi cầm phải trả lại cả vốn thêm lãi 30 quan có khấu trừ 5 quan xem như lợi tức của vườn, như vậy tất cả là 85 quan.

Đến niên hiệu 5 Tự Đức (1852) giấy tờ cầm đất lại làm lại. Trong giấy này lại nói là trong vườn có một ngôi mộ cổ, người chủ cầm có

thể đến ở trong vườn với điều kiện là phải chăm sóc, tảo mộ và giữ gìn lăng mộ.

Niên hiệu 10 cùng thời Tự Đức (1857) lại có giấy bán đứt. Có điều khoản minh thị là một cái mộ hay nhiều cái khác đều không được phá hủy dù bằng bất cứ cách nào. Theo tôi nghĩ thì trong hai giấy giao kèo đều nói về mộ của de Forçant.

Chúng ta nên nói về phần mộ thứ hai nằm trong vườn.

Hiện nay, là một nấm mộ bằng gạch, có hai cấp có chiều dài 2m15, rộng 1m60 ở đáy cao 0m40 nằm cách 3m lăng của de Forçant. Ở một đầu của mộ có đặt một thập tự.

Hài cốt của ai nằm dưới lớp đá này?

Có thể đây là ngôi mộ của bà vợ của de Forçant nhưng theo người ta nói thì đây phải là hài cốt của một trong những người con của ông.

Người ta nói rằng de Forçant có nhiều người con, cậu Cửa, cậu Vinh, cậu Nhỏ, và những người khác nữa. Một trong số đó có một bị đày đến Nam Kỳ và chết tại đó. Một người nữa được kết thúc cuộc đời trong sự nghèo khổ bên bờ thành của Kinh thành, gần cái nhà bán gỗ "*Mộc thương*". Một người con gái sau này cũng không còn rõ tung tích, cậu Nhỏ có thể chết lúc còn thơ ấu và cũng có thể là chôn gần chỗ của cha ông. Còn cậu Cửa, có để lại cái kỷ niệm ở xứ đạo Phú Cam như là một người trác táng, chạy theo cờ bạc, chẳng làm gì cả. Cái vườn nơi yên nghỉ của cha ông cùng với các cơ sở vườn nhà khác, dùng để bảo đảm cho sự lười biếng của ông và để trả nợ.

Tôi nêu lên đây với thái độ thận trọng về những tin tức đồn miệng vì tôi biết rằng cũng có những điều không đúng và lầm lẫn trong dân gian đối với người Pháp đã phục vụ Gia Long và gia đình lấy vợ An nam của họ.

Cái vườn mà chúng tôi vừa nói, nằm ở hữu ngạn của sông Phú Cam, đối diện với nhà máy điện mà hiện nay đang xây. Ngày xưa chỉ nguyên một vạc đất, nay lại chia thành 4 miếng cân nhau. Chính ở trong miếng đất ở đông nam, cách sông độ 100m là nơi lăng mộ của de Forçant.

*

*

*

Ngôi mộ này là lăng cổ kiểu các Hoàng tử, nhưng đơn giản có vòng thành hình chữ nhật bao quanh mộ chính và có trước một cái thành khác nữa bao quanh sân trước. Một hình chữ nhật bằng vôi có hai bậc, từ 3m20 chiều dài với 2m10 chiều rộng ở mặt đáy. Trước và chỗ chạm vào mộ là một bàn thờ nhỏ trên có chữ thập. Vòng tường xây đá và vôi, dài 8m và dày 0m70.

Mảng tường sau được nâng cao thành "*hậu đầu*" cổ điển độ 1m90, 2 phần giữa với 2 bên có lối trang trí cuốn ống lại theo kiểu thông thường. Trước mảng tường được nâng cao có nổi lên một nền là chỗ cúng độ 2m70 chiều dài, 0m40 chiều rộng và 0m45 chiều cao. Chính trước bàn thờ đó có đặt một cái bia chỉ sai mộ của Vannier. Mảng trước của vòng tường có cửa ra vào với hai trụ có ở đầu trụ búp sen.

Sân trước rộng đến 7m20 và sâu vào 2m40 cũng có tường bao quanh chiều cao 0m50 dày 0m45. Ở giữa có nổi lên một bình phong cao 1m50 chắn cửa vào thành trong; mỗi bên cửa của sân trước có một cột trụ nhỏ trên có con lân, và 2 góc của mảng thành trước còn có hai cột trụ sen nhỏ nữa. Mặt trước của bình phong, hai bề mặt của mảng tường phía trước, và bề mặt bên trong của các mảng thành khác của vòng thành chính được trang trí với những bức trang trí mang những đề tài đắp nổi bằng vôi, xưa được so với nước màu hiện

nay đang bị xuống cấp trầm trọng. Người ta cam đoan với tôi rằng các đề tài trang trí này đã trình bày lại một cách chính xác các chủ đề đã có trước trên các ngôi mộ.

Nhưng cũng có thể nghi ngờ về độ chính xác của thông tin này. Khi vẽ một bức tranh người nghệ sĩ có thể vẽ theo tưởng tượng của mình. Thật vậy, chúng ta cũng thấy đầu đó một chiếc tàu với một ống khói và hai cánh thông gió, tượng trưng mơ hồ cho các chiếc xuồng máy hơi nước cỡ nhỏ mà nghệ sĩ của năm 1898 hay chạy trên sông Hương, nhưng chiếc tàu ấy đưa ta đi xa đến một thời kỳ nào khác chứ không phải ở vào những năm đầu của thế kỷ XIX, thời kỳ Forçant sống. Cũng như các con cừu hiền lành đang nhảy nhót trên một bức khác, các con chó săn giống Âu đang chạy trước hoặc chạy theo de Forçant trong lúc săn bắn hay đi xe và ngay cả chiếc xe đều có phong cách hoàn toàn tân thời; cái nhà hai tầng cũng chạy vươn lên một cách tân thời. Ở đây, trên mỏm đá được trình bày rất cổ điển và ở nơi khác, ở giữa cánh đồng một chi tiết khác cũng chứng tỏ nghệ sĩ hiện đại không theo các mẫu cũ nữa: tất cả các tài liệu đều thống nhất để nói lên rằng những người Pháp phục vụ Gia Long đều ăn mặc áo quần An nam. Như chúng ta thấy trên các bảng trang trí de Forçant lại mang chiếc áo khoác ngắn mà lỗ nút có viền không phù hợp chút nào với dữ kiện đã nêu dù sao cái áo này không có gì liên quan đến một vị sĩ quan hải quân như de Forçant. Hơn nữa khi mộ được trùng tu, thì nó ở vào tình trạng hư hỏng nặng nề, và hư hỏng nặng nề nhất chính là các đề tài trên các bảng trang trí.

Nếu muốn thì chúng ta nên cho rằng các đề tài đó đã được trình bày dựa theo ngôi mộ cũ về các việc ông Forçant đi săn, đi xe, đi vòng, đi thuyền quan, tuy nhiên chi tiết của các đề tài thì phải cho là đã được trình bày bởi nhà tạo hình 1898 theo mẫu được nhìn thấy ở

thời đại của người này nhưng lại cho đó là thuộc về quá khứ mà không hề biết có chút gì là lệch lạc. Sự phóng túng của nhà tạo hình càng được nhận biết rõ ràng hơn nữa khi người này trình bày các đề tài cổ điển của nghệ thuật trang trí An nam, và nhất là trong cách xếp đặt vị trí chính xác các đề tài ở trong các bức trang trí khác nhau đó. Tóm lại về mặt trang trí trong ngôi mộ hiện nay, chúng ta chỉ thấy một sự bà con chẳng chi gần gũi lắm so với mộ cũ. Đáng tiếc nhưng cứ bằng lòng. Chúng ta sẽ có một cuộc trùng tu cơ bản hơn.

Tôi xin mô tả đơn sơ từng bảng trang trí trước khi sự xâm thực của các mùa có thể phá hủy hoàn toàn nó đi.

Cách trang trí này gồm ba thể loại: chữ thập, hình ảnh của thánh tâm; các cảnh sống hằng ngày của de Forçant, sau cùng là các đề tài trang trí nghệ thuật cổ điển của An nam. Trong những đề tài cuối cùng, có hai đề tài có thể xem như có ý nghĩa tôn giáo, xét theo quan điểm người lương. Nhưng sự việc này chưa hẳn đúng. Tôi chỉ nêu lên như một giả thuyết.

Chúng ta thấy cách trang trí theo như người ta cho tôi biết thì đó là sự lập lại cách trang trí ngày xưa ít nhất cũng trong những nét lớn. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể tự hỏi không hiểu các trang trí Thiên Chúa mà hiện tại quá nhiều, ngày trước có nhiều như thế trên ngôi mộ không? Hình ảnh của Thánh tâm, chúng ta thấy trên phần nhô cao lên của bờ tường sau, đặc biệt có phảng phất hơi hám tân thời: Trong những năm đầu của thế kỷ XIX, sự mộ đạo ở An nam chưa phát triển như ngày nay. Giả sử các thánh giá hiện nay đã lên đến số 3 thì lúc ấy cũng chưa nhiều đến thế. Sau khi de Forçant mất, các con của ông, theo lệnh của vua được giao cho đức Khâm mạng Labartette lúc ấy ở Quảng Trị chăm sóc nuôi dưỡng. Mấy người con của ông đều theo đạo Thiên Chúa, dấu tích tục lệ ấy trong nhà xứ

đạo của Phủ Cam còn lưu trữ. Nhưng chúng ta đừng quên là de Forçant mất như người "có tội", như thế nghĩa là gì?

Chúng ta hãy giả thuyết như sau: de Forçant cưới hỏi không được đảng hoàng, ông không muốn hay không thể, lúc đang còn sống bình thường hóa hoàn cảnh của ông, vì một lý do này hay lý do khác; chúng ta thừa nhận rằng vợ ông là lương không muốn theo đạo; chính bà đã cho xây lăng cho de Forçant nên không đưa các mẫu công giáo và sự có mặt các mẫu tâm thường, dù có các mẫu có ý nghĩa cả giáo lẫn lương đã được giải thích trong sự việc này. Người ta có thể đưa các giả thiết khác; tôi có biết, vợ của de Forçant có thể đã cưới chính thức với một người An nam công giáo. Nếu vậy thì hoàn cảnh người đàn bà này đã được bình thường do cái chết của de Forçant và thế là các huy hiệu Công giáo đã được giải thích. Nhưng dù cách này hoặc cách khác, tôi chắc rằng do trong đợt trùng tu năm 1898 người ta trang trí thêm khá nhiều về số lượng nên có tầm quan trọng hơn.

Các bản có thể chứng minh Công giáo hay Lương là những tấm trang trí bình phong và viền trong của mặt tường trước⁽¹⁾.

Trên bình phong chúng ta thấy một giỏ hoa sen là loại hoa tượng trưng cho Phật giáo rõ nhất vì chính Phật tọa trên tòa sen; đồng thời nhiều bia đồng đều trang trí hoa sen, theo lối đường nét hoặc không.

Các bảng trên tường sau, chúng ta có hai cách giải thích. Trên bảng bên phải, chúng ta thấy một cây thông, một con dơi, một con chim, một con hổ. Trên bảng bên trái có một cây thông, các con bướm, một con hổ. Con dơi gợi ý mẫu "*Phúc, Lộc, Thọ*" có nghĩa là

⁽¹⁾ Không kể đến hai bàn thờ mà tôi đã nêu, một cái ở phía chân người chết, cái kia ở phần cao của tường phía sau.

"Dơi, đốt sống cổ, sống lâu và lời nói tượng trưng *"đức độ, giàu sang, sống lâu"*. Cây thông tượng trưng tuổi già tươi tốt; lộc nhiều tiền của, quan quyền và con dơi là hạnh phúc. Đó là những luật lệ trong nghệ thuật của An nam và Trung Hoa.

Đó là cách cầu mong có tính chất đạo giáo. Nếu chúng ta phản đối là ở đây chúng ta không có đốt sống cổ truyền thống, một trong các yếu tố quan trọng của mẫu, nhưng con hổ và con dơi chỉ được giới thiệu ở trong mỗi một bảng mà nó vẫn thay chỗ cho con chim đã được kèm hợp với cây thông theo như thể là chúng ta đã đến với một mẫu khác, có ý nghĩa đạo giáo đậm nét hơn; còn mẫu con hổ hoặc riêng hoặc cùng với cây thông. Trong trường hợp này, cây thông dù có kèm theo hốc đá, chim hoặc với con thú... đều không có nghĩa nữa. Chỉ có con hổ là có ý nghĩa thôi. Người ta đặt hình nó trên bình phong ở các chùa để yểm trừ điềm xấu có thể hại các vị thần trong chùa, người chết trong mồ. Đó là một lối phòng chống mẫu nhiệm.

Sau này chúng ta lại thấy một bảng khác có con hươu sao và cây thông thường dùng tượng trưng diễn đạt một lời chúc tụng: giàu sang và sống lâu.

Ở cửa vào tường quanh mặt sau của hai trụ tròn có hai chiến binh đứng gác. Người bên trái cầm súng và một con dao đối xứng với người bên phải cũng cầm súng và dao. Chúng ta không nên vội cười nhạo tư thế ấy. Một trong các đồng nghiệp có bảo với tôi, là vào đầu thế kỷ XIX người lính bông súng áp sát vào vai, một tay đặt dưới báng súng một tay khác áp vào nòng súng đúng như các chiến binh của chúng ta ở các cửa vào lăng. Anh ta còn nói, anh có thấy các bức tranh của họa sĩ quân đội, lính pháo lựu của thời ấy, cũng ở tư thế bông súng khi bên phải khi bên trái. Ở đây chúng ta thấy không phải là do thể hiện sự yêu chuộng lối tương xứng của nghệ nhân vào năm 1898. Đây chính là bằng chứng họ đã y sao rập khuôn theo các mẫu

trên của lính thời de Forçant sinh sống? Tôi không nói đến mũ, áo quần, cũng không nói đến chân, khuôn mặt và trang phục chúng thật ngầy ngô và khôi hài!

Hai mặt hông của cột được trang trí bằng chủ đề cổ điển dưới tên là "*mặt và chim*" (mai diều) và hai mặt trong được trang trí với hai con chuột lớn trên tảng đá; nhưng chủ đề đầy đủ phải có cây lựu nữa.

Hai bản vẽ trên bề mặt phía trong tường phía trước có vẽ một cảnh thực được và con chim trĩ theo kiểu trang trí An nam (đơn, trĩ) nơi chân tảng đá có vài cây hoa loa kèn.

Trên các bức tường hai bên là những cảnh trong đời sống hàng ngày của người quan chức Pháp.

Trong bảng đầu bên phải, trong một quang cảnh khúc khuỷu de Forçant đi săn trở về: ngựa ông bước nhanh và đang bước đến một cây cầu ba nhịp, trước ông là một chó săn giống Âu, đuôi chống lên, đang chạy đi, sau ông là một gia nhân, tay cầm một con chim đã săn được, dưới nách. Một người ở đi sau ông, tay có kẹp một cành hoa; trong bảng trang trí góc, thật ra người này có đeo khẩu súng lòng thòng, nhưng tại đây thì nhà tạo hình đã bỏ chi tiết này; một cây mai nở hoa, mọc trên đá, tỏa các cành trườn lên toàn cảnh một cách thanh tao.

Trên bảng đối diện thì de Forçant đeo khẩu súng lòng thòng, mặc áo choàng, lỗ nút có viên đang trên đường đi săn một cách sáng khoái hoặc cũng có thể là đang di dạo mát. Hai lính mặc kiểu An-nam, đội nón dẫu đang gánh cái võng quán, màn buông xuống, hai lính khác đi bên võng cầm hai lọng và phía sau hai lính nữa, một người thì mang cái chổng nạng của võng và người kia đeo túi cau trâu, thuốc lá.

Về hai lọng này, phải hiểu là người vẽ trang trí đầu cổ tình hay không thì cũng đã theo đúng phép tắc của Gia Long, có lẽ bởi vì người này đã tái tạo lại bức tranh của mộ cũ.

Đại úy Kergariou, một du khách đổ bộ lên Đà Nẵng vào thời kỳ mà các sĩ quan Pháp đang còn phục vụ ở Huế, có kể cho chúng ta như thế này:

"Chính thời kỳ này và đó cũng là thời kỳ đấu tranh vì những chiếc lọng mà tôi biết được những thông tin như sau: những hình thức để phân biệt danh dự ở vương quốc Bắc Kỳ và Nam Kỳ là các cái lọng. Hoàng đế có thể bắt che cho mình tám cái, nhưng chỉ trong các trường hợp Đại lễ. Ngày thường chỉ cần bốn. Các quan chức nhất phẩm có thể được che ba, các quan nhị phẩm như Cai bộ chẳng hạn, các ông Vannier và Chaigneau có hai, các vị Tam phẩm như ông De Fay chỉ có một. Ba bậc đó là thuộc loại quan bậc nhất có thể được che lọng, trong toàn Đế quốc.

"Còn năm cấp bậc về quan chức khác thấp hơn thì có lọng nhỏ hơn, nhưng khi gặp quan cấp trên phải xếp lọng lại".

Chính Vannier, trong một buổi đi săn về trên sông Đà Nẵng đã giải thích điều đó cho de Kergariou. Nay de Forçant đã mất. Nhưng lúc sinh thời, ông cũng được quyền có hai lọng như tất cả các đồng nghiệp Pháp, vì đức Chaigneau có cho biết là tất cả các người Pháp phục vụ Gia Long đều được đặt ngang hàng.

Trên bảng tiếp theo, phía bên phải mà chúng ta thấy thì đó là chiếc tàu công tác hay để dạo chơi của de Forçant, một chiếc tàu hơi nước, một chiếc tàu chẳng biết thời đại nào trông ngây ngô của người trang trí vào năm 1898. Về phía núi: một tiêu phu ở rừng về vác hai bó củi trên vai.

Trên bảng cửa tường bên trái là vị sĩ quan đang ngồi trên một xe ngựa hạng sang được kéo bởi hai con ngựa, để trở về một ngôi nhà hai tầng, có con chó chạy trước.

Tôi cũng đang nghi không hiểu các con đường lân cận Huế, vào thời kỳ ấy có thể cho phép những cuộc đi chơi huy hoàng như vậy hay không! Nhưng rõ là nghệ sĩ cũng nghi ngờ như vậy vì chiếc xe đang chạy trên con đường rất gồ ghề. Luôn luôn trên đầu của người đi dạo cảnh có cảnh hoa mai cổ điển.

Hai bảng tiếp nữa cũng trình bày các đề tài cổ điển: Phía bên phải "*tùng lộc*", cũng tượng trưng cho tuổi thọ, con vật tượng trưng cho sự giàu có. Phía bên trái "*le dương*", "*cây lê và con dê*" lưng những con dê lại là những con cừu bình tĩnh tại đây cũng có thể là một hiện tượng phi thời đại nữa, cũng có thể là không.

Ở điểm giữa của phần sau có vòng cuốn cao lên và soán lại hai đầu của tường sau tức là bên phần hậu có một bia nổi lên với các huy hiệu đạo giáo. Ở trên các phần cuốn lại có hai bảng nhỏ với hình "*hoa diêu*".

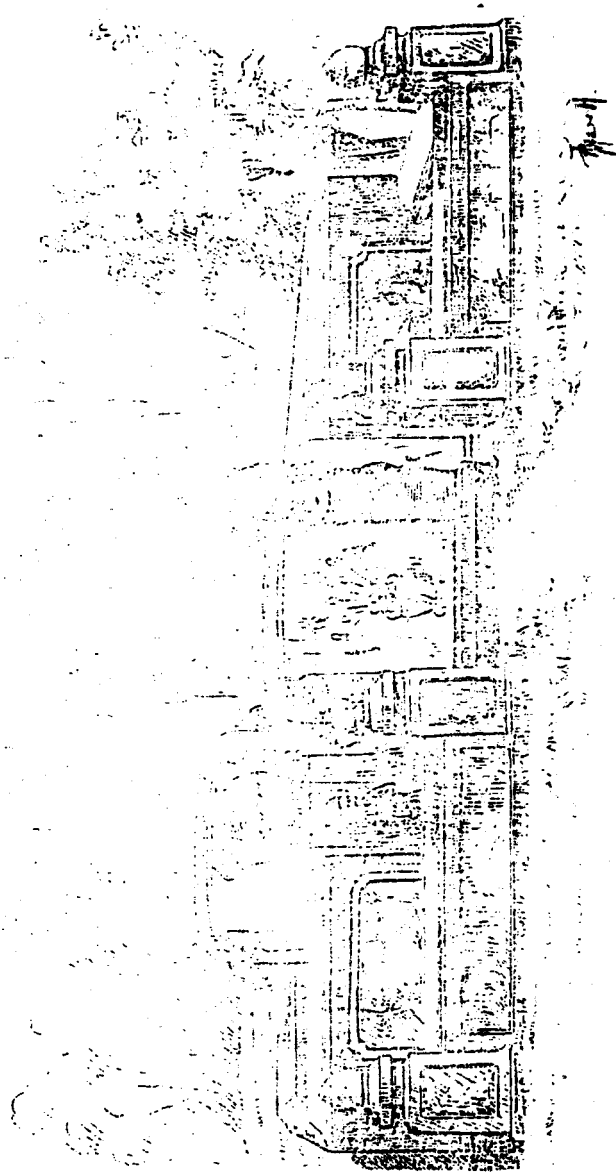
Sau cùng ở hai bên của bảng bia ở giữa ấy có hai bảng khác trình bày, bên phải đề tài gọi là "*nho, sóc*" và bên trái là đề tài "*quả, điệp*". Đây là trang trí của lăng mộ de Forçant như đang thấy hiện nay, một sự trang trí giản dị nhưng bổ ích về nhiều mặt như chúng ta đã thấy.

Tôi xin phép trước khi kết thúc trình bày một nguyện vọng là được thấy sửa gấp bên trong cái bia để được có câu: "*Đây an nghỉ ông Vannier không mất ở An nam, mà ở Pháp. Vannier không phải hy sinh trong sự phục vụ vua Gia Long*". Không; với bấy nhiêu chữ sẽ không có sai nhầm, không có sai lầm lớn.

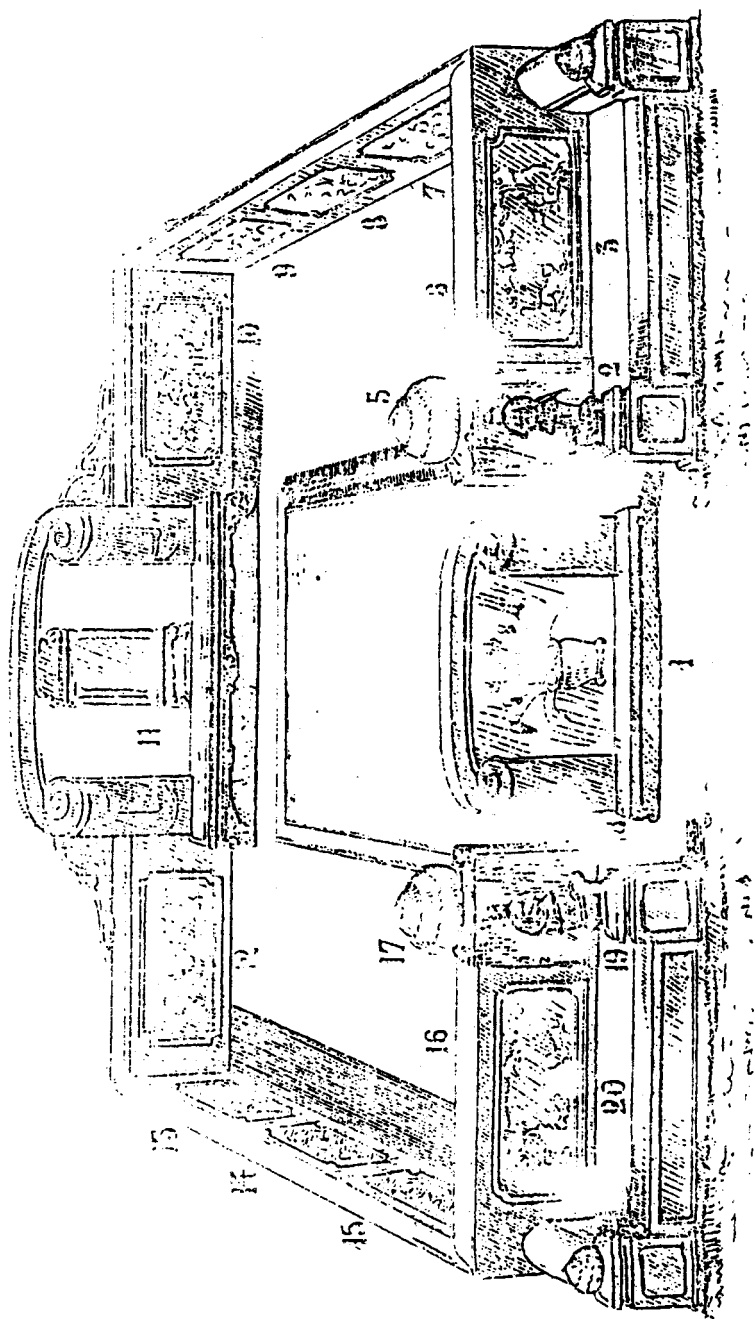
Vannier không mất ở An nam, mà ở Pháp. Vannier không phải hy sinh trong phục vụ Gia Long vì ít nhất đến năm 1840 nghĩa là 20

năm khi vua Gia Long chết, Vannier vẫn còn sống. Ông cũng không được chôn cất ở Phủ Tú: cái mộ mà chúng ta thấy tại đây là của de Forçant.

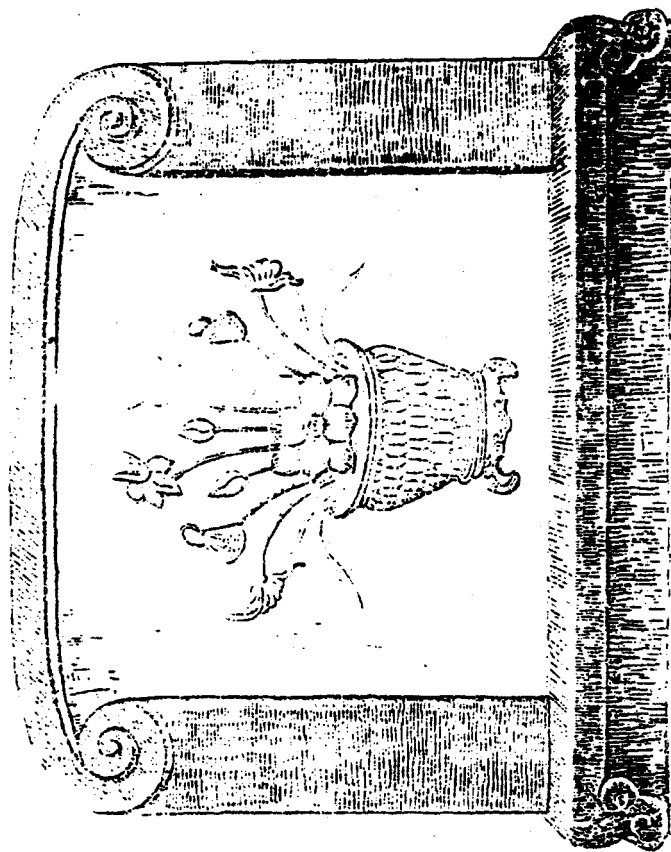




Mộ của For c ant:nhìn từ ngoài



Mô của De Forcant



Bình phong ở mộ De Forcant



PHONG TƯỚC HIỆU QUÝ TỘC Ở TRIỀU ĐÌNH AN NAM

ĐẶNG NGỌC OANH

Tổng thư ký Viện Cơ Mật

Các tước hiệu quý tộc từ xưa ở Trung Hoa được ban cho các Hoàng tử con vua, cho các con cháu của Hoàng gia, cũng như ban cho các quan chức xuất sắc trong nền cai trị hành chính của vương quốc và trong chỉ huy quân đội. Giai hệ các tước hiệu được quy định tùy theo các triều đại, dần dần nó được ổn định theo năm tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. Đó là năm tước quý tộc: Ngũ tước.

Các vua chúa An nam bắt chước cách định tước hiệu này trong các đường nét lớn: từ nhà Lê cho đến thời Nguyễn ở triều đình Huế. Chúng tôi chưa đề cập các sự chế định về vấn đề tước hiệu, sau này sẽ nghiên cứu tiếp. Trong bài này, chúng tôi chỉ trình bày về thủ tục nghi lễ đã phải làm theo trong một dịp phong tước cho ba vị quan chức lớn của triều đình An nam và đồng thời trình bày các bản dịch về các tài liệu quan trọng liên quan nghi lễ này.

LỜI NÓI ĐẦU:

Rất nhiều quan chức trong triều đình An nam được đưa lên tước quý phái. Chương trình của lễ phong tước mà chúng tôi sắp đề cập chẳng khác chi chương trình của bất cứ một lễ phong tước nào. Và dưới đây là lễ phong tước Tử cho các ngài Tôn Thất Hân, Đoàn Đình Duyệt.

Ngày 18 tháng chạp, niên hiệu đầu Khải Định (11 tháng 1 năm 1917) Bộ Lại trình lên vua báo cáo sau đây và được vua phê chuẩn.

Tâu Hoàng thượng,

"Tháng 7, 8 vừa qua, Bộ có nhận chiếu của Hoàng thượng ra lệnh nâng lên tước "Bá" cho các ngài Tôn Thất Hân, hiệp tá Đại học sĩ Thượng thư Bộ Hình ủy viên Hội đồng Cơ Mật, phụ trách điều hành viện Giám sát, nguyên tước "Tử" Phò Quang và ngài Nguyễn Hữu Bài, hiệp tá Đại học sĩ, Thượng thư Bộ Công phụ trách Bộ Binh, ủy viên Hội đồng Cơ Mật, nguyên tước Tử "Phước Môn" và cũng ra lệnh phong tước "Nam" Ninh Lăng cho ngài Đoàn Đình Duyệt, Thứ hiệp tá, Thượng thư Bộ Tài chính, ủy viên Hội đồng Cơ Mật.

"Xin chấp hành chiếu lệnh".

"Thế theo các điều lệ hiện hành, Bộ chúng tôi hân hạnh đệ trình lên Hoàng thượng danh sách các quan văn nhĩ phẩm, để Hoàng thượng lựa chọn và sung vào chức Tuyên Phong sứ hay là sứ giả của đức vua để đọc sắc phong. Bởi lẽ các Đại quan này do ân huệ của vua ban, và vừa được phong tước quý phái, nên Bộ đã yêu cầu "Khâm Thiên giám" chọn ngày tốt để tiến hành Lễ:

"Các ngày ấy như sau:

1/ Ngày phong tước "Bá" Phò Quang là ngày 20.

2/ Ngày phong tước "Bá" Phổ Môn là ngày 22.

3/ Ngày phong tước "Nam" là ngày 25.

Kính mong Hoàng thượng chỉ định trong số các Đại thần nêu trên (trừ phi cho các vị bị trở ngại bởi do những lý do chính đáng) một Tuyên Phong sứ để đến ngày đã chọn, tiến hành phong sắc theo chương trình qui định.

Vị Khâm sứ quyền nhiếp Le Marchant de Trignon đã được loan báo".

DANH SÁCH CÁC QUAN NHỊ PHẨM:

Các Hoàng thân:

Ứng Huy, Thượng thư Bộ Lễ, Hữu Phó Trị Sự phủ Tôn Nhơn;

Ứng Hào, Tham tri Bộ Lễ Tả Phó Trị Sự phủ Tôn Nhơn;

Hường Khang, Tham tri Bộ Hộ;

Các Thượng quan bách tánh:

Cao Xuân Tiến, Tham tri Bộ Lễ;

Võ Liêm, Tham tri Bộ Binh;

Nguyễn Khải, Thị lang quyền Tham tri Bộ Hình;

Nguyễn Tri Kiến, Thị lang quyền Tham tri Bộ Công;

Lưu Đức Xứng, Tham tri Bộ Lễ, Chủ sự Viện chép Sử;

Hoàng đế đã khuyên 2 dòng vành son gắn các tên các ông: Ứng Huy, Ứng Hào và Lưu Đức Xứng, nên các vị này đã được cử làm Tuyên Phong sứ.

NGHI LỄ:

Khi Tuyên Phong sứ đã được vua chỉ định thì Bộ Lễ là Bộ có chức năng liên quan, phải thiết lập một bàn thờ hương hoa quả phẩm, ở tại căn phòng giữa của hành sở của vị quan được ân huệ, được gọi là Thọ Phong quan⁽¹⁾. Trước bàn thờ cao lớn, thếp vàng là một bàn nhỏ sơn vàng thấp hơn. Trên bàn này có một giá gỗ⁽²⁾, chỗ đứng cho vị quan được phong là trước cái bàn sơn vàng, xây mặt về phía bắc: chỗ đứng dành cho Tuyên Phong sứ là ở phía đông, xây mặt về hướng tây.

Trước ngày lễ, các nhân viên phụ trách đã sắp đặt ở gian giữa của Chánh, một bàn màu vàng trên có đặt một giá gỗ để cắm cờ tiết⁽³⁾. Cái hòm đựng các sắc bằng cũng được đặt trên bàn ấy.

(1) Thọ Phong quan là viên chức được nhận chức quý tộc.

(2) Trên bàn thờ ấy cũng như trên tất cả các bàn thờ khác người ta thấy một lư hương bằng đồng bên phải và bên trái hai cây đèn có nến. Có hai lọng che bàn. Sau cùng treo màn màu vàng, phía trên có trần vàng. Một bình phong nhỏ có cán chạm hay thêu đặt sau lư hương. Có một bình hoa đủ màu sắc bên phải và một mâm trái cây đủ loại bên trái. Người ta thắp hương và đốt trầm trong khi cúng.

(3) Muốn giữ cho "tiết" đứng thẳng góc, "tiết" là một huy hiệu của vua có 7 gút có tua để treo phía đầu trên một cái gậy cong sơn son thếp vàng.

Phía dưới, ngoài sân, ở giữa con đường gọi là "Dũng đạo" có đặt chiếc kiệu.

Đến ngày quy định, vào tảng sáng người ta đưa đến hai chiếc lọng vàng, mười cây gậy sơn đỏ và nhạc công.

Tất cả các thứ này đều được sắp xếp thứ tự ở hai nền sân. Vị Tuyên Phong sứ trong áo quần lễ cũng đứng ở sân.

Một quan cấp thấp của Ngự Tiễn văn phòng và một vị nữa của Bộ Lại, cả hai đều mặc áo lễ triều, sẵn sàng đứng đợi ở hành lang phía đông của điện Cần Chánh, trong khi đó thì hai "tán" và 10 thanh kiếm cũng đang đợi ở ngoài cửa.

"*Nhật tinh*" hay có nghĩa là mặt trời trong sáng, mặt trời và 20 cờ đuôi nheo cũng đứng đợi trước cửa Ngọ Môn.

Vị Tuyên Phong sứ tiến đến lay 5 lay và quỳ xuống. Vị quan Ngự Tiễn văn phòng cầm "*cái tiết*" bước xuống các tầng cấp ở giữa, và trao cờ hiệu để quyền này cho Tuyên Phong sứ và ông này sau khi tiếp nhận cờ tiết thì đứng thẳng lên, ngay ngắn. Lại đến lượt vị quan Bộ Lại mang cái hòm chứa tờ sắc phong đặt vào trong kiệu.

Cả đoàn bắt đầu diễn hành theo tiếng nhạc đi đầu là vị Tuyên Phong sứ tay cầm cờ tiết. Sau là cái kiệu có lính gánh gọi là "*Loan nghi*" được che hai lọng vàng. Đoàn đi qua cửa giữa của Đại Cung Môn, các vị quan hạ cấp của Ngự Tiễn văn phòng và của Bộ Lại đi theo đoàn.

Đoàn chuyển hướng sang phải và đi qua cửa *Nhật tinh* để có thể đi theo sau các "*tán*" và các trường kiếm. Đoàn qua cầu đá, cửa Ngọ Môn, cầu Kim Thủy để vòng qua phải.

Vị Tuyên Phong sứ, cỡi ngựa cầm cờ "*tiết*" đi đầu đoàn, cờ đuôi nheo bao quanh bên phải và bên trái, tiến bước đến hành sở của vị quan được ân huệ.

Đến trước cửa dinh thự đoàn được vị quan ra quỳ trên chiếu bên trái cổng vào để tiếp đón. Đoàn đi qua và vào trong sân, quan đi theo.

Vị Khâm sai đi vào hành sở và đặt "tiết" trên cái giá gỗ đặt sẵn. Các lính "Loan nghi" đặt kiệu ở sân.

Vị quan của Bộ Lại lấy hòm trong kiệu ra và để trên bàn sơn vàng. Người ta đưa kiệu ra khỏi chỗ nhưng tán, gậy, cờ đuôi nheo thì giữ lại cho lính cầm sắp hàng trên sân, bên phải, bên trái để làm hàng rào danh dự.

Lễ phong sắc diễn tiến với tất cả tính chất long trọng thông thường này được cử hành vào lúc 8 giờ sáng.

Vị Tuyên Phong sứ đứng vào vị trí, vị Thọ Phong quan tiến đến chiếc chiếu thứ hai, lạy 5 lạy theo lệ. Vị Tuyên Phong sứ báo có chiếu vua ban, vị Thọ Phong quan tiến lên chiếc chiếu thứ nhất mặt quay về hướng bắc quỳ xuống. Vị quan hạ cấp của Bộ Lại mở hòm, lấy sắc bằng ra và Tuyên Phong sứ tuyên đọc những lời trong sắc một cách đồng dục.

Đọc xong, bằng được cuộn và đặt lại trong hòm, Tuyên Phong sứ trao hòm cho Thọ Phong quan, Thọ Phong quan quỳ xuống, đưa hòm lên ngang trán và vái 3 lần và sau đó đưa cho một vị quan hạ cấp khác, vị này mang hòm đi đặt ở chỗ cung kính.

Vị Thọ Phong quan lại gập mình lạy, trán chạm đất sau đó đứng dậy, trở lại chỗ cũ, lạy tạ 5 lần nữa và bước ra.

Như vậy là lễ xong, đoàn chuẩn bị trở về điện Cần Chánh, trước khi Tuyên Phong sứ trở về điện thì Thọ Phong quan tạ ơn Tuyên Phong sứ bằng các phẩm vật thường lệ như: một vài tấm lụa, trà và bánh. Còn các quan chức và tùy tùng khác đi theo đều được nhận trà và lụa ít hơn. Lính tráng cũng nhận được tiền thưởng. Tất cả đều được mời dự tiệc.

Tốp lính trở lại hàng ngũ như khi ra đi. Vị quan của Ngự Tiền văn phòng đến cầm lại "tiết" và giao cho Tuyên Phong sứ đưa đoàn trở về.

Khi trở về đến điện Cần Chánh, vị Tuyên Phong sứ quỳ xuống và sau khi đã trả "tiết" cho các quan có nhiệm vụ bảo vệ "tiết" quan trung gian của vị quan Ngự Tiền văn phòng thì đứng dậy lấy 5 lạng trước ngai vàng và trở về cùng cả đoàn.

Các vị quan bảo vệ được gọi là Trục thân cùng với các quan Thị vệ đặt lại "tiết" trong hòm và hòm được niêm phong như trước.

Đoàn được tiếp đón rất trọng thể khi đến hành sở của Thọ Phong quan, con đường đi đều được treo cờ ngũ sắc tung bay trước gió.

Các loại cờ khác cũng được cắm hai dãy trong sân để đón đoàn đi ở giữa. Để chào mừng đoàn người ta đốt pháo hoa, pháo tống, pháo tép làm cho long óc điếc tai.

Thường lệ mỗi khi một nhân vật quan trọng nào được nhận ân huệ của vua, hoặc là thăng chức hay phong tước quý phái thì cha mẹ, bạn bè, những người quen biết đã mang đến nhiều lời khen ngợi, những vật kỷ niệm bằng các món quà như liễn đối, hoành phi, trà rượu, pháo... người nhà thường tổ chức tiệc mừng để cảm ơn đáp lễ.

Trong các buổi long trọng như lễ phong tước này, các Đại diện của nền Bảo hộ ở An nam, các viên chức người Âu quen thuộc cũng được mời dự. Các nhân vật cao cấp ấy thường đến sớm vài phút trước khi đoàn rước sắc đến và cũng tham dự lễ bên cạnh với Thượng thư của Hội đồng, Thượng thư và các quan trong triều đình. Các vị quan lại đều mặc áo rộng.

Trong khi Tuyên Phong sứ đọc sắc phong thì mọi người đều chăm chú nghe, với sự im lặng tuyệt đối.

Khi xong lễ các quan chức người Âu cũng như các vị Thượng thư đều được mời uống cạn chén rượu sâm banh và ăn vài cái bánh Tây hay bánh An nam, quan Khâm sứ và tùy tùng ngợi khen các Thọ Phong quan và nhận được những lời cảm ơn đáp lễ. Sau đó các viên chức người Âu từ già Thọ Phong quan để trở về, lấy làm vui vẻ đã được dự buổi lễ long trọng tôn nghiêm.

Bữa tiệc khao bạn bè, cha mẹ và bà con quen thân được tổ chức sau khi làm lễ xong và suốt cả ngày, nếu vị Thọ Phong quan có nhiều bạn bè thì cuộc chiêu đãi kéo dài đến 2 hoặc 3 ngày.

Cần để ý là người An nam, khi đã nhận được của vua một ân huệ gì thì họ tiêu pha rất phung phí.

*

*

*

NỘI DUNG TỜ SẮC BAN TƯỚC BẢ PHÒ QUANG CHO THƯỢNG THƯ TÔN THẤT HÂN:

Tuân lệnh trời để mở kỷ nguyên thái bình, Hoàng đế truyền lệnh như sau:

"Theo chín phương sách để trị vì trong sách "Trung Dung", thì tất cả mọi người đều có quyền được hưởng dù cho họ thuộc dòng dõi Hoàng gia hay thuộc dòng giống bách tánh. Chương nói về "Vương chế" đã chia tước hiệu quý tộc ra 5 bậc để tuyên thưởng cho những người có đạo đức, ứng với phẩm chất của họ. Bởi lẽ điều tốt phải được khen thưởng nên sự thăng chức phải được dành cho những người xứng đáng. Như vậy ân huệ đặc biệt này được ban ra là phù hợp với luật lệ quy định.

"Chỉ dụ Thượng thư Tôn Thất Hân, Hiệp tá Đại Học sĩ, Thượng thư Bộ Hình, ủy viên Cơ Mật, Chủ sự Đô Sát viện, Bá Phò Quang thuộc dòng dõi Hoàng gia, có bản chất tốt, tài giỏi nhiều, học thức rộng. Khi được trao những nhiệm sở khó khăn ở các tỉnh, người này đã tỏ ra là một vị quan có phẩm chất. Trong một thời gian đã được điều về Huế để giữ trọng trách Lang Trung ở Bộ.

"Khi được cử ra, lần đầu nhậm chức Án sát ở Hà Tĩnh, mặc dù hoàn cảnh khó khăn, vị quan này, trẻ trung và dũng cảm đã luôn luôn bày tỏ ý chí cải thiện đời sống của người dân và đã coi thường mọi khó khăn nguy hiểm, vị quan này đã tổ chức tốt nền an ninh và đã phòng xa tất cả mọi việc.

"Trong 5 năm hoạt động, vị quan này bảo đảm được cho dân chúng sở tại một cuộc sống hạnh phúc và yên ổn và cũng nhờ vậy mà đã được thăng chức ba lần cho đến Tỉnh trưởng.

"Từ đó, liên tiếp được cử hành Tổng đốc Quảng Trị và Nghệ An và ở tại các tỉnh này đầu khi được quyền cai trị hay khi đã đổi đi thì vị quan này cũng chỉ được nhiều tiếng khen và đã để lại những kỷ niệm tốt.

"Nếu như vị quan này đã san phẳng được bao nhiêu khó khăn về cai trị và xã hội thì đó là nhờ thiên tài không bao giờ thiếu ở nơi con người đương sự. Nếu đem so sánh với Võ Mục của thời Lê và Đạo Thành đời Lý thì người ta có quyền công bố là người này không kém gì hai vị Đại nhân dòng máu Hoàng gia và có công lao to lớn kia.

"Khi làm Thượng thư Bộ Hình, võ quan này đã thực hiện nhiệm vụ với toàn tâm toàn ý, ở cương vị ủy viên Chính phủ, người này đã luôn nghĩ đến quyền lợi của đất nước. Ở cương vị Thượng thư cũng như ở cương vị Khu sứ Đô sát, người này được tất cả thừa nhận là giàu kinh nghiệm.

"Một người như thế đã làm vinh dự cho xứ sở và làm bóng mát che cho triều đình.

"Trẫm rất cảm ơn hồi người anh em họ của Trẫm về tất cả sự tận tụy mà người đã chứng tỏ trong những thời kỳ khó khăn nhất mà Hoàng tộc chúng ta đã phải đau khổ trải qua. Đó là nhờ sự khôn ngoan và nhờ sự cương quyết của người mà mọi công việc đã được hoàn thành tốt đẹp trong nháy mắt mà đất nước và triều đại đã được bảo vệ an toàn.

"Từ khi tức vị, Trẫm rất hài lòng và sung sướng được sự hợp tác của người. Người đã xứng đáng về nguồn gốc của người và lòng tin của Trẫm. Người có quyền được khen thưởng và làm gương, tác dụng của khen thưởng phải được theo mãi với người qua bên kia cuộc đời.

"Ta phong tước Bá Phò Quang cho người với tờ sắc. Người hãy nhận lấy, hồi người anh em họ của ta và cố gắng luôn luôn tỏ ra xứng đáng với ân huệ mà ta ban. Người càng giữ danh dự cho gia đình chúng ta bao nhiêu thì người còn hy vọng tiến thân.

"Sự khen thưởng này làm cho người được tiếng tăm vĩnh viễn".
Hãy chiếu lệnh chấp hành!

"Ngày mồng 2 tháng 8 niên hiệu Khải Định năm thứ nhất".

*

* *

"Thế theo ý trời để mở ra một thời đại thái bình, Hoàng đế An-nam truyền lệnh như sau:

"Thời nào cũng vậy, đều qui định là một Đại quan khi đã đem hết tài năng cống hiến cho quyền lợi của xứ sở thì người đó phải được đền bù trong thành tích của mình bằng những vinh dự và ân huệ

triều đình. Thế theo truyền thống này Trẫm truyền ban một ân huệ mà Trẫm muốn rằng có tánh cách đặc biệt.

"Thượng thư Nguyễn Hữu Bài, Hiệp tá Đại học sĩ, Thượng thư Bộ Công và Bộ Binh, ủy viên Cơ Mật, tước Tử Phuớc Môn là người học rộng, phong thái khoan hòa, xuất thân từ gia đình nề nếp. Nhờ có ưu thế này, nên ông đã có đủ mọi thứ. Ông không thua gì Tử Phụ về học vấn, không thua gì Tử Sản về nói năng. Trong sự giao thiệp giữa hai Chính phủ cũng như trong tất cả những công việc khác, ông đều tỏ ra là người giàu khả năng và không có gì là khó đối với ông. Trẫm còn nhớ cái ngày mà ông ta được đưa đến các tỉnh gần 2 tỉnh Quảng để phân định ranh giới, cũng như được gửi đến hai huyện để làm phái viên quân sự thì ở đâu ông ta cũng đã làm nổi bật được vai trò của mình bằng những cống hiến xuất sắc, các kỷ niệm về những việc làm này còn thấy rõ trước mắt.

Xét theo những công lao của ông, triều đình đã giao cho ông chức Bố Chánh tại Thanh Hóa, và tiếp theo là các chức Tổng Thư ký của hội đồng Cơ Mật và chức Tham tri Bộ Hình. Ông ta được gửi đi công tác trong một thời gian tại Paris và khi trở về được cất lên chức Thượng thư Bộ Binh và Bộ Công. Được gửi qua nước Pháp, cũng như khi làm việc ở tại nước nhà, ông luôn tỏ ra có đủ khả năng để làm tròn công việc được giao phó.

"Nếu trong cái thời đại mới này mà người quan viên tốt này luôn có thể hoàn thành công việc một cách vinh dự, thì đúng là ông ta có được cái nhìn sáng suốt và một năng lực sinh động.

Ngoài những công lao cụ thể như vậy, ông ta còn có những công lao khác huy hoàng hơn nữa. Tôi muốn nói đến những sự khó khăn về Kinh thành vừa trải qua gần đây.

"Xin nói với ông Thượng thư thân mến rằng giá như ở chức vụ của ông, nhưng không có người như ông mà là một kẻ nào khác thiếu

cái nhìn sáng suốt thì công việc hẳn đã không thành tựu tốt đẹp. Còn ông, thì với lòng can đảm và tính nói thẳng nên ông đã sắp xếp công việc một cách đáng khâm phục. Hiệp ý với các đồng sự của ông, trước hết là ông đã nghĩ cách làm cho Kinh thành yên ổn rồi thì giữ vững lập trường của mình, ông đã mời Trẫm ra nhận lãnh ngôi báu. Trẫm là một người không tài năng gì mà nay uy quyền được mang về là nhờ có công sức của ông.

"Từ ngày Trẫm lên ngôi, Trẫm đã hài lòng có được sự cộng tác của ông, dưới sự điều khiển của ông, mọi công việc đều trôi chảy; và chính bản thân ông, ông đã cống hiến hết mình cho quyền lợi Vương quốc. Để thắt chặt tình thân mật giữa hai Chính phủ, ông đã tích cực chăm lo tuyển thợ, mộ lính và để giúp đỡ Trẫm cai trị muôn dân. Ông đã kết hợp chặt chẽ trong công việc làm với các đồng sự của ông. Một người như ông quả đã xứng đáng để cho nhà nước Bảo hộ khâm phục và xứng đáng được nêu danh là một quan viên tài giỏi. Ông đáng quyền nhận lãnh một sự tưởng thưởng đặc biệt.

"Trẫm xin nói với ông Thượng thư Bộ Binh hãy tin tưởng rằng những biểu hiện khâm phục mà Trẫm ban cho ông ngày hôm nay đúng là một sự cam kết mà trong đó Trẫm muốn để dành cho ông những đặc ân và những vinh dự trong một thời gian dài vô hạn, bởi vì những công lao của ông rất là to lớn và không bao giờ có thể bị quên lãng.

"Trẫm sẽ cảm thấy sung sướng nếu những biểu hiện khâm phục này mang đến cho ông một danh hiển lâu bền.

"Hãy chiếu lệnh thi hành!"

"Ngày mồng hai, tháng 8 niên hiệu Khải Định năm thứ nhất".

*

* *

NỘI DUNG TỜ SẮC PHONG TƯỚC NAM NINH LÃNG CHO THƯỢNG THƯ ĐOÀN ĐÌNH DUYỆT:

Tuân lệnh trời, để mở kỷ nguyên thái bình thiên hạ, Hoàng đế ra lệnh như sau:

Thời nào cũng vậy, đều đã quy định có 5 hạng quý tộc được để dành cho quan viên cấp cao có công xứng đáng được dân yêu quý về đạo đức. Chẳng hạn trường hợp của Thượng thư Đoàn Đình Duyệt, Thượng thư Tài chính và ủy viên Cơ Mật mà trí thông minh xuất chúng và những sáng kiến khôn ngoan đã được mọi người biết đến.

Từ thời thanh niên, vị Đại quan này đã tỏ ra một ý chí lạ thường. Ngoài ra vị này còn có một thiên tài đặc biệt: là sự lạnh trí trong mọi tình huống.

"Ở nhiệm sở Án Sát, cũng như ở tất cả các nhiệm sở khác đã được phân công dù cho trong hoàn cảnh khó khăn đến đâu, vị này cũng có khả năng để hoàn thành nhiệm vụ mà người ta yêu cầu. Luôn luôn vị này tỏ ra một con người giá trị và như thế đáng được nhiều khen ngợi xứng đáng.

"Chúng ta khâm phục các công lao mà vị này đã cống hiến trong việc cai trị các tỉnh, và chúng ta vẫn còn nhớ những gì mà vị này đã làm để phát triển nông nghiệp và với trí tuệ sáng suốt tuyệt vời đã khích lệ được người dân tham gia phát triển.

Đúng là người truyền đạt kiến văn nổi tiếng:

"Khi còn là Tuần phủ ở Quảng Ngãi, vị này đã thuyết phục được dân chúng bằng những lời khuyên răn tốt đẹp khi đảm nhận chức vụ

tổng đốc Nghệ An, vị này đã bảo đảm cho dân chúng sống tại một sự an ninh tuyệt đối. Khi ở Bình Định ngoài những công việc đã làm không cần phải khen nhiều, vị này còn đảm nhận việc tuyển binh không biết mệt, và cũng nhờ những sáng kiến khôn ngoan mà các trường học ở các tổng đều phát triển lớn mạnh.

"Trẫm xin tuyên bố, hỡi vị Thượng thư thân mến, một người giá trị như khanh nghĩa là văn võ toàn tài thì phải được kính trọng trong các tỉnh và ở tại triều đình.

"Ta lên ngôi trong thời loạn lạc, ta tìm ở khanh một người đáng tin cậy.

"Xét rằng chưa có một tước hiệu quý phái nào đã được ban cấp để bù đắp công lao mà khanh đã đóng góp, nên lúc này ta phải nghĩ đến.

"Ta phong cho người tước Bá Ninh Lãng với tờ sắc phong, hãy nhận đi vì khanh có quyền ấy.

"Khanh hãy chung vai gánh vác công việc sơn hà với các bạn đồng僚 và hãy cùng chia sẻ niềm vinh dự với họ để mãi mãi được hưởng những ân huệ như chính ngày hôm nay khanh đang hưởng.

"Sự ban cấp danh dự này sẽ đem đến cho người tiếng tăm mãi mãi.

Hãy chiếu lệnh chấp hành!

"Ngày mồng 2 tháng 8 niên hiệu Khải Định năm thứ nhất".

*

*

*

BỨC THƯ CẢM TẠ TRÌNH LÊN HOÀNG THƯỢNG CỦA THƯỢNG THƯ BỘ HỘ TÔN THẮT HÂN:

Tâu Hoàng thượng,

Hạ thần tên là Tôn Thất Hân, người tôi trung xin nghiêng mình kính bái trước Hoàng thượng và cầu mong Hoàng thượng quan tâm đến lời dưới đây:

"Vào tháng 8 hạ thần đã nhận được của Bộ Lại một phóng bản tờ chiếu của Ngài ban cho hạ thần tước Bá Phò Quang và trong tháng nay vị Tuyên Phong sứ đã mang đến tờ sắc phong để cử hành nghi lễ.

"Khi nhận được vinh dự này, hạ thần vừa mừng rỡ vừa cảm động và hạ thần xin phép được tự do dâng lên Hoàng thượng những lời biết ơn;

"Có hạnh phúc được là con cháu trong Hoàng tộc, hạ thần đã được chấp nhập làm quan viên Chính phủ, dù tài năng hèn mọn và học hỏi còn sơ sài, tuân thủ một cách thiêng liêng nghĩa vụ của gia đình nên ngày đêm hạ thần lo toan một ngày nào đó trả được nợ nước để tỏ lòng biết ơn.

"Trước tiên, thần đã được bổ nhiệm về các tỉnh để làm Tri huyện và Tri phủ và tiếp theo được triệu về Kinh đô để nhậm chức vụ Lang Trung ở Bộ và từ đấy được bổ nhiệm đi các tỉnh để làm Án Sát và Bố Chánh và sau cùng được cử làm Tỉnh trưởng Hà Tĩnh.

"Trong lúc hạ thần được điều động như vậy thì đất nước đầy rẫy cướp bóc và dân chúng cùng khổ. Hạ thần ý thức khả năng tâm thường chưa xứng đáng để được giao nhiệm vụ nên không dám khoe khoang về tài đức. Hạ thần cố gắng hết sức để phát huy công đức

của triều đình. Nên dân sống yên ổn đó là nhờ ở triều đình, nhờ ở ảnh hưởng đạo đức của triều đình. Hạ thần chỉ làm tròn bổn phận và do đó không dám nghĩ đến khen thưởng.

"Sau khi hai lần làm tròn công việc Tổng đốc, hạ thần được giao cho điều hành công việc luật pháp, ngoài ra lại còn được giao cho chức ủy viên Cơ Mật và Ngự sử Đô Sát. Tất cả những ân huệ đặc biệt mà hạ thần được nhận lãnh dồi dào ngày hôm nay không phải là những điều mà hạ thần mơ ước.

"Khi ở lại các tỉnh cũng như ở Kinh thành, hạ thần đã lãng phí thời gian chưa đem lại được gì lợi ích. Tước "Tủ" mà gần đây hạ thần được ban là quá lắm rồi. Càng lên tới đỉnh của hạnh phúc, hạ thần càng thấy, theo như lời nói của người xưa, lo sợ những ganh ghét đối với mình.

"Trong lúc mà Kinh đô đang bị đe dọa bởi một sự cố khủng khiếp thì niềm hy vọng của người dân lập tức hướng về Hoàng thượng và nếu triều đại còn được an toàn thì đó là nhờ ở công ơn của các Tiên đế và đặc biệt là của Hoàng đế phụ thân của Hoàng thượng và nhờ công ơn này, luôn luôn được ghi sâu trong tâm trí của Ngài. Hạ thần chưa đóng góp được gì vậy mà cũng đã nhận lãnh được sự thăng cấp đặc biệt.

"Trong tờ chiếu của Hoàng thượng, có nói rằng thần là người có kinh nghiệm và thành viên tốt của Hoàng gia. Hạ thần nghe những lời tán thưởng ấy rất mát lòng, nhưng thật ra thần mới chỉ là một quan viên chưa công minh và nhân ái như Tử Hưu Công và là thành viên quý tộc, chưa đóng góp được gì để giáo dục cho muôn dân như Quốc Thúc ngày xưa đã làm cho đất nước người này vậy.

"Kính mong Hoàng thượng cho phép thần xin trình bày thêm một ý:

"Khi đất nước chưa hoàn toàn yên ổn và vua đang đem hết nghị lực để cứu nguy đất nước thì sự ban tước quý phái chưa phải là việc làm cấp bách mà trái lại chỉ làm thẹn lòng những kẻ bấy tôi.

"Ôn huệ này làm cho thần run sợ!

Hạ thần rất sung sướng được là thần dân của Hoàng thượng, Ngài đã có một nền học vấn cơ bản. Nền trị vì của Ngài dựa trên những nguyên tắc chủ yếu là lòng nhân đạo và lòng hiếu thảo. Nền trị vì đó làm vừa lòng những kẻ làm cha làm mẹ, thành thật với thần dân. Nền chi một kẻ tầm thường như thần cũng được hưởng phần thưởng hiếm có.

"Cung kính nghiêng mình trước Hoàng thượng, hạ thần cầu xin ở Hoàng thượng thêm một vài điều nữa: xin Ngài hãy luôn luôn lo lắng trong công việc trị vì, trái lòng với nhân dân, kính trọng Tổ tiên để làm vui lòng hai ngài Hoàng Thái hậu, thăng thần trong quan hệ với nước bạn và luôn luôn công bằng trong cái tổ triều đình. Nếu làm được như vậy, hạ thần tin chắc là thần dân sẽ được sung sướng và bốn cõi biên thùy vương quốc sẽ được an ninh.

"Tin chắc rằng oản thân tài hèn khó làm trong thời buổi đang mở ra một kỷ nguyên mới như hiện nay nhưng hạ thần luôn thấy trách nhiệm đè nặng lên vai nhất là khi được giao trọng trách.

"Tuy nhiên hạ thần vẫn xin hứa hẹn với Hoàng thượng là luôn để hết tâm trí để hoàn thành bốn phận. Nếu sự hiểu biết của thần hạn chế thì xin đền bù vào bằng sự lo lắng ân cần, nếu khả năng tầm thường thì xin để ra cho mình một sự hoạt động mạnh mẽ, để có thể hưởng được mãi mãi các ân huệ của Hoàng thượng như trời bể mệnh mông!

"Thần làm gì đây để có thể trả hết món nợ ân huệ này?

Trên đây là bức thư tạ ơn dâng lên Hoàng thượng.

"Ngày 20 tháng chạp, niên hiệu Khải Định năm thứ nhất."

*

*

*

BỨC THƯ CẢM TẠ TRÌNH LÊN HOÀNG THƯỢNG CỦA THƯỢNG THƯ BỘ CÔNG KIÊM BỘ BINH NGUYỄN HỮU BÀI:

Tâu Hoàng thượng,

Hạ thần là Nguyễn Hữu Bài, người tôi trung xin nghiêng mình trước Hoàng thượng và kính mong Hoàng thượng quan tâm đến những điều sau đây:

"Hạ thần có nhận được vào ngày mồng 2 tháng 8 trong năm nay, một bản sao tờ chiếu của Ngài trong đó có đoạn viết:

"Ông Nguyễn Hữu Bài, Hiệp tá Đại Học sĩ Thượng thư Bộ Binh và Bộ Công, ủy viên Cơ Mật, Tử Phước Môn là con người tri chí và thông minh. Với cách ăn nói thẳng thắn, ông không ngần ngại để lao vào các cuộc thảo luận tế nhị để làm nổi bật quan điểm mà ông cho là đúng đắn trong những công việc quan trọng. Sự trung thực này đã được tán dương của chính phủ Bảo hộ. Vừa qua nếu những sự kiện có khả năng gây đe dọa đã bóp chết từ trứng nước thì đó là nhờ các sự sắp xếp khôn ngoan và sự trợ lực trung thành của ông ấy. Chưa kể đến những sự cố gắng đáng khen mà ông ta đã phát huy để cứu vãn triều đại, ông ta còn lo lắng tuyển mộ công nhân và lính tráng trong mục đích thắt chặt hơn nữa mối tình quan hệ giữa hai chính phủ chúng ta để giúp đỡ cho Trăm điều khiến chính quyền bản xứ, ông ta luôn luôn nhắc nhở với Trăm những điều lợi ích cho đất nước và thần dân. Một người quý giá như thế thật xứng đáng là trụ cột của đất nước."

"Trẫm muốn đưa lên một vị trí cao hơn để người ấy có thể thể hiện hết tài năng, nhưng xét thấy ông ta vừa mới được nâng lên cấp Đại hiệp sĩ của Đoàn hiệp sĩ Danh dự thì đây cũng là một sự tưởng thưởng vinh quang như lòng Trẫm hằng mong ước ban cho ông ta, nên Trẫm nghĩ rằng việc đưa ông ta lên một vị trí cao hơn là quá sớm. Do đó Trẫm quyết định ban cho ông tước Bá Phước Môn. Việc này phải thực hiện theo ý Trẫm".

"Khi nhận được lệnh của Hoàng thượng, thần cảm thấy vừa mừng, vừa cảm động. Thần xin cảm tạ như sau:

"Hạ thần sinh ra gặp lúc gia đình gặp nhiều bất hạnh cho nên khi lớn lên hạ thần không có một nền học vấn vững chắc. Trung thành với luân lý của đạo giáo mà hạ thần tin theo, hạ thần có mộng ước được làm người có ích cho đất nước. Cũng nhờ các sách nước ngoài mà hạ thần có dịp được đọc, hạ thần hiểu được thế nào là "Phải bắt kịp thời gian" một khẩu hiệu mà thần noi theo ngày đêm là luôn luôn chính xác và trung thành. Để khắp đất nước từ Nam chí Bắc, thần mong mỗi tìm được trong ấy vừa cái vinh quang vừa cái thực tế.

Từ lâu hạ thần được vào ngạch quan trường nhưng mãi cho đến nay chưa làm được gì đáng kể cả mặc dầu đã bước lên đến bậc thang cao nhất.

"Thẹn thùng cho cuộc sống ăn bám này thần đã có ý định xin lui về quê để sống cuộc đời thôn dã.

"Ý định này chưa thực hiện thì bỗng chốc mẫu quốc bị quân dã man dày xéo cũng cảm thấy một nỗi đau khổ chung, và trung thành với lời hứa nên vương quốc An nam kiên quyết hỗ trợ bằng vũ khí.

"Giữa lúc thời thế nguy ngập thì Kinh đô, thân ôi lại sắp xảy ra những nỗi đau cốt nhục. Thật là những sự việc thương tâm và thần thấy bất lực.

"May thay trời muốn mở ra một kỷ nguyên thái bình nên đã trao ngôi cho Hoàng thượng tức là người nhận lãnh sự ủy nhiệm của trời.

"Ở đây, thần xin trình bày một ý kiến: Khi trời muốn thì sự phục hồi nhà Lê vẫn làm được mặc dầu không có công lao của Xí và Liệt; sự cứu nguy nhà Hán vẫn cử thành công mặc dầu không có sự hợp tác của Bột và Bình, bởi vì niềm hy vọng của dân đều đặt vào vua Hiếu Văn. Ngày nay cũng vậy lẽ đăng quang của Hoàng thượng không phải do sự hỗ trợ của kẻ nào khác trong bốn hạ thần mà do ảnh hưởng lớn lao của các Tiên đế và do định mệnh của Hoàng thượng.

"Hoàng thượng thật quả là phúc hậu để ban cho thần những ân huệ mà hạ thần chưa xứng đáng. Hoàng thượng đã khoan dung cho quá khứ của hạ thần và động viên thần hướng đến tương lai, những lời ngợi khen của Ngài quả là mát lòng và tiếng nói của bậc phụ mẫu! Được như thế là bởi chẳng ai bằng Hoàng thượng đã thấu hiểu đến hạ thần.

"Nhờ Hoàng thượng mà hạ thần đã tỉnh dậy sau cuộc sống uể oải của 30 năm qua. Làm sao để tỏ hết lòng biết ơn đối với Hoàng thượng và để trở thành có ích đối với Ngài.

"Những lời của Hoàng thượng đã làm cho thần phải rơi lệ khi nghĩ đến điều này! Một con người quá ngũ tuần được một cái gì chẳng, cái lúc mà xứ sở An nam xưa cũ này, trên đầu có vị vua đang mở ra một kỷ nguyên mới? Người bạn quá ngũ tuần bất hạnh này ơi, người có cảm thấy ngày càng yếu kém đi trong khi trọng trách thì ngày càng thêm nặng!...

"Nhìn lại hoàn cảnh của chúng ta hiện giờ: Đất nước tài sản kiệt quệ, binh lính kiệt sức, dân trí không mở mang, nghị lực chưa phục hồi. Với tất cả điều ấy lại cộng thêm hạn hán, mưa lũ, loạn lạc! Làm sao thất chặt lại được các quan hệ với nước bạn? Làm sao giữ vững

sao giữ vững an ninh cho triều đại. Đối với tất cả gì đang làm bận tâm Hoàng thượng, hạ thần tự nghĩ không đủ tài năng. Hạ thần chỉ mong cố gắng phục vụ hết sức mình và cũng chỉ dám nghĩ đến có thể, để làm sao có thể hoàn thành nhiệm vụ được chường nào tốt chường ấy.

"Thần rất sung sướng được sống dưới triều đại của Hoàng thượng. Ngoài cái thể chất đạo đức và lòng tôn kính vốn là bẩm sinh ở cương vị một Hoàng đế lập nên triều đại, Ngài còn có khả năng hiểu biết mọi người. Cách tuyển chọn quan chức thật là rộng lượng chẳng khác gì cách tuyển chọn của Hoàng đế thân phụ Ngài! Một việc tốt dù nhỏ đến mấy cũng không lọt qua sự hiểu biết của Hoàng thượng và đều nhận được khen thưởng của Ngài. Đến đối một người tầm thường như hạ thần cũng là đối tượng được nhiều vinh dự không sao tả xiết.

"Bây giờ thần chỉ còn có biết một điều là cố gắng thế nào để có ích cho vua, cho chính bản thân thần và tự sửa chữa những tội xấu.

"Thần không dám nghĩ là có thể đền đáp nổi các ân huệ mệnh mông mà chỉ nguyện ước luôn luôn trung thành với Hoàng thượng theo như đạo lý của kẻ tôi trung đã thường căn dặn.

"Bằng cách này hạ thần mới mong hy vọng hưởng được mãi mãi những ân huệ mà thần đang nhận được quá nhiều trong ngày hôm nay.

"Ngày... tháng Chạp niên hiệu Khải Định năm đầu".

*

*

*

BỨC THƯ CẢM TẠ TRÌNH LÊN HOÀNG THƯỢNG CỦA THƯỢNG THƯ BỘ HỘ ĐOÀN ĐÌNH DUYỆT:

Tâu Hoàng thượng,

Hạ thần tên là Đoàn Đình Duyệt, một bầy tôi trung thành, xin nghiêng mình kính cẩn trước Hoàng đế, mong cầu được Ngài soi xét cho:

"Hạ thần có nhận được bản sao tờ chiếu ân ban của hạ thần tước Nam Ninh Lãng và lễ phong sắc đã cử hành ngày 24 tháng nay.

"Khi nhận được sự ban ân này, hạ thần rất mừng và cảm động, và kính mong Hoàng thượng nhận cho những lời cảm tạ dưới đây:

"Nguyên quán Bắc Kỳ, con nhà tâm thường, nghèo nàn từ bé, hạ thần đã không học tập tốt. Thế nên vào ngạch nhà nước rất muộn.

"Nhờ sự che chở của một vị quan cao cấp nên sự nghiệp hành chánh của hạ thần đã bắt đầu năm thứ nhất triều đại Đồng Khánh nghĩa là vào thời kỳ phục hưng.

"Được vào chính quyền tỉnh Nghệ An, ba năm sau hạ thần được lên chức Kinh Lịch.

"Cũng như mặt trời, mặt trăng đã soi sáng thế giới bằng hào quang ấm lạnh của nó, Hoàng thượng am hiểu tất cả và đã không bỏ quên một việc làm xứng đáng nào mà thần dân đã làm dù nhỏ đến mấy.

"Sau thời gian tập sự, hạ thần được giao chức Tri huyện và Tri phủ và được cất nhắc liên tiếp lên đến hàng quan lại tỉnh. Bất kỳ làm

việc ở dẫu, hạ thần cũng đều lo lắng làm lợi ích cho Nhà nước để thể hiện lòng biết ơn.

"May thay các tỉnh Nghệ An, Quảng Ngãi và Bình Định đều lần lượt ổn định. Sự ổn định này chẳng do sự đóng góp của hạ thần mà chính là nhờ ảnh hưởng của triều đình.

"Được giao quyền cai trị một cách vượt quá sức tài trong 30 năm tại các tỉnh, hạ thần luôn luôn mơ ước có được những ngày sống ở Huế, là cái thiên đàng hạ giới, Kinh đô của chúng ta.

"Mộng ước đó mà tôi thường nghĩ, khó có được nay lại thành sự thực.

"Nay hạ thần được bổ nhiệm "thượng thư Bộ Tài chính và ủy viên Cơ Mật, hạ thần cứ sợ là mình bất lực trong thi hành bốn phận và hơn nữa không dám nghĩ rằng mình xứng đáng trong sự thăng cấp đặc biệt này.

"Hoàng thượng quá đức độ dễ ban cho sự ưu đãi mà hạ thần chưa được xứng đáng. Về mặt kinh nghiệm thần còn kém ngài Tôn Thất Hân; về lòng dũng cảm và trí tuệ, còn kém ngài Nguyễn Hữu Bài... Biết bao vui mừng được chia xẻ ân huệ vua ban cùng một lần với các quan chức lừng danh mà thần rất vinh dự được làm đồng nghiệp! Thần rất cảm kích trước sự ưu đãi này!

"Thần vô cùng sung sướng được ở dưới sự trị vì của Hoàng thượng là một vị phục hưng triều đại. Ngoài lòng hiếu thảo tột bậc của Hoàng thượng đối với cả hai ngài Hoàng Thái hậu, Hoàng thượng còn có đức tính của các tiên đế. Cách trị vì và cư xử đối với bầy tôi giống hệt các cựu tiên đế, rất phải chăng và độ lượng! Đến đối một con người như hạ thần cũng được hưởng những ân huệ hiếm có như vậy.

"Thần đang mừng run và hổ thẹn khi nghĩ rằng điều được khen là chưa xứng gì với sự khen thưởng!

"Cái ân huệ này là một kỷ niệm rất quý đối với gia đình hạ thần và buộc hạ thần phải luôn luôn nhớ tới cái lời dạy khôn: "Phải luôn luôn cung kính".

"Phụ trách Bộ Tài chính bốn phận của thần là luôn lo nghĩ đến cái gì liên quan tới dân tới đất nước, lụt lội và hạn hán là hai nguyên nhân chính của nỗi lo sợ của hạ thần.

"Hạ thần tự nguyện hài hòa trong sự hợp lực với các đồng nghiệp, tự nguyện làm hết sức mình để hoàn thành bốn phận và để có thể hưởng được mãi mãi cái ân huệ mệnh mông như trời đất của Hoàng thượng.

"Ngày... tháng chạp niên hiệu Khải Định năm thứ nhất".

*

*

*



PHỦ TÔN NHƠN

UNG GIA

Học chính Quốc Tử Giám

Một vài đồng nghiệp của chúng ta đã có nghiên cứu về lăng tẩm tại các vùng lăng tẩm ở Kinh đô; và các công trình nghiên cứu này đã cung cấp nhiều thông tin lý thú cho bạn đọc của tập san "*Những người bạn cố đô Huế*". Rất tiếc là họ đã quên một góc đất sau Tàn thư viện.

Cái vườn mà tôi muốn nêu lên đây, cách Hoàng Cung chỉ bằng một cái hào ở phía trong có nhiều hoa súng, đến mùa nở hoa tỏa hương êm dịu. Trong vườn có một nhà lầu hai tầng, có vẻ thanh cảnh mà lịch sử của nó sẽ là cơ hội giúp cho tôi có được một sự đóng góp khiêm tốn vào với công việc của tập san: nhà hai tầng này là Tôn Nhơn phủ, là nơi quản trị hành chính của Hoàng gia.

Cái phủ có dáng dấp một tòa nhà to lớn đang được miêu tả. Cũng như tất cả các lầu đài An nam khác, phủ này có tường gạch bao quanh như vòng thành; phía trước có cửa cao lớn và uy nghi để chứng tỏ tầm quan trọng của phủ, khi bước vào thì thấy một bình phong cũng bằng gạch, trên bề mặt có vẽ hình một con long mã có nghĩa là con ngựa đang quay đầu lại có vẻ thách thức.

Trước khi vào trong nhà chính, người ta thấy mỗi bên hai nhà ngói nhỏ xây song song với nhau. Đó là nơi dành cho các nhân viên thuộc cấp được gọi là Ty viên. Hai nhà này không đáng phải miêu tả. Cái nhà chính xây trên một nền cao 0m95, có 19 mét chiều dài và 18 mét chiều rộng. Nhà được làm bằng những mặt vách có trở nhiều cửa lớn và cửa sổ. Trên nóc nhà có hai con rồng ngày đêm nhìn vào một khối cầu đang bốc cháy trôi lên ngay ở điểm giữa của nóc nhà, đây là đề tài *lưỡng long triều nguyệt*, có nghĩa là hai con rồng châu mặt trăng.

Nhà chia làm 3 gian, gian giữa dành cho vị Tôn nhơn lệnh của Hội đồng Tôn Nhơn và hai gian kia là của hai vị tả, hữu Tôn chính, có hai chái dùng làm hiên. Cách trang trí nội thất có khác chút đỉnh so với trang trí trong các phủ phòng hành chánh. Những đồ vật trang trí chủ yếu là những câu đối chữ đỏ trên các bức liễn treo ở dọc tường và cột.

Ngày xưa các ông hoàng và các quan lớn làm việc ở Tôn Nhơn Phủ đã tặng những câu đối này để kỷ niệm thời kỳ làm việc của họ, trong đó là những lời ca ngợi đối với người sáng lập Tôn Nhơn Phủ, ca ngợi đối với gia đình Hoàng tộc đã dùng đến họ, hoặc là những lời cầu mong sao cho triều đại đương quyền được trị vì bình yên muôn dân qua nhiều thế kỷ.

Ngày nay các quan lớn thuộc gia đình Hoàng tộc tiếp tục làm cho đẹp thêm cái nhà ấy về mặt tinh thần cũng như vật chất.

Người thì lo quản lý tốt Hoàng tộc, người thì dự trù xây dựng trường để truyền thụ khoa học Tây phương cho con cái của các ông hoàng, người khác nữa thì tặng các câu đối để trang điểm Phủ Tôn Nhơn.

Hai bức tranh thì giá trị quả là hiển nhiên, bức đầu có chân dung các Đại thần thuộc Hoàng tộc và bức thứ hai vẽ vườn và nhà của Tôn Nhơn Phủ.

Ở trên lầu, có đặt bàn thờ để thờ vị sáng lập Tôn Nhơn Phủ. Hàng năm, vào mùa xuân các thành viên của Hoàng gia thể theo sáng kiến của ngài Thượng thư Bộ Hình tổ chức lễ gọi là Xuân Tế để cúng vị sáng lập, các ông hoàng và quan chức đã có công góp phần xây dựng cho sự thịnh vượng của Hoàng tộc.

*

* *

Cái xóm của Phủ Tôn Nhơn là xóm Trung Thuận trong Kinh thành. Nhà chính tập trung sự quản lý hành chính của Hoàng tộc, được xây dựng lần đầu vào niên hiệu Minh Mạng năm thứ 13 (1890). Nó được sửa chữa lần thứ nhất vào năm thứ hai (1890) và sửa chữa lần hai vào năm thứ 15 (1903) đời Thành Thái. Vào lúc sửa chữa lần hai, người ta đã làm thêm hai ngôi nhà để cho các nhân viên cấp dưới làm việc. Đến năm thứ ba đời Duy Tân (1909) Phủ Tôn Nhơn cũ lại được thay thế bằng một tòa nhà đẹp hơn mà chúng ta thấy ngày nay.

*

* *

Hội đồng gồm có người đứng đầu gọi là Tôn nhơn lệnh có những người giúp việc là tả Tôn chánh và hữu Tôn chánh, tả Tôn nhơn và hữu Tôn nhơn. Còn có thêm một tả Tôn khanh và một hữu Tôn khanh. Các quan nhỏ của hội đồng là một tả Tá lý và một hữu Tá lý, một Lang trung, một Chủ sự, một Tư vụ và nhiều Thừa biện.

*

* *

Công việc của các thành viên của hội đồng rất nhiều.

Việc thứ nhất là cử các đại diện để làm các lễ nghi.

Một chiếu chỉ vào năm Gia Long thứ 6 (1807) có ghi: *"Bắt đầu từ nay, các Hoàng tử con vua phải được chỉ định lần lượt mỗi người một lần thay mặt cho vua đứng làm Chánh Tế trong mỗi lễ Hưởng⁽¹⁾ cũng ở các điện".*

Một chỉ dụ niên hiệu Minh Mạng năm thứ 13 (1832) có ghi là tháng 5 vào dịp các lễ 5 Hưởng, lễ Tết hay đầu năm và lễ tháng 5 cũng như các lễ trước, các bản thờ của đền Thần Huân⁽²⁾ thì các quan thuộc Hoàng tộc phải được chỉ định đến cúng bái để cho mọi người cúng tế được phù hợp với sự quy định.

Một chỉ dụ nữa cũng trong năm ấy, ra lệnh cần phải chỉ định các Hoàng tử đứng ra thay mặt vua trong từng lễ kỵ hay lễ sinh nhật của các Hoàng đế và của các Hoàng hậu, lễ Thanh Minh và lễ Tĩnh Yên⁽³⁾.

Hội đồng Phủ Tôn Nhơn còn chỉ định các Hoàng tử trông coi các đồ vật cúng lễ trong các đền thờ vua.

Một chỉ dụ niên hiệu Minh Mạng năm thứ 17 (1836) có ghi như sau: *"Các đồ vật để thờ cúng là những thứ quan trọng, mọi người đều*

⁽¹⁾ Mỗi năm có 5 lễ Hưởng: Xuân Hưởng, Hạ Hưởng, Thu Hưởng, Đông Hưởng và Hạp Hưởng. Xuân Hưởng hằng năm sau Tết nghĩa là mùng 8 tháng giêng; Hạ Hưởng lễ đầu tháng 4, Thu Hưởng lễ đầu tháng 7, Đông Hưởng đầu tháng 10 và Hạp Hưởng ngày 22 tháng chạp.

⁽²⁾ "Thần Huân" là một đền thờ, nằm ở trước đập Thọ Lộc, trong đó người ta cúng 5 vị Hoàng tử chính thống có công nhất. Trong nghiên cứu tập sau chúng tôi sẽ miêu tả.

⁽³⁾ "Tĩnh Yên" lễ viếng mộ vào tháng chạp Âm lịch.

phải chia phiên nhau trông coi và để tỏ ra thành kính sâu sắc trong bốn phận. Như vậy cần phải đưa các vị Hoàng tử, con vua hay các Hoàng tử khác bà con của vua, đến nơi các đền chỉ định để kiểm soát lại một cách cung kính và cẩn thận các đồ vật dùng để cúng. Sự kiểm soát phải làm hàng tháng và mỗi người chỉ định luân phiên. Mỗi đợt kiểm tra trong 10 ngày".

Cùng năm ấy có một chiếu chỉ khác quy định là các quan chức canh gác đền miếu phải được thay thế từng năm một, và cũng ngay từ ngày ấy trở đi Phủ Tôn Nhơn phải gửi các quan nhỏ của Phủ đến kiểm tra các vật lễ, để xem thử có bản hay thiếu.

Trong trường hợp này, các quan đại diện phải trình lên vua một tờ báo cáo để xử phạt.

Một chiếu chỉ niên hiệu Thiệu Trị năm thứ tư (1844) cũng đã khẳng định lại các điều lệ trên:

"Các lăng tẩm và đền miếu là những nơi cung kính và uy nghi cho nên từ nay Hội đồng Tôn Nhơn phải chỉ định một quan chức thuộc Hoàng tộc để kiểm tra hàng tháng. Vị này cùng với quan Tôn Nhơn Linh, các quan chức nhỏ của Bộ Lễ của Hội đồng Đô Sát và của Hội đồng Tự⁽¹⁾ sẽ kiểm tra một cách cung kính những gì cần thiết, đúng theo luật lệ đề ra".

Sự gìn giữ trật tự chung của Hoàng tộc là một trong những trọng trách của Hội đồng.

Vào thời kỳ đầu của hai công cuộc phục hưng lớn vào năm Tân Dậu (1801), một chỉ dụ của Gia Long có nói: *"Trong mọi thời đại các Quốc vương và các Hoàng đế đều hiểu rõ tầm quan trọng của*

⁽¹⁾ Có 5 Tự : Đại Lý Tự, Thái Bộc Tự, Thái Thường Tự, Quang Lộc Tự, Hường Lô Tự. Các chức vụ này còn lại chứ các phòng Tự không còn nữa.

mối đoàn kết giữa các thành viên trong Hoàng tộc và sự gắn bó sâu sắc đối với bà con dòng họ. Phải tỏ ra rất lễ phép và trật tự để giữ gìn cho sáu đời bà con khỏi bị động chạm và đều được hưởng phú quý vinh hoa. Trong những lúc vương quốc chúng ta sa sút, các vị Hoàng tử, bà con gần của vua cũng phải chịu nhiều cay đắng. Đối với ta, ngày nay nhờ ơn đức của các tiên đế mà ta có thể khôi phục toàn cõi giang sơn, ta mong các người phải tuân thủ luật lệ để cùng chung hưởng hạnh phúc. Gần đây ta được biết trong số các vị, có người đi chiếm nhà vườn của người khác; rượu chè, đánh đập người khác và vi phạm nhiều lỗi lầm, bất chấp các điều luật lệ, đó là hành động đáng ghét. Đó chẳng khác gì thái độ của những người họ hàng của kẻ nổi loạn Tây Sơn do lạm dụng quyền bính nên đã phạm đến nhiều trọng tội. Từ đó làm cho người dân bất bình, chính quyền yếu kém và bị đánh bại, đây là một thí dụ mới mẻ. Ta tập hợp các người lại để khuyên răn và để báo trước là không được tự phụ quá như trọng quá khứ để tránh các lỗi lầm, vì luật lệ trước hết sẽ áp dụng cho bà con của vua. Các người phải chấp hành nghiêm chỉnh".

Một nghị định vào niên hiệu Gia Long năm thứ 5 (1816) đã nêu rõ là bất cứ quan văn hay quan võ không thể viện một lý do nào, để đặt quan hệ cá nhân với con hay cháu của vua.

Một nghị định nữa trong thời Minh Mạng đã quy định là từ các tả hữu Tôn chánh, các tả Tôn khanh và hữu Tôn khanh cho đến Thừa biện, các nhân viên nhỏ của Phủ Tôn Nhơn đều là Tôn Thất hay thành viên các hệ của Hoàng tộc; cho nên họ không được có quan hệ với quan trên điều khiển họ theo cách như các quan chức nhỏ của các Bộ khác. Ngoại trừ vì lý do có công vụ thì họ được đến trực tiếp trình bày với quan trên ở văn phòng của Hội đồng hay khi họp Hội đồng, chủ tuyệt đối họ không được đến dinh cơ tư thất để chúc tụng nhau chào mừng trong dịp Tết hay ngày sinh nhật.

*

*

*

Ngoài sự lo lắng cho trật tự chung, Phủ Tôn Nhơn còn chăm nom đến mỗi thành viên của Hoàng tộc phải giữ ngôi thứ phù hợp với họ.

Các Tôn Thất của các hệ nếu man khai về hệ của họ sẽ bị áp dụng với tính cách đồng hóa, các điều luật liên quan đến việc thừa kế giả danh và sẽ bị phạt với hình phạt gia trọng.

*

*

*

Sau cùng vào niên hiệu Minh Mạng năm thứ nhất (1820) một nghị định bắt buộc các nhân viên hay công chức nhỏ của Tôn Nhơn phải giữ gìn chính xác danh sách của Hoàng tộc.

"Hoàng thượng đã truyền cho Nguyễn Hữu Thuận và Phạm Đăng Hưng như sau: Hoàng tộc của Đế quốc ta đã ai đến 200 năm tồn tại và các con cháu đã sinh ra quá đông, không làm sao nhớ hết được. Bây giờ phải ghi vào sổ các bà còn gần gũi hai ba thế hệ gần nhất. Phải đặt tên cho người mới sinh, và một tên húy đã mất. Khi đội mũ thành niên, làm lễ cưới, lễ tang và trong các nghi lễ cổ truyền họ phải được nhận ân huệ tùy theo thứ bậc bà con trong Hoàng tộc. Việc đặt các chức Tôn nhưn lệnh và các chức tả Tôn chánh, hữu Tôn chánh và các nhân viên nhỏ của Phủ Tôn Nhơn nhằm mục đích giữ gìn Gia phả và cũng để tỏ sự quan tâm gần bó của chúng ta đối với bà con".

Trên đây là bài nghiên cứu vắn tắt về các tổ chức được đặt ra để duy trì trật tự, đoàn kết, duy trì cái phong cách luân lý tuyệt vời trong một Hoàng tộc đông đúc hơn nhiều so với các Hoàng tộc khác, mà con cháu lên tới hàng nghìn người.

CÁC THÁI GIÁM CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ

A.LABORDE, *Công sứ*

Chế độ pháp lý hiện hành chi phối sự phục vụ của các Thái giám ở An nam là sản phẩm của Minh Mạng được nhà vua quy định trong chỉ dụ ngày mồng 1 tháng 12 năm thứ 17 của triều Ngải (17 tháng 3 năm 1836). Bằng tờ dụ này, vua Minh Mạng đã chấm dứt những sự lạm dụng thái quá của các Thái giám dưới triều Ngải, chẳng khác chi các đồng nghiệp Thái giám của họ ở triều đình bên Trung Quốc mà một số đã trở thành nổi tiếng do các hành động can thiệp và công việc của triều đình.

Các Thái giám cho đến thời Minh Mạng không phụ thuộc vào một qui tắc pháp luật nào cụ thể cả, họ sống ngoài lề so với các quan chức khác trong Hoàng cung, đi lượn nơi này nơi kia chút ít ân huệ và vì chẳng có sách vở nào qui định chức vị của họ, nên nhiều khi họ lấn chiếm quyền bính to lớn trong việc điều hành Nội cung, ngay đến cả việc trị vì trong vương quốc. Thật vậy; rất dễ dàng chi phối các vị vua bằng cách sẵn sàng nịnh bợ trong các thói quen mật thiết và ngay cả trong tật xấu của vua, cũng như dễ dàng tạo cho họ một quyền lực rất đáng ghê sợ khi mà họ trở nên bất công và hung dữ do bởi cái tàn tật của họ.

Phải nghĩ rằng Minh Mạng đã lăm bực mình về họ, do đó Ngải đã hành động kịp thời không chỉ để hạn chế các ưu đãi đối với họ đã có từ trước mà còn để hạ bệ họ xuống địa vị của những kẻ hầu hạ. Ngải đã nêu trong tờ dụ nói trên là từ rày về sau Thái giám không

được có một danh tước gì mà trong bất cứ trường hợp nào họ cũng không thể được tiến cử vào hệ thống quan lại.

Ngài nhắc lại là các chức vụ của họ chỉ để chuyển giao các mệnh lệnh và họ không được dính dáng trong bất cứ trường hợp nào vào việc cai trị của triều đình; Ngài quy định rõ là Thái giám nào phạm tội bất tuân các luật lệ mới này sẽ bị trị tội rất nặng không hy vọng được khoan dung, và ra lệnh là quyết định này phải được khắc vào bia trước trường Quốc Tử Giám để cho tất cả các thái học sinh hiểu và truyền về sau cho hậu thế. Cái bia ấy vẫn còn đến ngày nay trên vị trí của trường Quốc Tử Giám, gần miếu Khổng Tử, trường đã dời đi nhưng bia hãy còn đó, một mình lạc lõng.

*

* *

Vua Minh Mạng đã ra chỉ thị là các Thái giám không được đưa vào ngạch quan trường, nên đã tạo ra cho họ một hệ thống giai cấp đặc biệt để sắp xếp các ngạch, bậc và qui định lương bổng bằng lúa và quan tiền.

<i>Hạng</i>	<i>Cấp bậc</i>	<i>Số bát gạo hàng tháng</i>	<i>Số quan tiền trong tháng</i>
Hạng nhất: Thủ đẳng	Quản vụ và Điển sự Thái giám	48	72
Hạng nhì: Thứ đẳng	Kiểm sự và Phụng nghi Thái giám	36	60
Hạng ba: Trung đẳng	Thừa vụ và Điển thặng Thái giám	36	48
Hạng tư: Á đẳng	Cung sự và Hộ thặng Thái giám	24	36
Hạng năm: Hạ đẳng	Cung phụng và Thừa biện Thái giám	24	24

Niên hiệu Đồng Khánh năm thứ 2 (1887) có một vài thay đổi về lương tính bằng quan được tăng lên; đến niên hiệu Thành Thái năm thứ 2 (1890) lương bằng lúa và quan tiền bị bỏ hẳn và thay bằng đồng bạc, và do chiếu chỉ của vua niên hiệu Duy Tân năm thứ 6 (1912) đã quy định như sau:

Quảng vụ	540 đồng/năm
Điện sự	384 đồng/năm
Kiểm sự và Phụng nghi	324 đồng/năm
Thừa vụ	276 đồng/năm
Điện thẳng	264 đồng/năm
Cung vụ và Hộ thẳng	204 đồng/năm
Cung phụng và Thừa tá	180 đồng/năm

Nếu như các Thái giám, bản thân không được hưởng các vinh dự dành cho các quan chức thì họ cũng được mang về cho cha mẹ họ được hưởng một vài vinh dự dành cho thường dân. Và như vậy là các Thái giám của ba hạng trên hết có thể đứng ra xin cho cha họ chức Nhiều phụ, là chức được vĩnh viễn miễn thuế cũng như xin phong chức Miễn Nhiều (khỏi thuế cả đời) cho anh em hay cho cháu. Các Thái giám hạng tư hay hạng năm thì không được xin gì cho cha mà chỉ có thể xin một chức Miễn Nhiều cho anh em hay cháu mà thôi.

*

*

*

"*Hậu Hán dụ phục chí*" đã cho biết các huy hiệu bên ngoài mà các Thái giám có thể đeo được. Họ đội mũ có viền vàng được tô điểm thêm con ve ve và một cái đuôi chuột? Theo lời một nhà Nho thì người ta muốn so sánh Thái giám với con ve ve bởi theo các nhà

thì sĩ thì con ve ve chỉ ăn sương và gỏi sự tinh khiết; mặt khác, công việc của Thái giám cho ta hình dung đến con chuột bởi vì chuột có thể chui rúc ở những nơi bí mật nhất. Tiếc quá tôi không thể vẽ lại mẫu của cái mũ ấy mà dường như rất khác với cái mũ hiện nay. Trên cái mũ hiện nay, người ta không thấy ve, chẳng thấy chuột; hình dáng của nó chỉ khác một chút với mũ của các quan khác mà thôi; cái phần trên cũng không vòm mà tròn như mũ quan nhưng bằng phẳng và thuần trên có trang trí một chòm bông và các hoa văn hoa hòe vàng hay bạc tùy theo cấp bậc.

Áo lễ phục màu lục cho các vị Thái giám cao cấp, xanh cho kẻ khác và có bức thêu ở trước ngực có các con chim đối với quan văn, và các con thú bốn chân cho quan võ. Ngày xưa các Thái giám trưởng được phân biệt với các Thái giám khác bằng cái viền cổ trắng bằng lụa bỏ thổng xuống hai bên ngực cho đến thắt lưng, nay các viền ấy không còn nữa. Vị Thái giám trưởng nay chỉ khác là có thể bài nga chỉ tính chất quan trọng của ông.

Khi không phục dịch ở cung điện thì các Thái giám có thể về nghỉ ở một nhà riêng dành cho họ gọi là Cung giám viện. Ngôi nhà ấy nay không còn nữa, nhà ấy bị phá đi đã ba năm nay vì nó đổ nát chỉ còn cái bếp, một cái am nhỏ do các giám xây dựng lên để cúng thờ các vị thần và cái hòm đá trên mặt của cửa vào có khắc bốn chữ "*Cung giám viện môn*" được cung kính đặt trên cái đế lót bởi một người sau cùng còn ở tại đây là một Thái giám bị Thành Thái cách chức vì sai phạm gì đó; ngôi nhà phá đi gồm có 9 gian và dành cho gia đình các Thái giám ở và đồng thời để nuôi dưỡng các Thái giám nhỏ chưa được vào Cung. Cung giám viện ở bên ngoài Hoàng cung nằm ở góc đông bắc của Cẩm thành và cũng tại chỗ này, ngày nay người ta còn tìm thấy dấu vết của nó gần một cái cửa đi đến chuồng ngựa nhà vua. Trước mặt Cung giám viện là Bình An Đường, hiện

nay vẫn còn là nơi mà ngày xưa các bà trong cung khi hấp hối được đưa ra đó ⁽¹⁾.

*

* *

Dưới triều Thành Thái, các Thái giám độ 15 người trong đó 5 người phục vụ các lăng mà theo tục lệ các bà vợ vua đã băng hà cũng đến ở tại đó, 2 người dành để phục vụ Hoàng thái hậu, số còn lại phục vụ trong cấm cung. Thành Thái đã có một trung đội phụ nữ mà vua ưa thích hơn, dùng để hầu hạ riêng cho vua và thường bị vua dày dọ, cũng chính lúc này nhiều Thái giám phải rời khỏi cung. Ngày nay chỉ còn 9 và cũng có thể là những người triều bệ cuối cùng thuộc loại giám.

Vào năm 1914, vấn đề cho họ thôi việc là đương nhiên để bỏ hẳn một tập tục còn rơi rớt từ ngày trước, không hợp với thời đại của ngày nay; dù sao để cho các người triều bệ già nua vẫn có gì để sống, người ta quyết định giữ họ lại cho đến cuối đời, và mặt khác không chấp nhận một sự tuyển chọn mới nào nữa. Đã đến lúc các bạn Huế cổ kính có thể được một vài dữ kiện về tổ tiên - xin bỏ lỗi cho tôi về việc dùng từ ngữ này của những kẻ bất hạnh ấy.

*

* *

⁽¹⁾ Người ta cũng thấy các Bình An Đường, gần các lăng tẩm là nơi ẩn dật các cung tần mỹ nữ của vua, thí dụ ở lăng Tự Đức. Chỉ có vua và Hoàng Thái hậu là được ở đến khi chết trong cung mà thôi.

Như trên chúng ta đã đưa ra một số tư liệu có tính cách tổng quát về các Thái giám, dưới đây chúng ta đi vào các chi tiết, bằng sự khảo sát khía cạnh lịch sử.

Cuốn "*Châu Lễ*" viết từ thời Châu, cho chúng ta biết rằng vào thời kỳ này các Thái giám được gọi là Tư nhân (người giúp việc) và được dùng cốt để truyền lệnh trong Hoàng cung; theo sách *Kinh Lễ* họ còn được giao kiểm tra các cửa lớn và cửa hông của cấm cung, và còn có tên gọi là Yêm Doãn (Yêm: *hoạn, thiến*), Doãn "*công chức*"); họ được phụ trách quét và giữ gìn vệ sinh trong các phòng riêng; thực chất thì họ là những bồi phòng tầm thường được phép đi lại trong khuê phòng và để làm trung gian giữa vua chúa và các cung tần mỹ nữ.

Chẳng bao lâu, họ tiến nhanh lên tầm quan trọng và còn lấy được tên quý phái hoạn quan (quan bị lặt). Chúng ta tìm thấy trong cuốn sách của cha Hoàng ở Nam Kinh nhiều tư liệu rất chính xác về các loại quan ấy: "*Theo các tài liệu lịch sử, công việc Thái giám xuất hiện ở nước Trung Hoa dưới thời Châu (1122-250 trước công nguyên) mặc dầu họ được xem là quan, nhưng cũng chỉ được giao công việc của kẻ tối tở như quét phòng chùi bàn ghế, còn về công việc chính quyền thì họ chẳng được giao*".

Sau này, do sự trung thành khéo léo và các việc phục vụ thấp hèn, họ đã lấy được lòng tin của một số vua chúa, không chịu nhận những vai trò hèn mọn và tìm cách chiếm các địa vị cao hơn trong công việc hành chính cũng như trong việc binh bị. Họ chiếm được quyền cai trị, đánh bại được với các quan lại, ban ân huệ cho kẻ theo bè và bằng nhiều thủ đoạn họ có thể loại trừ địch thủ của họ. Họ nhận dứt lót bằng tiền của, họ vi phạm mọi luật lệ và quyền lực tối cao đến lúc cũng vào tay họ.

Một số vua chúa đã nhiều lần cố chống lại sự nhiễu loạn của các Thái giám. Năm 1633, một vị vua Trung Hoa quyết định là các Thái giám không được vượt qua Tứ phẩm, cấm họ không được dính líu các việc chính quyền và cấm quan hệ với các quan lại. Nếu vi phạm sự ngăn cấm đó, thì quan lại bị xử trảm và Thái giám bị tòng xẻo.

Đạo luật hà khắc này đôi khi cũng được thực hiện nhưng cũng phải nói là rất ít và theo những truyền tụng trong lịch sử thì luật này chẳng làm cho hoạn quan các đời sau sợ hãi chút nào, và họ vẫn cứ tiếp tục những việc làm thái quá trở trên.

Cái gì đã ghi trong lịch sử Trung Hoa cũng có thể áp dụng ở An nam, và các tập quán của Trung Hoa có dấu ấn rất sâu đối với tập quán An nam.

Ở đây cũng như ở bên Tàu, các Thái giám đều có ảnh hưởng tai hại, và cần phải hạn chế các quyền lực ngấm ngấm mà các người bảo vệ giai cấp này đã lần dần dần. Họ vẫn có quyền hành lớn mãi cho đến năm 1755, bởi vì thế như cha cả Koffler trong nhật ký hành trình ở vào thời kỳ này đã có viết: *"Các Thái giám có vinh dự rất lớn, trong đó có 3 vị giữ những trọng trách: người thứ nhất bảo vệ kho bạc vua, thu thuế, trả chi tiêu của Hoàng cung: uy thế của ông lớn đến nỗi vua cũng không thể lấy gì ra khỏi kho mà không được sự đồng ý của ông này. Hai người kia cầm đầu thương mại và chỉ có các ông mới có quyền bán: vàng, sắt, ngà... cho người ngoại quốc. Họ còn chăm lo hàng hải và mua sắm các hàng hóa cho vua..."*.

Quyền lực của họ kéo dài đến thời Minh Mạng và vua Minh Mạng đã ra lệnh chấm dứt bằng chiếu dụ như đã được nói ở phần mở đầu của bài nghiên cứu.

Trong chiếu dụ này, vua Minh Mạng sau khi nhắc lại cái quyền bính lạ kỳ mà các Thái giám ở triều đình Trung Hoa đã được tạo cho

họ của một tài liệu có ghi là *"Họ đã đặt tay lên cái lưỡi của bảo kiếm quyền hành và chỉ đạo hành động của nhà vua, trong khi vua chỉ cầm chuỗi kiếm"* thì vua Minh Mạng đã nêu ra trường hợp của Thái giám Hoàng Công Phu dưới triều Lê, là người đã cầm quyền tai hại như *"ngọn lửa"*.

Các sử sách An nam có kể về nhân vật ấy. Quê quán ông ấy ở Hà Nội, khuyết tật từ bé, đến năm lên 14 tuổi được đưa vào nữ cung của các chúa Trịnh, là các chúa Bắc Kỳ, các quản lý Hoàng cung của các vua Lê. Ông rất tài tình, chẳng mấy chốc đã được lòng tin của các Chúa và sau đó tạo được cho mình một quyền hành đáng sợ. Nhờ sự can thiệp của Hoàng Công Phu mà một người được ông ta bảo vệ là Trịnh Huệ đã đậu cao trong kỳ thi Hội và sau đó đã thăng lên hàng Thượng thư và hàng tướng. Hoàng Công Phu đồng lõa với Trịnh Huệ để chiếm quyền và dưới quyền bính của hai ông này, đất nước đã trải qua nhiều loạn lạc. Lợi dụng sự sợ hãi tâm thần về sấm sét của chúa Trịnh Giang, hai người này đã thuyết phục và đưa Chúa vào ẩn trong một tòa nhà dưới đất và một khi đã dấu kín Chúa rồi, thì hai ông này trở thành các Chúa tế trị vì xã tắc. Tuy nhiên Hoàng hậu đã gỡ được thứ ách thống trị của hai kẻ chiếm quyền. Bà đã làm cho Trịnh Giang thoái vị để nhường cho em và nhân đó đã đánh bại Hoàng Công Phu và các đồng đảng.

Minh Mạng còn kể lại dưới triều Gia Long là thời đại vẫn gồm bên ngoài, một Thái giám tên Lê Văn Duyệt do có nhiều công trạng được chức tướng, sau đó đã lợi dụng tình thế, thêm một lần nữa đã chứng tỏ rằng loại người như Lê Văn Duyệt *"là một loại bỏ đi"*.

Minh Mạng đã nói như thế, chính cũng do vấn đề Lê Văn Duyệt mà Ngài đã hận thù các Thái giám càng dữ dội hơn.

Nhưng về sau ta sẽ thấy hận thù này đối với Lê Văn Duyệt là bất công và không có lý do.

Thật ra Lê Văn Duyệt không phải là Thái giám duy nhất bị đánh giá theo cách trên; tiểu sử của ông, rất rõ đối với người Pháp, tiểu sử này diễn ra đúng vào thời điểm Gia Long chiếm lại được Nam Kỳ, cho phép thấy rõ là ông đã bị Minh Mạng dối xử bất công và cũng cho phép biết được lý do gì đã thúc đẩy vua Minh Mạng vạch tội kẻ tội trung này ra giữa mọi người. Lê Văn Duyệt lúc này đã có nhiều công trạng lớn đối với Gia Long và đã được vua khen thưởng bằng cách phong lên chức vụ Phó vương Nam Kỳ. Sau khi Gia Long mất, vì kính mến người đã qua đời, Lê Văn Duyệt tự cho mình có trách nhiệm phải cố vấn vua Minh Mạng và theo như người ta kể lại thì Lê Văn Duyệt đã trách móc vua Minh mạng là có thái độ tấn công những người Pháp, đã từng được Gia Long yêu mến. Hơn nữa theo như người An nam đã kể thì chính Lê Văn Duyệt là một trong những người muốn thay Hoàng tử Anh, cháu nội của dòng chính, nối ngôi Gia Long và do đó ông không đồng ý về sự đăng quang của Minh Mạng là con thứ nhì. Do những lý do trên mà vị vua mới có nhiều ác cảm đối với Lê Văn Duyệt; tuy nhiên, do nghĩ đến Gia Long đã yêu quý vị tội trung này và nhất là Lê Văn Duyệt là người còn quyền lực đối với dân chúng và quân đội nên vua mới chưa dám hại. Và phải đợi đến lúc vị Thái giám lừng danh này chết đi thì vua Minh Mạng mới trả thù và người ta cho là vua Minh Mạng đã trả thù một cách rất đáng chê trách.

Về vấn đề này, tôi xin nêu ra một số chi tiết lấy từ sách của tác giả Sylvestre: *"Vị công chức cao cấp này (Lê Văn Duyệt) làm cho Minh Mạng giận dữ. Khi ông này còn sống, vua để yên vì sợ kích động sự bất bình của lòng dân đã thờ ông như vị anh hùng chống giặc Tây Sơn, bạn của vua Gia Long và con người giỏi đã lập lại trật tự, thái bình và thịnh vượng cho Nam Kỳ. Khi ông mất, Minh Mạng cất chức Phó Vương, ra lệnh lập tòa án xét duyệt các hành động và xử án người đã chết. Họ giam cầm tất cả bạn bè và những người*

trong gia đình ông. Trong số những người trong gia đình ông, có một người Bắc Kỳ tên là Khôi dùng vũ khí chống lại sự trả thù bỉ ổi này và nổi loạn; Khôi tìm cách đưa ngôi về cho cháu nội đích tôn của Gia Long mà trước đã bị bỏ rơi để dành chỗ Minh Mạng. Sài Gòn bị bao vây, Khôi đã chịu thua sau khi kháng cự dũng cảm; các thuộc hạ của ông chưa bị giết trong trận cùng với một linh mục Pháp⁽¹⁾ bị giam trong cũi và đưa về Huế, và bị giết chết theo cách giết chết dần, con của Khôi mới lên 7, bị hành xác, xương bị đâm nát rồi bỏ trong đại bác mà bắn ra biển khơi. 1200 người (cả đàn ông và đàn bà) bị bắt tự đào lấy hố bên bờ lũy của Kinh thành, bị cắt cổ hàng loạt và chôn lửa trong mộ chung⁽²⁾. Hơn nữa Minh Mạng còn khiển trách cố Lê Văn Duyệt không biết giáo huấn tinh thần trung thành của người Nam Kỳ đối với Vua chúa nên đã kết án sau khi chết bằng cách đập phá lăng mộ của ông và có cấm một cọc có xích sắt và ghi: "Đây là kẻ Thái giám đã chống lại pháp luật".

Dĩ nhiên là sử sách An nam không ghi lại những sự kiện này; sau khi đã ca ngợi Lê Văn Duyệt, vừa tướng lại vừa quan cai trị, sử sách chỉ ghi thêm là sau khi chết, Lê Văn Duyệt còn phải gánh chịu trách nhiệm về hành động các thuộc hạ của ông, bởi lẽ ông đã không biết dạy dỗ bọn này, nên đã để cho họ quên mất bốn phận đối với Vua chúa; sử sách cũng nói thêm rằng để xử án ông, ngôi mộ của ông bị san bằng và có một đá bia được cắm vào đất ở tại đó với những chữ: "Đây là mộ của người Thái giám uy quyền Lê Văn Duyệt bị kết án" cũng nên hiểu rằng triều đình An nam đã thừa nhận đây là bất công, cho nên vào năm 1866, vua Tự Đức đã phục hồi cho cố Lê Văn Duyệt

⁽¹⁾ Cha cả Marchand.

⁽²⁾ Tôi không tìm ra vị trí của những người bất hạnh ấy bị chôn. Theo ông Sylvestre, vị trí đó gọi là "mả loạn" hay "mả khủng bố" và ở nơi cồn mả gần Trường Bĩa(?).

các chức tước cao quý và đã cho đặt bài vị của ông vào miếu Trung Hưng Công Thần.

Vào năm 1835, sau 3 năm cái chết của vị Thái giám lừng danh, trước yêu cầu tha thiết của dân chúng địa phương thán oán cho rằng họ bị khổ hạnh vì sự phỉ báng và đập phá lăng Lê Văn Duyệt, nên người ta đã cho xây lại lăng và cất tấm bia thóa mạ ấy. Ngôi lăng còn tồn tại ngày nay gần Sở Thanh tra ở Gia Định và được nhà cầm quyền Pháp bảo dưỡng.

*

* *

Người ta chọn Thái giám như thế nào? Những thông tin thu thập được của tôi từ những hồi ức của các bậc lão niên trước đây có tham gia sự tuyển chọn ấy cho biết, thì những làng xóm hay gia đình sản sinh ra các giám đã hồi hải đem đến triều dâng những đứa con tội nghiệp ấy. Đây quả là một điểm phúc trước hết cho xóm làng vì được miễn nghĩa vụ quân dịch và sau này hy vọng khi giám vào Cung sẽ còn đưa nhiều ân huệ của vua cho xã và gia đình. Thông thường sau khi giám được tuyển thì nhận được một bổng ngang với tiền khoản thuế thân của 17 khẩu⁽¹⁾. Do đó, dân gian có câu "Để ông Bộ cho làng nhờ".

⁽¹⁾ Tôi không tìm ra một dấu vết gì trong các Dụ của vua có những ân huệ như thế: vì Thái giám bạo dạn kia đã cho tôi thông tin ấy chắc là đã bịa đặt để đề cao tầm quan trọng đối với các đồng vị của ông và luôn luôn với lý do đó mà cũng khó biết được sự thực ngay cả từ miệng của Thái giám nói ra đã khoe khoang nói dối, hay nói thái quá, khi muốn nâng cao giá trị của mình, tôi đã có nhiều nhận xét này trong quá trình nghiên cứu.

Khi lớn lên 10, 11 tuổi, đứa bé được đưa vào Cung. Dưới sự chỉ dẫn của các lão thành, nó đã phải học hỏi vai trò rất tế nhị mà nó phải hoàn thành trước các cung tần mỹ nữ của vua.

Vị linh mục Koffler, trong bút ký vào năm 1755 quả quyết những người hầu hạ ấy *"là bầm sinh và rất hiếm, được vua cần đến"*. Nguyên tắc là họ phải khuyết tật khi mới chào đời nhưng luật pháp An nam cũng dự phòng vấn đề này trong điều khoản 244: *"Không một gia đình quan lại hay thường dân nào được phép nuôi con nuôi để lật thiên nó"*. Nhưng sự cấm đoán này như ông Philastre nói, không dành cho Hoàng gia được phép tạo ra giám. Đó là cái kế công bố để cho các gia đình thượng lưu được lật thiên đã quy định.

Trong những điều kiện trên, không lạ gì ngày xưa người ta cần lật thiên; các tập quán An nam dưới góc độ này hay nhiều việc khác đều làm theo phong tục của Trung Hoa, như lời cha Hoàng: *"Những đứa từ 6 đến 20 tuổi được hoạn đi và do Thái giám già chăm sóc để phục vụ trong Cung cấm"*. Cũng tác giả ấy đã ghi số lượng của Thái giám là trên 200; và ông Maybon trong cuốn: *"Cuộc đời bí mật của triều đình Trung Hoa"* có nói đến một luật lệ đã dự trừ đến 3.000 người, nên có thể kết luận là cái phong tục hoạn đã man ấy đã áp đặt để đáp ứng với dịch vụ lạ kỳ ấy.

Có nhiều khi, cũng có điều lệ xử phạt việc ấy.

Có nhiều kẻ làm cho mình phạm tội bằng tự ý tạo ra điều kiện giám; nếu họ chỉ làm như vậy là do nghèo túng thì họ không bị phạt mà lại đưa vào Cung và có việc làm. Người ta còn nói có nhiều Đại thần, để có thể dồn hết sức lực cho công việc Nhà nước, đã không ngần ngại để cắt bỏ cái vật, là nguyên nhân của mọi sự phiền toái ở con người họ. Lịch sử An nam đã từng nêu tên những vị anh hùng chịu đựng những đau khổ ấy. Tôi có đọc được trong cuốn sách:

"Việt Sử Tiết Yếu" là dưới thời Lý vào năm 1104 có tướng Lý Thường Kiệt cùng với người em Thường Hiến đã có nhiều thành tích trong binh nghiệp; ông đã thắng rất nhiều trận, được phong các chức tước cao nhất và đến khi chết được phong tước Công Huyết Thống gọi là Việt Quốc Công và em ông được phong Hầu.

Sau này đến năm 1251, dưới thời Thái Tôn, có một anh hùng cùng loại là Phạm Ứng Mộng ít dừng cảm hơn, bởi vì ông này đã chịu để cho lật theo lệnh vua. Chuyện kể rằng một đêm nọ, vua đi dạo tình cờ nhìn thấy một quan viên giống đúc như người trong mộng đêm trước và theo giấc mộng thì người trong mộng này phải được đưa vào Nội để trở thành là Thượng thư đầu triều. Vua rất đổi ngạc nhiên về sự trùng lặp này, nhưng chỉ có giám mới được ở trong Nội nên Ngài ra lệnh cho Phạm Ứng Mộng phải lật và trả tiền đền bù cho sự tổn thất về thân thể là 400 lạng; Phạm Ứng Mộng sau đó có nhiều thành tích chói lọi và trở thành một nhân vật cao cấp như mộng đã báo.

*

*

*

Ở trên là những công việc mà Thái giám phải làm trong cung điện, thiết nghĩ cũng cần phải đi vào vài chi tiết. Cha cả Koffler với tác phẩm mà tôi đã giới thiệu, có trình bày như sau: "*Các Thái giám không được nói chuyện một mình với các cung tần mỹ nữ, không được nhìn họ; chỉ được phép chuyển lệnh của Vua chúa qua màn the và trước mặt của người phi thứ nhất và người quản gia; họ ở phía ngoài để canh gác*".

Mặt khác trong cuốn sách "*Mélanges sur l'administratim*" (Tập văn về trị vì) cha Pièrre Hoàng, mục sư ở Nam Kinh, cho biết những chuyện như sau: "*Họ phải có nhiệm vụ sắp xếp áo quần cho vua và*

cho những người trong gia đình vua, sắp xếp đồ đạc cho Hoàng cung và Cung giai nữ, họ chăm sóc chuồng ngựa, vũ khí, cung tên, gương, giáo, mũ, giáp sắt và xà mâu... họ chăm sóc vườn cây, vườn cảnh. Họ phục dịch trong yến tiệc, hầu bàn cho vua và những người trong gia đình vua và họ còn lo thuốc thang và thư viện".

Ông Maylon khi kể về các Thái giám của đế quốc con trời, đã đi sâu hơn nữa trong các chi tiết liên quan mật thiết.

"Họ phải tập trung trong các trại ở trước cung giai nữ, ngày đêm lúc nhúc, lao nhao. Họ là người coi ngó tiền bạc, canh gác ban đêm, canh gác kho trại, săn sóc voi ngựa, canh gác phòng ốc, quản gia bếp trưởng thầy tổ, báo cáo người đến thăm thăng hê. Trong tất cả các phận sự đó, họ là kẻ chỉ điểm, thám báo, dựng chứng giả, trộm cắp, những lạm tiền bạc. Nói chung, là con người của mọi tội phạm, là chủ nhân của 48 cung điện, họ ngang nhiên quản lý đời sống trong Hoàng cung. Theo luật lệ gia đình thì họ phải là 3000 người, nhưng thực tế có khi còn nhiều hơn nữa. Dẫu sao cũng chỉ một nhóm cao cấp nhất mới được dùng làm chim xanh giữa Thiên Tử và phụ nữ. Được biết rằng kẻ chỉ huy đội quân khủng khiếp ấy là một vị quan Tứ phẩm có khi cũng dám chống lại ý muốn của vị Chúa tể.

"Các Thái giám đầy nhung nhúc trong các phòng của Hoàng hậu, phòng của vợ các Hoàng tử, phòng của các mệnh phụ và họ theo dõi các người cung nữ... Khi đêm đến, các Thái giám lần đến các khuê phòng và gác ngoài cửa.

"Thái giám hầu cận vua đi vào một phòng kín: Tại đây có một tập thẻ ngọc, mỗi thẻ có ghi bằng chữ vàng tên của một Cung tằng; và trong sổ thích của Thiên Tử được biểu lộ rõ rệt vào lúc ban ngày trên một thẻ nào đó, tám thẻ được úp sắp lại. Thái giám hiểu và đi đến khuê phòng của người mỹ nữ đã được chỉ định, treo một cây đèn ú màu đỏ...

Trong khi người đàn bà được chờ đợi ấy cởi áo quần thì lập tức Thái giám bước vào, cầm một áo khoác màu đỏ không có tay. Người mỹ nữ trần truồng run rẩy trước cái nhìn của một sinh vật vô giác, nhưng cánh tay mạnh mẽ đã quấn nàng vào trong áo choàng, và một sự xiết chặt có vẻ nóng hổi phủ trên mình. Những hành lang có âm vọng của bước chân đi qua, Thái giám bước nhanh, ôm chặt trên ngực của bảu ấy. Lại cái lạnh lẽo của một căn phòng. Dừng chân lại.

Ánh sáng mờ mờ, hơi thơm thoang thoảng, Thái giám đặt khối nặng ấy vào trong cái mơn man của nhung lụa trên một cái giường.

"Sáng hôm sau người Thái giám đứng canh trong đêm, mang mỹ nữ đang thiêm thiếp trở lại khuê phòng. Thái giám lại làm tờ trình để xác nhận trong trường hợp xảy ra thụ thai".

Chúng ta, cần nói thêm là trước khi trở lại khuê phòng, người phụ nữ nằm trong áo choàng, được đưa đến trình diện nơi một cái bàn thờ để cầu thần phù hộ cho việc làm của vua.

Xin nhắc lại những điều nói trên đều liên quan đến cung cấm tại nước Đế quốc con trời; độc giả cũng nên hiểu là tôi muốn đưa ra những tư liệu tổng quát tương tự với những gì có thể có ngày xưa ở nước An nam. Độc giả cũng nên nhớ cho là từ thời Minh Mạng các nhiệm vụ Thái giám đã bớt hẳn tầm quan trọng và có cơ hội bị bãi bỏ hoàn toàn.

Tôi nghĩ rằng một vài độc giả tò mò muốn biết thêm một số tư liệu còn riêng tư hơn nữa đối với cuộc sống cá nhân của Thái giám can đảm ấy. Tôi sẽ cố gắng làm vừa lòng họ bằng cách kể ra một vài chuyện mà nếu muốn tôi cũng chưa thể tìm ra tài liệu để chứng minh, nên xin chịu trách nhiệm về những chuyện kể này. Dầu chúng ta nghĩ ra sao đi nữa thì các vị Thái giám cũng có lúc chơi sang, là cưới một bà vợ; cưới vợ ngoài các điều là may ra, đôi khi cũng được

vua cho phép cưới một nàng cung nữ bị bỏ phế nào đó; họ cưới vợ ngoài thành phố, nuôi một con nuôi và cũng hình thành một tổ ấm như mọi người mơ ước. Không có một vợ của Thái giám nào để lại những lưu niệm. Và do đó kẻ tò mò cứ tha hồ mà tưởng tượng. Có kẻ kể lại rằng dẫu sao thì ở tại Huế cũng đã có một cặp vợ chồng sung sướng thuộc loại này; người vợ hồn nhiên cho rằng bà ta sống bên cạnh một người đàn ông bình thường nhưng có hơi buồn là không con. Sau này khi người chồng mất, bà ta tái giá, hiểu rõ sự thật và đã dám tâm sự với những bạn thân thiết, về một số chi tiết ngộ nghĩnh mà khó có thể đưa ra để nói trong một tập san nghiêm túc như thế này được.

Cũng nên lèm nhèm kể thêm câu chuyện kỳ quặc về một thầy đội trong Hoàng Cung bị án tử hình vì đã có quan hệ mật thiết với một Thái giám và kết quả là lọt ra một đứa con. Việc này chứng tỏ nhiều Thái giám có thể chỉ là những con người có cấu trúc cơ thể không bình thường mang tính chất vừa nam lại vừa nữ.

Sau câu chuyện như thế này, chúng ta có thể nêu ra đây những từ ngữ vui tai mà tôi nghe được từ cửa miệng của một người khôi hài nói về một người bạn Thái giám của anh ta là trong gia đình của giám này, cha con cháu chất đều là giám.

Cũng có người cho chụp ảnh, chúng ta thấy nơi người này không có những đường nét bên ngoài đặc biệt của một bà già, nhưng còn có thân hình mập mạp, vú thì nở như người đàn bà đứng tuổi. Họ là nam hay nữ, họ có phải là giám không hay chỉ đơn giản là người xứ Auvergne? Bí ẩn! Dù đây là một người tiêu biểu của loại người hoạn quan đã bắt đầu cuộc đời hoạn quan từ năm 11 tuổi cho đến nay được 62 tuổi. Trong sự bằng lòng của các người cai quản hoạn, hoạn nhận lấy một nhiệm vụ nơi lăng vua với các việc: 1. Coi ngó các đồ vật

thờ cúng mà hoạn giữ sổ sách 2. Trả lương cho 9 đàn bà dưới sự quản lý của hoạn, những người đàn bà đã từng là cung nữ tại Giai cung mà nay có tuổi từ 62 đến 83.

*

*

*

Thiết nghĩ tôi đã nói gần hết về các Thái giám, ít nhất cũng bằng với tất cả tư liệu tản mạn mà tôi đã thu thập được.

Nay chỉ còn đề cập một cái chùa, được xây dựng ở vùng lân cận Huế và được các người Âu thường gọi tên là chùa Thái giám. Chùa xứng đáng được gọi tên này bởi vì chùa được xây cất do chính công lao của các Thái giám, chùa phải chăm lo cúng giỗ cái nghĩa địa dành riêng cho chùa. Chùa nay, người An nam gọi là Từ Hiếu, đặt trên một ngọn gò cao được bao quanh bởi đường đi lên lăng Tự Đức, một lần xếp của địa hình làm cho ta không thấy ngay được cái vùng cây lá trong đó có chùa và tạo nên một cảnh đẹp; những tài tử ưa dạo chơi sẽ thưởng thức ở đây một sự yên tĩnh tuyệt vời, tiếng suối róc rách, tiếng dế ri ri, tiếng chim liu lo và tiếng thông rì rào hợp với tâm hồn người đa cảm và chần chẫn hợp với tâm hồn bất hạnh của các Thái giám. Một tấm bia nói rằng: *"Chùa này nằm tại địa phận làng Dương Xuân, huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên, xung quanh là đồi có suối chảy dưới chân chùa, phía đông nam giáp Ngự Bình, phía tây bắc có sông Hương và thuộc loại thắng cảnh của Kinh đô"*, chùa này do sư Nhật Định xây dựng, sư cũng lập ra một tăng viện và lâu về sau có 3 vị Thái giám của triều đình có ý định về đây ẩn dật nên đã thu hút được về cho chùa nhiều tiền bạc cúng dâng từ triều đình. Niên hiệu Thành Thái năm thứ 5 (1893) các Thái giám ấy có những suy nghĩ cay đắng về tình cảnh của họ, về những hậu quả thâm trầm từ tình cảnh này sẽ xảy đến đối với tương lai của họ, và cũng nghĩ rằng sẽ không nương tựa được vào ai để cúng thờ linh hồn họ, nên họ đã

biết tìm cách tự cứu lấy mình, và do đó họ đã tự bỏ tiền ra để xây dựng lại và nối rộng chùa, và cái chùa ấy sẽ đối với họ là nơi đường lão và cũng là nơi cúng thờ.

Họ còn ghi trên bia *"Trong khi sống chúng tôi sẽ tìm ở đây sự yên lặng, khi đau ốm chúng tôi đến đây lánh mình và sau khi chết chúng tôi sẽ được an táng cùng nhau. Sống hay chết ở đây chúng tôi đều được yên tĩnh"*.

Cạnh chùa và cũng trên đồi ấy, một nghĩa địa được xây cất dành riêng cho Thái giám. Nó không giống như những nghĩa địa khác dành riêng cho dân bản xứ, các ngôi mộ đáng lẽ phải rải rác ở giữa cánh đồng, trái lại ở đây nó được sắp xếp đối xứng trong một cái sân lát gạch có tường bao quanh. Có 18 mộ và 9 đã chôn còn 9 mộ khác đang chờ đợi, 9 Thái giám còn sống và sẽ về đây an nghỉ, lo xa như thế thì thật chẳng ai bằng.

*
* *

Không nên rời khỏi cảnh đẹp này, mà không nói đến cái nhà nhỏ có hình dáng đặc biệt nằm đối diện với chùa Thái giám. Đó là tháp Bồ Đề, là nơi chôn cất các kinh sách và pho tượng đã bị hư hỏng không dùng được nữa. Các kinh sách cũ kỹ không được đốt đi, mà phải được dọn lại để cho tiêu hủy dần dần một cách tự nhiên. Trên tháp Bồ Đề có một lỗ cao so với mặt đất độ 2 mét và phải leo vào đó bằng thang; qua lỗ hổng ấy, người ta ném các kinh sách cũ vào và tôi đã thấy một đồng lớn trong ấy. Có một biển ghi cho chúng tôi biết là tháp đã xây dựng vào năm 1896 do sáng kiến của một vị sư cụ của chùa bên cạnh (Tứ Hiếu) với sự giúp đỡ của một Thái giám. Thái giám này đã cầu xin đức Hoàng Thái hậu tài trợ với số tiền cần thiết. Các bốn đạo của các chùa vùng lân cận đều được yêu cầu đem các loại sách và các pho tượng để bỏ vào đấy.



Lễ phục của Thái giám

LỄ NGŨ TUẦN CỦA HOÀNG THÁI PHI

LÊ BÌNH, *đốc học Quảng Ngãi*

Tài liệu của ngài Đông Các cung cấp.

Theo đề nghị của các Hoàng tử của Hội đồng Tôn Nhơn Phủ và Hội đồng Thượng thư, lễ Ngũ tuần của Hoàng Thái phi được tổ chức vào ngày 26 tháng 3 Âm lịch niên hiệu Khải Định năm thứ 2 (16 tháng 5 năm 1917).

Vào ngày 21 của tháng 3 Âm lịch này (11 tháng 5 năm 1917) các quan chức của Bộ Lễ, các đội Thị vệ và các Thái giám tập hợp ở điện Trường Ninh (nơi yên ổn lâu dài) và đặt trong điện này ở gian chính giữa và ở phía nam của ngai Hoàng Thái phi một cái bàn thếp vàng và trước bàn này, hai bàn sơn vàng, một bên trái, một bên phải.

Trên cái bàn thếp vàng người ta đặt "*sơ kim tiền*" (lá số vàng, số chúc tụng) và trên bàn sơn vàng lá số hạ tiền (số liệt kê phẩm vật) và các phẩm nghi mà vua dâng cho Hoàng Thái phi. Chỗ vua lạy được bố trí phía nam của bàn thếp vàng.

Có hai bàn gọi là phản điểm (bàn dành để chai và cốc rượu lễ được đặt hai bên cho vua lạy).

Chỗ vua chờ đợi để làm lễ nhìn ra phía tây bên phòng trái, có kiểu vua đặt trong cánh nhà phía đông của điện Trường Ninh. Phòng

tiếp ông Khâm sứ và các công chức Pháp đến dự lễ được sửa soạn, phía nhà bên trái có trái chiếu đủ loại có treo các màn trần, màn thả, đặt các bàn ghế. Trước đó các thị vệ đã trang trí "*Thế lâu*" (lầu có treo nhiều đồ thêu). Trong điện, các màn thả, các màn trần, các bức hoành, các câu đối, đèn tọa, đèn lồng và cuối cùng là các bàn sơn đỏ là chỗ để đặt các lễ vật mang đến tặng cho Hoàng Thái phi từ các Hoàng tử, từ các thành viên của Hoàng tộc, các Thượng thư, các Hoàng hậu cũ của các Tiên đế, các công chúa, vợ của các ông Hoàng, vợ của quan lại và của các quan chức tỉnh khác. Trong cái "*Thế bằng*" (nhà trệt có treo đồ thêu). Ở hai bên phải trái của *Thế lâu* bàn, ghế, chiếu, đệm được sắp xếp rất ngăn nắp.

Cùng trong ngày ấy (11 tháng 5 năm 1917) Bộ Lễ trình lên vua tờ sớ để làm lễ Kỳ cáo (báo tin một cách cung kính) bức sớ vàng ghi lời chúc tụng và sớ dâng lễ vật, liệt kê các vật tặng và khi vua đã phê tên húy, nghĩa là tên thật của vua vào trong các tờ sớ trên rồi thì tờ sớ thứ nhất được mang về đặt tại miếu Phụng Tiên, và hai tờ sau đem đến trên bàn thếp vàng trong điện Cần Chánh. Vào ngày 22 (12 tháng 5 năm 1917) sau khi hồi trống báo hiệu bình minh, thì có các quan viên phụ trách bắn 9 phát lệnh đại bác

Trong suốt ngày lễ họ bắn cả thảy 41 phát đại bác: lần thứ nhất, ngày 22 (12 tháng 5) 9 phát; lần thứ 2, ngày 26 (16 tháng 5), ngày chính lễ 19 phát. Trong đó khi vua ngự ra khỏi cấm cung là 9 phát và 9 phát khi làm xong lễ Khánh hạ (chào mừng), lần thứ ba ngày 28 (18 tháng 5), ngày lễ Thiết triều (về triều đình) 10 phát trong đó 7 phát lúc vua ngự ra khỏi cấm cung và 3 phát lúc trở về; lần 4 ngày mùng 2 tháng 4 (22 tháng 5) vào lúc 6 giờ chiều 3 phát đại bác báo hết lễ.

Họ còn cho treo ở cột cờ các cờ lễ chào mừng và cờ ngũ sắc. Các cờ này được hạ xuống đúng 6 giờ chiều ngày mùng hai tháng sau.

Lại có các quan viên khác mang lễ vật dâng cúng đến đặt trên các bàn thờ trong miếu Phụng Tiên: một mâm yến thịnh soạn có nhiều món ăn ngon, có các món tráng miệng, có giấy vàng bạc, có hương trầm trà, cau trâu và rượu... và họ cũng sắp xếp ngoài sân điện các vũ khí bằng gỗ, các nhạc cụ truyền thống... rất ngăn nắp.

Các tôn tước, đại diện cho vua mặc triều phục đến trước các bàn thờ làm lễ kỳ cáo tức là lễ báo cáo cung kính, linh thiêng và rút lui khi lễ nghi xong.

Vào 3 giờ chiều, người ta lại đặt trên bàn thờ của điện Phụng Tiên các đồ vật cúng như giấy vàng bạc, hương, đèn nến, trầm trà, cau trâu và rượu. Các quan võ thì đặt trước điện các vũ khí bằng gỗ và các nhạc cụ.

Hoàng Thái phi được vị Thái giám có cấp bậc lớn cung thỉnh đến điện để làm lễ "*chiêm bái*" (lễ bái để trình diện). Làm xong Bà trở lại tư thất.

Sáng ngày 23 (13 tháng 5 năm 1917), các quan lại cho đặt ở điện Cần Chánh một bàn kiệu, táng và lọng vàng, các thanh kiếm và dụng cụ âm nhạc.

Các quan lớn của Bộ Lễ, Bộ Tài - Hộ và đội Thị vệ mặc áo lễ triều đi đến điện Cần Chánh mang theo một cách kính cẩn cái tráp đựng sổ liệt kê phẩm vật, cùng với phẩm vật mà đức vua dâng tặng. Hoàng Thái phi đặt các thứ này lên trên bàn kiệu để đưa đến điện của Hoàng Thái phi. Bàn kiệu dừng lại ở sân điện. Lúc đó các Thái giám mặc áo lễ, lần lượt đưa cái hộp dó vào đặt trên cái bàn vàng bên phải và bên trái trong điện. Còn tất cả các tặng phẩm của người khác thì được trông coi do các quan Khâm điểm (quan sát viên cung kính) và được đặt trên các bàn sơn đỏ đặt sẵn ở Thế lâu về phía bên phải và bên trái do các quan chức của Bộ Lễ.

Sáng hôm ấy, một lễ gọi là Kiến cáo (báo tin một cách cung kính) được tiến hành trong các nhà thờ Thuận Nghi Kiên Thái vương và Phú Lộc Quận công là các tổ tiên của vua, các lễ vật này do Bộ Lễ soạn.

Ngày 24 (14 tháng 5) vào lúc 7 giờ rưỡi Hoàng thượng đến điện Trường Ninh, theo sau có các Hoàng tử, các quan viên lớn của Phủ Tôn Nhơn, các quan văn võ cấp cao, các tôn tước tức là các quan phụ trách cúng bái của triều đình Tam phẩm trở lên, và các Khâm điểm, tất cả đều đồng phục lễ triều. Hoàng thượng an nghỉ một chốc trong điện trong khi mọi người chờ đợi ở Tả vu và Hữu vu. Tất cả các điều trên đều được các Thái giám báo cáo đầy đủ cho Hoàng Thái phi được rõ.

Vào lúc 8 giờ, Hoàng thượng trong y phục lễ triều đi vào Thế lâu và lạy 5 lạy để dâng lễ vật chúc thọ. Bộ Lễ chuẩn bị sẵn chỗ đứng lạy cho Hoàng thượng, đã trải rộng các chiếu chiếu theo quy định của lễ nghi. Các Hoàng tử và các quan lại đi theo Hoàng thượng cũng lạy 5 lạy cùng một lần với Hoàng thượng ở ngoài sân của Thế lâu và sau đó các quan lui về bên phải và bên hữu để chờ và chỉ đi về sau khi Hoàng thượng trở lại Hoàng cung.

Các ngày 25, 26 và 27 Âm lịch (15, 16, 17 tháng 5) mỗi sáng mai vào lúc 10 giờ rưỡi là giờ ăn trưa của Hoàng Thái phi thì Hoàng thượng đến, cầm bát đĩa và rót rượu dâng cho Hoàng Thái phi; trong khi đó, các nữ nhạc công hát những bài chúc thọ, các cung tần của các tiên đế, các công chúa trong áo quần nghi lễ đứng hầu bên phải và bên trái.

Ngày 26 Âm lịch (16 tháng 5) tảng sáng các quan viên đến đặt các vũ khí nghi vệ bằng gỗ, các tán, quạt bên phải và bên trái trước sân điện Trường Ninh. Các vũ công mặc áo mùa, cầm nhạc cụ sắp hàng chỉnh tề bên góc sân. Các cây cờ được cắm ở cổng Nguyệt Ánh

cho đến cổng điện Trường Ninh. Các Hoàng tử, các quan văn võ cấp cao và hai quan Khâm điểm, các tôn tước Tam phẩm trở lên, các phò mã (rể vua) và các quan lại tham gia lễ thọ đều mặc triều lễ và đứng chờ bên trái và bên phải ngoài sân điện Trường Ninh.

Các tôn tước ngang cấp Tứ phẩm và thấp hơn, các quan văn võ dưới Tứ phẩm cũng mặc triều phục và đứng chờ bên trái và bên phải cách vài bước bên trong cổng đi vào điện. Và bên cạnh họ cũng có các quan về hưu, các cậu ấm con quan Đại thần thuộc Hoàng tộc. Các bộ lão, các học sinh thuộc dòng Tôn tộc (Tôn sanh) học trường Quốc Tử Giám, bà con xa của Hoàng thượng từ làng hoặc huyện đến, các thành viên bên gia đình họ ngoại của vua và học sinh Quốc Tử Giám, tất cả đều mặc lễ phục.

Các quan viên cho đặt bên phải và bên trái trên sân điện Càn Chánh, và trước Đại Cung Môn một bàn kiệu, các tán, các lọng vàng, các vũ khí bằng gỗ và các nhạc cụ. Một quan viên cao cấp Bộ Lễ, một quan viên cao cấp của Nội các và bà Tôn tước tiến lễ, mặc áo triều, tiến đến bên bàn thếp vàng. Một người lấy cái tráp đựng số vàng, người thứ hai lấy chiếc bình vàng và người thứ ba lấy chén ngọc đến đặt ở bàn kiệu. Tất cả các thứ này có phủ khăn lụa vàng đã được Hoàng thượng đưa cho các thị vệ đến đặt trên bàn thếp vàng ở điện Càn Chánh. Bàn kiệu được khênh đi qua Đại Cung Môn, đi qua cửa Nguyệt Anh, đi qua dưới cửa điện Trường Ninh và dừng lại ở sân điện. Khi đến cửa điện Trường Ninh, các tán, lọng, kiếm, côn dừng lại; chỉ còn bàn kiệu đi với lọng vàng. Vị quan cao cấp của Bộ Lễ và quan cao cấp của Nội Các lấy cái tráp đựng tờ số liệt kê phẩm vật từ trong bàn triệu ra và đem đến đặt lên cái bàn sơn vàng được đặt sẵn trong điện Trường Ninh. Hai tôn tước tiến lễ đưa bình vàng và chén ngọc đến đặt ở trên những cái bàn được gọi là phản điểm và đã được đặt sẵn bên phải và bên trái của chỗ vua bái. Tất cả các vật ấy đều

phủ bằng khăn lụa màu vàng. Làm xong việc này, các quan trở về chỗ cũ và đứng chờ.

Đến 6 giờ rưỡi, các quan viên thể theo lễ nghi đã định cho đặt kiệu vua ở điện Cần Chánh, cùng với cây tiết, các cái lọng, các vũ khí bằng gỗ và các nhạc cụ ở sân điện.

Đến 7 giờ rưỡi, một vị quan cao cấp của Bộ Lễ và 1 vị quan võ là những người đã ở lại đêm trong điện đến báo cáo với vua: *"Tâu Hoàng thượng, mọi thứ đều được sắp đặt sẵn sàng từ trong đến ngoài"*. Vào lúc này vua đi ra từ tư thất đầu đội mũ Cửu Long (chín con rồng), mình mặc áo lụa vàng, tay cầm thẻ ngọc *"trân quý"*.

Vua đến điện Cần Chánh. Vị quản đốc gánh kiệu hô lớn: *"Chuẩn bị kiệu vua"* và quỳ xuống mời vua lên. Trống đánh, chuông rền ở cổng Ngọ Môn và nhạc nổi lên.. Kéo theo đoàn hộ tống, kiệu đi qua Đại Cung Môn (bắn phát lệnh đại bác) rồi đi qua cửa Nguyệt Ánh và đến cổng Trường Ninh. Đến đây, tất cả âm thanh im bặt: Hoàng thượng rời kiệu và đi vào chái phía đông của điện và ngồi nghỉ một chút trên ghế vua do Thị vệ đặt sẵn. Được các Thái giám tấu mời Hoàng Thái phi đội mũ Cửu Phụng (9 con Phượng hoàng) và mặc áo có cùng tên Cửu Phụng đến ngồi trên ghế.

Đến 8 giờ, ông Khâm sứ đến có các công chức khác đi theo. Trước đó một vị quan cao cấp của Bộ Lễ được cử đến mời các công chức ấy ở lại tòa Khâm sứ. Đến cổng Trường Ninh, hai Thượng thư đón tiếp và mời vào điện. Vị Khâm sứ đọc bài diễn văn và sau khi vua đáp từ, thì vị Khâm sứ và quan viên khác đến đứng bên phải và bên trái và vua thì đến đứng ở chỗ đợi. Dưới đây là diễn văn của vị Khâm sứ:

Thưa Bà,

Trong ngày lễ này, từ tất cả các nơi trong vương quốc của Bà, hàng nghìn lời chúc tụng đang vang vọng hướng về đức Bà, trong một điệu hòa tấu vui vẻ và biết ơn. Người ta chào mừng ở đức Bà một người đàn bà đức độ lớn đã cống hiến tuổi thanh xuân của mình cho người con thân yêu mà cái tang cay đắng đến sớm với Bà đã trao gành nặng cho bà, phải nuôi dưỡng và giáo dục về cả trí tuệ lẫn linh hồn để chuẩn bị cho cái sức mạnh cao cả mà người con ấy, do sự ra đời của mình, có quyền mong đạt tới.

Nhân danh chính phủ nước Pháp cộng hòa, nhân danh ông Toàn quyền, nhân danh tất cả những người Pháp ở Đông Dương, tôi xin mang đến những lời tán dương và chúc mừng. Tôi xin chúc đức Bà sống trường thọ để nhìn thấu sự thịnh vượng của triều đại người con hiếu thảo của Bà, vị vua sáng suốt và khôn ngoan, trọng công lý và là bạn bè của tiến bộ đang làm chủ xứng đáng vận mệnh của Đại vương quốc An nam.

Dưới đây là đáp từ của Hoàng thượng:

Thưa ông Khâm sứ,

Lễ mừng thọ Ngũ tuần ngày sinh của Hoàng Thái phi là một việc làm trọng thể mà trong đó tôi muốn thể hiện đối với Người sự yêu mến thương cảm của lòng tôi như vòm hào quang bình minh bao quanh thiên thể Bửu Vũ.

Thêm vào với những lời hoan hô chúc tụng của Kinh thành, của trong nước, ngài Khâm sứ đã nhân danh Chính phủ nước Cộng hòa, nhân danh ông Toàn quyền và nhân danh chính bản thân ông đã mang đến những lời chúc tụng thân thiết nhất.

Đức bà Hoàng Thái phi rất cảm động trong niềm sung sướng, và trong sự nhận biết cái phong thái của người Đại diện của nền Bảo

hộ ở Huế và Ngài đã bảo tôi mong ông Khâm sứ thông dịch lại những tình cảm tốt đẹp của Ngài đối với chính phủ Pháp cao cả mà Ngài mong ước có được sự kết thúc chiến tranh trong thắng lợi mau chóng cũng như thông dịch lại những tình cảm tốt đẹp ấy đến với ông Toàn quyền. Đức bà Hoàng Thái phi xin chúc hạnh phúc và vinh hiển đến với cá nhân ông.

Tôi cũng xin phụ họa thêm vào các tình cảm ấy và các chúc tụng ấy đối với sự hùng cường của xứ An nam, đối với nền thịnh vượng và cho hòa bình và hạnh phúc của muôn dân".

"Các quan xướng lễ xướng lên: "Hãy hát những lời hạnh phúc (Sùng Khánh)".

Các vũ công đến sắp hàng ngoài sân, rồi vừa nhảy múa vừa hát:

"Hạnh phúc và vinh quang (của đức bà Hoàng Thái hậu) đạt đỉnh cao.

"Đức Bà như là quả đất thanh khiết và trong trắng!

"Ba nghìn cửa bằng đá quý ngời sáng rực rỡ.

"Chín mươi ngày ánh sáng đầy không khí trong lành.

"Trong không gian yên tĩnh của bầu trời xanh, chòm sao Bữu Vụ tỏa sáng trong trẻo.

Chúng ta hãy vui mừng vái lạy với tình cảm ca ngợi hân hoan.

"Toàn thể đồng thanh tung hô vạn tuế".

Sau khi hát xong các vũ công trở lại vị trí.

Người ta xướng lên:

"Tập hợp thành hàng (nhạc nổi lên) thẳng hàng! (nhạc nghỉ)".

"Tâu Hoàng thượng đến chỗ làm lễ!" (nhạc lại nổi lên), "Tâu Hoàng

thượng làm lễ chúc mừng!", "Tâu xin Ngài quỳ xuống!", "Xin các quan chúc cùng quý", "Tâu xin Hoàng thượng cất thẻ ngọc vào tay áo, và xin Ngài dâng số hạ tiền!"

Các tôn tước, tiến lễ cầm số hạ tiền, quỳ bên phải chỗ lạy của vua và dâng số, Hoàng thượng nhận số và đưa lên ngang trán rồi giao lại cho tôn tước... Ông này đứng dậy đưa tờ số đến đặt tại bàn thếp vàng rồi đi ra.

- Người ta xướng:

- *"Tâu Hoàng thượng, xin Ngài làm lễ Thượng Thọ!"* (Dâng rượu để chúc mừng Thượng Thọ).

- *"Tâu Hoàng thượng dâng cốc chúc mừng Thượng Thọ!"*

Hai Tôn tước đưa bình và cốc đến (các cốc rượu số lượng là ba đặt trên khay) và quỳ xuống hai bên vua. Vua cầm chai, rót rượu vào cốc và trao chai cho người quỳ xuống hai bên vua. Vua cầm chai, rót rượu vào cốc và trao chai cho người quỳ bên trái đem đến đặt ở bàn *"Phản diêm"* được để sẵn bên trái, trong khi đó thì tôn tước kia cầm cốc đưa cho Thái giám đi vào sau màn gấm phía trong. Một quan viên nữ nhận cốc và dâng cho Hoàng Thái phi.

Người ta xướng:

- *"Tâu bệ hạ! xin Ngài lấy thẻ ngọc ra!", "Xin Hoàng thượng dâng bái!"* (cũng là lời xướng cho các quan).

- *"Tâu Hoàng thượng đừng dậy".*

- *"Tâu Hoàng thượng chính đốn tư thế!"*.

"Hãy hát lên bài hát hạnh phúc Tập Khánh!".

Theo lời xướng sau cùng này các vũ công bước đến tay cầm hoa vàng vừa múa vừa hát:

"Cầu mong cho những tháng ngày (của cha mẹ) quý báu (đối với con cái) còn hoài còn mãi."

"Trước thềm điện ngọc, chúng con cung kính dâng lên chén ngọc."

"Chúng con cung kính dâng lên trên khay bạc này thứ rượu ngũ sắc."

"Thêm mọc cỏ huyền chóe lợi hình dáng của chín con rồng."

"Bây con dòng Hán sung sướng xiết bao được chăm sóc mẹ hiền cao cả!"

"Cháu con dòng Châu thật vô cùng đông đúc."

"Cầu mong cho hạnh phúc và vinh quang chồng chất!"

"Cầu mong Thánh thể hưởng thọ vô biên".

Sau khi hát xong, các vũ công trở về chỗ và người ta lại xướng:

"Tâu Hoàng thượng lễ bái!" (5 lạy tất cả).

Cũng xướng như vậy cho quan viên "Tâu Hoàng thượng xin Ngài chính đốn tư thế!", "Tâu Hoàng thượng muôn lễ!"

Hoàng thượng đến đứng ở chỗ đợi của mình.

Người ta xướng:

"Giải tán!"

Theo lời xướng này các Hoàng tử, các quan văn võ trở về sắp hàng hai bên phải và trái. Các quan cao cấp hưu trí, các công tử, các Thích Lý (gia tộc của Hoàng Thái phi) đi ra giữa sân và lạy 5 lạy. Sau đó các vị Thượng thư Bộ Lễ đưa các quan nhỏ hưu trí, các Tôn thất (Hoàng tộc), các Kỳ lão (chức sắc già), các Tôn sanh (thái học sinh con cháu của Hoàng tộc) và những người ở làng Tổng của vua (ở Thanh Hóa) đến trước sân diện đồng thời cũng đưa các bà con xa

của họ Thích Lý, và các sinh viên Quốc Tử Giám vào đến phía trong của cổng điện. Tại đây tất cả mọi người đều lạy 5 lạy rồi trở về. Đồng thời ở ngoài Hoàng cung trong thành phố Huế, các chức sắc, dưới sự dẫn dắt của các Chánh tổng, cũng lạy 5 lạy trước các Hương án mà họ đã dựng lên để chào mừng ngày lễ.

Các quan xướng lễ xướng:

"Hãy hát lên những lời thơ để duy trì hạnh phúc bản khánh!"

Lập tức các ca sĩ đi tới, tay cầm quả đào, vừa múa vừa hát.

"Mong các cuộc vui của lễ này dội vang điều hạnh phúc!"

"Cây nghìn tuổi với cành vạn năm đều thuộc về của Người mong sao cái sum sê của hoa quỳnh, cái xanh biếc của cành đào đều thuộc về của Người."

"Những đám mây ngũ sắc rực rỡ bay lượn xung quanh chỗ ở của Người."

"Danh tiếng của lòng khoan dung của người lan khắp! Hòa quang của tuổi thọ luôn chói lọi trước mắt Người!"

"Hàng nghìn cái vinh quang hợp thành một thủ ánh sáng không gì sánh được!"

"Thánh thể của người trường thọ vô cương."

Sau lời ca hát, các vũ công trở về chỗ đợi. Một Thái giám áo lễ triều đến quỳ bên trái trước hiên của điện và tâu lên:

"Kính lạy đức bà Hoàng Thái phi! Xin bà cho phép được phát lệnh chúc mừng!"

Nói xong Thái giám cúi xuống lạy, đứng dậy và rút lui.

Các vị quan phụ trách, theo lệ đã định, cho bắn 9 phát đại bác chúc mừng. Tiếng lệnh nổ xong, các Hoàng tử, tất cả các quan viên và tất cả các người tham dự lễ đều ra về.

Ông Khâm sứ cũng như các công chức đi theo được mời sang giải khát trong nhà bên trái. Sau đó, ông Khâm sứ và các công chức xin phép lui về, các Thượng thư tiễn đưa họ ra đến cổng.

Hoàng thượng đi ra vài bước khỏi cửa điện và lên kiệu (nhạc cử lên), kiệu đi, cả đoàn nghi lễ đi theo trống đánh và chuông đổ vang lên ở Ngọ Môn. Khi vua đến Đại Cung Môn thì ba phát lệnh đại bác được phát ra, vua trở về cung. Đúng vào lúc này thì các Thứ phi của các Tiên đế, các công chúa, các bà vợ, các quan Đại thần được tước Mệnh Phụ, các công nữ và các nữ quan (quan phụ nữ) mặc áo lễ triều hay lễ phục, đi theo các Thái giám ra giữa sân châu lạy 5 lạy rồi trở về.

Hoàng Thái phi trở về, các Thái giám đem tờ sổ liệt kê tặng phẩm và các tặng phẩm đến cho nữ quan để trình lên Hoàng Thái phi. Buổi chiều ngày ấy (26 tháng 5) một số các quan viên chuẩn bị trang trí cửa Ngọ Môn, từ trên xuống dưới. Đội phụ trách đốt pháo treo hai bên phải, trái cột cờ đủ các loại pháo. Các Hoàng tử, các quan văn võ cao cấp, các tôn tước Tam phẩm trở lên, các phò mã, các quan Khâm điểm mặc nhung phục (đồng phục) hay "*Thanh phục*" (lễ phục) đến đợi ở trên lầu. Các tôn tước Tứ phẩm trở xuống và các quan cấp dưới Tứ phẩm, Ngũ phẩm cũng mặc đồng phục hay lễ phục đến đợi trong các nhà mái bằng. Các vũ công với các dụng cụ đứng đợi ngoài lan can.

Lúc 4 giờ chiều một vị quan cao cấp Bộ Lễ đưa các kỵ binh qua tòa Khâm sứ để mời ông Khâm sứ và các công chức khác, và đồng thời một quan cao cấp Bộ Binh mặc quân phục đến đón Nhượng Địa để mời vị chỉ huy quân đội Pháp. Tất cả các công chức này đều có

giấy mời của Cơ Mật viện. Cuộc đón tiếp Khâm sứ và các công chức này được tổ chức ở nhà lầu Ngọ Môn và các Thị vệ đã chuẩn bị sẵn trà nước và các thứ rượu.

Đến 5 giờ rưỡi, được báo của Thượng thư Bộ Lễ, vua mặc lễ phục ra khỏi điện Cần Chánh và bước lên kiệu (nhạc cử lên). Đoàn hộ tống lễ nghi đi theo đến Ngọ Môn. Vua lên lầu và ngồi vào ngai.

Các thị vệ ra lệnh, các vũ công múa nhảy và bộ phận đốt pháo phát pháo.

Lễ xong vua trở về cung, ông Khâm sứ và các công chức tùy tùng cũng trở về nhà và luôn có sự hộ tống cũng như lúc đầu dự lễ do một vị quan cao cấp Bộ Lễ cùng với quan cao cấp của Bộ Binh.

Lễ ngũ tuần cũng như các lễ lớn khác được kèm theo một lễ nữa gọi là lễ Đại triều nghi được tổ chức ở điện Thái Hòa vào ngày 28 trong tháng (tháng 3 âm lịch, 18 tháng năm dương lịch) và kèm theo một bữa tiệc danh dự được gọi là Tứ Yến dọn ra ở điện Cần Chánh trong Tả vu, Hữu vu và trong Duyệt Thị Đường.

Trong ba ngày lễ (26, 27, 28 tháng 3 Âm lịch), (16, 17 và 18 tháng 5 dương lịch) các đèn lồng được thắp sáng cả đêm trên kỳ đài và mặt trước của mảng thành phía nam Kinh thành, trên các cổng thành và trước các nhà trong Kinh thành và các vùng lân cận.

Ngày mồng Một và mồng Hai của tháng sau (tháng 4 Âm lịch, 21 và 22 tháng 2 dương lịch) có biểu diễn hát múa trong Duyệt Thị Đường.

Ngày mồng 2 tháng 4 âm lịch (22 tháng 5 dương lịch) vào lúc 7 giờ tối ba phát lệnh đại bác kết thúc buổi lễ. Các cờ xí được cất xếp đi.

CHUYẾN DU HÀNH CỦA VUA KHẢI ĐỊNH RA BẮC TRUNG KỲ VÀ BẮC KỲ⁽¹⁾

R.ORBAND,

Chủ sự Công vụ

Các Hoàng đế An nam, Gia Long, tháng giêng năm thứ ba niên hiệu của Ngài (tháng 2 năm 1804), Minh Mạng tháng 10 năm 1821 và Thiệu Trị tháng 3 năm 1843 đã đi từ Huế ra Hà Nội (Bắc Kỳ) để nhận phong sắc của Trung Hoa.

⁽¹⁾ Bài tường thuật này được viết theo yêu cầu của nhiều quan lại triều đình, hội viên của Hội chúng ta đã ghi lại một cách rất chính xác toàn bộ các chi tiết của việc làm quan trọng của Hoàng đế. Đây là một tài liệu lịch sử rất quý báu cho tương lai. Nó có thể giúp cho ta so sánh hiện tại với quá khứ, nhưng đây không phải là lợi ích nhỏ nhất của nó. Ngoài những kỷ niệm về thời đại nhà Nguyễn vào khai khẩn đất miền Nam, và về giai đoạn nước Pháp đẩy ra sức bình định các vùng loạn lạc ở Bắc Kỳ, bài tường thuật còn cho thấy nhờ các tài liệu đã được in trong Tập san này là một "*cuộc Kinh lý*" trong các vùng miền Bắc ngày nay được thực hiện do Hoàng đế An nam thì có khác gì với cuộc hành trình của thời Minh Mạng và Thiệu Trị ngày xưa đi ra Hà Nội để nhận phong sắc của Hoàng đế Trung Hoa (Tổng biên tập Tập san).

Cả ba đều đi qua các tỉnh Bắc của An nam. Khi đến Thanh Hóa, các vua đều đến đền Nguyên Miếu, Gia Miếu ngoại trang, làng mà người ta gọi là Quý Hương, làng quý tộc, làng gốc nhà Nguyễn. Đền này thờ cúng Nguyễn Kim, người đã phục hồi nhà Lê và được truy phong Triệu Tổ Tĩnh Hoàng đế. Các vua cung kính tế lễ ở Nguyên Miếu và từ năm Minh Mạng thứ 2 (1831) thì cùng tế lễ tại lăng Trương Nguyên, không xa chân núi Thiên Tôn gọi là núi Triệu Trung và là nơi cất dấu hài cốt của Ngài Tổ của các vua⁽¹⁾.

Vua Khải Định muốn trung thành với truyền thống đó như lời vua nói mà ta sẽ đọc trong chỉ dụ sau đây và là để nắm bắt được tình hình và các nguyện vọng của dân chúng, nên khi ông Toàn quyền Sarraut đến Huế để dự lễ Nam Giao thì đã tỏ ý với ông này là tha thiết đi thăm Bắc Kỳ. Vua rất quan tâm đến dự kiến ấy, nhất là du hành để học hỏi, để ý thức được các tiến bộ nhưng mãi cho đến nay, tính ra thì vua chỉ mới có được 2 lần du hành hấp tấp và ngắn ngủi.

Lần đầu ở tư cách một Hoàng tử bình thường còn là một học sinh Quốc Học, đi vào Sài Gòn năm 1909, theo ông Hoàng Đệ, hiện nay là Ngự Tiền⁽²⁾ và lần thứ hai là sau khi lên ngôi vào tháng 9 năm 1916,

⁽¹⁾ Chúng tôi xin nói rằng, sau khi rời Huế vào ngày 2 tháng 3 năm 1812, Thiệu Trị đến Hà Nội ngày 28 tháng 3 và sau đó vào ngày 6 tháng 5 để đến Huế vào 18 của tháng ấy. Thời kỳ đó những di chuyển là rất chậm và khó khăn nên tốn kém đối với dân.

⁽²⁾ Ông Hoàng tử nay là Hoàng đế Khải Định đã rời Huế ngày 12 tháng 2 năm 1909, đã lên đường ngày 13 ở Đà Nẵng trên chiếc tàu "La Manche" và đến Sài Gòn ngày 17. Chiều 17 Hoàng tử dự buổi khiêu vũ tại Nhà Thị Chính, ngày 18 tham quan Chợ Lớn, một nhà máy gạo, bệnh viện bản xứ, trường mù, và trường câm điếc. Tối đến ăn cơm chiều ở nhà ông Toàn quyền Kloukowski. Ngày 10 Hoàng tử đến thăm trường cấp hai Chasseloup - Laubat và trường chuyên nghiệp. Hoàng tử đến thăm Đức cha Mossard, và ông này đã đưa cho

vua đi vào Quảng Nam⁽¹⁾.

Ông Toàn quyền Sarraut cho biết sẽ rất sung sướng gặp vua ở Hà Nội trong hạ tuần tháng 4. Vua ra chỉ dụ ngày 29 tháng 3 như dưới đây và được thông báo cho khắp các tỉnh phía bắc An nam và Bắc Kỳ:

"Trị vì xã tắc, bảo vệ dân tộc là phải cố gắng bảo đảm sống còn và hạnh phúc. Người được sự ủy thác của trời để chủ trì vận mạng của một tổ quốc, không bao giờ được quên bốn phận mang đến hòa bình. Cũng vì ý nghĩ ấy mà ngày xưa các vua thường đi kinh lý khắp nơi để giao tiếp với dân và để tìm hiểu về đời sống và nhu cầu của họ."

☛ Hoàng tử xem một tờ sắc do vua Gia Long cấp cho linh mục d'Adran. Hoàng tử ăn cơm tối ở ông Outrey, Phó Thống đốc Nam Kỳ. Ngày 20 Hoàng tử lên Thủ Đức và đến thăm ông Lê Phất An, ngày 21 xem đua ngựa, đến ngày 22 xem tàu chiến Acheron, ngày 23 đến Biên Hòa phát phần thưởng cho các người trúng tuyển vào trường Nông - Công nghiệp. Ngày 26 thăm nhà Hộ sinh ở Chợ Lớn và chào ông Đốc Phủ Phương. Ngày 27 đi trở về Huế bằng tàu thủy.

⁽¹⁾ Hoàng đế, ông Khâm sứ lâm thời, Le marchand de Trigon, các ngài Tôn Thất Hân và Nguyễn Hữu Bài, ông Lê Văn Ba, Thống chế hành dinh đi theo (mang gươm để bảo vệ) và một người mang ấn tín "*Nghị Tiễn chỉ hữu*" và Hành lai chỉ chỉ, một thư ký của Cơ Mật và cuối cùng là tác giả của bài tường thuật này. Hoàng đế rời Huế ngày 27 tháng 9 năm 1910 đến Đà Nẵng vào chiều. Ngày 8 tháng 9 đến Hội An, các quan đến ở Hành Cung. Đi thăm Phú Thương, các xưởng Dérobertra Fiard làm trà. Trong đêm 8 đến ngày 9 ở lại Đà Nẵng. Đi tham quan chiếc tàu "*Paul Lecal*" của Hãng vận tải đường biển. Ngày 9 đi Tam Kỳ, dạo thăm mỏ vàng Bồng Miêu. Thăm các xưởng của hãng Cúc nin (làm chè) ở Đà Nẵng. Ngày 10 trở lại Huế. Tôi thấy có lợi khi đưa ra những lịch biên chính xác này, vì ở Bắc Kỳ đã có tin đồn lòng bông về những chuyến đi của vua đến Hà Nội, Thanh Hóa và các nơi khác, nhưng thật sự chẳng có.

"Trẫm tuy đức tài hèn mọn đã phải thừa hưởng trách vụ thiêng, trẫm rất hổ thẹn là chẳng làm được gì cho đất nước đang còn yếu kém, và cho nước Bảo hộ đang trải qua những cơn thử thách, cũng như muôn dân của Trẫm đang trong cảnh lầm than. Từ khi Trẫm lên ngôi, thì luôn nhờ có sự hỗ trợ và hợp tác của các đại diện cao cấp của chánh phủ Bảo hộ, cũng như sự đóng góp của các Đại thần, ủy viên Hội đồng Cơ Mật sáng suốt mà đã giữ gìn được an ninh cho quốc gia, hoàn cảnh tốt đẹp và vui mừng nhưng cũng chưa thỏa được các nguyện ước của Trẫm. Sự cai quản Bắc Kỳ, cái xứ sở với biên giới kéo đến tận nơi xa xôi và với dân cư đông đúc, từ trước đến nay đã được giao các đại diện của triều đình của Nhà nước Bảo hộ. Do quá xa và đường sá khó đi, nên Trẫm không biết được nguyện vọng của dân. Trung thành với truyền thống quá khứ và sau khi có ý kiến của ngài Toàn quyền Sarraut, Trẫm quyết định một cuộc hành trình ra Bắc để tỏ lòng ưu ái với thần dân.

Ngày khởi hành sẽ là 9 tháng sau (19 tháng 4 năm 1918). Trên đường ra Bắc, sau Quảng Trị, các trạm dừng chân được đặt tại nơi nào xét thấy rất cần thiết của chuyến đi. Các chi tiêu, phí tổn sẽ lấy từ quỹ dự trữ của chính phủ An nam, do chính quyền địa phương.

Tuy nhiên nếu muốn tỏ lòng kính mến đối với bản thân Trẫm thì các quan được tự do lấy tiền riêng của mình mà đãi thọ cho phí tổn và Trẫm không được bắt thần dân tham gia đóng góp. Những quan nào lạm dụng và hách nhiễu sẽ bị trị tội nghiêm khắc.

"Trẫm miễn cho các phủ và các huyện, các làng khỏi phải đặt Hương án chào đón, để cho tất cả người dân yên ổn, chăm lo công việc thường lệ.

"Trẫm mong mỗi người quan và người dân hiểu rõ và lo tròn bổn phận và đây là điều làm cho Trẫm vui sướng hơn là những lễ nghi phiền phức.

"Lệnh này phải được loan truyền cho mọi người được biết theo đây mà thi hành".

Nhân thế ông Khâm sứ ở An nam Charles sẽ đi theo vua và ngày 12 tháng 4 vua ra lệnh đoàn tùy tùng gồm có các Ngài: Tôn Thất Hân, chủ tịch Cơ Mật viện, Thượng thư Bộ Hình, Đoàn Đình Duyệt, Thượng thư Bộ Công và Bộ Binh.

Các ông: Lê Văn Bá, Thống chế chỉ huy tại Hoàng cung.

Bửu Thạch, Tham tri Bộ Lễ.

Nguyễn Hữu Tiến, Chuông vệ phụ trách Võ giá phòng.

Phạm Hoàng, Tham tá Nội Các (Tổng thư ký).

Hường Đề, Thông ngôn của vua.

Ứng Bàng, Lang Trung ở Cần Tín (văn phòng riêng).

Vài hôm sau, có chỉ định thêm: 2 thầy thuốc, 8 thị vệ, 12 viên chức của Nội Các và hai viên chức của Hội đồng Cơ Mật.

Các chức vụ của tôi là đại diện cho Khâm sứ tại Bộ Binh và Bộ Lại nên tôi được chọn đi theo đoàn.

Sau cùng ông Bùi Thanh Vân, thông ngôn cho người Âu được cử làm thư ký thông ngôn cho Khâm sứ.

Với chỉ dụ ngày 12 tháng 4 vua quyết định: "Trong khi vua vắng mặt thì sự bảo vệ Hoàng cung được giao cho các Ngài: Nguyễn Hữu Bài, Thượng thư Bộ Lại và Hồ Đắc Trung, Thượng thư Bộ Học cũng như các ông Hương Thỏa, Trung quân Đô thống phủ, Chuông phó sứ và Võ Văn Kiêm, Tiền nhị vệ Thống chế và Kỳ bài Lưu Kinh tức cờ và thẻ chỉ huy và huy hiệu về chức vụ sẽ được giao cho các vị quan đó. Ngoài ra, vua còn ra lệnh là các khuôn dấu của các Thượng thư đi theo vua như là khuôn dấu của Bộ Hình thì để lại, giao cho các

ông Ứng Dinh, Tham tri và và Nguyễn Văn Trinh, Thị lang; khuôn dấu Bộ Binh thì giao cho các ông Võ Liêm và Lê Hoàn chức Tham tri và Thị lang; Khuôn dấu Bộ Công thì giao cho các ông Tôn Thất Tế, Tham tri và Nguyễn Đình Tiên, Tá lý.

Trong thời gian vắng mặt của các Thượng thư, các quan lại nói trên phải chăm lo giải quyết các công việc của các Bộ liên hệ.

Ngày 15 tháng 4 vua ra lệnh là nhân dịp hành trình của vua, vua ban cho ông Tôn Thất Hân một áo lương màu điều có thêu rồng, mây, sóng và chữ Thọ; cho Ngải Đoàn Đình Duyệt một áo lụa "bút tơ mặt sa" màu đà thêu long mã và sóng cho ông Lê Văn Bá, Thống chế áo lụa màu đà giống như của Thượng thư Bộ Công (ông Lê Văn Bá sẽ mang nịt và kiếm, vỏ bằng bạc). Ban cho Bửu Thạch chức vụ Tham tri Bộ Lễ, áo lụa màu lam có thêu sóng ngũ sắc; cho ông Nguyễn Hữu Tiên, Chưởng vệ áo lụa màu lam sẫm thêu hoa vàng bạc; chữ Thọ đeo thắt lưng và gươm; cho ông Phạm Hoàng, Tham tri áo lụa màu lam thêu rồng rắn cuốn tròn và sóng; cho Hường Đề, Ngự tiền Chưởng vệ áo lụa màu lam giống như áo của ông Phạm Hoàn. Cho ông Ứng Bàng, Lang Trung áo lụa giống như áo của ông Nguyễn Hữu Tiên.

Theo với áo này còn có thêm nón chóp xanh dành cho các Thượng thư và Thống chế Lê Văn Bá màu đỏ sẫm dành cho những người khác và có những miếng dát bằng vàng hình chữ Thọ và hình rồng.

Ngày 19 ông Khâm sứ Charles, bắt an đã cử ông Le Fol Đốc sự, Chủ sự các văn phòng ở tòa Khâm sứ thay mặt cho Khâm sứ để đi với vua trong giai đoạn đầu của cuộc hành trình. Vào giờ Ngọ, ông này vào Hoàng cung để gặp vua đang chờ sẵn. Cả hai vị lên xe ngựa đi ra ga, trong sự tháp tùng của một đội kỵ binh của đoàn vệ binh đặc

nhiệm, vua mặc quân phục lễ, áo thêu vàng ngũ vai⁽¹⁾, đeo nịt và kiếm, ủng đen có dát vàng, nón chóp bọc vải có viền vàng và có nhiều dát vàng.

Vào 12 giờ rưỡi, chuyến tàu hỏa đặc biệt rời Huế, chín phát đại bác bắn lệnh từ Kinh thành gần Kỳ đài chào mừng sự khởi hành của vua. Toàn thể người Âu, các quan chức của Kinh thành và của Thừa Thiên, thanh niên của các trường học và đông đảo quần chúng An nam của mọi tầng lớp xã hội đều đến chứng kiến cuộc ra đi để biểu hiện lòng ái mộ cung kính và lễ độ đối với vị vua An nam và đại diện của chính phủ Bảo hộ.

Chúng ta thấy đoàn tùy tùng của vua chỉ gồm 20 vị quan; ta không thể không lấy làm kỳ lạ mà nhớ lại rằng khi vua Minh Mạng ra Hà Nội vào năm 1822 để làm lễ thụ phong thì có một đoàn tùy tùng độ 1.782 quan văn võ và 5.130 lính.

Con tàu vua ngự chỉ dừng lại thời gian ngắn khi đến Quảng Trị. Vị công sứ tỉnh này là ông Bonhomme và Tuần phủ Trần Văn Thông đi theo đoàn cho đến Đông Hà là ga cuối cùng của đường sắt; ở đây đã có 8 chiếc ô tô đợi sẵn, và sau khi các quan chức Quảng trị vái chào vua, thì đoàn du hành lên xe.

Vào lúc 14 giờ rưỡi tất cả các xe nổ máy òa lên đường. Từ đây chúng tôi đã thực hiện một chuyến du lịch lẻ. Chúng tôi đã mục kích một cuộc biểu hiện cảm động về sự trung thành đối với nước Pháp khó mà tưởng tượng nổi; chúng tôi lấy làm thích thú trước quang cảnh lớn lao của các đám quân chúng đông đảo mà với thái độ

⁽¹⁾ Các lính bây giờ mặc quân phục không còn vẽ gù lên, cái mũ mới theo lối người người Âu có dùm lông, chiếc áo rộng, có viền vàng đã thay thế bộ y phục truyền thống và đẹp theo lối cổ của các lính cỡi ngựa tháp tùng các vua chúa đời xưa.

lễ phép, kính cẩn tuân phục, đã biểu lộ được tính cao quý và bộc trực của những tình cảm mà vua đã gây trong lòng họ.

Đồng quê vui vẻ ngày hội, lúa xanh thẳng đứng, hứa hẹn một mùa gặt tốt, con đường quan với cờ xí đủ màu được cắm lên ngay ngắn dọc các làng ven đường, hay đột xuất quanh các hương án của những người dân phấn khởi, nhất là những kẻ giàu có.

Để đi qua các con sông chưa có cầu, có các con đò được kết lại chắc chắn, có dáng như những cái chùa được những con rồng kỳ dị kéo trườn trên mặt nước.

Hai bên vệ đường có nhiều hương án lộng lẫy, nhiều bàn thờ với bình ché, với đồ đặc sù tập quý báu kỳ lạ, gây ngạc nhiên ngay cả đến những tay chơi sành điệu, đã được dựng lên làm kinh ngạc những người ham chuộng trình bày ở đó. Kia là Lý Hương của các làng lân cận đứng bái lạy. Sau họ là đám đông dón tới đứng im phăng phất. Trong số những người đã đứng đợi nhiều giờ để nhìn vua, có những người khi vua đi qua lại không dám nhìn khép mắt lại hay ngoảnh đầu về phía khác giống như những tín đồ thành khẩn khi đứng trước một đáng thiêng liêng đang đi qua.

Những chiếc xe đi đầu lúc 18 giờ đã đến Tòa sứ Đồng Hới và ở đây đã có sự tập hợp các người Pháp, các quan lại, viên chức bản xứ, và các học sinh của tỉnh lỵ. Hàng chào danh dự là đội lính bản xứ quân phục chiến trận. Hai mươi một phát đại bác nổ lệnh, ông Cotte, công sứ tỉnh đến Huế tháp tùng, chào mừng vua và thay mặt cho tất cả những người Pháp và An nam cầu chúc cho sự vinh quang của ngai vàng.

Vào lúc 20 giờ, là bữa tiệc nhà nước tại Tòa sứ, trong đó có các vị Thượng thư, có quan Bô chánh, tỉnh trưởng là ông Nguyễn Hữu Chuyên và Thống chế Lê Văn Bá.

Sau bữa tiệc, vua đi nghỉ tại chỗ đã được bố trí ở tòa sứ.

Ngày 20 tháng 4, buổi sáng vua đến hành cung và ở cửa vào đã có các quan cấp cao và cấp thấp mặc triều phục và phẩm phục đang quỳ xuống chờ theo như chỉ thị của Cơ Mật viện.

Vua mặc áo quý lụa màu vàng có thêu kim tuyến như mỗi khi Đại triều ở Huế, đội mũ Cửu long và ngồi lên ngai sơn son thếp vàng. Các quan tại chức và hưu trí sắp theo cấp bậc hiện tại hay cấp bậc trước kia lúc đương chức trong hàng ngũ quan lại, và nối tiếp nhau lay theo lời xướng của các người xướng lễ.

Lễ xong vua cùng với các vị công sứ và các nhân vật tháp tùng đến thăm trạm y tế lưu động, các đồn lính bản xứ và các trường học. Vua rất vui mừng và cấp vài huy chương danh dự Kim Khánh hay Kim Tiền.

Sau khi ăn trưa, đến 14 giờ thì đoàn rời Đồng Hới đi ra Hà Tĩnh, giữa một đám rất đông dân chúng. Các nông dân, thương gia, ngư dân từ sâu trong các làng mạc đổ dồn đến hay bỗng chốc rời khỏi các cửa sông nơi họ đậu đò để chào đón vị kế thừa của các chúa Nguyễn. Có thể có người trong đám đông ấy đang suy nghĩ về biết bao cuộc hành quân xưa kia trước là của Mạc, sau là của Trịnh, cũng như về các cuộc hành quân của các chúa Nguyễn trên tỉnh Quảng Bình này đã lưu lại biết bao kỷ niệm lịch sử. Có thể có người đang mò mẫm đọc những dòng chữ trên bia đá do vua Tự Đức ra lệnh dựng lên vào năm 1842 ở vị trí cái bến đò có cầu dài cách 1 km về phía nam của thành Đồng Hới trên đường quan, ghi lại biết bao công sức mà nhà Nguyễn đã bỏ ra để được chiếm đóng vĩnh viễn Nam Kỳ.

Quan trọng biết bao là cái lũy bảo vệ Đồng Hới hay là "*lũy Thủy*" được xây dựng vào năm 1631 do quan lớn Đào Duy Từ của thời Sãi Vương để chống giữ lại các đợt tấn công liên tiếp của quân Bắc Kỳ.

Lũy này đóng một vai trò rất quan trọng trong các cuộc giao tranh vào thế kỷ XVII. Lũy đã một lần rơi vào tay của quân Bắc Kỳ năm 1618 nhưng đến năm 1771 bị quân của Ngũ Phúc tướng Bắc Kỳ cho san bằng. Nguyễn Ánh lại cho xây lại vào năm 1801 để đánh lùi vua Tây Sơn Quang Toản. Sau đó đến đời Minh Mạng và Thiệu Trị được sửa chữa lại.

Lũy Đồng Hới mà ngày nay đã đặt tòa sứ và Hoàng đế Khải Định đang nghỉ lại được xây vào năm 1324 bắc qua một thành cũ về phía đông bắc và theo mẫu như của Trung tá Olivier đã xây phía nam của Nam Kỳ và đồng thời có đặt trên một cổng lớn tên gọi là cổng Bình Quang cách 2150 mét Kinh Thành.

Đoàn ngự du đi qua cổng này tiếp tục lên đường ra Bắc.

Chúng tôi đi qua địa phận Trấn Ninh mà một số tài liệu đã lấy tên của nó để đặt cho lũy Đồng Hới (Trấn Ninh lũy) rồi đến Hữu cung là một làng của những người lính ngày trước được quân đội Đảng Trong phóng thích; rồi đến Phước Tự là nơi mà những người dân Bắc Kỳ đến lập cư trong chiến dịch 1661-1662. Tại đây chỉ còn thấy "*Cồn Dinh*" trại quân lớn với bức tường đã bị san bằng một nửa bọc quanh đám đất rộng. Trên cồn dinh người ta còn thấy vị trí của những kho lúa của Văn Miếu và Võ Miếu. Các nhà kho, các ngôi đền, cùng các trường bia "*Mộ súng*" còn được thấy rải rác thuộc trại lính "*Dinh Ngòi*" ở cạnh đây.

Ở Đồng Cao, gần sông Lý Hòa có trại quân của người lòng danh là Đốc Chiến Nguyễn Hữu Đạt, cố vấn của Hiếu Vương, được xây dựng vào năm 1661 sau chiến dịch từ Nghệ An trở về, để chặn quân Bắc Kỳ chiếm An nam Bố Chính.

Vừa qua khỏi sông bằng các chiếc đò chùa được rồng kéo, chúng tôi thấy bên tả ngạn làng Lý Hòa giàu có, nhà nhà lợp ngói và dân

giỏi nghề đi biển, hằng năm vào Bình Thuận và Sài Gòn để buôn bán lớn. Năm 1801 vua Gia Long cho thành lập các chiếc thuyền và dân chài ở làng này thành một đơn vị quân phụ thuộc được gọi là Hòa Hải đội. Xa hơn ở Thanh Hà gần cửa sông Gianh, có một pháo đài mà quân Gia Long chiếm vào năm 1801. Chính pháo đài này hay có thể là pháo đài thứ chín, được vua Tự Đức cho xây vào năm 1858, đến năm 1886 đã bị quân Pháp xâm chiếm.

Sông Gianh hay Linh Giang mà chúng tôi đi qua là ranh giới ngày xưa giữa Bắc Kỳ và Nam Kỳ.

Phía Tả ngạn của con sông ấy tại Mỹ Hòa vào năm 1642, nơi xảy ra những trận đánh ác liệt giữa quân Bắc Kỳ Trịnh Tráng và đội quân An nam của Công Thượng Vương.

Gần đây người ta còn thấy "*xóm Cự Dinh*" nơi đóng quân lúc trước.

Ở Đan Sa cũng có một cái "*dinh*". Sau khi qua khỏi làng này thì con đường vượt qua một dòng sông chảy ra Ba Đồn và nối liền sông Roòn và sông Gianh.

"Tên Ba Đồn có nghĩa là ba pháo đài còn lưu lại, kỷ niệm thời quân Trịnh.

Cái chợ, nói cho đúng hơn là chợ phiên họp đúng vào những ngày nào đó trong tháng có được sự quan trọng là do có nhiều quân lính đóng trại gần đó, nhất là ở trên đường giáp ranh của hai miền vương quốc. Tại đây còn là nơi giao lưu thương mại giữa Nam Kỳ và Bắc Kỳ, là nơi trao đổi, chuyển hàng từ Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Thừa Thiên.

Ở Roòn cũng có một đồn binh luân phiên dưới sự chiếm đóng của quân Tây Sơn và của quân Nguyễn Ánh, vào năm 1801-1802. Vài ki-lô-mét về phía bắc Roòn, trên đường quang, có một cái mộ

nhỏ được gọi là "*Mả Cô*", ngôi mộ của một cô nương, của một đức Bà. Đây là một kỷ niệm xa xưa để chỉ một vùng đất của vùng này. Tên Mả Cô được dùng để chỉ chỗ đỉnh núi Hoành Sơn hay Đèo Ngang. Ở trên đỉnh đèo có một ranh giới Hoành Sơn quan mà chúng ta gọi là "*cửa An nam*". Cách đây không lâu, con đường quang còn chạy qua dưới cổng này. Ngày nay người ta vượt đèo về phía bên trái một chút, phía tây có một tường đôi bằng đá thô chạy từ đỉnh núi và chạy thẳng vào phía rừng, phía đông cũng một dãy tường như thế xuống hướng biển. Ở ngay chỗ cổng của tường, tường bao quanh một khu đất vuông tạo thành một pháo đài. Xa hơn trên những mỏm đồi giữa cổng và biển còn có vài pháo đài khác nữa. Quân Bắc Kỳ luôn luôn chiếm giữ điểm này được xem như địa điểm quan trọng về chiến lược. Quân Nam Kỳ chỉ chiếm được điểm này trong chiến dịch năm 1655-1660. Toàn bộ các công sự này được gọi là "*Lũy ông Ninh*", có nghĩa là cái lũy của ông Ninh. Phía Bắc của đèo ấy là làng Ngưu Sơn thường được gọi là cái đèo Quán Bò, cái quán của thịt bò. Vào địa phận của làng thì con đường chạy qua cái đèo nhỏ được gọi là đèo Mũi Dao. Người ta còn thấy ở đây dấu vết của một tường vòng tròn đá và đất.

Về phía bắc, con đường chạy qua một đèo nhỏ được gọi là Đèo Con. Ở đây, người ta còn thấy trên dãy đồi trông ra biển một tường vòng tròn bằng đá và đất. Cái đèo ấy là giới hạn của các làng Ngưu Sơn và Thầu Dầu. Năm 1801 quân Nam Kỳ của Gia Long bị phục kích bởi quân Tây Sơn ở núi Thầu Dầu có thể ở đoạn Đèo Con.

Trên vùng đất Văn Hành, trước khi đến Dinh Cầu (trại binh ở cây cầu) có một xóm quán gọi là Hỏa Hiệu. Người ta gọi tiếng này với ý nghĩa của những "*tín hiệu lửa*", trên các độ cao đó có một pháo đài nhỏ do quân Bắc Kỳ chiếm. Khi trông thấy quân Nam Kỳ tiến ra Bắc, thì quân Bắc đốt lửa to để báo tin cho các đoàn quân chiếm

đóng các trại lớn ở Hà Trung cách đó vài dặm. Theo người ta kể lại thì tại vùng lân cận Hỏa Hiệu này đã xảy ra một trận chiến lớn. Bên phải và bên trái của đường quan có nhiều miếu cổ đồ nát, hình dáng cũ kỹ đã được xây dựng để thờ các vị quan tử trận trong giáp chiến.

Miền Hà Trung, phía nam Hà Tĩnh thường được nói đến trong các tài liệu. Đây là công sự rất quan trọng của quân Bắc Kỳ ở biên giới phía nam của họ. Nó kiểm soát đường thủy và đường núi. Vùng đó đối với quân Bắc Kỳ có giá trị như các bờ sông Nhật Lệ đối với quân Nam Kỳ. Hiện nay người ta còn lưu ý đến vòng thành của Dinh Cầu, *"trại binh tại cây cầu"*.

Trên làng Xuân Thủy có thành xưa. Đây là một vùng đất rộng được bao quanh một thành đất có tên thông thường là lũy, tại đây có địa hình được gọi Kim Thuộc (kho thuốc súng). Các người chiến thắng đã phá nổ kho làm cho thủng 1 lỗ lớn mà nay còn thấy. Còn một ụ đất cao hay là ụ treo cờ : Cột cờ, chỗ này còn có tên là Cồn Vọng, *"Vòm quan sát"* tại chỗ này người ta quan sát tín hiệu của trạm Hỏa hiệu: có nhiều tên nhắc cho ta nhớ lại các đội binh đã đóng trong vòng thành. *"Những người Bình Định cánh tả và cánh hữu"*. Các quan bảo vệ cánh tả, cánh hữu. Ở đây có nhà bia *"bến"*; một cổng vòm của cửa vào kho, một hồ của những người chèo đò: Hồ chèo, đây là nơi vua thường ra chơi.

Về phía bắc của vòng thành ấy, trên đất làng Sơn Triệu còn thường gọi là Quán cháo cũng có một vòng thành bằng đất. Một ngôi chùa lớn ở cạnh đường quang có thể có một nguồn gốc rất lâu đời.

Vào 15 ki-lô-mét phía bắc của Hà Trung, chúng tôi đi qua Lạc Xuyên, ngôi làng mà vào năm 1655 Hữu Đức, tướng cầm quân dưới trướng Trịnh Đào, ẩn náu sau trận đánh thất bại trước đội quân của Hiền Vương, tại núi Hoành Sơn.

Vùng bắc Lạc Xuyên đến Hà Tĩnh cho đến Vinh (An Trường) đều lâm vào cuộc chiến Nghệ An (1655 -1661), lần lượt dưới sự chiếm đóng, khi thì của quân đội An nam Hiền Vương, khi thì quân phía Bắc Kỳ của chúa Trịnh.

Vua Khải Định, trong thời gian hành trình từ Đồng Hới đến Hà Tĩnh, nhớ lại lịch sử của tổ tiên Ngài ngay trên mảnh đất đã để lại bao chiến tích.

Đoàn đến Hà Tĩnh vào lúc mười tám giờ. Hoàng thượng được tiếp đón tại dinh với tất cả nghi thức như ở Đồng Hới.

Ngày 21 tháng 4, buổi sáng Hoàng thượng tiếp kiến các quan chức của tỉnh, đi thăm bệnh viện, các trường học và đội lính bảo vệ bản xứ.

Sau bữa cơm trưa, vào lúc 14 giờ, đoàn lại có thêm các ngài: Thị trưởng, Công sứ và Nguyễn Khoa Tân vị tuần vũ, rời Hà Tĩnh đến một miền ngày xưa hoang vắng nay đã thịnh vượng: Hương Sơn, vùng sơn cước đẹp để có nhiều đồn điền quan trọng. Ở Hà Tân, ông Bordel trồng được 100.000 gốc cà phê trên khoảnh đất ông mua vào năm 1904. Các ông, Ferey và Boeuf, chủ các đồn điền ở Sông Con, họ có được 100.000 héc-ta đất vào năm 1908 của ông Chazet và đã kiếm được bao nhiêu lợi nhuận nhờ đồn điền mà có. Họ có đến 75.000 gốc cà phê và kiếm được độ 10 tấn hạt.

Đồn điền Voi-Bổ của ông Chazet mà Hoàng thượng Khải Định là khách.

Vào năm 1902, ông Chazet quyết định ở lại tại vùng mà ông đã cải tạo. Một rừng rậm rạp xưa kia là nơi trú ẩn của bò rừng, voi, hổ và các mãnh thú khác, ít người An nam dám phiêu lưu trong các vùng quanh quất để vào tìm củ nâu nay trở nên một vùng đất màu mỡ. Ông Chazet nhân viên viên cũ của công ty khai thác rừng ở Vinh

khởi đầu đã bỏ ra một ít vốn, ông ta đã phở hoang và trồng đay và cà phê. Từ năm 1905 đã dồn công sức vào đồn điền, đẩy mạnh trồng đay và làm công việc chăn nuôi.

Cho đến 1908 ông mới bắt đầu trồng đại trà cà phê song song với đay. Ông hiện có 110.000 gốc cây cà phê và thu hoạch được từ 40 đến 50 tấn mỗi năm. Chiến tranh ở châu Âu làm tê liệt ngành đay nhưng ông cũng sản xuất từ 39 đến 40 tấn đay.

Vua đã không ngớt lời ca tụng, đánh giá cao công việc làm của những người Pháp khai thác thuộc địa dũng cảm. Trong bữa ăn chiều họp mặt quanh cái bàn được trang trí các loài lan quý hiếm, vua đã phát biểu nhiều lần những lời khen ngợi dồn dập đối với họ; vua nhận xét với niềm hân hoan là các việc làm đó đã mang đến sự sống sung túc cho hàng nghìn người An nam từ các tỉnh lân cận đến. Và những người này chỉ trở lại làng xóm của họ nhân dịp đầu năm, tết nhất họ phải về để cúng bái cha ông theo tục lệ mà thôi.

Họ đã thành lập những làng mới phát triển từng ngày và con cháu họ sẽ thờ cúng họ tại đây.

Hôm sau 22 tháng 4, sáng sớm đoàn đi trên con đường mới của Lào. Cuộc hành trình không dừng lại ở điểm cuối cùng của đường đi ô tô được. Vua quyết định "*chúng ta đi bộ*" và đoàn du hành đã đi bộ ít nhất 2 km xuyên qua các lâm trường trước sự chào mừng kính cẩn của khoảng 3000 người lao công. Đoàn du hành có thể ở vị trí kilômét 6 đèo Keo Nưa.

Khi đến một địa điểm có cầu bắt qua, vua quyết định phải dựng tấm bia kỷ niệm ngày ngự đến. Như vậy từ đây trong vùng này có 2 điểm đáng nêu là suối Sarraut, là nơi vị Toàn quyền Sarraut dừng chân năm 1917 để ăn trưa và chiếc cầu Khải Định.

Sau khi ăn trưa ở Voi Bỏ đoàn đi theo đường đã đi vào để ra đường cái quan rẽ về phía bắc để ra Vinh. Nên nhắc lại là khi đoàn đi ngang Linh Cảm, có một ông già thọ 100 tuổi, Đoàn Tử Quang cự huân đạo, trong y phục Cử nhơn đã đến chúc mừng vua được hạnh phúc. Vua đã ban cho ông già thăng nhiều bậc trong hàng ngũ quan lại.

Đoàn đến bến dò Lam Giang Bến Thủy vào lúc 7 giờ, ông Lehé, công sứ Nghệ An và các quan tỉnh đến đón các du khách. Từ chiếc dò được trang trí rất sang trọng trong đó có vua ngồi, nhìn lên bờ trái của con sông, nhìn thấy nhiều đám người đông đúc. Đoàn đi giữa hai hàng rào danh dự gồm những người Pháp, quan chức, dân chúng, thông thả đi qua Bến Thủy và tiếp theo là đi qua tỉnh lỵ Vinh hay An Trường.

Cuộc đón tiếp chính thức ở tại tòa sứ, tiếp theo đó vua đi vào thành⁽¹⁾ đến Hành Cung đã trang trí nguy nga. Dịp này, Hoàng đế ăn tối ở tòa sứ và trở về Hành Cung để nghỉ đêm.

Ngày 13 tháng 4 vào buổi sáng vua đến tiếp kiến các quan chức Nghệ An và đi dạo thành phố bằng ô-tô. Sau buổi ăn trưa vào lúc 14 giờ, xuất phát đi Thanh Hóa bằng tàu hỏa đặc biệt. Ở mỗi ga hay trạm trên đường đi, hương án và cờ đủ màu sắc tung bay trước gió. Các chức sắc vái chào khi tàu đi qua chậm chậm lại. Pháo được đốt rất nhiều, vua chào lại rồi tàu chạy nhanh.

Đến ga Hoàng Mai giữa tỉnh Vinh và Thanh Hóa công sứ tỉnh Thanh Hóa là ông Labbez và Tổng đốc Tôn Thất Trạng đón chờ vua.

⁽¹⁾ Thành Vinh được xây vào năm Minh Mạng thứ 12 (1831). Công trình do ông Đỗ Quý, thống chế điều hành xây dựng. Thành này không có cửa phía Bắc.

Đến Thanh Hóa, nhà ga được treo cờ đủ màu. Có 700 lính kèn mặc quân phục chào đón. Tất cả người Pháp và các quan chức đều có mặt. Vua lên xe ô-tô với công sứ và đoàn du hành được nối đuôi bởi một đoàn người bản xứ ước tính đến 30.000, từ từ đi về tòa sứ. Tại đây có sự trình diện của các chức sắc Pháp và bản xứ.

Vua ăn tối ở tòa sứ và sau đó đi vào trong thành bằng cửa Nam (cửa Tiền) mà Ngài đã ra lệnh cho mở trong dịp này. Cửa này đã thật sự được khóa lại⁽¹⁾: Người ta còn bảo là cửa được đóng lại bằng xây gạch.

Nhà Hành Cung nơi vua ở đã được các quan tỉnh sắp đặt với phong cách thẩm mỹ tuyệt vời. Cách bài trí các căn phòng giống như ở điện Càn Chánh tại Huế và được trang bị lộng lẫy bằng những đồ đạc do sự góp sức của các nhà giàu làm cho ai cũng phải công nhận có cảm giác như ở tại cung điện. Vua cảm thấy niềm vui không tả xiết của một người được thấy lại được quê nhà. Chính ở đây, tại tỉnh này, là nơi có ngôi làng của vua, ngôi làng của các vị tổ tiên của vua, nơi sinh ra và nằm xuống của đức Tiên đế Triệu tổ, ngôi làng quê quán của con người mà lúc 34 tuổi vào năm 1558 đi vào trấn giữ Thuận Hóa và bảo đảm vĩnh viễn cái vinh quang và thịnh vượng của nhà Nguyễn. Vua Khải Định rất cảm động cho chúng tôi biết khi đến

⁽¹⁾ Vào năm thứ 9 Minh Mạng (1828) 1200 lính ở Thanh Hóa và 1300 lính Nghệ An xây thành Thanh Hóa dưới sự điều hành của vệ úy Lê Văn Hiếu và trấn thủ Ngô Văn Vinh.

Người ta thấy thành ở Vinh không có cửa Bắc và thành ở Thanh Hóa, mặc dầu chỉ có cửa Nam được xem như không có cửa ấy. Nên nói thế nào?

"Thanh vô tiên, Nghệ vô hậu" (Thanh Hóa không có cửa trước và Nghệ An không có cửa sau). Chỉ có tin tưởng trong khoa Chiêm Địa mới có thể làm cho những nhà kiến trúc quyết định dẹp bỏ một cửa này hay một cửa khác trên các hướng của địa bàn tại các bức tranh này.

làm lễ thuận tụy nội bộ gia đình thì năm này vua cũng được 34 tuổi. Đây là sự trùng lặp báo hiệu điềm lành theo như mọi người nói.

Suốt ngày 24 dành cho lễ bái ở đền Nguyên Miếu và ở lăng Trường Nguyên, ở Gia miếu Ngoại Trang (sẽ có các chi tiết đi tiếp theo bài tường thuật này).

Buổi chiều sau khi dạo chơi thú vị Phố Cát, và được xem tại nơi đây cái chùa kỳ lạ có tên là "*Cá thần*" trong một khung cảnh đẹp trên bờ, con suối có nhiều cá gáy sống tự do thoải mái, đoàn trở về Thanh Hóa. Sáng ngày 25 tháng 4, các quan chúc đều đến lạy ở Hành Cung. Trong buổi sáng và suốt cả ngày 26, vua đi thăm các trường, bệnh viện đồn lính, bản xứ và đến thăm nhà máy điện ở Hàm Rồng đang tạo công việc làm cho trên 500 người bản xứ, thăm Hội Từ Thiện của nữ tu sĩ Arène và xưởng gốm của Nguyễn Văn Được.

Ngày 26, vào lúc 13 giờ khởi hành đi Hà Nội bằng tàu hỏa. Chúng tôi từ giã những người dân Thanh Hóa đã vui mừng đón tiếp vua của họ, như một người mẹ luôn luôn sung sướng đón nhận con mình. Những người dân của cái tỉnh đẹp Thanh Hóa theo như lời viết rất văn chương của ông Toàn quyền Pasquier, là cái tỉnh đã: "*giải thích và làm cho hiểu Huế hơn*". Tỉnh Thanh Hóa đối với xứ An nam chẳng khác tỉnh Ile de France đối với nước Pháp. Một tỉnh đầy thơ mộng. Đó là một Nữ hoàng quý phái, tự hào hơi kiêu hãnh. Hương thơm của cái cao sang xưa cũ và duyên dáng của cái đẹp thanh tao tỏa ra làm cho ngất ngây như một vị uống gây say. Nữ hoàng gây niềm khát vọng và muốn tìm hiểu mà vẫn không thỏa tình thần và ước vọng hòa nhập vào trong mộng tưởng đứng trước cảnh sắc thiên nhiên luôn biến đổi của bốn phía chân trời và tại đây những thể khối tím thẫm, lẫn lộn nhau của những núi đá, những sóng lưng uốn lượn của những núi đá in hình khắc vẽ lên màu sáng vàng long lanh ở phía trời tây thành hình dáng của những con thú kỳ lạ đang ngồi hay đứng

trong tư thế những con vật được khắc chạm trên huy chương giống như những tấm bùa quốc huy to lớn.

Tại Đồng Giao, ga ranh giới giữa Thanh Hóa và Ninh Bình. Vua rất khen ngợi cái Khải Hoàn môn được dựng lên do các quan lại. Ông Thanh tra công vụ Gourandy, đại diện cho ông Khâm sứ Bắc Kỳ đến đó để tiếp vua. Công sứ của Ninh Bình ông Bride và Tuần vũ của tỉnh cùng đi theo tại Nam Định, các công chức Âu và bản xứ đều được ông công sứ Tissot đưa ra trình diện với vua trên một lễ đài trang hoàng rực rỡ. Tại Phủ Lý thì đại diện là ông Bront, cùng các người Pháp, các quan lại làm lễ khi vua đi qua.

Tại Đô xá, ranh giới tỉnh Hà Đông thì các quan chức chờ ở ga.

Sau cùng đoàn vào ga Hà Nội vào lúc 17 giờ. Tất cả các quan chức đều đứng sau ông Toàn quyền Sarraut để đón tiếp vua lúc xuống tàu và đưa vua vào một phòng khách được trang trí một cách đặc biệt, tại đây ông Japocille, Thị trưởng Hà Nội chào mừng vua và nói rõ về sự đón tiếp của thành phố bằng tất cả những tình cảm tốt đẹp. Đại diện cho thành phố và nhân danh cá nhân, ông Thị trưởng đã chuyển đệ những lời chào mừng cung kính.

Khi ra khỏi ga thì có đội quân Pháp và lính An nam bồng súng chào. Kèn thổi và quân nhạc cử bài quốc ca Pháp.

Toàn quyền đưa Hoàng đế và đoàn tùy tùng đến Phủ Toàn quyền; và tại đây, các căn phòng đón tiếp đã được trang hoàng long lẫy để đón đức vua.

Suốt trên đường đi, nhà cửa treo cờ Pháp, cờ An nam và cờ Đồng minh. Nhiều hương án và Khải Hoàn môn được dựng lên. Quân chúng đông đảo luôn luôn giữ lễ độ, im lặng, chào mừng đại diện của nước Pháp và vua. Nói chung là hai vị đã chiếm được sự triu mến của đông đảo quần chúng.

Đoàn quan chức vào phủ Toàn quyền, qua các tầng cấp danh dự. Trong phòng lớn lễ tân có nhiều biểu ngữ chỉ vị trí của các đơn vị và các cơ quan sẽ được giới thiệu. Toàn quyền và vua ngồi trên ghế danh dự được kê cao có trải lụa vàng.

Khi phòng đã đông đủ, ông Sarraut nhân danh chính phủ Cộng hòa gửi đến Hoàng thượng *"Lời chào thân mật"*, bày tỏ lại lần nữa lòng tin tưởng và triu mến của nhà nước Bảo hộ đối với người bạn cao quý và trung thành.

Tiếp tục bài diễn văn, ông Toàn quyền trình bày nỗi vui mừng của người dân Bắc Kỳ khi được nghe tin vua ra thăm và nỗi cảm kích của ông đối với ý muốn ra thăm của vua, khi nghĩ rằng vua muốn nói lại cái truyền thống tin tưởng lẫn nhau và bạn bè thắm thiết trong cái sức mạnh và lòng trung thực vốn sẵn có từ ban đầu, muốn nói lại truyền thống đã liên kết công trình của ông Paul Bert cùng với ý chí của vua Đồng Khánh.

Nói rõ vì sao chính phủ Bảo hộ lấy làm tự hào chỉ ra cho vua biết *"những kết quả của các công việc làm mà họ đã thực hiện"*.

Hoàng đế trả lời bằng tiếng An nam và bài diễn văn của vua đã được trực tiếp dịch như sau:

"Quang cảnh đẹp đẽ của Bắc Kỳ hôm nay gợi cho tôi kỷ niệm thiêng liêng của đức vua, thân phụ tôi và người cộng tác trung trực và tận tụy của Ngài là ông Paul Bert. Vua nói là vua rất yên tâm khi thấy xứ An nam dưới sự hỗ trợ của nước Pháp thì trở nên một nước giàu có và hùng cường, và kết thúc đáp từ là mong sao nước bạn phải nhanh chóng quét sạch khỏi đất nước bạn những rác bẩn ngoại bang và sau các chiến thắng quân sự sẽ được hưởng một nền hòa bình vinh quang mà những tia sáng chói lọi sẽ sáng ngời trên đất An nam."

Bài diễn văn đọc xong thì các đoàn thể diễu hành qua trước bệ và ông Toàn quyền giới thiệu với vua từng cá nhân người Pháp. Các quan chức của Bắc Kỳ dẫn đầu là ông Hoàng Trọng Phu, Tổng đốc Hà Đông cũng đến vái chào Hoàng đế.

Phía bên trái của bệ là các Thượng thư triều đình An nam và các nhân vật tùy tùng. Hai bên có hai đội cận vệ quan phục sáng chói, cầm kiếm chuôi vàng đứng nghiêm.

Cuộc trình diện xong, vua trở về phòng riêng. Từ đó và suốt thời gian viếng thăm Bắc Kỳ, vua là khách của ông Toàn quyền Sarraut.

Ngày 27 tháng 4 vào lúc 8 giờ, các quan chức Bắc Kỳ tụ họp tại phòng Khánh Tiết của Phủ Toàn quyền để bái yết theo đúng nghi lễ và theo sự hướng dẫn của ông Tham tri của Bộ Lễ ở Huế.

Vua ngồi trên ngai có trần bọc lụa vàng. Bên trái là đoàn tùy tùng của vua, Khâm sứ Bắc Kỳ và Chủ sự phủ Toàn quyền.

Các quan chức Bắc Kỳ chưa quen với cung cách lễ nghi trước mặt vua, nên chúng tôi nhận thấy có nhiều rụt rè, vụng về trong trong khi quỳ lạy.

Vả lại trong gian phòng thấp sáng điện ngay cả ban ngày thì cuộc họp của các quan chức đại phục lễ triều tạo thành một khung cảnh kết hợp lại càng khó coi giữa cái thói tục xưa cũ và cái tiến bộ hiện thời. Hơn nữa, các Lễ quỹ lạy nếu ở Huế diễn ra trong khung cảnh thích hợp, uy nghi và trang trọng thì ở đây trông ra là tầm thường và kỳ dị.

Đến 9 giờ 15 phút, Toàn quyền và vua đến viếng tượng đài của Paul Bert, tại đây đã đặt trước một vòng hoa mang các dòng chữ: *"Vua kính viếng toàn quyền Paul Bert"*.

Ông Bourrier Chaffray, Khâm sứ Bắc Kỳ trong bài diễn văn đọc giữa một đám đông cả người Pháp lẫn người An nam đã nhắc lại

rằng, nhà vua trong một sự cảm kích đột xuất đã yêu cầu cuộc viếng thăm đầu tiên, phải được dành cho tượng đài Paul Bert mà vua luôn luôn ghi nhớ như là *người bạn lớn* của phụ thân vua. Tiếp đó ông Khâm sứ nói đến các giai đoạn từ 1886 đến 1918 và cũng công khai nói rõ về cách thức mà chính quyền địa phương đã vận dụng để hoàn thành nhiệm vụ được ủy thác do tin tưởng của cả đôi bên, từ phía Chính phủ Cộng hòa và cả từ phía nhà vua được Bảo hộ.

Hoàng thượng Khải Định đọc đáp từ được thông ngôn dịch lại.

Sau khi thăm công viên Paul Bert, vua đã cùng Toàn quyền lên xe của Toàn quyền để đến bệnh viện bản xứ, tại đây đoàn đã được bác sĩ giám đốc Cognoeq đón tiếp, chứng kiến cuộc giải phẫu do bác sĩ Le Roy de Barres thực hiện.

Lúc 15 giờ, Toàn quyền và vua đến trường Y khoa, tại hội trường Sarraut, 150 sinh viên áo quần trắng đang đứng ở trước ghế.

Bác sĩ Cognacq nêu lên lịch sử của trường và nhận xét là các thầy thuốc bản xứ khi ra trường đều gây được sự tín nhiệm. Cảnh ngộ hiện tại chứng minh được ở họ lòng trung thành đáng ngợi khen. Một số lớn xin tình nguyện sang Pháp để chăm sóc những người bị thương tật. Ông Giám đốc Sở y tế của Đoàn 20 đánh giá cao về thành tích của một số thầy thuốc đã được đeo lon sĩ quan trong quân đội và được tuyên dương công trạng.

Sau cùng ông nói rằng trường Y khoa sẽ không ngừng chuyển thành trường Thực nghiệm và tiến lên cho phép các sinh viên có hai bằng tú tài được học bác sĩ. Vua đáp từ rằng những tiếng vang về tiến bộ đã vào đến An nam và đánh giá cao những cố gắng đã được thực hiện.

Tiếp theo, đoàn đến thăm trường Bảo hộ, tại đây 900 học sinh đã sắp hàng dọc theo các lớp. Trên thềm nhà chính có một hương án

dựng lên. Khi đoàn ô tô đến thì pháo nổ, kèn thổi, trống đánh âm vang như một ngày lễ lớn.

Ông Donnadien, hiệu trưởng trường trung học giới thiệu nhân sự của trường ông.

Gần bên hương án, trầm hương nghi ngút bay lên, một học sinh trẻ đọc bài diễn văn và ông toàn quyền đáp từ thay mặt cho vua.

Tiếp theo là bắt đầu viếng thăm nhà trường, các lớp tiểu học, các lớp "lớn" sắp tốt nghiệp Trung cấp, phòng vẽ, phòng thí nghiệm khoa học, phòng họp, phòng giáo viên, phòng ngủ và nhà ăn.

*

*

*

Lúc 16 giờ, ông Toàn quyền, vua và các nhân vật của đoàn ra ô tô để đến thăm xưởng làm thuốc lá. Đoàn dừng lại ở cửa chính của nhà hàng, có một trung đội lính bản xứ bồng súng chào. Ông A.R Fontaine và các cộng sự đón tiếp các vị khách. Tất cả đều được thăm viếng tỉ mỉ: kho tiếp liệu, phòng chế biến để thỏa mãn khẩu vị người tiêu dùng; xưởng xắt thuốc với máy xắt nhanh, và đưa thuốc đến lò sấy, mang làm nguội xoay vòng, và đây là xưởng có máy thuốc lá năng suất cao; xưởng đóng hộp thuốc lá và thuốc sợi; xưởng mộc để đóng thùng đựng điều thuốc xì gà và đựng điều thuốc nhỏ.

Toàn quyền và vua chú ý lâu về các động tác hoạt động của nhà máy và về vấn đề cơ bản của sự tiến triển việc trồng thuốc lá. Ông A.R Fontaine giải thích cặn kẽ về những công việc đã được làm ở các đồn điền Kim Xuyên và Văn Khê, về các dự án đang được thực hiện nhằm vào các mục đích phát triển và cải tiến với thời hạn ngắn, với các điều kiện trong sự hợp tác với các nhà trồng trọt Pháp và An nam. Ông ta nêu lên số lãi lớn của xứ sở này, tuy hôm nay nhập

thuốc lá nhưng trong tương lai có thể xuất khẩu thuốc lá khi mà phẩm chất thuốc lá tốt hơn, có thể đưa số lượng khổng lồ xuất khẩu bán cho công quán mẫu quốc hay bán cho các thương gia ngoại quốc khác.

"Ông Sarraut sau khi nói là Chính phủ sẵn sàng khuyến khích tất cả những ai cố gắng khuếch trương nguồn tài sản sản xuất thuốc lá mà đến nay chưa ai khai thác, để bán ra nước ngoài, còn nói tiếp là ông đặc biệt sung sướng được giới thiệu với vua Khải Định một nhà kỹ nghệ lớn của Đông Dương đã đạt một địa vị mà đáng lẽ có quyền được nghỉ ngơi; nhưng trái lại sau khi đã thu góp một số vốn quan trọng cần thiết thì lại tập trung hoạt động vào việc xây dựng một nền kỹ nghệ mới không lệ thuộc vào cơ sở hiện đại cải tiến mà vẫn tạo nên được một động lực mạnh mẽ cho việc trồng trọt thuốc lá có ích lợi lớn đối với sự phát triển kinh tế của Đông Dương.

Ông Toàn quyền, vua Khải Định và đoàn tùy tùng trở về, trong sự chào mừng một lần nữa của những người hiện diện và để lại cho mọi người cảm tưởng tốt đẹp.

Đến chiều ở Phủ Toàn quyền có một bữa tiệc chiêu đãi cho tất cả các quan chức hậu chính và quân sự thuộc địa có mặt tại Hà Nội. Ông Sarraut nâng cốc mừng thắng lợi của Pháp và chúc sức khỏe vua Khải Định. Vua nâng cốc chúc mừng sự thắng lợi của quân đội Pháp.

Sau bữa tiệc, trong công viên, những người khách được xem trên màn ảnh dựng tạm, nhiều cuốn phim hay trong đó có lăng tẩm của vua chúa ở Huế và đoàn rước Nam Giao (cúng tế Trời đất).

*

*

*

Chúa nhật ngày 28 tháng 4 vào lúc 8 giờ, đoàn của Toàn quyền và vua đến Bảo tàng Thương mại có trình bày sản phẩm của Đông Dương.

Ông Đại úy Le Marié, giám đốc Sở Nông Nghiệp và Thương mại của Bắc Kỳ và ông Crévost, giám đốc Bảo tàng đã lưu ý khách đặc biệt về sự chọn giống lúa bằng cách soi sáng, làm lưới bằng tóc, kéo sợi len, làm đồ chơi trẻ em, đan đất mây tre, làm ghế mây, ghế lát, làm nón, dép mũ, bàn chải, làm nệm chiếu...

*

*

*

Tiếp theo, Toàn quyền và vua đến khánh thành trường Đại học, ông bác sĩ Cognacq, thanh tra đốc học chính và ông Toàn quyền Sarraut đọc những bài diễn văn rất hào hứng. Vua cảm ơn ông Cognacq và động viên các sinh viên. Sau khi xem trường học, đoàn trở về phủ Toàn quyền.

*

*

*

Văn Miếu là đền thờ Văn nhân ở trên đường Sinh Từ được treo cờ trang trí đẹp mắt, gần cổng miếu có 4 người hầu mặc áo đỏ, cầm bốn lọng vàng. Trong sân miếu nhiều quan lại, thân hào, chánh tổng và lý trưởng các làng lân cận của tỉnh Hà Đông, mặc trang phục đại lễ đứng hai bên để đón chào vua Khải Định. Đoàn đến miếu lúc 15 giờ 15 phút, do mưa nên có chậm vài phút. Trong buổi lễ có đội nhạc của Hà Đông cử bài "*Quốc ca Pháp*" và sau đó là nhạc An nam nổi lên. Một ông quan quý xuống đọc bài diễn văn bằng tiếng An nam được Hoàng Trọng Phu phiên dịch, tiếp theo tất cả các quan chức, thân hào, chánh tổng và lý trưởng hô to: "*Vạn tuế! Vạn tuế*". Sau

buổi lễ vua Khải Định đi xem các cổ vật bằng đồng. Pháo nổ trong 10 phút".

*

*

*

Hội Hồng Thập Tự Pháp tại Hà Nội đã tổ chức Hội chợ trên công viên của Nhà Hát Lớn và ngay cả trong Nhà hát.

Rất đông người xem khi ông Sarraut và vua đến cùng đoàn tùy tùng lúc 17 giờ.

Sau khi đã xem các gian hàng và trò chơi và thưởng tiền, người đứng đầu thuộc địa và người đứng đầu đất nước trở về không quên khen ngợi bà St Chaffray, chủ tịch Ban tổ chức.

*

*

*

Ngày thứ hai vào lúc 7 giờ rưỡi có duyệt binh lớn. Nhạc quân hành nổi vang và tiếp đến là quốc ca Pháp, ông Toàn quyền, vua Khải Định và tướng Lombard đến bằng ô tô của ông Toàn quyền theo đường Puginier. Đoàn quan chức cũng đi theo bằng ô tô. Tướng Barrand chỉ huy pháo binh Đông Dương đến bằng ngựa trước Toàn quyền và vua, cất kiếm chào và giới thiệu các đội quân.

Tiếp theo, tướng này đi ngang trước các đội quân đang bồng súng chào. Tướng đến đứng trước đội quân ở giữa: lá cờ đoàn 9 thuộc địa và đoàn 1 Bắc Kỳ, cờ của đoàn 4 Pháo binh và các sĩ quan Lê Dương đến đứng trước mặt tướng Barrand theo nghi lễ thường lệ gắn chữ thập tước kỵ của đoàn và đọc bản khen thưởng chiến công cho quốc công danh dự Đại úy Vibert. Các đoàn quân đến tập hợp ở cuối sân để diễn hành. Đoàn 9 thuộc địa đi đầu theo tiếng quân ca của thủy

binh đánh bộ tiếp theo là đơn vị Bắc Kỳ, các đội lính Đông Dương tình nguyện sang Pháp và đội lính bản xứ. Bước đi của lính thủy đánh bộ đẹp hết chỗ nói. Bước đi của đội lính bản xứ lôi cuốn được chú ý đặc biệt và ông Nicolas, chỉ huy trưởng của đội này rất được ngợi khen.

Một đội kèn vang lên, có lá quân kỳ đi trước, đây là đơn vị pháo 75 đóng ở Hà Nội có một đội ngựa thồ rầm rộ đi theo.

Sau khi đổi hướng, đơn vị pháo đến xếp hàng ở cuối sân, tách rời pháo, mỗi khẩu bắn mười phát không đầu đạn cho thấy khả năng phát huy tác dụng của các khẩu pháo nhỏ bé khi lâm trận.

Tiếp theo là một loạt súng đại liên đều nhịp vang lên rào rào và 3 đại đội của đoàn 1 Bắc Kỳ súng thẳng đứng, bước tới khán đài. Đến bên đường, các đại đội bông súng chào và sĩ quan cũng cầm kiếm chào.

Duyệt binh xong, tướng Barrand tiến đến chào Toàn quyền và vua. Ông Albert Sarraut khen ngợi tác phong tuyệt đẹp của các đoàn quân và sau đó đoàn vua quan trở về Phủ Toàn quyền.

Khoảng 10 giờ, Toàn quyền, vua và đoàn tùy tùng lên xe ô tô đi Sơn Tây⁽¹⁾. Trên đường đi là cả một rừng cờ, hương án và khải hoàn môn.

⁽¹⁾ Thành Sơn Tây là một tứ giác có 400m cạnh, xây năm 1824 theo sơ đồ của sĩ quan Pháp. Đến năm 1883, người Trung Hoa từ lâu đã chuẩn bị kháng cự cùng với đức ông Hoàng Kế Viêm, một quan Tổng đốc đầy uy lực đã thiết lập tại đây một bộ chỉ huy chiến đấu. Người chỉ huy giỏi là Lưu Vĩnh Phúc cùng với sự giúp đỡ của một số người Âu, đã tập trung tại đây nhiều công trình phòng thủ mạnh mẽ.

Thủy sư đô đốc Courbet quyết định đánh Sơn Tây ngày 14 tháng 12 năm 1883 vào buổi sáng, quân Pháp dưới sự chỉ huy của trung tá Bichot,

↻ tấn công vào các công sự tiền đồn ở Phu xá, cách thành phố 5km trong sự yểm trợ của pháo binh. Cuộc chiến cho đến 4 giờ chưa ngã ngũ tức thì có lệnh xung phong. Quân địch ẩn kín và chống trả quyết liệt, chúng ta mất 3 sĩ quan. Đêm đến khùng khiếp: quân địch nhiều lần tìm cách đẩy lùi chúng ta. Đây là một trận đánh không ngừng nghỉ, sau một đợt phản công lần cuối vào lúc 4 giờ sáng thì người Trung Hoa mới chịu bỏ Phu Xa và rút về các pháo đài ngoài thành phố.

Sáng ngày 16, trong khi pháo binh nả đạn vào thành thì quân lính triển khai đội hình và nổ súng, đoàn lê dương di đầu. Đến 5 giờ Phó đô đốc chỉ huy trận đánh cho lệnh xung phong. Cánh quân của trung tá Bichot lao vào cửa đang được đóng kín. Quân địch bắn nhiều đạn vào quân ta vượt qua từng phát đạn, từng loạt đạn, quân chúng ta tiến lên chiếm vị trí. Chiến công xuất sắc này đã phải trả giá đắt: một đại úy và nhiều lính chết, cái chết của người dũng cảm. Phía địch chết chừng 900 và nhiều bị thương, bị đánh đuổi, quân Trung Hoa rút lên miền núi.

Sau Hiệp-ước ngày 8 tháng 6 năm 1885, quân chính quy của Trung Hoa rút qua biên giới nhưng một số lính đánh thuê hỗn hợp chưa chịu ra khỏi Bắc Kỳ. Được sự giúp đỡ của người An nam, họ tập hợp lại thành những nhóm bám trụ đánh phá trong vùng, có khi đánh thắng quân ta, mãi cho đến năm 1891, các nhóm quân này tìm đủ mọi cách cản trở việc cai trị của chúng ta, gây ra những tội ác theo nghĩa của luật thường, mà lại cho đó là một cuộc nổi loạn chính trị.

Năm 1887, vùng Ba Vì bị khùng bố, ngày 15 tháng 6 của năm ấy, ông Lãnh Cơ cùng với 200 tay súng tấn công làng Thanh Mai.

Trung úy Frank và viên đội khổ xanh Magnin đã đẩy lùi được quân này và bắt được Lãnh Cơ.

Tên Cao Văn lấy cấp 30 súng trường ở đơn vị trọng pháo Tây Sơn và 8 khẩu khác ở đồn lính Yên Lệ. Ngày 13 tháng 12 năm 1888, Viên đội trưởng Magnin bị hy sinh trong trận ở Tây Dạng sau khi đã giết được hai tên cướp. Khi chạy vào làng với vài đội viên, đồn trưởng Doucet đã bắt gặp 30 tên giặc. Đội trưởng nổ súng nhưng trong loạt đạn đầu ông đã bị trúng đạn chết.

Ngày 10 tháng giêng năm 1889, một bọn cướp mặc quần áo lính được báo xuất hiện ở Kim Dê, giữa Sơn Tây và Việt Trì. Đội thám báo quân sự đánh tan bọn cướp nhưng thiếu úy Morin bị thương và hai sĩ Pháp tử trận trong khi làm nhiệm vụ.

Đoàn tham quan đi giữa một đám đông đang chờ đợi chào mừng và vào tòa sứ của Công sứ Delmas, là nơi đón tiếp. Những người Pháp và các quan chức tỉnh trình diện với người đứng đầu thuộc địa và với vua.

Sau khi ăn trưa, đoàn đi thăm đồn điền Borel dưới chân núi Ba Vì. Ông Borel đã làm tăng giá trị những miền đất rộng lớn bằng những đồn điền cà phê hiện nay đang ở vào một vụ thu hoạch tốt. Sau đó, đoàn đến thăm trang trại, chuồng gia súc, chuồng ngựa và trở về Hà Nội trong đêm.

*

*

*

Thứ ba 20 tháng 4 vào lúc 8 giờ rưỡi, Toàn quyền và vua đến Tòa án, dự một cuộc hội kiến long trọng. Ông Khâm sứ Charles, được

☛ Ngày 1 tháng 6 năm 1889, Đội trưởng Fayol bị thương.

Ngày 22 tháng 6 một người lính dũng cảm tên Bính bằng một phát súng đã bắt được người chỉ huy giặc cỏ và lấy đầu đem về công sự ngày hôm sau.

Ngày 7 tháng 10 năm 1890 trong một cuộc chạm súng không may gần Ba Vì, Thanh tra Moulin, cùng với người đồn trưởng và 20 lính An nam bị giết chết. Ngày 15 tháng 10 năm 1890 bọn cướp đốt nhà lao Phú Xá và giải thoát cho 170 tù nhân.

Ngày 18 một đội lính nhỏ đánh với 200 giặc giữa Lại Gian và Sơn Đông.

Năm 1891, có nhiều trận đánh và đã may mắn đánh tan giặc.

Ngày 13 tháng 8 năm 1892 Đội trưởng Léger đánh tan một nhóm người của Đốc Ngừ.

Sau cùng bị lính bản xứ đánh mãi không cho ngừng nghỉ, các thủ lĩnh cuối cùng đã đầu hàng. Có một người được cho cai quản 4 tổng nhưng đã phản bội.

Ngày 18 tháng 3 năm 1899 đã phải trả giá cho sự phản bội bằng cái đầu của ông ta.

phục hồi sức khỏe sau một cơn bệnh, từ Huế ra Hà Nội, cũng tháp tùng vào đoàn.

Đội lính bản xứ dàn chào vinh dự trước cổng tòa án. Tất cả quan tòa đều hội lại ở phòng xử án. Ông Sarraut ngồi ở khán đài, bên phải ông là vua Khải Định. Ông Mansencal, Phó chánh án đọc bài diễn văn trong đó nhắc lại cái chết mới đây của ông Chủống lý Deletrée, người mà vào những năm tháng cuối cùng của cuộc sống đã chăm lo cải tổ luật pháp bản xứ. Ông gợi lại kỷ niệm của buổi lễ, công bố đạo luật mới vào ngày 12 tháng 7 năm 1917 được tổ chức tại Huế, Hoàng thượng đáp từ và nói là mong ước được thấy tận mắt sự tổ chức của các cơ quan pháp lý cấp cao như đang được tổ chức hiện nay.

Trong dịp đến thăm tòa án, vua đặc biệt chú ý đến các bức tranh treo ở căn phòng của những kẻ lỗ bước.

*

* *

Trong buổi sáng có cuộc đi thăm trường Paul Bert, các cửa hàng và các xưởng làm việc của nhà in Viễn Đông, nhà thương mắt và trường Pháp - Việt trên đường Laureguiberry.

Tại xưởng in viễn Đông, vua rất khen ngợi về công việc đang làm để chuẩn bị các kỳ phát hành của Tập san "*Những người bạn của Huế xưa*" dành riêng để nói về "*nghệ thuật ở Huế*". Tại nhà thương mắt, bác sĩ Talbot trong những lời trình bày ngắn gọn đã nói về số lượng của người đau và hoạt động phẫu thuật của nhà thương có thể so sánh được với các nhà thương đau mắt lớn của Pháp. Sau đó, ông cho biết sự phát triển của bệnh mắt hột, và phẫu thuật một ca đục thủy tinh thể.

*

* *

Vào lúc 14 giờ, Toàn quyền và vua cùng đoàn tùy tùng rời Hà Nội, đi xe hỏa lên Lạng Sơn, nhưng đến Gia Lâm lại dùng ô-tô.

Khi qua phủ Từ Sơn, tôi đưa mắt nhìn xem cái quán ăn mà ngày xưa cha Severaco đã quản lý và là nơi mà các người khai thác thuộc địa trước kia nay không mấy có mặt trong đoàn tùy tùng, thường ưa dùng lại giải khát trong những chuyến đi bằng ngựa hay xe kéo vào ngày nóng nực trên con đường dài đằng đẵng từ Phủ Lạng Thương đến Hà Nội. Cách đây 25 năm người ta không biết được các tiện nghi của xe ô-tô sang trọng như chúng ta hiện nay và rất tiếc họ không sống thêm được 25 năm.

Tại Bắc Ninh đoàn xe dừng lại để cho người đứng đầu thuộc địa và vua đáp lễ cuộc chào mừng của vị công sứ đầu tỉnh đại diện cho dân chúng: Trung tá Fournier, chỉ huy đơn vị 3 Bắc Kỳ đứng chờ ở địa đầu của thành phố bên cạnh lá cờ của trung đoàn và đội lính danh dự. Lính đứng làm hàng rào hai bên đường, đoàn xe lại nổ máy đi chậm chậm ngang qua các đường phố từng quãng, được trang hoàng các hương án và khẩu hoàn môn.

Vượt qua Đáp Cầu cũng đi như vậy và đoàn vào thăm xưởng giấy. Ông Brun, giám đốc đến chúc tụng.

Lập tức sau đó những vị khách đi theo hướng Phủ Lạng Thương.

Mới vào tỉnh Bắc Giang, vua đã thấy ngay được lòng tôn kính và quý mến của dân địa phương đối với vua.

"Bên tả ngạn sông Cầu, khi qua khỏi cây cầu đường sắt Đáp Cầu thì có các mô đất được bồi cao để ô-tô đậu, dựng các cổng chào lớn bằng lá tươi và các bàn thờ như đã thấy rất nhiều trên từng chặng đường vua đi qua ở tỉnh Bắc Giang.

Chúng ta nên kết luận là các yếu tố trang trí dồi dào và đầy nghệ thuật, trong đó có nhiều công trình đòi hỏi hơn tuân lễ với nhiều

công sá, đều do công lao của các chính quyền địa phương tự tổ chức và phân công nhau thực hiện. Họ đã kết tạo đủ mọi thứ một cách to lớn và nghệ thuật.

Tre, lá dừa, cành thông, lá xanh, các đóa hoa được phối hợp thành cổng chào, bàn thờ, hành lang và các con thú kế tiếp nhau trên suốt chặng đường mà vua đi qua trong tỉnh.

Nhưng ở Phủ Lạng Thương thì tài sáng tạo nghệ thuật của người An nam mới thật phong phú. Cổng chào của đồn lính bản xứ là một công trình nghệ thuật thật sự, nhưng tiếc là không giữ cho nó lâu bền được trong cái tươi tắn và độc đáo của nó: với các đóa hoa nhỏ, các cành thông, bông gòn, giấy màu, trái cây và các vật dụng linh tinh khác, những người lính đã làm ra các tác phẩm kỳ diệu.

Trong đường đi của tòa sứ, và ngay cả bên trong tòa sứ, quang cảnh trông thật thần tiên.

Cần nêu lên những tấm bảng được kết bằng hạt đậu: đậu đen, vàng, trắng, đỏ được dán vào những tấm bảng nhiều hình dạng khác nhau và được sắp xếp theo thứ tự để tạo nên những chữ, hình vẽ và những hình dáng kỳ lạ. Phần đông người xem sảng khoái trước các tấm bảng này đều không biết được kết tạo bằng vô số hạt đậu. Cũng cần nói đến cái quạt treo trong phòng ăn lớn được làm bằng những sợi tre đan chéo thành những cái hoa, chùm hoa, những nét chữ có tua bằng lá thông. Trang trí nội thất trong tòa Công sứ có thể chứng tỏ là người ta có thể làm nên được cái tao nhã và ngay cả cái tuyệt đẹp bằng những tấm màn, những đồ mỹ nghệ, những bàn ghế, những sản phẩm, những phụ tùng trang trí có nguồn gốc duy nhất tại Đông Dương.

Đây cũng là lần đầu mà người ta thấy được một số lượng lớn những cây cờ với màu sắc địa phương độc đáo, cán cờ độc đáo trong tay người bản xứ cầm cờ độc đáo.

Những con đường ở Phủ Lạng Thương, trên những lộ trình mà đoàn đi qua là cả một chuỗi liên tiếp nào là cờ, đài chào, ống chào, cảnh lá, hương án, các đồ dùng cúng tế và đầy tiếng chúc tụng.

Đám người đông đặc, khi nói rằng nó đã tăng gấp trăm lần thì đúng là tôi vẫn còn nói dưới sự thật. Từ sáng đã có nhiều nhóm người qua lại, đi từ cổng chào này đến cổng chào khác, dừng bước trước các mẫu hình trang trí. Không phải là đoàn người ồn ào và nháo nhác như trước kia, nhưng mà yên tĩnh, khỏe khoắn, im lặng chờ đợi, trầm ngâm. Những người nhà quê được gắn mẽ đay và đã nghỉ hưu nay mang mẽ đay trước ngực, những người kéo xe cho các quan đều mặc áo có nẹp, có viền, những người cầm cờ có mang tua giải thêu thùa; lọng vàng được cắm bên phải và bên trái các hương án và các đài chào được kết bằng lá và hoa; vũ khí nước, sơn nước thép mới mẻ của các đền chùa trong tỉnh được đem đến cắm vào đất Thành Hoàng thành lối trước các hàng cờ. Ta thấy ở đây Hương chúc thân hào không phải chỉ có thiện chí mà còn có cái tự ái muốn làm sao cho hơn các kẻ láng giềng.

Lúc 16 giờ 15 phút, những cây kèn dẫu cầu vang lên điệu nhạc chào. Bên cạnh đội súng danh dự, các chiếc ô tô của Toàn quyền và của vua, của Khâm sứ, của tướng chỉ huy đơn vị 3 Bắc Kỳ, của các Thượng thư triều đình và của công sứ Bắc Ninh đi vào thành phố.

Trên lộ trình đoàn đi qua, một đại đội lính bộ Bắc Kỳ, mặc quân phục hành binh bảo vệ trật tự, làm công việc chào đón và ngăn chặn đám đông bản xứ mỗi lúc một thêm đông khởi chen lấn tràn vào. Theo tôi nghĩ thì các chiếc ô tô đã chạy quá nhanh đến tòa sứ, không để cho đa số người An nam thỏa mãn được lòng mình muốn trông thấy đức vua.

Trước thềm phòng khách của tòa sứ đã được sửa sang lại, vua, Toàn quyền, Khâm sứ và đoàn tùy tùng xuống xe, đi vào trong

Phòng khách lớn. Ông Tharand chào mừng và nói về các tiến bộ trong tỉnh, nhất là về phương diện bình định, về lòng trung thành và về việc đã gửi 1.500 người tình nguyện sang Pháp và kết thúc bằng việc đưa các quan chức đến trình diện. Túc thì các quận này quỳ xuống, vái và ông Tuân vũ Từ Diêu nói lời chúc mừng. Ông Toàn quyền trả lời, cho biết là vua rất cảm kích về biểu hiện cung kính mà vua đã nhận được và cảm tạ dân chúng; tiếp theo là phần giới thiệu:

Ở đây đều đủ mặt người Âu ở Phủ Lạng Thương.

Tiếp theo mọi người qua phòng ăn được trang trí tuyệt vời và tham dự ăn trưa.

Vua có trước mặt cái quạt treo kết bằng lá với ba chữ: "*Phước, Lộc, Thọ*". Được chú ý nhất là tấm bảng được kết bằng hạt gạo rơm và hạt đậu: "*Vua ra thăm Bắc Kỳ, ông Toàn quyền cùng đi với Ngài một hành trình*" (với ý nghĩa là phát triển trồng trọt cho xứ sở).

Lúc đi ra, trên lối đi của Tòa sứ nổi lên một đài chào bằng lá giống như "*Kỳ đài ở Huế*" mang những chữ vàng trên nền đỏ: "*Vạn tuế nước Pháp! Vạn tuế Hoàng đế Khải Định! Vạn tuế Albert Sarraut*".

Vua quan lên xe ô-tô và đi về phía ga giữa đám người trăm lạng một lúc một thêm đông. Chuyến tàu đặc biệt khởi hành tức khắc.

Đây không phải là loại tàu đồ chơi nhỏ bé chạy không bao giờ đến của thời kỳ xa xưa lúc chúng ta mới biết làm ra, mà đây là một đầu máy mạnh mẽ, mang cái tên tự hào "*Lạng Sơn*" thay thế cho các đầu máy tí hon là những đầu máy mà ngay các hành khách phải tự kiếm những cành cây ở hai bên đường ray hẹp để làm chất đốt và phải dừng lại rất nhiều trạm dừng mà giờ đến, giờ đi không được dự liệu trong lịch trình chính thức.

Mới đây tôi đã thấy lại các loại đầu máy này ở Huế, tại trường Bá Công, mà lòng không khỏi xúc động; và tại trường này, người ta dùng nó để biểu diễn kỹ thuật cho thầy và trò thợ máy. Trước đó, trong một vài năm, mãi cho đến khi các đường sắt bị cát vùi lấp thì đầu máy này cơ hồ thường xuyên hoạt động trên tuyến đường Đà Nẵng và Hội An. Tôi nghĩ rằng, giá như các đầu máy ấy mà viết được hồi ký thì chắc chắn sẽ viết được nhiều trang lịch sử thú vị!

Cũng nên nhắc lại là cái Kinh thành cổ Phủ Lạng Thương này hay nói cho chính xác là Phủ Lạng Giang do 3.000 người Trung Hoa bảo vệ đã bị quân đội của tướng Negrier chiếm vào ngày 15 tháng 3 năm 1884.

Ngôi chùa Thọ Nam, mà người ta thấy cách Phủ Lạng Sơn 7 km, là chùa mang tên một hạ sĩ bị giết vào ngày, 8 tháng 10 năm 1884, tại đây đã được lưu niệm bằng một ngôi mộ chôn thi hài của ba sĩ quan, và những người lính đã hy sinh anh dũng.

Tiếp theo, chúng ta thấy dãy núi đá Đồng Nai còn có tên núi "*Cai Kinh*", bởi vì một tướng cướp có tên này cùng đồng bọn đã có sức bám trụ vào năm 1885⁽¹⁾. Cấu tạo địa chất làm cho miền này có phong cảnh hoang dã, thanh tú có thể sánh được với một số miền của Thụy Sĩ mà không kém phần hấp dẫn.

Ở Bắc Lê cũng như ở các ga trước, một hương án đã được xếp đặt. Các tù trưởng người "Thổ" trong y phục màu Chàm rất khác với áo của các quan lại An Nam, quì lạy và hô: "*Vạn tuế, thiên tuế*", quan Tri Châu đưa một lá thư kiến nghị cho Hội đồng Cơ Mật.

⁽¹⁾ Cai Kinh tức Hoàng Đình Kinh khởi nghĩa đánh Pháp ngày 31-5-1886, lập căn cứ ở vùng núi Bắc Sơn, đã đánh thắng Pháp nhiều trận tại Thanh Muội, Phủ Lạng thương, giết tên quan năm Đuy-gien (B.T.).

Chúng tôi cúi chào khi đi qua hải cốt của sĩ quan và quân lính đã ngã xuống ở đây vào những ngày 20 và 21 tháng 6 năm 1884 như những anh hùng đã chiến đấu 400 chống lại 3000 dưới sự chỉ huy của Đại tá Dugenne. Than ôi! Sự kiện này chỉ được ghi trong các trang sử dưới tựa đề: "*Phục kích Bắc Lê*".

Giữa Bắc Lê và Thanh Muội, chúng tôi phải đi qua thung lũng của sông Thương là nơi ẩn náu của các đội quân Trung Hoa vào tháng 2 năm 1885, khi bọn họ tưởng rằng quân Pháp sẽ tiến chiếm Lạng Sơn bằng con đường mà trước mắt chúng tôi đang đi. Thực sự thì các đội quân Pháp đã khởi hành từ đồn Chủ vượt qua Bao Đáy và đi vòng quanh các công sự do người Trung Hoa dựng trên đường quan.

Thanh Muội, cái nơi mà người bản xứ đồn đến rất đông để chào vua, thì những ngày 8 và 9 tháng 2 năm 1885 đã từng là bãi chiến của những trận đánh quan trọng.

Tại Lạng Nội, Lạng Giai, Keo Ai, Bản Thi, đâu cũng có hương án, pháo nổ và các quan lại đến bái yết.

Sau cùng là vào lúc 8 giờ tối, đoàn đến Lạng Sơn và đi thẳng đến tòa Công sứ.

Đến đây, người ta dường như không nghĩ đến các trận đánh trong tháng 2 năm 1885 và đã xảy ra trước khi chiếm cứ thành phố, không còn nghĩ đến những sự kiện ở Kỳ Lừa và Bang Bô đã làm cho tướng Négrier phải bị thương; cũng không còn nhớ đến cuộc rút quân lui không may của đại tá Herbinger.

Nhưng cái gì cảm động, cái gì day dứt, cái gì ám ảnh, chính là ý nghĩ dang dai về Đại tá Galliéri là con người thật sự làm chủ tòa sứ này luôn hiện ra trong trí óc.

Hình bóng của người lính vĩ đại này lảng vảng khắp nơi, đang nhắc nhở cho chúng ta nhớ rằng chính ông là người tổ chức lớn nhất trong cuộc chiến thắng vĩnh viễn mang lại ổn định và tột cho là vùng đất rộng lớn, tuyệt đẹp mà ông là người chỉ huy lớn hơn hết. Con người mà vào năm 1914, vào đầu Đại chiến thế giới đã đưa ra lời hứa đơn giản và cao thượng là sẽ bảo vệ Paris đến cùng.

Và trước đó cũng đã đưa ra lời hứa là sẽ đuổi sạch các đám giặc cướp Trung Hoa và An nam quấy rối trong vùng. Và người ta đã hiểu là ông đã giữ lời hứa như thế nào!

Ông đã làm cho tướng Sou chỉ huy quân Trung Hoa ở Nam Quan phải đồng ý không còn để cho quân Trung Hoa đột nhập vào đất Bắc Kỳ nữa.

Ông cho một đoàn quân 2000 lính Hương đồng canh gác đường ngang cũ đi ngang qua thung lũng sông Thương và các công xưởng của đường sắt lúc đó đang thi công. Lính này chiếm giữ công sự mà chúng ta trông thấy dọc đường đi đã bị phế bỏ và hiện nay chỉ còn dùng để làm chứng tích cho một thời kỳ mà những đức tính của những con người thuộc địa đã được tôi luyện và hiện nay thuộc lớp tuổi già. Đại tá dẫn đầu quân chiếm pháo đài Lạng Lai vào ngày 10 tháng 1 năm 1894, là chỗ ẩn náu cuối cùng ở vùng Cai Kinh của đám quân cướp Trung Hoa được gọi là Lưu Kỳ đã gây nên sự đe dọa thường xuyên đối với đường sắt.

Tại bàn khách của công sứ Lạng Sơn gồm có Toàn quyền, vua, tướng Lombard, tổng chỉ huy, tiểu đoàn trưởng Casaux, chỉ huy chiến đấu và các nhân vật trong đoàn tùy tùng. Người ta chỉ nói chuyện về đại tá Galliéné và thành tích của ông này. Đây cũng là cách tưởng nhớ lại vong linh của các vị ấy.

Sáng ngày 1 tháng 5, đoàn lên xe đến pháo đài Brière de l'Isle trên con đường đẹp mà người ta đang khánh thành. Sau khi tham quan pháo đài nằm trên chóp núi cheo leo, được trang bị hùng mạnh, khổng lồ cả đồng bằng sông Kỳ Cùng và tầm nhìn đến tận các công trình phòng thủ của cửa ải Nam Quan, ngõ Trung Hoa, đoàn đi vào các hang động danh tiếng Kỳ Lừa mà các nhà thơ thường ca tụng. Vua đọc một số bài thơ khắc trên đá ở Nhị Thanh và Tam Thanh, giữa nước và núi có một gạch nối đánh dấu cái đẹp trong sáng của tạo hóa.

Sống ở những nơi thắng cảnh làm cho tâm trí mình mãi và lòng thanh thản. Tôi yêu cảnh đẹp là vì cuốn sách Kinh Dịch có câu: *"suối chảy từ núi ra"* trong đó có chữ ký của Ngô Thời Sĩ.

"Buổi sáng ngày *"hàn lộ"*, tháng 8 năm Kỷ Hợi, năm thứ 40 Cảnh Hưng (1770)".

Một bài thơ khác được ký tên Trần Như Phổ, Nho Văn Hân, Tham biện tỉnh Lạng Sơn và được đề năm là năm thứ 6 Minh Mạng (1825). Khách tham quan ngắm nghĩ về cảnh đẹp của vùng này và đi tiếp đến Đồng Đăng.

Một sức mạnh kỳ diệu dường như làm thay đổi vùng đất đã đi qua. Ngày xưa khắp nơi đều là bụi lùm, cây gai và là rừng rậm chưa người đi tới, nhưng nay ta chỉ gặp các đồn điền trù phú trồng cây, giống như những công viên được thiết kế có phương pháp kỹ thuật bao quanh các ngôi làng to lớn và sạch sẽ, dường như xuất phát một cách nhiệm mầu từ mặt đất cho đến tận các đỉnh núi cao.

Ở Đồng Đăng, có các đội lính dân chào, có sự trình diện các người Âu, đoàn đã quan sát tỉ mỉ các trại lính.

Đoàn trở lại Lạng Sơn lúc 14 giờ, tức thì công sứ Emmériel cho trình diện các sĩ quan, các người khai thác thuộc địa và viên chức.

Ông Sarraut nói là vua rất sung sướng biết rằng nước Pháp đã làm được những việc lớn, không lơ là bất cứ điều gì trong việc tìm cách nâng cao cuộc sống của dân. Ông đặt niềm tin ở những người đang canh giữ biên thùý và nói là các công việc mà tất cả những người tại đây đang làm tốt một cách âm thầm là điều kiện để cho sau này chúng ta có thể nhìn lại mà không phải cúi mặt trước các chiến sĩ vinh quang đã chiến đấu cho tự do.

Sau bữa ăn trưa, tàu lửa khởi hành đưa chúng tôi trở lại Hà Nội. Ở trạm dừng đều có những sự trình diện, ở các ga khi tàu chạy chậm thì có các giới chức đến quí lạy, trán chạm đất. Đâu cũng có hương án, khải hoàn môn, cờ, pháo.

Tôi rất sung sướng được gặp lại một số "*người cũ*" của giai đoạn biến động năm 1892-1895. Dường như thấy lại trước mắt các đoàn phu đông đảo được mộ cho kỹ sư Vézín, là người xây dựng đường sắt, bị giặc cướp bắt vào ngày 1 tháng 7 năm 1892 và được trả lại tự do trong tháng sau với số tiền chuộc là 60.000 đồng.

Ngày 6 tháng 7 năm 1892, Trướng loạn quân Lưu Kỳ đánh úp một đoàn vận tải đi từ Phủ Lạng Thương do tiểu đoàn trưởng Bonneau chỉ huy và bị hy sinh cùng với đại úý Charpentier, bác sĩ Gentil, và 20 lính. Vị trí của trận đánh nay được đặt tên là "Cầu Bonneau".

Ngày 11 tháng 9 năm 1892, ông Perroud, viên chức thuế quan Trung Hoa, tôi chắc chắn thế, và bà Keeple đi qua Long Châu bị hạ sát gần đồn của Robinson.

Từ 28 tháng 7 đến 11 tháng 10, liên tiếp bị bắt cóc trên tuyến đường do bọn cướp và bị giữ làm con tin cho đến tháng 5 năm 1894 là các ông Roly, Bouver và Fritz - Hunbert-Droz, nhân viên hỏa xa.

Ngày 5 tháng 9 năm 1893, ông Piganiol, em trai của người khai thác thuộc địa sống những ngày khó khăn tại đất ẩn dật ở Lạng Sơn đã bị tử thương.

Tháng 9 năm 1894, loạn tướng Đề Thám chỉ huy một trận đánh gần Bắc Lê, nhằm vào con tàu từ Lạng Sơn đến đã bắt ông Chesnay, là người khai thác thuộc địa, chủ trại thông và bắt nhân viên của ông này là ông Logiou, hiện nay là Giáo sư.

Khi đi ngang qua phủ Lạng Thương, Toàn quyền và vua lại được đón chào một lần nữa bởi các người Pháp và quan chức của thành phố đã tụ tập tại nhà ga.

Tại Bắc Ninh, tướng Michard, các sĩ quan, các nhân viên, các nhà khai thác thuộc địa đã tập hợp ở phòng khách có treo lụa vàng được bố trí ở sân ga. Ông Công sứ làm công việc trình diện, nhạc được cử lên, các quan chức quỳ lạy, pháo nổ. Đoàn tàu giã từ trong niềm hân hoan hay nói cho đúng là trong niềm phản khởi chung và sau đó đến Hà Nội vào 20 giờ.

*

*

*

Ngày 2 tháng 5, vua đi Hải Phòng bằng tàu hỏa, ông Khâm sứ Bắc Kỳ cùng đi; chiều thì ông Sarraut đi theo bằng ô tô.

Ở Hải Dương, người ta đặc biệt chú ý đến các khái hoàn môn được dựng hai bên ga. Các hương án được trang hoàng rất long lẫy, cờ được cắm suốt dọc đường.

Ông Công sứ Rey Deller, đón tiếp vua, làm việc trình diện, diễn văn, pháo nổ không ngừng.

Dân chúng ở Hải Dương tổ chức lễ đón rước vua; tại đây cũng như các tỉnh khác ở Bắc Kỳ, họ muốn bày tỏ cho thấy rằng họ đang sống hòa bình, an ninh và sung túc do chúng ta mang lại⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Dân cư tại đây ngày xưa là loại cứng đầu nhất của Bắc Kỳ. Năm 1842 Hải Dương đón tiếp thiếu tá Senez do thống đốc Nam Kỳ gởi ra để liên hệ với thương gia thám hiểm "Dupuis".

Năm 1873 Francis Garnier đến tập trung các thuyền buồm cần thiết cho chiến dịch nhỏ của ông. Sau khi chiếm thành Hà Nội ông giao trách nhiệm chiếm Hải Dương cho Trung úy hải quân Baley. Sau một trận đánh nhanh gọn có trung úy De Trentinian và Bác sĩ Harmann tham chiến, lá cờ Pháp đã kéo lên cột chính của Nội thành ngày 14 tháng 12 năm 1873.

Ngày 10 tháng 8 năm 1873 Trung tá Brionval đến đóng quân ở Hải Dương với những lính từ các hạm Yatagan và Comine. Ngày 12 tháng 11 năm 1883, thành phố lại bị quân Trung Hoa và An nam cướp phá, ngày 17: 3500 quân Trung Hoa cố đánh chiếm một vị trí quân sự được trú đóng do một thượng sĩ, 30 thủy quân lục chiến và 10 phụ việc và đồng thời tấn công luôn cả pháo đài do đại úy Bertin chỉ huy. Trong 9 giờ chiến đấu cả hai vị trí đều chống trả quyết liệt trước những khối người xung phong. Viện binh đến đã làm cho quân Trung Hoa phải rút lui lộn xộn.

Năm 1884 Hải Dương là trung tâm thành lập các đội quân để hành quân ở miền Lạng Sơn.

Các chiến dịch lớn quân sự được chấm dứt thì bắt đầu công việc bình định. Còn phải đấu tranh chống lại nhiều nhóm loạn, có khí giới tốt, có kỷ luật tốt, có người chỉ huy tầm cỡ, bằng sự khùng bố, người chỉ huy quan trọng nhất là Tán Thuật đã phục vụ dưới trướng của ông Nguyễn Hữu Độ và ông Nguyễn Hữu Độ là người mà năm 1883 đã liên minh với chính nghĩa của chúng ta, được cử làm Thống đốc Hà Nội, và sau này được đưa lên làm Kinh lược Bắc Kỳ. Con gái của ông này là vợ chánh của vua Đồng Khánh, nay Bà là Hoàng Thái hậu ở Huế.

Đốc Tích cũng là một tướng nổi loạn quan trọng và không từ chối bất cứ một biện pháp nghiêm khắc nào để áp đặt quyền cai trị trên các xóm làng của quê ông. Có nhiều tướng khác như Phan Văn Khoát, Qui Bá Công cũng cần

Ở Hải Phòng, một đám đông đợi ở nhà ga và tại đây ông Maspéro, Đốc sứ thị trưởng cùng các cấp chính quyền của thành phố đã đến chào mừng vua khi xuống tàu hỏa.

được nêu lên. Các tướng De Comcy và Négrier tự tay chỉ huy các chiến dịch chống lại các nhóm loạn quân đương đầu với quân ta.

Năm 1887 có nhiều loạn tướng mất tinh thần chiến đấu đã ra đầu hàng.

Năm 1888, một chiến dịch đầu tiên tiến đánh Đốc Tít nhưng bị bẽ gãy, một chiến dịch thứ hai cũng chẳng thu được kết quả gì tốt hơn. Bọn giặc ẩn trong núi đá nên có lợi thế hơn chúng ta.

Năm 1889 lại một đạo quân nữa đánh Đốc Tít và lần này Đốc Tít cảm thấy thua trận, sợ bị mất đầu nên ông đã xin đầu hàng. Cũng vì cảnh giác nên người ta dày ông qua Algérie và giam ông ở Biskra.

Năm 1890 hai nhóm quân Trung Hoa do Lưu Kỳ chỉ huy bắt cóc hai thương gia giàu có ở Hải Phòng và đem về các căn cứ trong núi: họ được trả tự do sau khi phải trả tiền chuộc 50.000 đồng.

Năm 1891 một đoàn quân gồm lính chính quy, lính bảo an và dân phòng nhờ các pháo hạm của hải quân yểm trợ đánh đuổi được các đám quân cướp lui về vùng núi của Đông Triều.

Năm 1892 các mưu toan tấn công cuối cùng của các tướng cướp bị đánh bật đi do nỗ lực dẹp loạn.

Thời kỳ từ năm 1893 đến cuối 1897 chỉ còn lại những hành động cướp bóc thưa thớt và lẻ tẻ.

Sau cuộc chiến thắng oanh liệt của quân đội chúng ta thì sự bình định và tổ chức tỉnh là công lao của các nhà cai trị hành chính, các người phụ tá bản xứ của họ. Hai lớp người này có quyền tự hào về sự đóng góp của họ. Sự bình định là lâu dài và gian khổ nhưng đã được vĩnh viễn giải quyết và các thời kỳ loạn lạc ấy chỉ còn là một kỷ niệm phai mờ dần. Chúng ta đã thực hiện được cái mơ ước hòa bình và an ninh trong sự mong ngóng của dân Bắc Kỳ, một sự đóng góp xứng đáng được biết ơn. Đó là một trong những việc làm tốt mà chúng ta mang đến cho dân Bắc Kỳ. Tóm tắt của một bài lịch sử của tỉnh Hải Dương không có người ký tên nhưng vẫn có tính chất chính thức xuất bản ở tạp chí Đông Dương, 1905 trang 735.

Tiếp theo họ đến Tòa thị chính. Các đội lính Pháp và An nam dàn chào. Nhà cửa đều được treo cờ, dọc đường có lính cầm cờ. Tại tòa Thị Chính ông Maspéro kể lịch sử của Hải Phòng. Ông nhắc lại là tại đây, nước Pháp đã tạo ra tất cả. Trước khi ông ta đến thì chẳng có gì tại vị trí mà hiện nay là cảng lớn nhất Bắc Kỳ.

Thật vậy, trên bản đồ xưa nhất trong tay chúng tôi, bản đồ chưa cũ lắm vì mới có từ năm 1874 thôi, thì ta chỉ thấy có một công sự, một trạm thuế quan và rải rác trên các đầm lầy, nơi trãi ra Cửa Cấm và Lạch Tray, khi thủy triều dâng lên là một vài nhóm nhà của dân chài, mười năm sau một bản đồ thứ hai cũng chỉ cho thấy thêm ở gần nhượng địa Pháp, một cái chợ mới phôi thai chạy dài dọc theo bờ đê bao quanh phá. Nhưng đến năm 1887 quang cảnh đã đổi thay, sự hoạt động của người Pháp hiện ra trong ánh sáng của sự sáng tạo và trên mảnh đất đã bắt đầu nảy sinh ra Thị trấn. Từ đây không ngớt lao động mệt nhọc, buổi đầu mà chưa được bù đắp chinh phục mặt đất, đào kinh rạch, đào để thoát nước bằng từng chuỗi dài ao hồ. Nhà cửa được dựng lên mỗi ngày một nhiều, nhà ván của công chức, nhà kho nhỏ của những người khai thác thuộc địa. Bến cảng được thành lập. Nơi mà ngày trước chỉ có thuyền buồm bằng cối, nay đã có tàu thủy chạy bằng hơi nước với sức chở mỗi ngày một lớn thả neo, các kho bến được xây dựng với mái đôi tầng gấp nhiều lần.

Bây giờ thì thực sự là một cảng: một cảng sông mà các ghe đò nội địa mỗi ngày thêm nhiều lui tới chen chúc, một cảng biển, mà từ đây các tàu thủy lớn mỗi ngày mỗi tìm thấy những tiện nghi hoàn chỉnh. Các máy nạo vét đáy sông đang xúc tiến mở ra một đường nước cho các con tàu khổng lồ lui tới. Các con tàu vươn cao nhiều tầng trời lên trên các mái nhà. Dầu sao thì những kỹ nghệ gia to gan đang nổi bước những nhà khai thác thuộc địa đã đi trước họ: Một xưởng chế tạo cơ khí mọc lên, rồi hai, rồi lại ba, làm cho thành phố

vang lên âm thanh giòn giã của những cái búa đập xuống những tấm kim loại. Lúc đầu thì e dè, chỉ dám nhận sửa chữa các xưởng máy và sau đó đóng cả chiếc với tất cả các bộ phận của nó. Dụng cụ được cải tiến dần, khả năng tăng lên và hiện nay họ đang nói đến việc đóng các tàu thủy thể tích 2.000 tonneaux ($2500m^3$) để đưa sản phẩm từ Bắc Kỳ đến các bờ biển khác. Và trong khi thành phố kiêu hãnh trải dài các bến cảng, xây dựng các con đường lớn chạy đến các làng xa, thì các kỹ nghệ khác cũng lại ra đời: nhà máy dệt cần cù rào rạc vang tiếng con thoi; nhà máy xi măng dần dà mọc lên nhiều ống khói phả những làn khói dài phất phơ lên bầu trời thành phố; nhiều nhà máy xay lúa đã hình thành dọc bờ sông. Hôm qua một xưởng thủy tinh với các lò nấu đỏ ngòm vào ban đêm báo cho biết lối vào thị trấn; và hôm nay là một nhà máy lọc dầu thơm tổ ong rộn ràng, và còn rộn ràng hơn thế nữa, một khi các công trình do chúng tôi đang tiến hành trong điều kiện được tính toán sáng suốt của ông Toàn quyền cho phép, có thể làm cho tổ ong ấy to lớn hơn, hoàn thiện hơn, một khi mà chiến thắng rồi đây sẽ trả các chiếc tàu thủy về lại cho công việc làm hòa bình; và nhưng công nhân lao động kỹ nghệ và thương mại được trả lại cho sự sống thường ngày của họ. Ông St Chaffray trả lời thay cho vua là vua rất sung sướng đến thăm thành phố thương mại và công nghiệp của Bắc Kỳ, là nơi mà người dân An nam hợp tác làm việc với người Pháp và có lợi tức khác với thông thường.

Vua, ông Khâm sứ Bắc Kỳ cùng đoàn tùy tùng đi thăm các kho bến và được ông chủ tịch và các hội viên của phòng thương mại giới thiệu sâu các chi tiết. Vua cảm động khi thấy các đồng sản phẩm khổng lồ trong các nhà kho rộng lớn đang chờ đợi để được bốc lên tàu đi châu Âu.

Sau cuộc tham quan, đoàn đi Đồ Sơn để ăn cơm trưa tại biệt thự St Mathurin. Vào chiều đoàn được tiếp đón ở xưởng chế tạo cơ khí của Robert Guirin và Theard, xưởng máy được quan sát tỉ mỉ. Vua

muốn xem tất cả: máy đập xẻng, lò nung, nồi nấu, thao tác của búa, máy đổ mẻ gang, lắp máy. Khi trở về vua khen ngợi các nhà chế tạo.

Đoàn còn đi xem các nhà máy của công ty Ciments Portland (đá vôi + đất sét) nhân tạo và lò thủy tinh. Tại lò thủy tinh người bản xứ đã làm những cái chai cho vua xem.

Tối đến đoàn đến Nhà hát của thành phố xem nghệ thuật của những người làm nghiệp dư để ủng hộ quỹ chiến tranh. Sau 12 giờ khuya, ông Toàn quyền, vua và tất cả đoàn tùy tùng lên chiếc xuồng máy của ông Roque và một chiếc khác của tòa sứ Quảng Yên là chiếc "Querné" để đi xem vịnh Hạ Long.

Ngày 3 tháng 5 được dùng trọn vẹn cho cuộc du ngoạn thú vị này, người ta đi vào "*Lạch sư tử*", "*Lạch ngựa Volta*", "*Vũng cóc*", "*Lạch vòm*", "*Hồ đảo ngọc nhiên*". Đoàn dừng lâu ở "*Động ngọc nhiên*" và sau khi đi lòng vòng thích thú trong vịnh, đoàn đến thăm cái động thất có tên gọi rất xứng đáng với ý nghĩa là "*Động kỳ quan*", đến tới các xuồng máy cập bến Cẩm Phả.

Ngày 4 vào buổi sáng, khi xuồng bến đoàn nhận được sự tiếp đón của ông Gollion, giám đốc các nhân viên của các hầm mỏ than đá.

Đoàn ngồi vào các toa xe đặc biệt để đi trên đập. Từ trên các sân đổ than của mỏ, người thì lên kiệu, người thì lên ngựa để trèo lên núi, và từ núi phóng tầm mắt nhìn xem một quang cảnh rất đẹp.

Sau cùng, đoàn đến một cái dàn cấp khai thác lộ thiên, chúng tôi thấy thật là tuyệt vời. Hàng nghìn công nhân đang gỡ liên tục các lớp than đá và bốc trực tiếp vào trong các goòng. Ông giám đốc nói cho ông Toàn quyền và vua biết về những cái lợi của cách khai thác này và đặc biệt là không sợ tai nạn nổ hơi than. Ông đọc vài con số về sản xuất: 50.000 tấn trong 4 tháng đầu năm 1918, suốt cả năm sẽ là 225.000 tấn; từ khi mới mở đầu đến nay là 750.000 tấn. Mỏ có thể

cho khai thác đến 20 triệu tấn, tương ứng với 400.000 tấn trong 50 năm. Công ty than đá Pháp ở Bắc Kỳ quản lý ở đây cũng như ở Hòn Gai đến 12.000-13.000 nhân công đang sống trong những ngôi làng đẹp, sạch và ngăn nắp. Trong trường hợp cần thiết họ được đưa tới săn sóc ở bệnh viện của công ty, việc học tập của con cái của họ cũng được công ty bảo đảm.

Vua không tin ở mắt và ở tai Ngài nữa, vua rất khâm phục. Và để thấy rõ hơn vua đã không ngần ngại leo bộ nhiều tầng cấp cùng ông Sarraut.

Sau khi đã mãn nguyện trước cảnh thần tiên của vịnh Bái Tử Long, đoàn trở về xuống máy để trở lại Hải Phòng vào chiều. Một cái thuyền tàu khá đặc biệt đưa chúng tôi về Hà Nội chiều ấy.

*

*

*

Chúa nhật, ngày 3 tháng 5, buổi chiều Toàn quyền, vua, các ông Charles và St Chaffray đến thăm thư viện và nhà bảo tàng của trường Viễn Đông bác cổ. Họ được các ông hiệu trưởng và các thành viên của trường cũng như các hội viên của Hội đồng Cổ vật Bắc Kỳ đón tiếp.

Ông Finot nhà bác học đáng mến và khiêm tốn là hiệu trưởng trường, đã đọc một bài diễn văn ngắn có những đoạn mà chúng tôi ghi lại như sau: *"Mười bảy cuốn của tập san với nhiều bài nghiên cứu đã có vai trò đóng góp cho sự tìm hiểu nguồn gốc và sự phát triển của Đại Vương quốc An nam. Chúng tôi cố gắng kiến tạo lại và giữ gìn những giá trị cổ của nước này, bởi vì nghĩ rằng làm như vậy cũng chính là góp phần nào vào xây đắp tương lai của nó và cũng nghĩ rằng chẳng có gì bảo đảm vững chắc số phận của một dân tộc cho bằng cái ý thức và sự kính trọng đối với quá khứ của nó"*.

Ông Sarraut biểu dương sự thông thái của các thành viên của trường và trân trọng khen ngợi công trình của họ.

*

* *

Đoàn đi đến phòng Thương Mại và tại đây ông Toàn quyền cùng vua Khải Định đã được tiếp đón bằng bài quốc ca Pháp do đoàn nhạc Hà Đông cử. Ông De monnezat, đại biểu của An nam và Bắc Kỳ trong Hội đồng tối cao thuộc địa đọc một bài diễn văn rất hay.

"Kính tâu Hoàng thượng, xin phép Ngài cho tôi có một suy nghĩ đặc biệt có liên quan đến Ngài. Từ nhiều hôm rồi, tôi thấy Ngài đi thăm nhiều tỉnh và ở đây cũng có hàng trăm nghìn người bao quanh chào mừng Ngài. Vậy ai là người bảo vệ Ngài? Tôi xin hỏi vì tôi không thấy họ đâu cả! Hay là tôi thấy chỉ có hai mà lại hoàn tất được nhiệm vụ: Một tên là Tôn Kính, một tên là Trung Thành. Tâu Hoàng thượng, chắc là thần biết rằng ít có các ông trên quả đất này dám làm cái điều thường mạo hiểm như Ngài đã làm với một sự đơn giản êm đềm. Như thế ngài Toàn quyền và Hoàng thượng hẳn phải có một lòng tin tưởng sâu sắc vào dân tộc An nam đáng kính mến nên mới làm cái điều kỳ diệu không cần sự cẩn thận diệu kỳ vì không cẩn thận mà làm được việc và lòng tin tưởng hoàn toàn được ngưỡng mộ. Còn có bằng chứng sự hòa bình tuyệt đối nào, còn có bằng chứng an ninh kỳ lạ nào khác hơn được trên đất nước này!"

Tâu Hoàng thượng, chúng tôi rất mến dân tộc Ngài và cùng với Ngài chúng tôi có thể tin tưởng vào sự đối xử tương xứng. Ngài là con của đức vua cha Đồng Khánh, thế cũng đủ nói lên cái gì rồi! Ngoài những danh hiệu cao cả của vua cha, vua cha còn lấy làm hiển vinh mà thêm vào đó các tước hiệu người bạn của dân tộc Pháp. Ngài phụng thờ vua Gia Long, một Hoàng đế vinh quang rất nổi

đanh trong hòa bình cũng như trong chiến tranh, là người làm luật pháp cũng tài tình như một tướng chỉ huy chiến đấu, và khi ở trên đỉnh cao của một giá trị vinh hiển của loài người vẫn không quên rằng nếu cần phải chiếm lĩnh ngôi báu chống lại sự tranh quyền nội bộ từ bên trong và chống lại nạn xâm lược từ bên ngoài, và nếu cần vượt qua bao nhiêu trở ngại lớn lao thì phải luôn biết tin tưởng dựa theo vào cái tài trí cao rộng của người bạn Pháp vĩ đại là linh mục d'Adran và của một vài quân nhân người Pháp đã biết phát huy lòng dũng cảm tuyệt vời để bù đắp cho số lượng ít người của họ:

"Nợ máu, nợ thiêng thiêng mà các Hoàng đế An nam đã vay và hôm nay bản thân Ngài không chối bỏ nó: trái lại Ngài đáng khâm trọng cao quý, bồi hoàn và cho phép người dân của Ngài đổ máu cho nước Pháp".

Ông Bùi Đình Tá, đại diện cho giới thương gia và công nghiệp bản xứ đọc một tờ trình lên vua và tiếp theo là vua bắt đầu xem triển lãm nghệ thuật và công nghệ An nam mà tòa Thị Chính thành phố Hà Nội đã tổ chức có hơi vội vã, tuy vậy cuộc triển lãm rất thành công. Vua không ngớt lời khen ngợi những người tham gia trưng bày và đã mua một vài vật triển lãm.

*

* *

Đến tối, ông Toàn quyền, vua và đoàn tùy tùng đến dự một buổi biểu diễn của các nghệ sĩ nghiệp dư tại Nhà hát lớn để ủng hộ cho nạn nhân chiến tranh châu Âu.

Buổi dạ hội được tổ chức để chào mừng vua bởi vì ngày mai vua sẽ từ giả Hà Nội mà chưa hề rảnh rỗi để được yên tĩnh thưởng thức vẻ đẹp của thành phố duyên dáng này, ngoài các lễ lượt linh đình chính thức.

Tôi có đem theo một cuốn hướng dẫn du lịch nhỏ xinh xắn do thành phố xuất bản để quảng cáo cho hội chợ sắp được mở cửa. Sách nêu tên nhiều thắng cảnh, nhiều nhà lầu công cộng, các chùa, các đền, nhưng vì không có thì giờ nên chúng tôi không thể đi xem được. Tôi xin trích các đoạn sau đây từ một bài viết ngắn gọn mà chính xác và rất có ích.

"Vào đầu thế kỷ XI, Lê Thái Tổ thành lập nhà họ Lê và chuyển kinh đô về Hà Nội, tục truyền rằng khi thuyền ngự vừa đến trước thành phố thì một con rồng vàng thỉnh linh hiện ra và liệng vòng trên trời⁽¹⁾. Từ đó đặt tên Thăng Long (rồng bay) cho thành phố mới và xây quanh thành phố một vòng thành được dựng lên ở vị trí của Kinh thành ngày nay. Cung điện này về sau được các vua nhà Hậu Lê thay đổi, vua Minh Mạng cũng thay đổi vào năm 1822.

"Hết Hậu Lê tiếp đến nhà Trần (1225-1400) lại đặt tên cho thành phố là Trung Kinh (Kinh đô miền Trung). Trong hai thế kỷ đó, Hà Nội lại rơi vào tay người Trung Hoa vào năm 1257 -1284 và 1287; từ 1407-1427 Hà Nội chỉ còn Kinh đô miền Đông, với cái tên Đông Đô. Sau cùng vào năm 1427 người An nam nổi dậy giành được độc lập dưới cờ của Lê Lợi, là người thành lập nhà Hậu Lê (1427-1780) và Hà Nội trở thành Kinh đô của Vương quốc lấy tên là Đông Kinh, do phát âm chệch mà Đông Kinh biến thành Tonkin.

Thời Hậu Lê, vào năm 1626, các nhà truyền giáo lần đầu tiên đến Bắc Kỳ; năm 1637 các thương gia Hà Lan tiếp tục đến; năm 1678, các thương gia Anh cũng đến và phòng Thương Mại của họ được đặt gần cầu Doumer hiện nay.

⁽¹⁾ Chỗ này tác giả ghi sai; đúng là Lý Thái Tổ (1010 -1028) B.T.

Năm 1788 cuộc nổi dậy của Tây Sơn bắt đầu và vị vua cuối cùng của nhà Hậu Lê đã kêu cứu các đội quân của Phó vương Quảng Đông. Quân này thất trận ở ngoại ô Hà Nội, phải rút khỏi Hà Nội và đất Bắc, Tây Sơn đã gọi Hà nội là "Bắc Thành".

"Tình thế không thay đổi cho đến thời Gia Long khôi phục lại vương quốc An nam (1802-1820) và đóng đô trở lại Huế. Từ đó Hà Nội không còn là Kinh đô của Vương quốc.

Thành phố mà các công sự được xây dựng lại theo thiết kế của các sĩ quan Pháp phục vụ cho Gia Long lại lấy tên là Thăng Long, luôn vẫn còn là một thành phố rất quan trọng.

Năm 1831 thành phố trở thành thủ phủ của tỉnh Hà Nội và đến năm 1834 là của chính quyền Bắc Kỳ.

"Vào lúc Pháp đã đóng quân ở Nam Kỳ và thái độ triều đình An nam buộc người Pháp phải can thiệp vào Bắc Kỳ thì Hà Nội bị chiếm ngày 19 tháng 11 năm 1873 do quân của trung úy hải quân Francis Garnier, được trao trả lại ngày 20 tháng giêng năm 1874 với điều kiện phải đền bù một lô đất nhượng địa dọc sông Hồng, ở phía nam thành phố, và ở đây lãnh sự quán và quân đội Pháp đã đến trú đóng.

"Ngày 26 tháng 4 năm 1882, đại úy hải quân Henri Rivière, do tình hình bất buộc đã chiếm lại kinh thành cũ và đóng Bộ chỉ huy tại cung điện nhà Lê.

"Ngày 1 tháng 10 năm 1888, một chỉ dụ của vua qui định Hà Nội là nhượng địa Pháp. Và như vậy thành phố trở thành thủ phủ của Bắc Kỳ, đến năm 1902 là trụ sở của phủ Toàn quyền Đông Dương.

*

*

*

Ngày 6 tháng 5 vào buổi sáng vua rời Hà Nội. Lính làm lễ chào ở ga. Đội nhạc của Trung đoàn 9 cử quốc ca Pháp. Ông Toàn quyền Sarraut và các ông Charles và St Chaffray là Khâm sứ An nam và Bắc Kỳ bước lên chiếc tàu đặc biệt. Cuộc dừng chân ngắn ở Phủ Lý, ga được trang hoàng tuyệt đẹp, các quan chức Pháp và bản xứ đến chào mừng người đứng đầu thuộc địa và vua.

Ở Nam Định, Công sứ Tissot cùng các người Pháp và các quan chức của tỉnh trang phục đại lễ, đến chúc mừng các vị khách.

Giữa đám đông, đoàn đi đến Tòa sứ rồi đến Hành Cung. Công sứ đọc diễn văn và vua đáp từ.

Vị Toàn quyền đeo cho vua Khải Định huân chương Đại Kỵ sĩ của Đoàn Quốc Công danh dự theo quyết định ngày 1 tháng 5, trình diện các người Pháp, diễn văn của tổng đốc.

Sau khi dạo chơi thành phố, đoàn trở lại tòa sứ để ăn cơm trưa.

Buổi chiều, đi thăm bệnh viện, nhà hộ sinh và xưởng dệt lụa của các ông Eméry và Toriel và thăm Hội tơ sợi Bắc Kỳ.

Buổi tối, các trẻ em Pháp và An nam đến tòa sứ để dâng hoa chúc mừng vua. Bữa tiệc chính thức ở tòa sứ. Trở lại Hành cung trong cuộc rước đuốc và âm nhạc của đội phụ trách nhạc.

Ngày 7 tháng 5 buổi sáng, tại nhà ga vua nhận được lời chào đưa tiễn của Toàn quyền, Khâm sứ Bắc Kỳ (những ông này cũng trở về Hà Nội) của các quan chức Pháp và An nam của tỉnh, trong nhạc điệu "*Quốc ca Pháp*" và rời Nam Định. Đây là thành phố mà vào tháng 11 năm 1873 các ông Bain, de Trentitian, bác sĩ Harmand và 20 lính Pháp đến chiếm lần đầu và ở lại trong thời gian ngắn. Vào năm 1883 các đoàn quân của chúng ta mới chiếm đóng vĩnh viễn. Năm 1884, tướng Brière de l'Iole làm khu nghỉ mát cho ông ta ở Nam Định, việc đánh dẹp các đám cướp đưa đến sự tổ chức nhiều đội

cảnh sát: chống lại đề đốc Hiền và cự tri huyện Ban Tôn vào năm 1883-1884; chống lại Lãnh Hoàn, Bá Điện vào năm 1885, chống lại Kỳ Đồng (thiếu niên kỳ lạ) là kẻ đã mơ ước lấy thành Nam Định vào năm 1887, chống lại đốc Đen vào năm 1889, là người đã chôn sống Tổng đốc Võ Văn Bảo, trong phái đoàn sang Pháp vì ông này không nạp tiền chuộc. Mãi đến năm 1890 mới cơ bản hoàn chỉnh việc tổ chức đã làm cho vùng này trở nên một trong những giàu có nhất của Đông Dương. Vua đã nhận biết được các công việc làm của chúng ta ở đây cũng như ở các nơi khác của Bắc Kỳ để đưa vào những tài nguyên thiên nhiên cũng như sở trường của dân chúng vào sử dụng có hiệu quả.

Hoàng đế kêu lớn lên khi nói trước dân chúng: Trẫm đã thấy được những thành phố phát triển, những đồng quê màu mỡ, việc buôn bán phồn thịnh, các biên giới được bảo vệ vững chắc, các trường học đầy học sinh vui vẻ, hòa bình và an ninh tuyệt đối cho đến cả các miền có tiếng nguy hiểm nhất. Nói chung là toàn bộ xứ Bắc Kỳ cho đến các thôn xóm xa xôi nhất cũng sáng ngời một bức tranh bậc thầy. Tất cả các điều đó nói lên được cái công trình vĩ đại mà chính phủ Bảo hộ đã làm được trên mảnh đất này trong khi cố gắng ổn định trật tự và gieo rắc tiến bộ với một sự khôn ngoan và khéo léo thật sự.

*

* *

Con tàu dừng lại một thời gian lâu ở Thanh Hóa và tới thì đến Vinh.

Ngày 8 tháng 5, theo chương trình phải dừng để đi thăm các nhà máy và xưởng thợ của thành phố nhưng vì vua đã quá mệt trong chuyến đi dài và nhanh chóng ở Bắc Kỳ nên bỏ dự định ấy.

Đoàn đi thẳng về phía nam, ăn trưa ở Đồng Hới và chiều đến Quảng Trị ở lại tòa sứ. Con vua là thái tử Vĩnh Thụy đã đến ăn tại đây để đón vua.

Thứ năm ngày 9 tháng 5 là ngày lễ ra các quan chức của tỉnh phải đến bái yết nhưng vua đã cho miễn lễ. 9 giờ đi thăm đồn điền Phước Môn của Nguyễn Hữu Bài Thượng thư Bộ Lại. Thời tiết xấu nên cuộc thăm viếng vùng quan trọng này chưa đầy đủ.

Sau cùng, buổi chiều trở về Huế, tất cả các người Pháp, quan chức của Kinh đô và của tỉnh Thừa Thiên cùng đông đảo quần chúng người bản xứ đến đón chào vua và Khâm sứ Charles ngay lúc trên tàu bước xuống. Chiếc tàu này là tàu đặc biệt được sắp đặt ở Quảng Trị. Hoàng thượng lộ rõ nét vui vẻ trở lại Hoàng cung, trong khi đó thì trên thành từng loạt nổ truyền thống được phát ra từ ổ đại pháo chỉ được bắn trong những ngày hội vui.

Cuộc tuần thú (Kinh lý của vua), "*Cuộc vòng quanh An Nam*" kiểu Pháp đã mãn. Vua Khải Định đã kể lại những cảm tưởng mạnh mẽ một cách chi tiết trong một bài công bố gửi cho dân Bắc Kỳ mà các tờ báo của thuộc địa đã đăng toàn bộ nội dung. Những bằng chứng về cảm tình của dân chúng Pháp và sự đón tiếp tôn kính và khẩn trương của đồng bào của vua đã làm cho vua rất cảm động. Điều làm cho vua cảm kích nhất, theo lời vua nói, là sự nhận thấy nước Pháp đã phát triển đến đỉnh cao những đức tính bẩm sinh của dân tộc An nam. Vua khen ngợi các người khai thác thuộc địa, kỹ nghệ gia, thương gia, đồn điền đã làm giàu người bản xứ bằng cách xây các xí nghiệp mà vua tin tưởng là có tầm quan trọng. Vua đề cao vinh quang của những người lính đã bảo đảm được hòa bình an ninh cho dân chúng ở tận các miền hẻo lánh nhất. Vua nhận xét là ở Bắc Kỳ, cái đội quân của sự tiến bộ và khoa học đúng theo như lời bác sĩ

Cognacg nói, là đã được huy động; và thanh minh cho nền cai trị hiện nay thường hay bị phỉ báng.

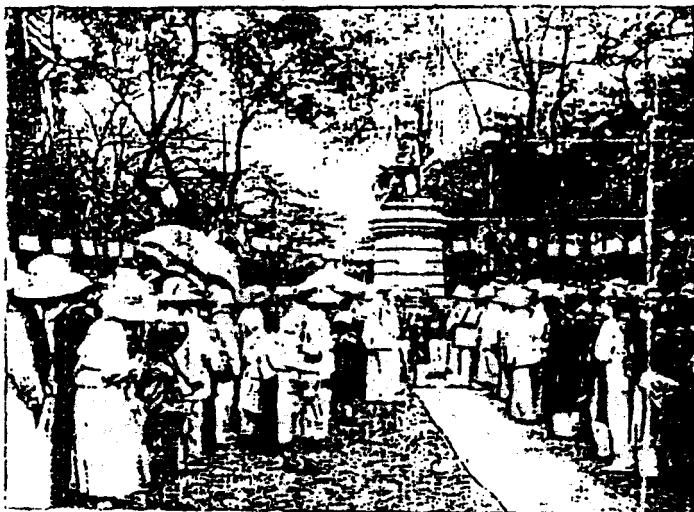
Cuối cùng vua kêu lớn lên tự đáy lòng *"tương lai hứa hẹn với chúng ta rất nhiều"*. Về phần tôi, trong khi trở về với sự yên tĩnh và vui vẻ cho gia đình, tôi không thể không nghĩ về những ngày tôi cầm súng đi qua một số vùng đất đầy rẫy quân cướp và hiện nay những vùng đó thay đổi đến mức dường như không thể phân biệt được nó nữa.

Tôi mong muốn được đặt một đóa hoa lưu niệm trên mỗi nấm mồ của bao nhiêu người bạn đồng đội đã ngã xuống, những người bạn chiến đấu của tôi. Nhưng nếu chiếc *"xe lết"* quý hóa của các người lính Pháp của 1890-93 chỉ lết một cách mệt mỏi với 5 kilômét/giờ thì các xe ô tô của Hoàng đế An nam ngày nay đã phóng đều đều 50... Thật là tuyệt vời với sự tiến bộ!

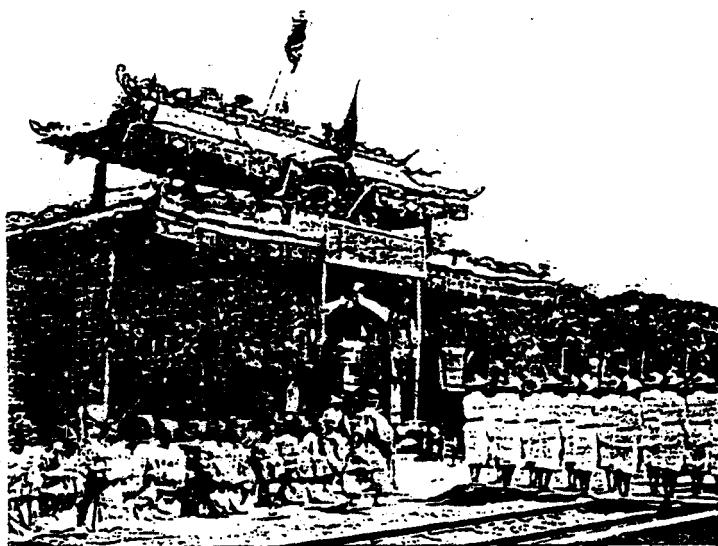




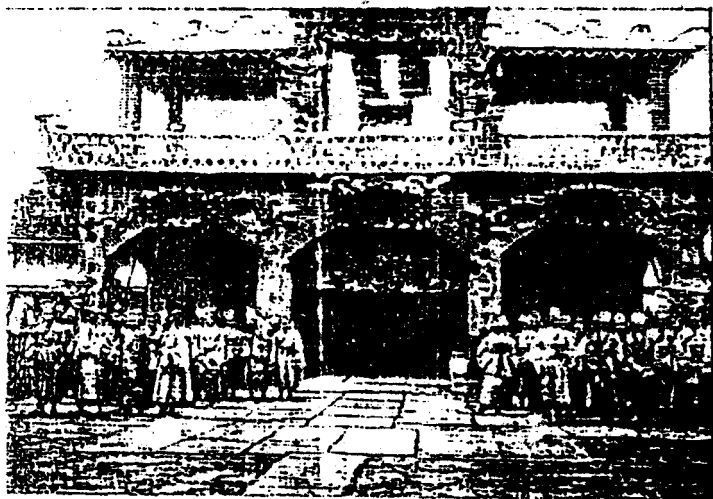
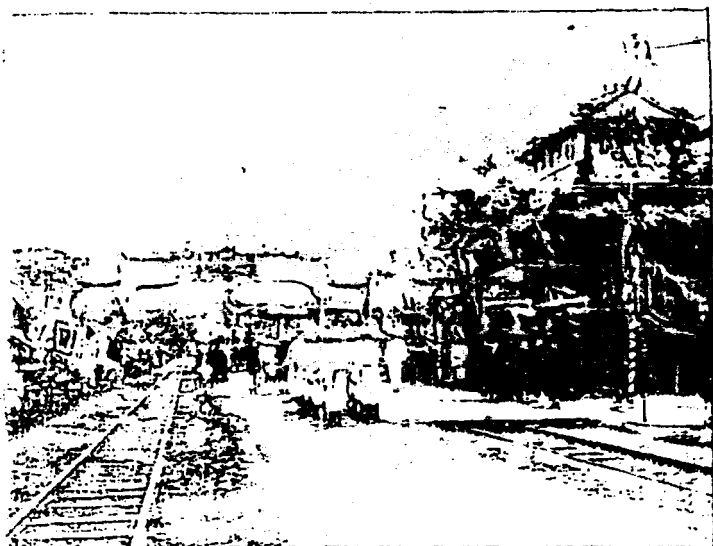
Vua Khải Định và toán quyền A. Sarraut



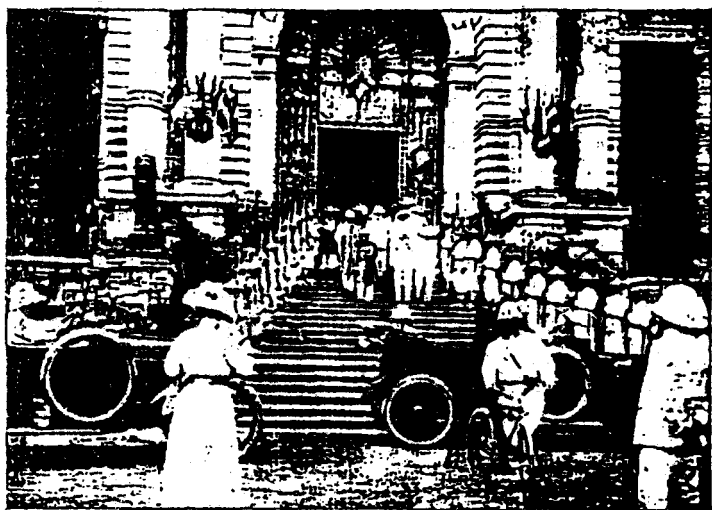
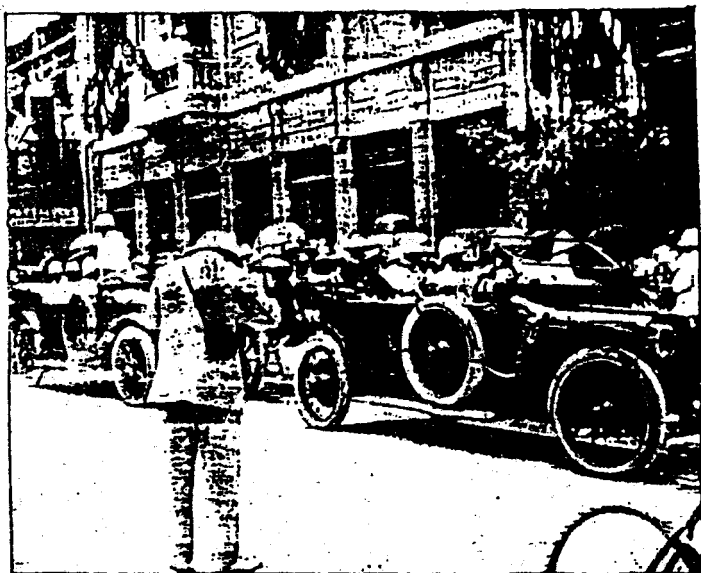
Lễ tại tượng Paul Bert



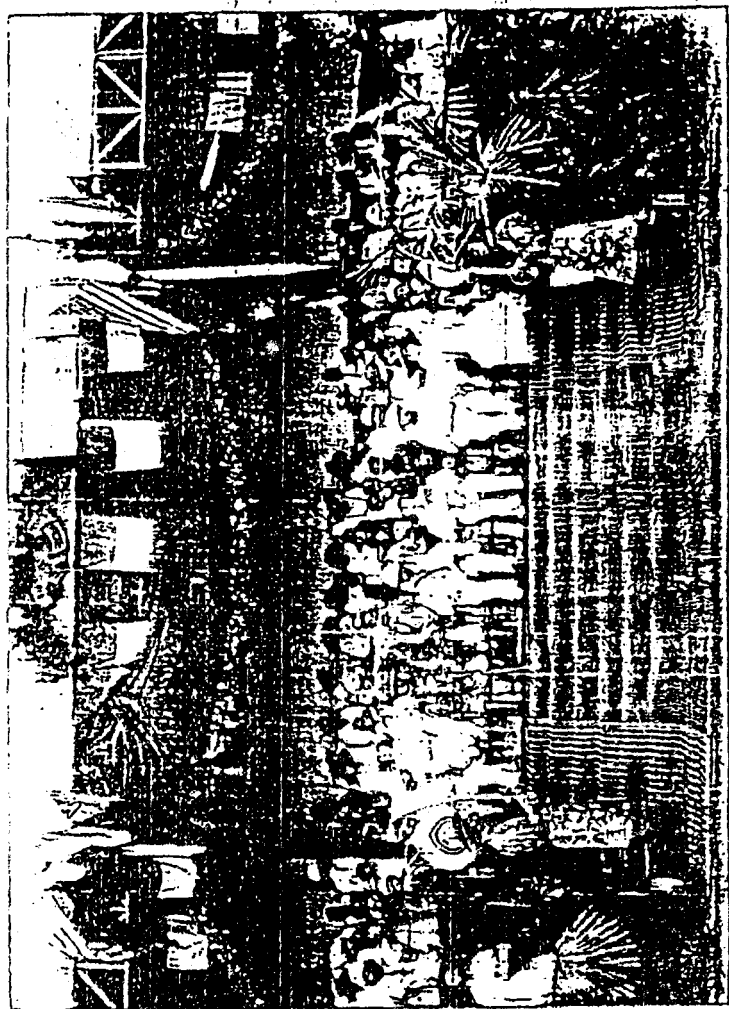
Lễ đón tiếp ở Ninh Bình



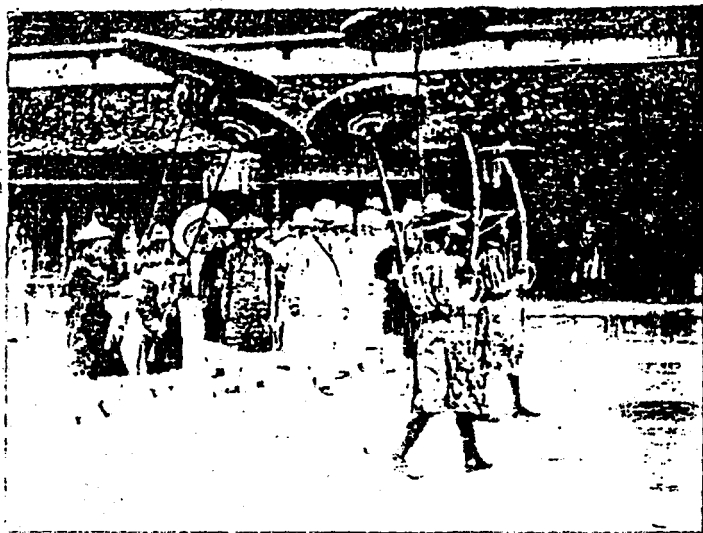
Tại Nam Định các quan chức đón Hoàng đế



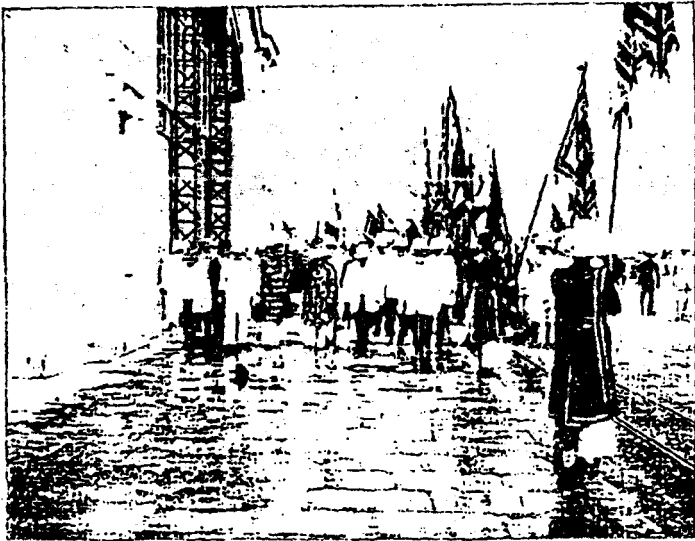
Hoàng đế thăm trường và Bảo tàng thương mại



Duyệt binh: Khán đài danh dự



Hoàng đế ở Nam Định



ở Hải Phòng, thăm cầu cảng và
Nhà máy xi măng

VUA KHẢI ĐỊNH THĂM CÁC ĐỀN THỜ VÀ LĂNG TẨM Ở THANH HÓA⁽¹⁾

R.ORBAND, Công sứ

Ngày kỵ được tổ chức đơn giản và kính hiếu.

Lễ phẩm được dâng lên trước bài vị tôn thờ các linh tiên.

Đứa con đứng đầu nòi giống, và gần gũi nhất với ông bà.

Xin làm tròn bốn phận thờ cúng như lệ cũ.

A.DE POURVILLE

Ngày 21 tháng 2 niên hiệu Khải Định năm thứ 3 (2 tháng 4 năm 1918). Bộ Lễ trình lên vua báo cáo như sau:

"Ngày 17 (của tháng này) Nội Các báo cáo cho biết rằng Thị vệ nhất đẳng ông Nguyễn Hy có truyền lệnh của Hoàng thượng như

⁽¹⁾ Bài đọc tại buổi họp 31 tháng 7 năm 1918. Ngài Đông Các, Tôn Thất Hân. Chủ tịch Hội Đồng Cơ Mật đã vui lòng chuyển cho chúng tôi bài nghi thức của các lễ. Chúng tôi xin cảm tạ ngài Tôn Thất Hân cùng các ông Hoàng Yến và Ngô Đình Diệm đã phiên dịch các bài bằng chữ Hán ấy ra Pháp văn.

sau: Trong thượng tuần tháng sáu, Trẫm sẽ đi Bắc Kỳ. Khi qua Thanh Hóa, Trẫm sẽ thăm lăng tẩm và đến miếu Hoàng gia. Trẫm truyền cho Bộ Lễ thảo chương và nghi thức các buổi lễ để đệ lên cho Trẫm.

Chúng tôi làm ngay các việc tra cứu và thấy rằng Hoàng đế Thiệu Trị vào năm thứ 2 niên hiệu của Ngài (1812) và Hoàng đế Thành Thái vào các năm 15 và 18 niên hiệu của Ngài (1903 và 1906) cũng đã có đi ra Bắc Kỳ. Khi ngang Thanh Hóa các Hoàng đế đều có đến đền Nguyễn Miếu và lăng Trùng Nguyên. Các ngài đều có cử một vị quan đến cúng ở đền Trưng Quốc Công⁽¹⁾.

Khi làm xong các nghi lễ, các Ngài đều đến lưu trú ở Hành cung (nhà nghỉ) và cho phép các làng và huyện danh giá ấy đến bái yết năm lạy (dạ lễ).

Chúng tôi mạn phép căn cứ và nghi thức đã được công nhận để lập chương trình nghi lễ trình lên Hoàng đế đồng thời với bảng ghi chép các lời cầu nguyện để đọc trong các buổi lễ.

Vị quan có trách nhiệm tiến dẫn Hoàng đế đến trước đền Trưng Quốc công sẽ được chọn trong số người theo hầu Ngài hoặc là quan ở Thanh Hóa trong Hoàng tộc".

CHƯƠNG TRÌNH

Các quan chức Bộ Lễ phải chăm lo sắp đặt cùng với các quan chức của tỉnh Thanh Hóa. Các quan tại Thanh Hóa phải tổ chức cuộc

⁽¹⁾ Sau này các ngôi đền và lăng tẩm nào ở làng "Quý hương" được xem là gốc của nhà Nguyễn. Chính đó là làng Gia miếu Ngoại trang, huyện Đông Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại thứ (nghỉ lâu) ở làng Quý Hương và Tiểu thứ (nghỉ ít) bên phải đàn Phương Cơ⁽¹⁾.

Bộ Lễ phải chép lại các điều văn, văn nguyện cầu, văn cung thỉnh, văn tán tụng, văn tế và gửi đến vài ngày trước lễ: tỉnh Thanh Hóa phải theo dõi hai điều văn cúng Triệu Tổ và Trung Quốc Công và bản ca ngợi Thần núi Triệu Tường.

Một người viết sử do chính quyền tỉnh Thanh Hóa chọn để viết các bài ấy.

Khi Hoàng đế đến chỗ Đại thứ thì các bài văn cầu nguyện được đặt trên Long đình do đoàn rước gánh tới đó trong nghi vệ triều đình đại lễ (lọng, cờ, vũ khí gỗ, và dọc hai bên đường đi đều có lính gác mặc áo lễ).

Các quan tỉnh áo rộng xanh có tay áo rộng, cung kính dâng tờ cung thỉnh đến Hoàng đế và Ngài viết tên mình vào trong đó. Tiếp theo đoàn rước đi đến các đền thờ và đặt các văn cung thỉnh đó vào vị trí để làm lễ kỳ cáo sau đó.

Các chính quyền địa phương phối hợp với các Tư Tế (các người giữ đền thờ cúng bái) và các quan chức Bộ Lễ chăm lo sắp đặt chỗ tế (đền Nguyên Miếu và Trung Quốc Công Miếu) đàn Phương Cơ (nhà Đại thứ và nhà Tiểu thứ) trưng bày các hương án đồ để cúng như chiếu lọng, vũ khí gỗ và các nhạc cụ...

*

* *

⁽¹⁾ Phương Cơ đối diện với núi Thiên Tôn (hay Triệu Tường) nơi chôn hài cốt của Nguyễn Kim. Chỗ nghỉ tạm ở bên phải, xây lưng về phía mộ.

ĐỀN NGUYÊN MIẾU - Cách bài trí

A-Gian thờ chính giữa hay là gian trung tâm thờ Nguyễn Kim.

Bài trí từ trong ra ngoài:

1/ Một trang thờ quý giá trong đó là hai bài vị linh thiêng, cái thứ nhất ghi tất cả chức tước của Triệu Tổ⁽¹⁾ và cái thứ hai ghi chức tước của Hoàng hậu⁽²⁾.

2/ Một sập lễ có mặt chạm rồng, trên sập có chiếu hoa, nệm, gối, khay trà, khay rượu, hai đèn đồng.

Bên phải và bên trái của sập đặt hai án nhỏ và trên án nhỏ có cái thau được đặt trên giá và một cái khăn mặt treo trên giá; một hòm áo quần cúng được cất giữ kính cẩn ở các lăng tẩm, hai giá có áo quần cúng.

3/ Một sập lễ nhỏ có các mặt chạm rồng, trái chiếu hoa, và trên chiếu là một bàn quí sơn son có các món ăn và hai cây đèn đồng.

4/ Bàn thờ trong (nội án) có các khay trái cây và bộ ngũ sự (bộ đèn lu 5 cái bằng đồng).

⁽¹⁾ Các chức tước: Triệu Tổ di mưu, thụy dữ, khâm cung, huệ triết, hiếu hộ, hoàng hưu, tế thể, khả văn, nhơn thành Tịnh Hoàng đế. Vị tổ khai sáng và là vị Hoàng đế đã để lại cho con cháu một kho báu tài năng, để lại cho hậu thế biết bao tấm gương sáng đáng kính phục, đáng tôn thờ, đầy sáng suốt, khôn ngoan, phúc đức, rạng ngời hạnh phúc vô bờ bến, yêu thương người đời, sự nghiệp ngày càng thêm mở mang, đầy đạo đức và thánh thiện, an giấc nghìn thu.

⁽²⁾ Từ tin, chiếu y, hoàng nhơn, thụy đức Tịnh Hoàng hậu. Vị Hoàng hậu nhân từ và tin cẩn, hoàn thiện cao sáng như mặt trời, đạo đức xiết bao và tính tình tuyệt diệu đáng được hưởng niềm an lạc.

5/ Bàn thờ trong (ngọc án) một bộ ngũ sự bằng đồng, 1 bình hoa, 2 con hạc bằng gỗ sơn son thếp vàng và hai khay giấy vàng bạc.

6/ Trước bàn thờ ngoài và ngay trước mặt: hai đèn gỗ sơn son, gần bên phải một bàn nhỏ trên đó có một cái kệ để đặt các tờ sớ; có hộp đựng sớ có vải bọc và hai cây đèn đồng.

7/ Sau cùng ở ngoài gian thờ chính, trước bàn thờ ngoài có đặt hai bàn cúng một cái bên phải, một cái bên trái. Trên bàn thứ nhất có lư trầm và một cây đèn đồng, trên bàn thứ hai một cây đèn đồng, một cái đĩa đồng đựng hương.

B. Bên gian trái: Bàn thờ Nguyễn Hoàng.

Được bài trí (từ trong ra ngoài):

1/ Một khám thờ quý trong đó có các bài vị ghi chép chức tước của Thái Tổ⁽¹⁾.

2/ Một sập lễ có các mặt chạm rồng được trải chiếu hoa, trên chiếu có đặt nệm gối, bình chén trà, bình rượu, hai đèn đồng.

3/ Một sập trọng thể các mặt chạm rồng được trải chiếu hoa, trên có một bàn quý thấp sơn son, để dọn các món ăn và hai cây đèn đồng.

4/ Bàn thờ trong để đặt mâm trái cây và bộ ngũ sự (bộ lư 5 cái) để thờ bằng đồng.

⁽¹⁾ Thái tổ, triệu cơ, thụy thông, khâm minh, cung y, cần nghĩa, đặc ty, thiên ung, chiêu lự, diêu tinh Gia Dũ Hoàng đế. Vị Tổ lớn đã đặt nền móng cho sự trị vì truyền mầm giống quyền lực cho con cháu trí tuệ đáng kính phục, hoàn thiện đáng tôn thờ, công minh, tận lý lẽ, lý luận sâu sắc, công lao hiển nhiên, tâm hồn sáng tỏ, quyền lực siêu phàm và cũng là một vị Hoàng đế nhân ái, cao cả sáng rực như ánh mặt trời.

5/ Bàn thờ ngoài để đặt bộ ngũ sự bằng đồng, một lộc bình và hai khay để đơm vàng bạc, giấy.

Trong mỗi gian thờ, khi hành lễ sẽ đặt vật cúng là một bò, một dê, một lợn, mâm xôi, các món ăn, giấy vàng bạc, trầm, trầu cau, rượu...

*

*

*

ĐỀN TRUNG QUỐC CÔNG - Cách bài trí

A. Gian chính, gian giữa dành để thờ Trưng Quốc công (thân phụ Nguyễn Kim).

Cách bài trí giống như ở Nguyễn Miếu. Các chức tước trên bài vị linh thiêng trong khám thờ quý giá là chức tước của Trưng Quốc công⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Hiệp mưu, đồng đức, tả lý, hiếu trung, công thần, đặc tấn, phụ quốc, thượng tướng quân, đô đốc phủ, tả đô đốc, thái tử, tả tướng, thái thọ, Trưng Quốc công.

Giúp cho nhiều lời khuyên (có thể đây là chức tước) cổ vấn, góp nhiều công đức, trợ lực bằng nhiều lý luận (đây có thể là chức vụ) đã nêu gương về trung thành, phục vụ đặc lực nên được đặc biệt phong tước Phụ quốc (cột trụ triều đình), thượng tướng quân (tướng cao nhất), đô đốc phủ, tả đô đốc (tướng bên cánh tả của bộ quân lực), Thái tổ (Tể tướng chủ tịch nội vụ), Tả tướng (Thượng thư phía tả), Thái Phó (ông thầy cao siêu), Quốc công (tước công hạng nhất).

B. Gian bên trái (bàn thờ của Li Nhon Công, con thứ hai của Nguyễn Hoàng).

Bài trí cũng như trên, bài vị ghi các chức tước của Li Nhon Công⁽¹⁾.

"Đồ cúng cũng như ở Nguyên Miếu.

*

*

*

ĐÀN PHƯƠNG CƠ (đàn vuông) - Cách bài trí

1/ Ở giữa đàn, tầng dưới có dựng một đàn tầng, trên phía ngoài được bọc vải vàng trên bàn tế và vải xanh ở trên chỗ Hoàng đế đứng cúng lễ. Viên của chiếu trải trên sập lễ là vàng, còn viên chiếu ở chỗ Hoàng đế đứng lạy là xanh.

2/ Một chiếc sập lễ được trải chiếu viên vàng và trên chiếu có đặt nệm gối, hai bộ ấm chén trà, hai bộ bình cốc rượu, hai cây đèn đồng.

⁽¹⁾ Li Nhon Công: Hữu tướng, trợ oai, hộ quốc, dữ phúc, ân hậu, tán trị, triệu hưng, bậc thế, khuông thời, thi tài, tài trí đồng, hùng oai, nghiêm đức, cung võ, thủy nhơn, trực li, nhơn công.

Thượng thư cánh hữu, giúp vua bảo vệ vương quốc, hạnh phúc kỳ diệu, giúp đỡ rộng rãi, tham gia cai trị đất nước, làm cái gốc cho gia đình phồn thịnh, hỗ trợ cho triều đại, trợ lực trong hoàn cảnh khó khăn, bảo vệ vinh quang cho Hoàng tộc trong nhiều thế kỷ, nhiều tài, nhiều đức, dũng cảm và tài ba, anh hùng trong thao lược, trung thành với bạn hữu, kiên quyết trong ý định, ngay thẳng rõ ràng, tinh táo trong can đảm, lòng danh không ai bằng, dũng mãnh và oai nghi, trầm tĩnh, hoạt bát, có thiên tài quân sự được truy phong một vị quan: đức độ, liêm khiết, có tài đức, có tước quận công (có nhiều từ ngữ dùng để tán dương đã được sắp xếp lại và được dịch một cách có hơi khác).

3/ Một bàn thờ có một mâm giấy vàng, bạc một mâm trái cây, các ngũ sự bằng đồng.

4/ Các vật cúng: mâm trái cây, giấy vàng bạc, trầm trà, cau, trầu, rượu.

*

* *

MIẾU THẦN NÚI TRIỆU TƯỜNG - Cách bài trí

1/ Bàn thờ trong có bài vị ghi chức tước "*Thần Triệu Tường*" và hai cây đèn đồng.

2/ Một hương án có một mâm giấy vàng bạc, bộ ngũ sự bằng đồng, một mâm trái cây, bên phải một bàn để đọc sổ, trên đó có tấm bảng treo sổ được trùm một miếng vải.

Ở ngoài, có hai bàn để cúng. Trên bàn bên phải có lư hương thấp hương và một cây đèn đồng; bên trái một lư trầm và một cây đèn. Các vật lễ đều giống như ở trên các bàn cúng ở đền Nguyễn Miếu.

*

* *

Gian giữa đền Nguyễn Miếu để cúng Triệu Tổ Tịnh Hoàng đế. Ngài này tên là Nguyễn Kim. Sinh năm 1408, bị quan nhà Mạc tên Trung đầu độc chết ngày 23 tháng 5 năm 1545. Ngài nguyên là tướng chỉ huy đạo quân bên phải trong Hoàng cung nhà Lê.

Sau cuộc nổi dậy của nhà Mạc (1527-1533) vào năm 1533 Nguyễn Kim đặt lên ngôi một kẻ thừa của nhà Lê tên là Lê Trang Tôn (1533-1548). Ngài được phong tước Hầu An Thanh. Năm 1533 được phong Thượng Phu Thái sư, Hưng Quốc công.

Đây là người họ Nguyễn đầu tiên được phong tước lễ tế và chức tước Hoàng triều truy phong, Ngài là thân phụ của Nguyễn Hoàng, là người đã đặt nền tảng cho đại quốc.

*

* *

Gian bên trái của đền Nguyên Miếu để cúng Nguyễn Hoàng (Thái tổ Gia Dũ Hoàng đế) con thứ hai của Nguyễn Kim sinh ngày 26 tháng 9 năm 1525 được phong trần thủ Thuận Hóa vào năm 1558 (đất Thuận Hóa cũ là từ Quảng Bình đến bắc Quảng Nam). Ông được phong liên tiếp tới tước Hầu Hà Khê, Đoan Quốc Công (Trung quân đô đốc, Thái úy, Đoan Quốc Công) và Hữu tướng, Ngài được sử sách thường ghi tên Tiên vương hay Tiên chúa. Ngài mất vào ngày 21 tháng 5 năm 1613 thọ 89 tuổi, trị vì được 50 năm. Lăng Trường Cơ ở làng La Khê huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên.

Chính Ngài giữ được sự hưng thịnh của nhà Nguyễn, Ngài là người chính thức thành lập triều đại.

Đền Nguyên Miếu được xây cất vào năm thứ 2 Gia Long (1803) và được trùng tu vào năm thứ nhất Minh Mạng (1820).

*

* *

Trùng Quốc công Miếu nằm về bên trái (phía đông) của Nguyên Miếu, cách tường trong. Miếu được xây vào năm thứ 2 Gia Long và trùng tu vào đời Minh Mạng (1820).

Trong gian chính (ở giữa) là bàn thờ Trùng Quốc Công, thân phụ Nguyễn Kim. Gian bên trái là bàn thờ của Li Nhơn Công con thứ hai của Nguyễn Hoàng tên Hán bị Mạc Kim Cung giết vào ngày 18 tháng 10 năm 1503.

*

*

*

Trương Nguyên do Gia Long đặt tên vào năm thứ 5 niên hiệu của Ngài, nằm ở núi Thiên Tôn. Núi này được Minh Mạng đặt tên lại là Triệu Tường vào năm 1821. Ở đây là nơi an nghỉ vĩnh viễn của Triệu Tổ (Nguyễn Kim) và cùng với vợ Ngài, là mẹ của Thái tổ (Nguyễn Hoàng).

Tục truyền rằng khi vừa mới hạ quan tài xuống huyệt thì con rồng ngậm miệng và sấm sét nổi lên làm cho mọi người sợ hãi chạy tán loạn. Hết giông tố người ta đến thì thấy huyệt lộ ra trong khối đá trông giống như miệng rồng, đã được lấp kín và xung quanh cây cối mọc lên um tùm. Cho nên không biết được vị trí chính xác chỗ chôn Nguyễn Kim.

Đàn Phương Cơ, nơi cúng lễ, và là nơi vua đến đây làm lễ bái khi tuần du, nơi các quan chức Thanh Hóa đến sắp đặt vật lễ nằm ở chân núi Triệu Tường.

Để kết thúc miêu tả các đền miếu, xin nói thêm là tường trong của Nguyên Miếu được xây vào năm thứ 15 niên hiệu Minh Mạng (1834) có trở hai cửa phía đông và phía tây. Vòng tường ngoài xây vào năm 1835 có hào bao quanh và có 4 hướng đều có cửa. Phía nam là một Tam quan có vọng gác ở trên.

Có cổng gạch được bắt qua trên các hào nước ở lối vào các cửa. Phía tây của thành ngoài có nhiều trại lính và các ngôi nhà của quan lại được gọi là quan cư.

Đền Nguyên Miếu nằm ở giữa vòng thành trong, trước Trưng Quốc Công miếu nằm bên trái, hàng năm đến ngày giỗ, tất cả các quan chức tỉnh và những người, đặc biệt các phái đều đến đây tế lễ như các đền thờ vua ở Huế.

Gần cạnh đàn Phương Cơ có một ngôi nhà làm chỗ tạm trú cho các quan chức đến cúng ở núi Triệu Tường.

Bên phải của đàn có đền thờ thần núi Triệu Tường, thần này năm 1821 được Minh Mạng liệt vào danh sách các vị thần dâng cúng ở lễ tế Nam Giao.

Từ Bắc thành Nguyên Miếu nhìn ra phong cảnh rất đẹp, các hòn núi chồng chất lên nhau bao quanh vùng này; đây cũng là nơi thắng cảnh đáng để cho khách du lịch đến viếng.

Ngày 24 tháng 4 năm 1918 vào lúc 6 giờ, Hoàng đế Khải Định rời Thanh Hóa bằng xe ô-tô. Đi theo Ngài có hai quan hộ giá, bên vẫn là các ngài Đông Các Tôn Thất Hân và Hiệp Quý Đoàn Đình Duy, các quan đại thần hộ giá bên võ có Tổng đốc Thanh Hóa cùng các quan chức từ Huế ra để viếng thăm các đền thờ và lăng tẩm của vua chúa ở Quý Hương. Các ông Chủ sự ban ngành ở tòa Khâm sứ đại diện cho Khâm sứ An nam, Công sứ Thanh Hóa và đặc phái viên bên cạnh Bộ Lại, tức là tác giả của bài này, cũng đi theo đoàn.

Khi đi ngang của Bìm Sơn, một đội lính của đồn khố xanh bồng súng chào.

Từ đồn lính Bìm Sơn cho đến cổng làng, quê hương của Hoàng tộc, hai bên đường cờ xí được cắm xuống đất, các cổng chào, các hương án, các cánh nhà nhỏ được trang hoàng đẹp gọi là "Thế lâu" cũng được dựng lên.

11 giờ đoàn đến chỗ nghỉ ở làng Quý Hương. Cuộc nghỉ này được tổ chức tại đình làng nơi thờ vị Thần hoàng.

Đáng chú ý tại đây là những cột gỗ của ngôi đình và những câu đối do các quan chức, con cháu của Hoàng tộc tặng khi họ phục vụ tại Thanh Hóa.

Sau một lúc nghỉ ngơi, Hoàng đế đội mũ Cửu Long, mặc áo màu vàng thêu kim tuyến, đeo đai ngọc, tay cầm thẻ ngọc, bước lên ô tô; các quan chức có phận sự tham dự lễ cùng các khách Pháp được mời, cũng đi ô tô.

Đoàn di bộ vào vòng thành của Nguyên Miếu bằng con đường qua cổng phía đông. Xe ô tô được để ngoài thành. Hoàng đế và đoàn tùy tùng đi ngang trước Trưng Quốc Công Miếu, bước qua cửa của thành trong và đến ngôi nhà phụ của Nguyên Miếu (phía đông). Hoàng đế nghỉ ngơi một lúc.

Các lễ cúng bắt đầu. Ông Bô Chánh và Án sát ở Thanh Hóa làm công việc dâng trầu. Vị thứ nhất bưng lư trầm, vị thứ hai bưng đĩa đựng trầm. Một vị quan Tam phẩm đọc chúc ký. Hai tôn tước đứng hầu trong đền và ở ngoài đền.

Trong gian chính của lễ, có hai người được chỉ định cầm đèn. Hai người giữ đèn "*Từ tế*" đứng ở các bàn thờ chính và giữ chúc Thị lập (dự lễ đứng).

Trong gian phòng bên trái, những Thị lập đều là những quan chức thấp của Thanh Hóa.

Các quan chức đi theo Hoàng đế trong hành trình cũng như các quan đại thần văn võ mặc áo đại lễ đều đứng trên sân đền, bên trái và bên phải.

Một Thị vệ đưa thau nước cho Hoàng đế rửa tay, rồi đi thẳng đến tầng cấp phía đông, trèo lên các cấp và dừng lại ở vị trí gọi là chỗ đợi của vua trước bàn thờ Triệu Tổ (Nguyễn Kim).

Các quan xướng lễ phía trong xướng:

"*Tấu tiến thoái vị*" (Kính mời Hoàng thượng bước).

Các quan đến sắp hàng theo chúc vị, nhạc ngừng tấu.

Xướng:

"Tầu tiến hương án" (Tầu Hoàng thượng đến trước hương án).

Cẩn tầu án lên tỳ vị *"Tầu quy"* (Tầu Hoàng thượng quỳ xuống, những người dâng trầm quỳ hai bên).

"Tầu tấn khuê" (Tầu Hoàng thượng cất thẻ ngọc vào tay áo).

"Tầu thượng hương" (Tầu Hoàng thượng dâng trầm).

Người bưng đĩa đựng trầm đưa đĩa cho Hoàng đế. Hoàng đế cầm đĩa đưa lên ngang trán, vãi ba cái rồi đứng lên bỏ trầm vào lư. Người phụ trách lư trầm đặt lư vào giữa bàn thờ, khi đó người bưng đĩa đựng trầm cũng đặt đĩa vào bàn lễ, cả hai bước lui tại bàn trái một vòng, quan phụ lễ cũng đứng đót trầm.

Xướng:

"Tầu trứu xuất khuê" (Tầu Hoàng thượng hạ rút thẻ ngọc ở tay áo ra).

"Tầu cung cúc bái" (Tầu Hoàng thượng nghiêng đầu và lạy).

"Tầu hưng" (Tầu Hoàng thượng đứng lên).

"Tầu bình thân" (Tầu Hoàng thượng đứng thẳng).

Bốn người xướng lễ trong và ngoài đều xướng:

"Tầu nghinh thần!" (Tầu Hoàng thượng rước thần) vua lạy 4 lạy và các quan cũng lạy.

"Tầu hưng" (Tầu Hoàng thượng đứng lên).

"Tầu bình thân" (Tầu Hoàng thượng đứng nghiêm chỉnh).

Các quan xướng lễ bên trong xướng:

"Tầu thưng đàn" (Dâng lễ vật lần thứ nhất).

"*Tấu quy*" (Tâu Hoàng thượng quỳ xuống).

"*Hiển tửu*" (Dâng rượu lễ).

"*Tấu cung cúc bái*" (Tâu Hoàng thượng vái lạy).

"*Tấu hưng*" (Tâu Hoàng thượng đứng lên).

"*Tấu quy*" (Tâu Hoàng thượng quỳ xuống).

Các công tán xướng; các người xướng lễ bên ngoài xướng:

"*Quan giai quy*" (Tất cả các quan quỳ xuống).

Các quan xướng lễ bên trong xướng:

"*Tuyên chúc*" (Đọc lời cầu nguyện).

Tất cả các người xướng lễ đều xướng:

"*Tấu cung cúc bái*" (Tâu Hoàng thượng vái lạy).

"*Tấu hưng*" (Tâu Hoàng thượng đứng lên).

"*Tấu cung cúc bái*" (Tâu Hoàng thượng vái 2 lạy).

"*Tấu hưng*" (Tâu Hoàng thượng đứng lên).

"*Tấu bình thân*" (Tâu Hoàng thượng đứng thẳng nghiêm chỉnh).

Các quan xướng lễ bên trong xướng:

"*Tấu thăng đàn nhị lễ*" (Dâng lễ lần 2).

"*Tấu quy*" (Tâu Hoàng thượng quỳ xuống).

"*Hiển tửu*" (Dâng rượu).

"*Tấu cung cúc bái*" (Tâu Hoàng thượng vái lạy).

"*Tấu hưng*" (Tâu Hoàng thượng đứng lên).

"*Tấu bình thân*" (Tâu Hoàng thượng đứng nghiêm chỉnh).

Dâng lễ lần cuối:

"Tàu Hoàng thượng quỳ xuống".

"Dâng rượu".

"Tàu Hoàng thượng vái lạy".

"Tàu Hoàng thượng đứng lên".

"Tàu Hoàng thượng đứng nghiêm chỉnh".

"Tấu hồi bái vị" (Hoàng thượng trở về chỗ đứng cáo tử).

"Tấu quỳ" (Tàu Hoàng thượng quỳ xuống).

"Hiển trà" (Dâng trà).

"Tấu cung cúc bái" (Tàu Hoàng thượng vái lạy).

"Tấu hưng" (Tàu Hoàng thượng đứng lên).

"Tấu bình thân" (Tàu Hoàng thượng đứng nghiêm chỉnh).

Các người xuống lễ bên trong và bên ngoài xuống:

"Tấu tống thân" (Hoàng thượng lạy cáo biệt các thần).

(Hoàng thượng lạy 4 lạy và các quan cũng lạy theo).

Xướng:

"Tấu hưng" (Tàu Hoàng thượng đứng lên).

"Tấu bình thân" (Tàu Hoàng thượng đứng nghiêm chỉnh).

(Đốt các tuyên chúc tờ sớ và giấy vàng bạc).

"Tấu! Lễ tất!" (Tàu Hoàng thượng lễ đã xong).

*

*

*

Trong khi Hoàng đế cúng lễ ở Nguyên Miếu, trước bàn thờ Triệu Tổ, thì ông Ứng Huy, tả Tôn khanh của Tôn Nhơn phủ, làm lễ ở Trùng Quốc công miếu đối diện với bàn thờ của Trùng Quốc Công, thân phụ Triệu Tổ Tịnh... Hoàng đế và Hoàng hậu, ba còn vật để tế: (bò, dê, lợn), xôi, các món ăn, rượu và trái cây.

Nhờ có đức độ, Ngài đã lập ra triều đại, lộc của Ngài truyền lại cho 17 đời kế vị và nay đến đứa cháu kế vị đời thứ 17 đến viếng Ngài, lòng vô cùng cảm động để tỏ lòng biết ơn sâu sắc xin được dâng lên Ngài các lễ vật.

Cầu mong vong linh Ngài giáng hạ để phù hộ cho hậu thế, cũng dâng lời cầu nguyện đến vong linh của Hoàng đế Thái tổ Gia Dũ (Nguyễn Hoàng).

Lễ thành biết có thấu đến Ngài chăng ?

*

* *

Tuyên chúc đọc tại đền Trùng Quốc công:

"Ngày 24 tháng 4 năm 1918, đứa cháu tên thật của Hoàng đế, là cháu mười đời kế vị ngôi vua, đã giao phó cho ông Ứng Huy, Tả Tôn Khanh của phủ Tôn Nhơn thay mặt cho cháu để dâng lên ngài Thái phó Trùng Quốc công ba vật tế sanh thường lệ: xôi, các món ăn, rượu và trái cây.

Nhờ ơn trời, Ngài đã sinh ra con là bậc thánh, và vị con bậc Thánh đã gây dựng được sự nghiệp Đế vương và lưu lại cho đến đứa cháu mười đời ngày hôm nay.

Nhân dịp hành trình trong mùa xuân êm dịu, cháu xin phép cử một viên quan đại diện đến dâng lễ lên Ngài.

Cháu thành kính mong đợi vong linh Ngài, luôn phò hộ cho sự thịnh vượng của dòng họ Nhà ta.

Cháu nguyện cầu như vậy trước vong linh ngài Hữu trưởng Lê Nhơn công.

Lễ thành biết có thấu đến Ngài chăng?

Tuyên chúc đọc tế thần núi Triệu Tường:

(Ngày 24 tháng 4 năm 1918). Tôi tên quan chức của tỉnh Thanh Hóa, thừa lệnh Hoàng đế xin trân trọng Thần núi Triệu Tường (một bò), xôi, rượu, trái cây...

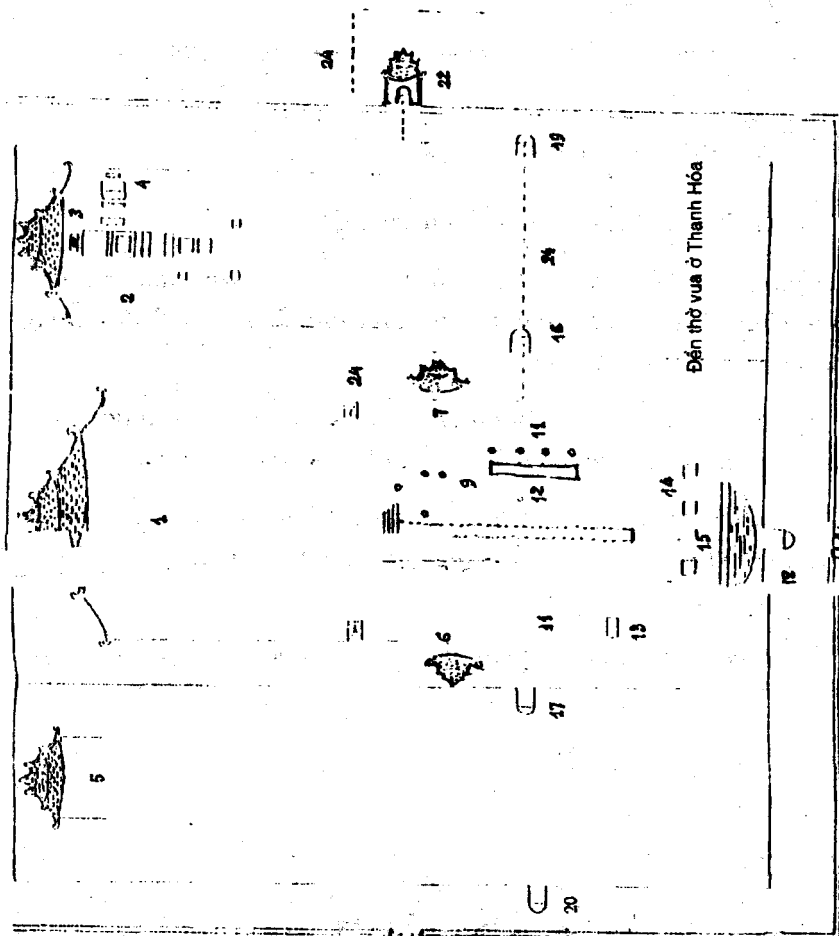
"Khí thiêng của vùng Thanh Hóa sản sinh ra nhiều người hiền. Cầu mong thần linh phò hộ mãi mãi hạnh phúc cho chúng tôi.

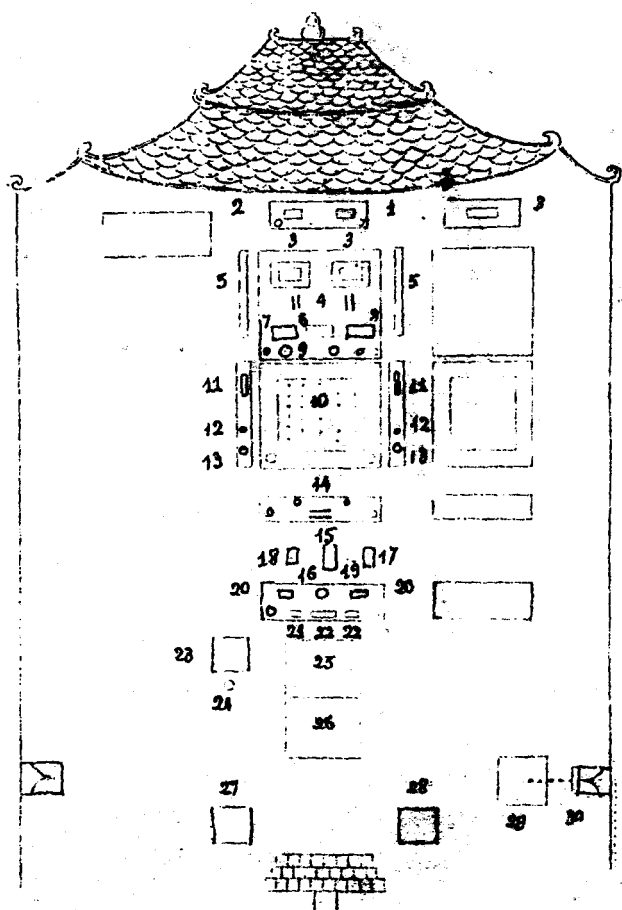
"Nhân dịp hành trình trong những ngày Xuân êm dịu, Hoàng đế đến tế lễ ở Nguyên Miếu, Ngài cũng sai tôi đến dâng lễ tại núi Triệu Tường này.

"Cầu mong thần chấp nhận. Mong thần ban cho trật tự và hòa bình.

"Cầu mong thần nhận lễ!"







Đền Nguyên Miếu: sắp xếp đá vua cúng



Quan tuyên cáo

CÁC ĐẠI LỘ CỦA NHƯỜNG ĐỊA Ở HUẾ

*Trung tá DONNAT,
Chỉ huy quân đội ở Huế*

Người ta chỉ cho kẻ giàu vay mượn.

Những người thuộc thế hệ của tôi có nhận định là sau năm 1870 có một sự sinh nở mạnh mẽ, các con đường "*Gambetta*", "*các đại lộ có trồng cây*" của cộng hòa tự do.

Trước năm 1870, Napolion, vị chúa đế chế, các trận chiến thắng của đế chế giống như trong những cuộc phát phần thưởng, đều đã được nói đến tên.

Ở Đức là dòng Wilhem, ở Tây Ban Nha là A'foxto, ở Ý là Vittorio Emanuele đều là những thanh tra chủ chốt của bờ lề đại lộ. Những người có quyền lực của thời đại đều làm như thế trên tất cả các nước. Những tên đường được đặt ra do nhớ công ơn hoặc do lợi ích tạo thành những lời quảng cáo không kém phần quan trọng của một chế độ. Muốn tiến bước một cách thuận lợi vào hậu thế, một chế độ biết cách làm ra những cái chân đế cho quần chúng và trên cái chân đế đó là những hình ảnh để thờ.

Dần dà, theo dự đổi thay của quyền lực thì những lời quảng cáo này được thay thế bằng những lời quảng cáo khác, nhưng ý muốn

thay thế kẻ đi trước không bao giờ có được hiệu quả trọn vẹn để cho kẻ đi trước đo không còn một chút tiếng tăm gì.

Trên những dấu tích đổ nát mà người đi sau muốn chôn lên cho khuất mắt.

Ở tại Pháp, người ta vẫn còn những con đường của đạo Thiên Chúa, của những vua chúa, những đế chế... đã chống trả lại các cuộc tấn công, và bất chấp tất cả vẫn có tác dụng muôn năm lịch sử. Quần chúng là bảo thủ và không thích cố gắng chấp nhận sự thay đổi tên của một con đường.

Ở Đông Dương, Paul Bert và Jules Ferry là cao trọng nhất. Thành phố nào có giá đều để dành cho một Paul Bert hay Jules Ferry và nhiều khi cho cả đôi. Bên cạnh hai đỉnh cao này, nhưng thấp hơn nhiều là xúm xít nhà bác học, chính trị, thủy thủ, vài sĩ quan và lính thuộc địa và những người An nam mà đất nước họ trọng vọng.

Nói chung Đông Dương đặc biệt chăm lo cho những cái vinh quang tại chỗ và họ đã áp dụng phương châm: *"Đông Dương của người Đông Dương"*.

Một góc của Huế chưa được đặt tên, đây là một góc luôn còn cây xanh, xa xôi mà nhiều người dân của thành này chưa được biết đến. Ở đây là sự tĩnh mịch và yên lặng; người ta có thể mơ mộng dưới bóng mát của những con đường, nếu kẻ nào vẫn đang còn có mơ mộng trước những thực trạng của năm tháng hiện tại. Thỉnh thoảng một tiếng kèn đồng vang lên làm cho thức tỉnh mà thấy rằng ở đây vẫn có những con người đang sống, đang thức dậy để tập thể dục, rồi để ăn sáng và ngủ lại. Một chiếc ô tô chạy qua làm cho dân chúng ủa ra cửa sổ. Một chiếc ô tô nổ máy là một cuộc cách mạng.

Những con đường hạnh phúc trong cái yên tĩnh của nó và hình như muốn nói: muốn sống hạnh phúc phải sống mà đừng ai biết tên mình.

Có nên làm cho những con đường ấy bị khuấy động không, có nên tạo cho nó những điều cạnh tranh không? Có cho con đường thận trọng hay không khi mang đến sự kiêu ngạo cho con đường tên của một đại tá, mang đến cho con đường của người lính tên Vif hay cho công trường của một anh lính Cro Chetet?

Những người chết hình như muốn nói với tôi rằng: "*Chúng tôi ở dưới đất buồn lắm đã 35 năm rồi. Sự thỏa mãn của chúng tôi hẳn là lớn lao nếu thỉnh thoảng tên chúng tôi được nhắc đến. Chúng tôi còn có một số bà con, bạn bè, những người này hẳn sung sướng khi biết được và làm cho kẻ khác cũng biết được rằng chúng tôi đã chết trong khi làm tròn nhiệm vụ nhọc nhằn, đã đổ máu, đã hy sinh không vô ích. Vậy thì nên nghe bên nào? Nghe các con đường đi tình tử muốn giữ về yên tĩnh hay nghe những người chết phá bỏ sự yên tĩnh của họ? Tôi xin nghe theo người chết!*"

Bây giờ thì trước hết nên đặt cho ai?

Trên khu đất quân sự chỉ có quân nhân cư trú, tôi nghĩ rằng nên trình bày ra trước mắt họ tên các sĩ quan của các người lính có thể làm gương mẫu cho họ noi theo, để tiến đến vinh quang.

Những sự cố năm 1885 đã cung cấp cho tôi những tên cần có này. Hầu hết đều là chết trên trận địa. Những kẻ sống sót đến nay thì đều đã gằn kẻ miệng lỗ. Tôi sẽ nêu tên của họ.

Hỡi các vị đang ngồi êm ả, ngồi trên chiếc xe con. Đi đâu? Đến các ngôi mộ. Đó là thứ mà ai cũng thừa biết ở tại Huế xưa. Xóm Long Thọ, sông Phủ Cam xinh đẹp, cảng Thuận An đều chẳng có gì là bí ẩn đối với các vị nữa.

Vậy hãy đi đến nhượng địa? Vâng đến nhượng địa, miếng đất này sẽ được biết đến, tôi xin hướng dẫn quý vị.

Chiếc xe làm rung chuyển cái vòm gác của cổng thành X mà người lính gác đang canh gác dữ dằn. Qua khỏi đó thì nên đi thẳng trước mặt. Rồi rẽ qua phải. Đi từng bước nhẹ để khỏi phải đánh mắt nhanh sự khoan khoái ở nơi này.

Trên một tấm bảng đen được đóng vào thân cây, ta sẽ đọc được chữ: *Đại lộ Đại tá Pernot*? Cái gì đây ? Tôi xin phục vụ ngay.

Trung tá Pernot, chết năm 1885, trong tư thế một ông già cứng cáp đã từng đổ mồ hôi và phơi xạm làn da dưới ánh mặt trời của bao miền thuộc địa của thời đại ông ta. Tôi biết ông ấy, cách đây 30 năm, trong chiến dịch ở Bắc Kỳ giữa thượng nguồn sông Hồng và thượng nguồn sông Hắc Giang nơi một vùng đất nước làm chùn bước đến ngay cả những thanh niên. Đã gần 60 rồi, nhưng còn "*phong độ*" như một người trẻ.

Ở Huế, ông ta chỉ huy các đội quân của đồn Mang Cá và nhượng địa. Ngày 5 tháng 7 năm 1885, Trung tá Pernot không hề hoang mang trước sự tấn công đột ngột, trước những tổn thất và sự lộn xộn lúc đầu tiến thối lưỡng nan trong hỏa lực, trầm tĩnh, cẩn mật như con người có tâm hồn vững chắc và trí tuệ sáng suốt, ông ta tổ chức các đơn vị tấn công, và vào lúc rạng sáng, chỉ trong vài giờ ông ta đã làm chủ Kinh thành và giải tỏa cho tướng De Courcy.

Đi về phía bên phải qua một nhà sĩ quan được xây trên bờ thành, Bộ chỉ huy quân sự đã xây nơi đoạn thành góc trần (>180) của một cung lùì, một nhà pháo binh ở bờ thành trên cổng Mang Cá đối diện với các cơ xưởng của nó.

Cách sau chỗ pháo binh độ 50 mét, một ngõặt rẽ sang trái. Đây là con đường Đại úy Drouin. Chúng ta sẽ nói về con đường này, sau khi

nhìn một chút sang bên phải về một con đường đẹp mắt đang chạy lên trên bờ thành giữa hai hàng dâm bụt. Tôi gọi nó là: *dốc Thiếu úy Bouché*, người lính nào đó trong khi sơn các tấm bảng đã thay chữ *dốc* thành chữ *con đường*. Tôi chấp nhận chữ con đường nhưng không khỏi luyến tiếc. Một vài dòng về thiếu úy Bouché:

Nếu từ năm 1885 đến 1900, một sĩ quan nào đó hỏi bạn của anh ta: *"Mày có biết Bouché không? Người bạn kia đã cười mũi anh ta. Ai mà không biết Bouché? Giọng anh ta ấm áp không nói càn bao giờ, tính tình luôn vui vẻ, thích nghiền khai vị và nhất là tư thế luôn chững chạc dầu gập phải gay cấn. Ở Algérie, ở Tahiti, ở Huế, hoặc là khi phá được vây của quân địch tấn công bất ngờ đại đội của anh, anh ta chỉ với 20 đồng đội mà đã chiếm được một khẩu đội pháo ... Tất cả những điều đó, đã làm cho Bouché trở thành huyền thoại. Ngày nay anh đã là người cha tuyệt vời trong gia đình và đang đợi ngày cuối cùng của đời mình cũng như tất cả những người ngày xưa trẻ trung cùng lứa tuổi với anh ta."*

Bây giờ, chúng ta đi theo con đường Drouin.

Drouin là một đại úy tốt của lính Phi, vào lúc khởi đầu của cuộc tập kích bất ngờ 5 tháng 7 đã di chuyển cùng với đại đội của ông ta đến đằng sau bờ thành bảo vệ nhượng địa và đã bị một mảnh đạn trái phá không làm cho ông ta phải đau đớn lâu. Con người sung sướng: Ông ta đang an nghỉ ở chân thành ngoài Mang Cá, trong một nghĩa địa của "*Phi*". Ngôi mộ anh nằm cạnh mộ của đại úy Bruneau, chỉ bị khuấy động bởi cuộc hành hương quân đội vào những ngày kỷ niệm người chết hoặc bởi những đứa trẻ con An nam đi kiếm củi rơi vãi trong nghĩa địa hay quanh quất đầu đó, ới miệng ngậm những điều thuốc lá.

Sau khi đã bỏ lại bên phải vài nhà sĩ quan bưu cục, trạm xá, và bên trái một nhà sĩ quan và các chuồng ngựa chúng ta đi đến cổng I;

và tại đây chúng ta rẽ qua trái để đi theo con đường Thiếu úy Pellicot. Cũng như Đại úy Drouin, Pellicot là một sĩ quan thuộc đạo quân Phi Châu. Cùng với chỉ huy của anh, tại đây anh bị một viên đạn súng tự vệ vào bụng. Sau khi điều trị anh lấy làm ngạc nhiên thấy mình được phục hồi. Anh ta đã chết.

Độ 50 mét trước khi đi đến cửa phía nam, chúng ta rẽ sang trái và theo con đường mang tên đại úy Bruneau. Chúng ta đến giữa các trại lính của Bộ binh thuộc địa, giữa nhà ăn rộn ràng vào các bữa ăn và thư viện luôn luôn yên tĩnh. Trước khi đến đồn, nhìn qua phải, chúng ta sẽ thấy con đường mang tên trung sĩ Durfour đi thẳng đến cổng nam.

Khi qua khỏi các đồn lính, dưới đám cây cao su xanh tốt, đó là quảng trường Crochetet. Các quân nhân chơi ném bun, tập xà. Ban nhạc của đơn vị biểu diễn hòa nhạc vào ngày thứ bảy.

Chúng ta tiếp tục đi. Chúng ta để lại phía bên phải kho thực phẩm và bên trái con đường của lính Vif cắt chéo nhượng địa và chúng ta trở lại cổng X. Sau một cuộc đi dạo độ 2 kilômét, ai cũng tò mò muốn biết đại úy Bruneau, Trung sĩ Duifour, binh Crochetet, binh Vif? Xin đọc dưới đây:

Nghe báo động, đại úy Bruneau chỉ huy đội pháo 22 nhanh nhẹn đứng dậy. Trong khi đạn pháo nổ, đạn hòn bun, và đạn súng trường rơi tới tấp xuống Mang Cá, ông ta vẫn đi thẳng đến trại lính để chỉ huy. Để tạo niềm tin và trấn an những người lính có hơi xúc động trước sự đột ngột và cường độ của cuộc tập kích, Bruneau bình tĩnh đi lui đi tới, miệng ngậm thuốc lá trên môi (cái ống điếu, người bạn tốt hiện nay trong chiến hào, nhưng lúc đó ngậm rất khó). Trong khi đang ra các mệnh lệnh thì bị một phát đạn xuyên tim, chết ngay tức khắc. Anh đang ngủ 33 năm nay bên cạnh người bạn Drouin, một giấc ngủ chẳng ai khuấy động nữa.

Chẳng hiểu trung sĩ nhất Duifour như thế nào và anh ta chắc cũng lấy làm ngạc nhiên khi biết rằng một con đường của nhượng địa đã mang tên mình. Tôi không rõ lắm, tôi chỉ xin cung cấp lời tuyên dương đối với anh để chứng tỏ anh đã hoàn thành nhiệm vụ mà thôi: *"Duifour, trung sĩ nhất của trung đoàn 4 đã nổi bật về sự tỉnh táo, đã tập hợp được cả đại đội của anh giữa đêm khuya trong khi nhượng địa bị tấn công"*. Các binh sĩ Vif và Crochetet bị giết chết trong khi đang dũng cảm làm nhiệm vụ. Họ xứng đáng được nêu gương cho những người đi sau noi theo về lòng dũng cảm. Tại sao phải nhắc lại những tên ấy trong khi chúng ta đang sống vào thời buổi kinh khiếp này trong sự tận tụy, gan dạ, anh hùng của binh lính chúng ta và những người chỉ huy của họ đã lùi xa trong bóng tối cùng với những gì mà xưa và tất cả các thời đại đều cho là thiêng liêng. *(Tôi nói như thế nào đây?)*.

Mỗi người đều phải được đặt vào vị trí của họ và trong khuôn khổ của họ. Lịch sử của chúng ta không phải chỉ biểu diễn ở Pháp mà trên cả toàn cầu và cũng nên định rõ một vài điểm lịch sử nào đó ở đâu mà có những gương sáng để noi theo.

Sự kiện ở Huế cũng như muôn vàn sự kiện ở nơi khác, cũng chỉ là một mắc xích trong cái dây truyền thống tốt đẹp mà xuyên qua diễn biến lịch sử của thời đại hiện nay đã truyền lại cho chúng ta tinh thần trách nhiệm, dũng cảm hy sinh. Tinh thần này chính nó tự khẳng định là rất cao cả trong tình hình hiện nay và đã làm cho các đoàn lính thuộc địa, các đoàn Phi châu, các đoàn bộ binh có được nhiều phần thưởng cao quý; và tinh thần này buộc các người lãnh đạo phải luôn đưa ra những phần thưởng mới vì lính của chúng ta luôn còn có chiến công. Vì vậy, lịch sử cần phải được nhắc đến bằng tên tuổi của một số chiến sĩ.

Và rồi những con người dũng cảm như Bruneau, Drouin, Pellicot, và những người lính dũng cảm được sự chỉ huy của họ, từ 33 năm, ngủ yên giấc ngủ cuối cùng không bao giờ còn bị quấy rầy nữa, ắt sẽ vui mừng khi nghe người ta nhắc đến tên tuổi của họ mà họ tưởng đã bị lãng quên.



MỘT KỶ NIỆM VỀ PALASNE DE CHAMPEAUX

L.CADIÈRE,
Hội truyền giáo, Paris

Tháng 11 năm 1913 ông Nguyễn Khoa Kỳ, một trong các đồng sự của chúng ta đã mua tại một nhà cầm đồ ở Huế một bức tranh thêu.

Vào buổi họp ngày 28 tháng 5 năm 1918, ông đã tặng nó cho Hội chúng ta bức tranh có cái tốt là nó nhắc ta nhớ lại một trong số những người đại diện Pháp đầu tiên. Đó là ông Palasme de Champeaux, người đầu tiên làm đại biện lâm thời từ ngày 1 tháng 10 năm 1880 cho đến 15 tháng 8 năm 1881, và tiếp đó là đại biện chính thức từ ngày 10 tháng 8 năm 1883 đến 29 tháng 1 năm 1884, và sau cùng là Tổng Công sứ lâm thời từ tháng 6 năm 1885 đến 3 tháng 10 cùng năm ấy.

Năm 1882, Palasme de Champeaux giữ chức vụ lãnh sự Hải Phòng. Chính tại đây người ta đã tặng ông bức tranh thêu này.

Vải là xa-tanh đo được 1 mét 40 chiều cao trên 1 mét 10 chiều rộng.

Ở giữa có 4 chữ Ái Nhơn Hiếu Thiện, các chữ Pháp được phiên dịch từ tiếng Hán "*của 4 con bướm*" Amour du Procham; Attachement au Bier (*Yêu người khác, quý điều tốt*).

Phía bên phải và bên trái, được ghi bằng chữ Hán nét nhỏ, ngày tháng: Nhâm Ngọ Niên chung thập ngoại (*Năm Nhâm Ngọ (1882) mùa Đông tháng mười*).

Ở trên: Món quà thành kính của tình bằng hữu và lòng biết ơn tặng ông Palasme de Champeaux, lãnh sự Pháp ở Hải Phòng.

Và ở dưới: Do Nguyễn Văn Thanh, giám đốc.

Antoine Marie Thơ, Thanh tra.

Thuế vụ An Nam 1882.

Hình vẽ gồm có ở cái góc của phần giữa nhiều hoa thược được cách điệu. Phần này có viên nhỏ màu vàng được thêu dây tua và lá cách điệu cùng với những hoa nhỏ. Ở viên ngoài, rộng hơn có một loạt những chữ Phúc, Lộc, Thọ được viết bằng nhiều cách khác nhau lẫn lộn với lá, hoa, các loại trái cây (phật thủ, dưa, nho).

Các màu sắc của hoa cũng như những hình thêu đã dịu nước theo thời gian, dịu nước với hậu quả tốt về thẩm mỹ. Nhưng các tranh vẽ và cấu trúc của nó không nổi bật cho lắm. Dù sao thì đó cũng là lưu giữ một kỷ niệm chứng tỏ rằng ngay trong thời kỳ đầy biến động của lịch sử Đông Dương, các đại diện của chúng ta cũng biết cách để gây "cảm tình" và "sự biết ơn" của các quan lại An nam.



THÂN HUÂN TỬ

ỪNG GIA,

Học chính Quốc Tử Giám

Phía đông Kinh thành, trên tả ngạn con ngòi Văn Dương, qua khỏi đập Thọ Lộc, có nhiều nhà thờ hoàng tử và công chúa, con trai, con gái của các Hoàng đế trong dòng tộc. Trước tiên là nhà thờ hoàng tử Văn Lâm, nằm đầu mút đập Thọ Lộc trên hữu ngạn sông cái.

Nơi đây ngày xưa là đền thờ các đại thần danh tiếng, nay đã đưa thờ chỗ khác.

Chỉ độ sau vài phút băng bộ qua con đường kiệt hẹp của làng, chúng ta đi đến ngôi nhà thờ hoàng tử Kiến An (1795 -1840), con thứ 5 của Gia Long. Nhà thờ này cách Dũ-Âm-Tử⁽¹⁾ độ một kilômét rưỡi. Đền này gồm 3 gian, 2 chái. Gian chính giữa có một trang thờ thếp vàng, dành để thờ Quý Quốc Công⁽²⁾. Bên trái có các trang khác cũng thếp vàng dành thờ phụ thân Quý Quốc Công. Gian bên phải thờ ông

⁽¹⁾ Dũ Âm Tử: Đền để thờ trong đó thờ tổ tiên của Thừa Thiên Cao Hoàng hậu, chánh phi của Gia Long (16 tháng 1 năm 1762 – 4 tháng 2 năm 1814).

⁽²⁾ Quý Quốc Công, phụ thân của Thừa Thiên Cao Hoàng hậu.

Quốc Công. Đền này do một giám thủ trông nom, là người trong gia tộc của vị đại thần này.

Từ đó đi tiếp đường kiết này theo chiều dài của ngòi thì đến đền thờ Thân Huân.

Nếu đi xa hơn, sẽ đến nhà thờ Anh Duệ Hoàng Thái tử, thái tử của Gia Long⁽¹⁾. Hôm nay chúng ta dừng lại ở đền Thân Huân mà Nhà nước cúng thờ 5 ông hoàng tử đã có công đức vinh quang.

Đền này, xây dựng từ niên hiệu Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) tại làng An Tân, huyện Hương Thủy và đến thẳng con ngòi đưa nước tưới làm phì nhiêu các cánh đồng xung quanh.

Bên phải, bên trái và đằng sau mệnh môn ruộng đồng chạy dài tận chân trời.

Trước đền, có một cổng lớn, dáng cũ có ba vòm, tiếp đến là một tường gạch. Đền này xưa kia, theo lời người ta nói có tường gạch bao quanh. Nhưng do tường đã đổ sập trong trận bão năm 1904 nên tường được thay bằng ba hàng tre. Trong sân, các ông tử chăm nom sơ sài vài cây hoa, hương thơm tỏa dịu dàng, như vinh quang của các hoàng tử mà người ta thờ tảo đến nơi xa xăm nhất của xứ An nam.

Sau khi đã lướt qua quang cảnh bên ngoài, chúng ta vào trong bằng cửa bên phải.

Đền này gồm 5 gian, 2 chái, xây trên nền 29m40 chiều dài và trên 15m60 chiều rộng, 0m80 chiều cao. Các gian này ngày trước chỉ dành riêng thờ 5 bài vị các hoàng tử nói trên, mỗi gian để một bài vị. Nhưng khi đập đền Triển Thân Từ để thờ tự các hoàng tử và công

⁽¹⁾ Chính là hoàng tử Đông Cung (1780-1801) mà Khâm mạng d'Adran đưa sang Pháp.

chúa tuyệt tự, người ta tập trung các bài vị của 5 hoàng tử đã nêu trên vào gian chính và đặt trong 2 gian bên phải các bài vị của 7 hoàng tử, và hai gian bên trái các bài vị của 16 công chúa trước kia thờ ở đền Triển Thân.

Vài bước trước bàn thờ có các bài vị trang trí như thường lệ, một bàn hương án có đặt một hộp thếp vàng dài trong đó ghi chức vị của các hoàng tử. Ở trên cao treo một biểu thếp vàng có ghi ba chữ: *Thân Huân Tự* (nhà thờ các hoàng tử danh tiếng).

Công trình không trang trí nhiều nhưng sự yên tĩnh, sạch sẽ và âm u ngự trị.

Hai chái dùng làm chỗ ở cho người giữ đền.

Lối miêu tả công trình này đã gần đầy đủ. Chúng ta chỉ cần nói thêm về lễ cúng thờ các hoàng tử.

Hàng năm Nhà nước làm lễ ngũ hướng⁽¹⁾ và lễ kỵ giỗ các hoàng tử. Hội đồng Tôn Nhơn Phủ cử một Tôn tước đối với từng lễ phù hợp với chức tước và công việc. Trong dịp Tết, và ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch, Nhà nước cũng cúng lễ vật tập truyền. Các bàn thờ bên phải và bên trái cũng có vịnh dự như vậy.

Về tất cả những gì tôi vừa nêu trên, chúng ta cũng không nên ngạc nhiên vì sao Nhà nước lại chăm sóc một cách đặc biệt như vậy. Các hoàng tử đã mất từ lâu rồi, nhưng sự tích anh hùng của họ làm cho chúng ta rất ngạc nhiên vì họ đã quên địa vị là hoàng tử, đã hy sinh cả cuộc đời để cứu sống kẻ khác và chiến đấu oanh liệt chống với kẻ thù của vương quốc và đã trận vong. Sự dũng cảm của họ được Nhà nước ghi công; lòng yêu nước của họ được truyền lại trong

⁽¹⁾ Lễ bốn mùa và cuối năm.

một số thành viên của hoàng gia ngày nay đang có mặt ở Pháp để chiến đấu anh dũng chống bọn man rợ. Hành động gan dạ của họ đã tạo nên những trang sử hiện đại cũng như hành động của 5 vị hoàng tử mà chúng ta nói đến đã giữ một vị trí trong lịch sử An nam.

Không sao khỏi xúc động khi người ta nhắc lại tiểu sử của họ.

*

* *

Tiểu sử của Tương Dương quận vương:

Tên thật là Cao, Thái tử của Gia Long Hưng Tổ. Mẹ là công chúa Từ Phi, dòng họ nhà Nguyễn.

Bắt đầu sự nghiệp, ông được phong Chuông Cơ. Khi xáp với quân Tây Sơn, và quân Bắc Kỳ, ông chiến đấu rất dũng cảm, tử vong ngày rằm tháng 7 âm lịch (không rõ năm nào). Ngày sinh của ông cũng cũng chẳng ai biết.

Vào niên hiệu Gia Long năm thứ 4 (1805), ông được truy phong tước Thái sư và Quận công và truy tặng Trung Nghĩa, người ta thờ ông ở nhà bên của Thế Miếu.

Vào niên hiệu thứ 13 triều đại (1814), ông được tấn phong lên tước Trạng Công và người ta cúng thờ ở đền Triển Thân của các hoàng tử tuyệt tự.

Vào niên hiệu Minh Mạng năm thứ 12 (1831), các chức tước Tả Vận Thân và Tả Tôn Chánh của Phủ Tôn Nhơn. Tên truy tặng của ông đổi thành Mục và được truy phong chức tước Tương Dương quận vương.

Vào niên hiệu Tự Đức năm thứ 3 (1850) họ chuyển sang thờ ông ở Thân Huân.

Ông tuyệt tự.

*

* *

Tiểu sử của Hải Đông quận vương:

Con thứ 2 của Hưng Tổ, như vậy là em của Gia Long và sinh cùng một mẹ. Ông tên là Đông. Ngày sinh không rõ.

Lúc đầu ông giữ chức Tạm thuyền đội trưởng mùa xuân năm Ất Vị (1775), ông theo Duệ Tôn (Huệ Vương [1705 - 1775]) vào Nam đến Hậu Giang, đi theo hầu vua trong tất cả các trận mạc. Vào mùa thu năm Đinh Dậu (1777) Tây Sơn chiếm đến vùng Long Xuyên. Chính ở đây hoàng tử đã tử trận vào ngày 17 tháng 10.

Năm Ất Dậu⁽¹⁾ ông được truy phong: Đặc tập Phụ quốc, Thượng Tướng quân, Cẩm y vệ, Chuồng vệ Sự chương cơ. Tên truy tặng: Anh Nghi.

Vào niên hiệu Gia Long năm thứ 4 (1805), ông được phong tước Dục Vận Minh nghĩa Tôn thân, Đặc tấn phụ quốc Tướng quân, Thái sư, Quốc công. Truy tặng tên Trung Tiết và cúng thờ tại nhà ngang của Thái Miếu.

Vào năm thứ 13 cùng triều vua (1814), ông được phong Uy Công và cúng thờ tại đền các hoàng tử tuyệt tự Triển Thần Từ.

Vào niên hiệu Minh Mạng năm thứ 12 (1831), ông được phong tước Tả Vận Tôn thân, Tôn Nhơn Phủ, Hữu Tôn Chánh. Truy tặng tên Cung Ý và chức tước mới là: Hải Đông quận vương.

⁽¹⁾ 1825, đây là sai sót, phải đọc là Kỷ Dậu - 1789 hay Tân Dậu, 1801.

Vào niên hiệu Thiệu Trị năm thứ 3 (1843), có xây một nhà thờ để thờ ông tại làng An Tân, thuộc huyện Hương Thủy. Sau đó lại nhập thờ với các hoàng tử Thông Hóa quận vương và Thuần An Công.

Vào niên hiệu Tự Đức năm thứ 3 (1850), nhà thờ ấy trở thành đền Thân Huân.

Cũng như người anh, ông hoàng này tuyệt tự.

*

*

*

Tiểu sử An Biên quận vương:

Con thứ năm của Hưng Tổ, như vậy là em Gia Long, cùng mẹ với hoàng tử Tương Dương quận vương, không rõ ngày sinh, tên là Mân.

Vào mùa xuân 1775, ông về Hậu Giang, ông được Định Vương phong tước Thiên Phó quận công.

Vào năm Nhâm Dần (1762), Tây Sơn tiến đánh. Hoàng tử Mân cùng với Châu Văn Tiếp chống lại ở Ngưu Chủ. Dịch quân thua rút về cùng Đỗ dần trận ở Quy Nhơn và lại chiếm Sài Gòn.

Vào xuân Quý Mão (1783), dịch quân trở lại chiếm đồn Giác Ngư. Hoàng tử Mân, chỉ huy ở đó phải lui quân. Khi ông đi qua một con suối, bị địch chặt gãy cầu ông bị chết đuối. Đó là vào ngày 25 tháng 3⁽¹⁾.

Vào năm Ất Dậu, ông được truy phong Đặc tập Phụ quốc Thượng tướng quân, Cẩm Y Vệ, Chuông vệ, Sự chương cơ, tên truy tặng: Trung Đông.

⁽¹⁾ "Các lăng tẩm đời Nguyễn" của R.Orband, trang 38, có nêu chết nam 1775 như vậy có thể có sự sai sót trong cuốn này hoặc cuốn kia.

Vào niên hiệu Gia Long năm thứ 4 (1805), ông được truy phong: Dục vận Tuyên lực tôn thần Khai phủ phụ quốc Nguyễn thiếu phó quận công, tên truy tặng: Trung Liệt và được cúng thờ tại Thái Miếu. Vào năm thứ 13 cùng triều đại (1814), các truy phong tước được đổi mới cho Nghị Công, truy tặng danh Trung Hiếu và cúng thờ ở đền Triển Thân.

Vào niên hiệu Minh Mạng năm thứ 5 (1824), vua cho phép thờ ông trong một nhà ngang ở Thế Miếu. Vào năm thứ 12 cùng triều đại (1831), ông được phong Tả vận tôn thần, Tôn Nhơn Phủ, Tôn Nhơn Lệnh, truy tặng An Biên quận vương.

Vào niên hiệu Tự Đức năm thứ 3 (1850), việc cúng thờ ông được dời đến đền Thân Huân.

Ông tuyệt tự.

*

* *

Tiểu sử Thông Hóa quận vương:

Tên ông là Điển, con thứ 6 của Hưng Tổ, cùng mẹ với Gia Long, ngày sinh không rõ. Vào năm 1775, ông theo Huệ Vương ở Hậu Giang.

Năm 1783, Tây Sơn đã đánh quân vua Gia Long thiệt hại nặng và bị rượt đuổi nên phải ẩn náu, lúc đầu ở đảo Phú Quốc sau ở đảo Lũy Thạch. Trong những trận đánh ở đó, hoàng tử bị bắt. Ông mang quân địch nên bị giết vào ngày 30 tháng 3.

Ông được truy phong Cẩm Y Vệ, Chưởng vệ sư, Cai cơ và truy tặng danh: Tráng Tiết.

Niên hiệu Gia Long năm thứ 4 (1805), ông được truy phong Tự dục vận Tịnh nan Tôn thần, Đặc tấn, phụ quốc, Thượng tướng quân,

Thái bảo, quốc công. Truy tặng danh: Trung Mẫn và cúng thờ tại nhà ngang ở Thái Miếu.

Vào năm thứ 13 cùng triều đại (1814), ông được truy tặng tước Tướng công và được cúng thờ ở đền các hoàng tử tuyệt tự Triển Thân Tử.

Sau này, dưới thời Minh Mạng, ông được truy phong Phó trung quân vinh hiển, Phủ Tôn Nhơn và danh tặng Trung Tráng chức tước Thông Hóa quận vương.

Vào niên hiệu Thiệu Trị năm thứ 3 cúng thờ ông được chuyển, sang đền Thân Huân.

Ông tuyệt tự.

*

* *

Tiểu sử Thuận An Công:

Ông là con thứ hai của Gia Long, không rõ tên mẹ, sinh vào năm 1782, tên là Hi.

Khi bắt đầu sự nghiệp, một chiếu dụ của vua chỉ định ông chỉ huy một cơ. Mùa đông năm 1798, vị tướng của Tiền vệ quân hoàng tử Hội mất. Vua có chiếu chỉ chọn người thay thế. Các quan triều dâng lên hoàng tử Hi nhưng vua không thuận vì hoàng tử còn trẻ quá và chưa qua binh nghiệp.

Mùa hè năm 1799, vua đích thân đánh chiếm thành Quy Nhơn. Ngài giao quyền chỉ huy Sài Gòn cho ông Hi. Năm 1800, vào mùa hè, ông theo vua đến Quy Nhơn nhưng khi đến cảng Cù Huân, vua lại lệnh cho ông phải ở lại thành Diên Khánh để phòng thủ đồn ấy. Về sau, ông cùng đội quân phải bỏ đồn Hội An và được gọi về quân

triều đình. Năm 1801, ông hy sinh trên chiến trường ngày 21 tháng 5, mới 20 tuổi. Ông được phong đặc cách Phụ quốc Phó tướng quân quận công, truy tặng danh Đôn Mẫn.

Ông tuyệt tự.

Vị hoàng tử này thông minh đặc biệt và dũng cảm phi thường. Ông có một cái búa đồng mang theo nên người ta đặt tên cho ông là Phủ Công.

Vào niên hiệu Gia Long năm thứ 3 (1805), ông được thờ ở nhà bên trái của Thái Miếu cùng thời với hoàng tử Đông Cung. Vào năm thứ 3 cùng triều đại (1814), ông được phong Hoài Công và thờ ở đền Triển Thân.

Vào niên hiệu Minh Mạng năm thứ 13 (1832), ông được nâng chức tước lên Phụ tá Phủ Tôn Nhơn và Thuận An quận công.

Vào niên hiệu Thiệu Trị năm thứ 3 (1843), bài vị của ông được chuyển đến đền Thân Huân.

Trên đây là cuộc đời của 5 hoàng tử danh tiếng mà người ta tôn thờ trong đền Thân Huân.



HÒA ƯỚC NĂM 1862 GIỮA PHÁP, TÂY BAN NHA VÀ AN NAM TÀI LIỆU TỔNG HỢP

LE MARCHANT DE TRIGON

Thanh tra hành chính tù chính trị An nam

Trong khi nghiên cứu trọn bộ tập san "*Công báo Nam Kỳ*", tôi đã tìm thấy nhiều chương trình nghị sự của đô đốc Thống đốc và một biên bản nói về cuộc tiếp đón các sứ bộ toàn quyền An nam đến Sài Gòn cũng như nói về cuộc hành trình của sứ bộ toàn quyền Pháp và Tây Ban Nha đến Huế năm 1862 và 1863. Các tài liệu trên tự nó rất hấp dẫn, nhưng rất vắn tắt nên cần được bổ sung thêm bằng một bài tường thuật ít đơn sơ về các sự kiện có liên quan. Mong rằng các hồ sơ lưu trữ tại Hải quân hay Bộ Ngoại Giao có thể giúp ích nhiều cho mục đích. Những bức thư cá nhân trong các kỷ vật gia đình được viết do các sĩ quan hay công chức thời kỳ ấy, là tác giả hay nhân chứng của các sự kiện, sau này cũng được bổ sung cho các thông tin mà tôi nêu ra ở đây. Tôi không mong muốn gì hơn là được thỏa mãn với kết quả của bài viết này của mình, tôi thiết nghĩ các văn khố của triều đình Huế ắt phải có những bản văn đối ứng với các bản văn trong Tập san "*Công báo Nam Kỳ*" dưới

dạng những báo cáo của các Đại sứ, hay thể thức ngoại giao của Bộ Lễ. Các giả thuyết của tôi sẽ được xác nhận như chốc nữa sẽ thấy khi đọc các bản văn tiếp theo đây.

Về dịch thuật, tôi đã nhờ sự giúp đỡ của ông Bùi Thanh Vân, thông cho người châu Âu ở phái đoàn Bộ Lại, về tìm tòi và phát hiện trong các Văn khố, tôi đã nhờ công lao của ông Tôn Thất Quảng - Tá lý Bộ Giáo dục. Xin cảm tạ hai vị về sự giúp đỡ quý hóa mà hai vị đã dành cho tôi.

I. SỰ CẬP BẾN CỦA CHIẾC TÀU TÂY BAN NHA VÀO THÁNG 6 - 1862.

Vào tháng 5 của năm thứ tư niên hiệu Tự Đức (tháng 6 năm 1682), một chiếc tàu Tây Ban Nha cập bến tại tỉnh Biên Hòa và trao cho các chức quyền của tỉnh ấy một bức thư để gửi lên vua. Bức thư ấy yêu cầu cho phép họ được trú đóng tại Đồ Sơn, đặt một trạm kiểm soát ở Quảng An và Nghiêu Phong, và họ hứa sẽ trả lại các vùng đó sau 10 năm chiếm đóng. Nếu từ chối thì họ sẽ chỉ có một cuộc thao diễn quân sự tại Bắc kỳ. Vua không nhận đề nghị ấy và trả lại thư cho người viết.

Tàu ra khơi, đi qua cảng Cần Thơ của tỉnh Gia Định.

Khi được tin tàu đã rời bến, vua liền hỏi ý kiến các quan viên trong Hội đồng Cơ mật về việc viết thư trả lời. Mặt khác, từ các nguồn tin mới nhận được, vua ra lệnh chuẩn bị đề phòng cần thiết, nếu như các tin muốn chiếm đóng các vùng Quảng An và Các bà là xác thực, thì ngăn cản chiếc tàu, không cho thực hiện lời đe dọa của nó.

II. BÁO CÁO CỦA NGÀI PHAN THANH GIẢN VÀ LÂM DUY HIỆP VỀ SỰ MẠNG CỦA HỌ Ở SÀI GÒN TIẾP XÚC VỚI CÁC ÔNG BONARD VÀ PALANCA.

Ngày 16 tháng 5, năm thứ 15 niên hiệu Tự Đức (11 tháng 6 năm 1862). Chúng tôi Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, các đại sứ Toàn quyền kính dâng Hoàng thượng báo cáo sau đây:

Ngày 24 tháng trước (tháng 4; 22 tháng 5 năm 1862), đầu giờ Dần⁽¹⁾ thuyền chúng tôi nhổ neo và ra khơi lạch Thuận An. Đến giờ Thìn chúng tôi đến vị trí của chiếc tàu nơi người Pháp Simon đang đậu. Người này cho thông dây và hạ một chiếc xuống xuống nước, rồi vào ngồi trong đó cùng với người thông ngôn tiếng Pháp là cụ Trường và 6 thủy thủ, để đến gặp chúng tôi. Sau khi chào hỏi, xã giao, mời trà và rượu, thì viên đại úy ra lệnh cho lính của ông ta móc nối thuyền của chúng tôi vào tàu của họ bằng một dây thừng lớn buộc vào cột buồm của thuyền chúng tôi. Sau khi đã thỏa thuận với chúng tôi các điều kiện hành trình, thì đại úy lên tàu.

Chúng tôi qua cảng Tư Hiền vào giờ Mùi, quá núi Sơn Trà vào giờ Thân, qua vùng Đại Chiêu cũng vào chiều hôm ấy. Sáng ngày 25 (ngày 23 tháng 5) chúng tôi đi qua trước cảng Sa Huỳnh của tỉnh Quảng nghĩa; đến chiều chúng tôi đến địa phận Khánh Hòa. Sáng ngày 26 chúng tôi ở trong vùng biển Khánh Hòa, chiều chúng tôi đi qua mũi Mỏ Diều. Trong đêm 26 rạng ngày 27, một lính thủy của đại

⁽¹⁾ Giờ tí: 11g đến 1g khuya; Sửu: 1g đến 3g; Dần: 3g đến 5g; Mão: 5g đến 7g; Thìn: 7g đến 9g; Tị: 11g đến 1g chiều; Mùi: 1g đến 3g; Thân: 3g đến 5g; Dậu: 5g đến 7g; Tuất: 7g đến 9g; Hợi: 9g đến 11g. Mỗi giờ bắt đầu là bốn, ở giữa là trung và cuối là mặt.

đội 5, trung đoàn 3 thuộc cánh tả của thủy quân tên Nguyễn Văn Nghệ, đứng trên mũi thuyền để tiểu tiện bị sóng vỗ mạnh, trật tay ngã xuống biển; gió thổi mạnh, tàu chạy nhanh, đêm tối mịt mịt nên không cứu được. Sáng ngày 27 (25 tháng 5) chúng tôi đi qua trước Mũi Né của tỉnh Bình Thuận. Vào giờ Tuất chúng tôi vào cảng Cần Giờ (Vũng Tàu). Chiếc tàu Pháp, thấp đèn để báo hiệu thuyền của chúng tôi theo các điều kiện như đã định trước, mở dây thừng và thả neo.

Gần chúng tôi có một chiếc tàu "Đa sách"⁽¹⁾, chúng tôi biết đó là Âu dùng để tuần tiểu trong cảng.

Sáng ngày 28 (26 tháng 5), nghĩ đến sự tốt bụng và công kéo thuyền của chúng tôi cho viên đại úy Simon và thủy thủ đoàn của người này, 5 thanh quế Nghệ, và 1000 đồng uy ân tiền, tức là huy chương bạc gồm có 10 đồng Triệu dân, 10 Ngũ khúc, 10 Tú nữ, 20 Tam thọ, 20 đồng nhỏ Triệu dân và 30 Bát bửu⁽²⁾. Quế đem đến cho đại úy. Còn các đồng bạc phân phát cho thủy thủ. Đại úy khước từ quà biếu của chúng tôi, và chỉ chấp nhận sau khi chúng tôi khẩn khoản yêu cầu.

Vào giờ Thìn, Đại úy Simon ra lệnh ghép hai chiếc lại gần nhau và để cùng đi ngược dòng sông.

Từ cảng Cần Giờ đến pháo đài Giao Khẩu, chúng tôi thấy cách nhau từng chặng ba chiếc "Đa Sách" (thuyền buồm) ở đằng xa trong địa phận Biên Hòa nhiều sông lạch, ghe tàu của người Âu qua lại rất nhiều, chúng tôi không đếm được số lượng. Nói về các chiếc thả neo trên từ pháo đài Giao Khẩu đến bến dò chợ sỏi, thì có thể đếm được 25 chiếc, trong đó có 13 tàu hơi nước, 12 tàu Đa Sách, 5 tàu buồm

⁽¹⁾ Loại tàu có nhiều dây thừng, thuyền buồm.

⁽²⁾ Chữ khắc trên huy chương.

Anh, 12 chiếc thuyền buồm Trung Hoa. Ở bến Chợ Lớn thì tàu thuyền vô số kể. Đến giờ Thân, chúng tôi đến sông của kinh đô cũ (Gia định) và thả neo ở đó.

Một lúc sau, các Tổng chỉ huy Pháp và Tây Ban Nha là Phó nã (đô đốc Bonard) và Ba lăng ca (đại tá Palanca) liền cử viên Phó Sứ (phó chỉ huy) và viên Tham tấu (tham mưu trưởng), cùng tùy tùng đến hỏi thăm sức khỏe cá nhân chúng tôi; chúng tôi rất khâm phục sự lịch sự của họ. Trong số các nhân vật được cử đến, có ông giám đốc (giám đốc nội vụ hay thanh tra) là Hà Bá Lý (Ông Aubaret) biết chữ Hán và tiếng nước ta. Ông ấy nói: "Dự định tranh luận các điều khoản mở đầu về hòa bình mà chính phủ Pháp hằng mong muốn, đã nhiều lần bị thất bại trước những trở ngại bất ngờ. Chính phủ Pháp mừng khi được tin 2 đại diện của vua vào và hy vọng trong niềm vui được trông thấy các vị ủy nhiệm thư đặc sứ toàn quyền là chúng tôi". Chúng tôi trả lời họ và định ngày 29 là ngày hội kiến. Ông ấy trả lời: "Tổng chỉ huy chúng tôi đã cho sửa soạn chiếc tàu để phục vụ việc này".

Sau đó Tổng chỉ huy Phó nã (Bonard) gửi đến ba thùng rượu Tây đủ loại để cho lính và thủy thủ của chúng tôi uống cho vui. Ngày 29 ông ấy ra lệnh cho thông ngôn là cụ Trường cùng với thông ngôn người An nam đem đến chiếc thuyền của chúng tôi những thứ cần thiết. Hai vị ngồi vào nói: "Tổng chỉ huy của chúng tôi ra lệnh cho chúng tôi trích quỹ kho bạc nhà nước Pháp mỗi ngày 40 đồng franc để cung cấp thực phẩm cho đoàn thủy thủ". Chúng tôi nhờ họ nói lại với Đô đốc là thuyền chúng tôi mới vào không thiếu thốn thứ gì; khi nào cần gì chúng tôi sẽ báo cho ông ấy biết.

Vị chỉ huy Pháp nghĩ rằng các thông ngôn bị chúng tôi từ chối vì đã mang đến các phẩm vật không thích dùng, nên đã cử một bố

chánh và một án sát⁽¹⁾ Pháp đảm trách mang phẩm vật đến hàng ngày; và do vậy chúng tôi không từ chối được nữa. Ngày ấy 2 công chức Pháp này đến chào chúng tôi và đưa đến hai thùng thuốc lá. Hơn nữa vị Tổng chỉ huy có trao cho chúng tôi một lá cờ "Thụy" "Thủ" (?) và mong chúng tôi làm một lá tương tự như vậy để treo lên thuyền vào lúc 2 chiếc thuyền gắn nhau hội kiến để tỏ tình thân thiện giữa hai nước.

Đến giờ Thìn các nhân vật của nhà nước Pháp đến với 2 chiếc thuyền rộng và mời chúng tôi lên. Hai chúng tôi cùng Hiệp lãnh thị vệ Phạm Văn Trung, đội mũ và mặc áo lễ triều, cùng hai quan chức nhỏ Phạm Chuân và Hồ Văn Lang mặc áo quần theo cấp phẩm và cùng các quan võ mặc đồng phục, vào ngồi ở thuyền thứ hai, vì thuyền thứ nhất được dành riêng đặt các tráp đựng thư ủy nhiệm, thư được đặt trên bàn sơn son.

Vị chỉ huy và vị Tham tán mặc lễ phục đợi chúng tôi, trước tiên họ trân trọng mang cái tráp đựng ủy nhiệm thư rồi lần lượt đưa từng người chúng tôi lên tàu Đồ đốc, đó là chiếc tàu 4 tầng lát ván, tàu có hơn 200 thủy thủ đứng làm hàng rào danh dự, bông súng, trật tự tuyệt đối để đón nhận cái bàn sơn son và đặt trên bệ cao. Các chỉ huy trưởng với chúng tôi ngồi xuống ghế dài, còn họ ngồi trên hai ghế vuông. Chúng tôi không dám ngồi xuống và để chỗ trống.

Thấy vậy họ đem đến cho chúng tôi hai ghế vuông. Chủ và khách chỉ có 4 người, ngồi đối diện nhau. Đứng bên họ có Tham tán, Phó sứ, Giám đốc. Hiệp lãnh thị vệ Phạm Văn Trung kính cẩn đưa ủy nhiệm thư cho chúng tôi. Lâm Duy Hiệp trải bức thư đặt trước mặt

⁽¹⁾ Bô chánh, án sát, trong chính phủ An nam là quan phụ trách thu thuế, và xử án: thủ quỹ và luật sư.

chúng tôi. Tôi, Phan Thanh Giản, đứng dậy; hai Tổng chỉ huy đứng dậy theo; giám đốc Hà Bá Lý đứng thẳng mở bức thư và đọc lên. Hai Tổng chỉ huy về phần họ cũng đưa đến hai bức thư ủy nhiệm và giám đốc Hà Bá Lý cũng đọc hai bức thư ấy.

Sau đó, ai nấy ngồi lại ghé rượu và trà đem đến mời, hai tổng chỉ huy đặt thêm ghế cho tham tán, phó súy và giám đốc. Uống rượu, nghe nhạc. Người ta có cảm giác buổi lễ long trọng và vui vẻ. Trên tàu họ bắn 17 phát đại bác. Chúng tôi xin cáo từ; hai tổng chỉ huy và đoàn tùy tùng bắt tay chúng tôi. Các nhân vật chính quyền Pháp đưa chúng tôi đến, nay đưa chúng tôi trở về. Tiếp đến là 17 phát đại bác để chào mừng ngày lễ ấy.

Ngày mồng 1 tháng ấy (28 - 5: tháng 5) Phó Súy và giám đốc đến, thay mặt cho hai Tổng chỉ huy trưởng thăm hỏi chúng tôi: Hà Bá Lý nói: "Tôi rất hân hạnh được trình bày ý nguyện của các ngài Tổng chỉ huy của chúng tôi là xin mời các ngài Quốc vụ Toàn quyền rời gót ngọc đến cơ quan của các ông ấy để tỏ tình thân mật, vui vẻ và định ngày đàm phán sắp đến". Chúng tôi trả lời: "Những quan hệ hữu hảo giữa hai nước chúng ta là việc làm của chúng tôi và là điều làm chúng tôi lo lắng. Nhưng hãy đàm phán xong rồi gặp mặt nhau và trò chuyện cũng chưa muộn". Giám đốc Hà Bá Lý trả lời như sau: "Các vị tổng chỉ huy suy ra từ sự có mặt của các ngài quốc vụ Toàn quyền, là khi đến với chúng tôi các Ngài đã mang theo thiện chí mong sao cho quân đội được nghỉ ngơi, dân chúng được thái bình. Họ rất cảm kích trong cuộc đàm phán trước đây các điều kiện (hòa bình) chưa được tỏ bày trọn vẹn cho nên đương nhiên họ mong một cuộc đàm phán mới. Dầu sao tôi cũng đồng ý hoàn toàn về sự trả lời của các Ngài, tôi xin chuyển những lời này đến các Tổng chỉ huy của tôi, và chắc các vị cũng vừa ý. Một hiệp ước hòa bình là dấu hiệu hạnh phúc cho quân đội ba nước; không nên trì hoãn nữa và vậy thì

các Quốc vụ toàn quyền đến đây nhân danh đức vua (An nam) có mang theo một vài điều kiện hòa bình nào đã được triều đình An nam định sẵn hay không".

Đây là trả lời của chúng tôi: "An nam từ trước đến nay chưa từng ký kết hiệp ước với Pháp. Chúng tôi nghĩ rằng giấy tờ viết hoặc phiên dịch từ tiếng này sang tiếng khác là mất ý nghĩa thật sự của nó và dễ gây sự hiểu lầm, nên chúng tôi nghĩ rằng các cuộc đàm thoại trực tiếp là cần thiết. Xin các Ngài cho ý kiến". Hà Bá Lý đáp lại: "Đã như vậy xin các Ngài cứ tỏ bày ý muốn chẳng có trở ngại gì cả. Các ngài Tổng chỉ huy đã tỏ sự tin cậy vào chúng tôi, đã cử các phụ tá đến mời chúng tôi. Chúng tôi đang chờ đợi với niềm tin về các quyết định mà các Ngài phải cân nhắc thế nào để cho tất cả mọi bên đều được an lòng". Ông Hà Bá Lý nói là sẽ thuật lại cuộc đối thoại cho các vị Tổng chỉ huy và hẹn sau đó sẽ trả lời chúng tôi. Chúng tôi nói thêm: "Chúng tôi đã già rồi, sức khỏe giảm sút đi nhiều trong cuộc hành trình giữa sóng gió. Đức vua của chúng tôi đang luôn nghĩ đến chúng tôi. Bản tường thuật về việc chúng tôi đến nơi an toàn, những cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi trong những ngày dừng chân tại đây được ghi lại trong cuốn vở này. Chúng tôi mong mỗi vì tình hữu nghị mà ông sẽ giúp chúng tôi giữ nó". Ông Hà Bá Lý trả lời rất vui lòng giúp đỡ và sẽ trình lại với các chỉ huy. Và cuốn vở được gửi ra Huế ngày mồng 3 (30 tháng 5).

Trong ngày ấy vào giờ Mùi, hai Tổng chỉ huy ra lệnh cho giám đốc Hà Bá Lý và thông ngôn quốc tịch Trung Hoa tên là Lý Liên Phương đem đến cho chúng tôi một văn bản về các điều kiện hòa bình mà họ đề xướng - Các điều kiện mặc dầu có dạng trong 8 điều khoản (các điều kiện hòa bình trước đây thì dài dòng và tối nghĩa) nhưng rất trầm trọng vì nó có mục đích buộc nhượng 6 tỉnh và bồi thường số tiền lớn là 5 000 000 đồng. Đó không phải là những vấn

để có thể bàn cãi giải quyết xong trong một cuộc họp. Bình tĩnh và từ từ từng chữ một chúng tôi trả lời: "Theo ý nghĩ trong văn chương này, hình như các vị chỉ huy chưa muốn hòa bình, cho nên mới nêu lên các đòi hỏi quá nặng nề như vậy. Muốn hòa bình lâu dài, thì phải công bằng, không nên để một bên phải khô héo, còn bên kia thì xanh tươi. Kẻ nào có thể chấp nhận cái hòa bình của các Tổng chỉ huy cho được. Các ông hãy đi về, hãy nói lại như thế với các ngài Tổng chỉ huy và mong các Ngài nên sửa lại các điều khoản (hòa ước) thế nào để giữ được danh dự cho cả hai vương quốc và cả hai đều có thể có lợi. Đó là việc làm để chúng tôi mang ơn nghĩa các ông". Hà Bá Lý đáp lại: "Thưa Ngài, quyết định của các Tổng chỉ huy đã dứt khoát, có thương lượng nữa cũng không kết quả". "Xin các ông trở về chuyển lại cho các Ngài ấy lời yêu cầu của chúng tôi và các yêu cầu này hẳn làm cho họ có suy nghĩ mới". Ông Hà Bá Lý nhận lời của chúng tôi và ra về.

Ngày sau, cũng xảy ra như thế, Hà Bá Lý nói thêm: "Các Ngài quyết định không chấp nhận các điều kiện của chúng tôi thì hòa bình không có được và cần phải lo sợ cái rắc rối mới và trầm trọng hơn có thể xảy ra".

"Các Ngài Tổng chỉ huy đã muốn hòa bình và đã lợi dụng lợi thế và lực lượng để áp đặt cho chúng tôi. Nếu hòa bình như thế thì sẽ làm tổn thương đến danh dự và tiếng tăm của nước họ dưới mắt của cả thế giới. Nếu chúng tôi chấp nhận thì chúng tôi không có một lập luận nào để trình bày với triều đình cả. Các khó khăn sẽ lớn hơn".

Từ ngày mồng 3 (30 tháng 5) cho đến ngày mồng 6 (2 tháng 6) ông Hà Bá Lý tiếp xúc với chúng tôi hàng ngày. Ông ta lợi dụng mọi cơ hội để nói với chúng tôi về vấn đề này, và khuyên chúng tôi nên chấp thuận tất cả các điều khoản của hiệp ước. Chúng tôi luôn luôn giữ thái độ bình tĩnh và lễ độ.

Các cuộc đàm phán tiếp tục. Từ đây là vấn đề nhượng 4 tỉnh chứ không còn 6 tỉnh nữa và là 4.000.000đ chứ không còn là 5.000.000đ nữa. Ông Hà Bá Lý nhấn mạnh cho chúng tôi thấy là các Tổng chỉ huy đã bỏ nhiều yêu sách, và nếu chúng tôi muốn hòa bình thì đừng mất công thương thuyết nữa. Nhận định rằng trong hoàn cảnh đặt biệt này, thật là không mấy tệ hại nếu cứ trì hoãn vấn đề bàn cãi, một khi mà các Tổng chỉ huy đã trải qua nhiều lần xem xét nó, chúng tôi liền nhờ giám đốc một lần cuối cùng, chuyển lại lời nói của chúng tôi cho cấp trên của ông ấy nhân danh các Tổng chỉ huy. Hà Bá Lý nói với chúng tôi như sau: "Các chính phủ chúng tôi muốn nối tiếp các quan hệ hữu nghị, và vì mục đích đó nên tôi thấy không có trở ngại gì để giao trả lại tỉnh Vĩnh Long và các đảo Phú Quốc". Nhưng đối lại thì ông ta đưa ra 12 điều khoản bổ sung để bàn cãi. Đối với nhiều nhận xét mà chúng tôi đưa ra liên quan đến điều khoản "tự do tín ngưỡng" thì Hà Bá Lý đã phản đối một cách quyết liệt, không lay chuyển được. Thấy tính tình của người Tổng chỉ huy thẳng thắn lạnh lợi và đã chịu sửa đổi các điều khoản hòa bình mà ông có thể làm được trong nội dung của văn bản, và cũng thấy rằng nếu cứ kéo dài mãi việc bàn cãi gây nguy cơ tổn thương hòa bình và tạo nên khó khăn mới, chúng tôi đã chấp nhận ký vào hiệp định ấy. Trong hiệp định có sửa đổi một chút về hình thức các từ (về phương diện thể thức và văn phong). Cuối cùng, cả hai bên đều nhận bản sao của quyết định.

Ngày 7 (3 tháng 6) Phó sứ và Giám đốc mời chúng tôi lên đất để dự liên hoan; trong khi chờ văn kiện được sửa sang thì chúng tôi quy định ngày trao đổi hiệp định. Về buổi tiệc và hội kiến chúng tôi để lại ngày 8 (tháng 5 âm lịch). Ngày 8 (4 tháng 6) Phó sứ và Giám đốc đến đón chúng tôi ở tại thuyền của chúng tôi. Chúng tôi "mặc áo dài" (thay cho áo rộng tay). Chúng tôi lên võng có nón che do người của chúng tôi đưa đi.

Khi thuyền vừa đến bờ, chúng tôi đã thấy đơn vị bộ binh và kỵ binh đã xếp hàng hai bên đường. Quân phục chỉnh tề và nghiêm trang. Nhạc cử lên. Khi chúng tôi đi qua (bằng võng) quân đội cất súng chào theo nhà binh; chúng tôi lịch sự chào lại trước hết là tổng chỉ huy Pháp Phôna (Bonard), sau đó là tổng chỉ huy Tây Ban Nha Pa lăng ca, chủ và khách ngồi xuống, họ tiếp chúng tôi rượu và trà; chúng tôi trao đổi những biểu hiện thân hữu. Nhạc Âu cử lên và bữa tiệc được dọn ra. Quang cảnh ăn uống được nhiều người tham dự. Sau đó ông Phôna dẫn chúng tôi đến Sở Bưu điện. Đôi mắt chúng tôi thật ra đã không thấy hết được tất cả cái khả năng rộng lớn, những cái kỳ diệu của thiên tài con người: các máy in, máy ảnh là các tuyệt tác. Ông Phôna mời chúng tôi ngồi xuống, cho xem các máy ảnh và chụp vài phim cho mỗi chúng tôi và sau đó chúng tôi lại tiếp tục nói chuyện.

Ông Phôna nói: "Từ rày về sau, hòa bình đã được ký kết, chúng tôi thiết tha muốn gửi đến vua của nước Đại Nam một vài tặng phẩm; tôi đã phái một nhân viên sang châu Âu để đưa về bởi vì hiện tại chúng tôi chưa có một vật gì thích hợp để gửi đến đức vua, nhưng tại đây tôi đang có bộ ấm chén Pháp để pha trà và tôi muốn trao nó về ngài Quốc vụ Toàn quyền trong khi chờ đợi một bộ khác để trao về ngài Phó quốc vụ toàn quyền". Chúng tôi trả lời: "Sự quan hệ còn dài ngày, các tặng phẩm và biểu xén không quan trọng bằng sự kiên nhẫn trong niềm tin tưởng qua lại và tôi nghĩ rằng đó mới là điều chủ yếu và quý báu. Tôi mong ông nên giữ các tặng phẩm đó bởi vì vua chưa nhận, thì làm sao tôi dám nhận".

Tổng chỉ huy trưởng không phản đối. Cuộc gặp gỡ xong, chúng tôi được đưa trở về long trọng như khi đến.

Trước đó chúng tôi đã có quy định với Tổng chỉ huy là vào ngày 9 (5 tháng 6) thì trao đổi các đồng bản hiệp ước.

Buổi sáng ngày 9, Phó sứ và đại úy Simon đến với danh nghĩa của tổng chỉ huy trưởng để đưa chúng tôi đi. Mặc áo lễ triều và "nhung y" nghĩa là "áo trện" chúng tôi bước lên tàu đem theo cùng chúng tôi hộp đựng khuôn dấu của Quốc vụ Toàn quyền. Đến bến dò, thì đã có các quan võ với những đồng phục khác nhau đang sắp hàng hai bên đường. Phó sứ và các viên chức khác đợi chúng tôi ở cầu. Hai xe ngựa kiểu Âu châu, có 4 ngựa kéo dành sẵn cho chúng tôi.

Tôi, Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, lên xe theo thứ tự của cấp bậc; hai Phó Sứ cưỡi ngựa đi trước chúng tôi, các tham tán cũng ngồi ngựa đi theo chúng tôi. Các xe khi đi ngang qua được các sĩ quan đứng chào, nhạc vang dội và dừng lại ở ngưỡng cửa của phòng hội.

Ngồi đối diện với hai tổng chỉ huy, và sau khi đoàn đã so sánh, xem xét các đồng bản của hiệp định, chúng tôi ký tên, áp dấu vào đó.

Hai Tổng chỉ huy đối xử chúng tôi với khuôn phép lễ độ như trong các cuộc họp trước. Tiếp đến Giám đốc Hà Bá Lý mời chúng tôi ra dự duyệt binh. Các đơn vị bộ binh có kỵ binh dẫn đầu cất bước diễu hành, các thao tác vận động của diễu hành cho chúng ta thấy sức mạnh của người, sức mạnh của ngựa, trong tiếng nhạc từng bùng vang lên và người An nam, Pháp, Tàu đông đặc đứng xem.

Hai mươi phút đại bác được bắn đi, tiếp đến là hai mươi mốt phút đại bác từ chiếc tàu thủy của đô đốc, thuyền của chúng tôi đáp lại bằng chín phát.

Người ta mời chúng tôi chụp ảnh với bộ áo lễ triều, chúng tôi phải chuẩn bị các chỉ thị đặc biệt để công bố cho các chính quyền của các tỉnh Vĩnh Long, Long An và Hà Tiên và cho các đồn lũy tản mạn trong khắp Nam Kỳ. Các chỉ thị đó sẽ gửi đi ngày 10 (6 tháng 6).

Chúng tôi cũng đã loan báo là chúng tôi sẽ trở về ngày 11 (7 tháng 6).

Ngày 10, các ông Phôna, và Balăng ca cử Phó súy và Tham tán đến thăm chúng tôi. Những lời tùy nghi, những lời từ biệt của cả hai bên rất thân ái. Họ đem lương thực, thực phẩm cho chúng tôi, và trao cho chúng tôi ảnh của các nhân vật chính quyền Pháp, từ Tổng chỉ huy cho đến Tham tán và các võ quan. Nhân danh tổng chỉ huy Tây Ban Nha, họ trao cho chúng tôi ảnh của vua chúa Tây Ban Nha, các bức thư của hai Tổng chỉ huy, một lá cờ của mỗi nước. Đại úy Simon và thông ngôn Pháp cụ Trường được giao trách nhiệm về đường về của chúng tôi cũng như lúc đến.

Chiều hôm đó, Phó thống đốc Nam Kỳ mà chúng tôi chưa biết tên, mời chúng tôi xem buồng máy của tàu ông ta cũng như các xưởng và kho bãi.

Ông ta tặng chúng tôi hai ống nhòm và chúng tôi lịch sự từ chối.

Sau đó họ trả lại cho chúng tôi các nhân vật đã bị những người cầm quyền quân sự Pháp giam giữ.

Đốc binh Hồ Văn Nghị, Phó Quản Cơ Hoàn Danh, 4 đội ; 3 đội Thi Sai Ban Biện; Ngũ đẳng Thị vệ Đặng Văn Duật; Hai đội trưởng Ngoại úy; 3 ngũ trưởng Binh dinh; 5 người có hay không có trong danh sách; 1 Hiệu dinh. Tổng cộng 21 người. Chúng tôi cho họ về cùng thuyền và chia xẻ lương thực và thực phẩm với họ.

Ngày 11 (7 tháng 6) vào giờ Ty, thuyền được kéo đi. Mười bảy phát đại bác, bắn từ chiếc tàu đổ dốc, đem lại cho chúng tôi lời chào từ biệt của các Tổng chỉ huy. Trong chiều ngày 12 (8 tháng 6), chúng tôi đã đến vịnh Cam Linh của tỉnh Khánh Hòa. Sáng ngày 13 (9 tháng 6) chúng tôi đi ngang trước cảng Đà Nẵng của tỉnh Quảng

Nghĩa. Trong đêm 13 rạng ngày 14 (10 tháng 6) vào giờ Sửu chúng tôi đến chỗ đậu ở Thuận An và chúng tôi thả neo.

(Đến đây có một sự ngừng viết đột ngột)

Tổng chỉ huy Phôna có chuyển giao: 2 viên vọng kính, 7 thùng đủ loại rượu Ấu, 4 bao đường Ấu, 3 lợn, 10 vịt, một số cau trâu.

Tổng chỉ huy Tây Ban Nha có chuyển giao: 11 thùng cỡ nhỏ đựng thuốc xì gà, 6 thùng đủ loại rượu Ấu.

Về phía chúng tôi, chúng tôi cho chuyển đến Tổng chỉ huy Phôna: 60 lạng trà, 500 lạng đường, 50 tấm vải nhiều loại, 15 thanh quế.

- Chuyển cho chỉ huy Ba-lang-ca: 20 lạng trà, 200 lạng đường, 10 thanh quế, 10 tấm vải đủ loại.

- Cho các ông Tham tán và Phó súy Pháp: 15 lạng chè, 100 lạng đường cát, 10 tấm vải đủ loại, 10 thanh quế.

- Cho vị đốc bố Pháp cũ của tỉnh Gia Định: 10 lạng trà, 2 hộp đường cát, 5 tấm vải đủ loại, 5 thanh quế.

- Cho giám đốc Hà Bá Lý (ông Aubaret): 5 lạng trà, 100 lạng đường cát, 10 tấm vải đủ loại, 5 thanh quế.

- Cho cựu đốc bố Pháp: 10 lạng trà, 5 tấm vải đủ loại, 5 thanh quế, 2 hộp đường bột.

- Cho Bố chánh và án sát Pháp: 5 lạng trà, 5 tấm vải, 5 thanh quế, 2 hộp đường cát.

- Cho đại úy Simon: 3 lạng trà, 1 hộp đường phèn, 2 hộp được sơn đỏ chạy chỉ vàng, 5 thanh quế.

- Phân phối cho thủy thủ đoàn của tàu đại úy Simon: 100 đồng bạc đủ loại.

- Cho thông ngôn Pháp Cự Trường: 10 tấm vải đủ loại, 5 thanh quế, 10 đồng bạc đủ các loại.

Ký tên: Phan Thanh gián

Ký tên: Lâm Duy Hiệp

III. CÁC QUY ĐỊNH VỀ DỊP VIẾNG THĂM CỦA CÁC KHÂM SAI CỦA VUA AN NAM VÀ VỀ SỰ KIỂM TRA QUYỀN HẠN, KIỂM TRA CÁC ĐẶC MỆNH TOÀN QUYỀN TRÊN CHIẾC TÀU CỦA THỦY SƯ ĐÔ ĐỐC LE DUPERRÉ:

Thiếu đô đốc, Tổng chỉ huy và Bộ trưởng Tây Ban Nha hôm nay đến tàu đô đốc Duperré vào lúc 3 giờ chiều để đón tiếp các Khâm sai của vua Tự Đức và để kiểm tra các quyền hạn của các vị này, sau đó sẽ chuyển đến các vị này các thư ủy nhiệm của vua nước họ. Tổng chỉ huy lên ngựa và rời hành dinh vào lúc 2 giờ 45 phút. Đoàn tùy tùng hộ tống theo thứ tự như sau:

Một đội cảnh vệ.

Một đội lính Phi.

Ông De Gouyon, hộ vệ viên thứ nhất và ông De Neverlée, sĩ quan tùy phái.

Tổng chỉ huy và tham mưu trưởng, vị Bộ trưởng Tây Ban Nha và hộ vệ viên của ông ta.

Ông Rieunier, hộ vệ viên thứ hai và ông Buge, sĩ quan tùy phái.

Một tiểu đội lính Phi.

Một đội cảnh vệ.

Một đại đội bộ binh Tây Ban Nha đứng hai bên làm hàng rào danh dự trên đường Prionanguet. Có 8 người được tách ra để đứng bốn người mỗi bên ở bến cảng. Các cảnh sát đi đầu đoàn giải tỏa các ven lẻ của bến cảng và đứng dàn trải hai bên thêm cảng. Một kỵ binh thứ nhất đi theo hàng dọc và đứng dàn trải trên bến cảng, bên phải của thêm cảng. Các hộ vệ viên và các sĩ quan tùy phái đi theo Tổng chỉ huy trưởng đến tầng cấp.

Một đội thứ hai kỵ binh đi theo hàng dọc bên trái và đứng dàn trải trên bến cảng, bên trái thêm cảng, đội cảnh vệ thứ nhì giữ trật tự xung quanh thêm cảng đã được giải tỏa.

Tổng chỉ huy đến bến, trống đánh và quân lính bồng súng chào mừng.

Tổng chỉ huy trưởng, Bộ trưởng Tây Ban Nha và tham mưu trưởng vào ngồi trong chiếc xuồng đô đốc.

Các hộ vệ viên và sĩ quan tùy phái xuống xuồng khác.

Khi chiếc xuồng của đô đốc đi qua, chiếc tàu Duperré bắn chào bảy phát.

Sau đợt chào, đoàn dừng nghỉ và sẵn sàng tập hợp lại khi đô đốc trở về.

Đô đốc và Bộ trưởng Tây Ban Nha được đón rước do đại úy hầu cờ tại chân cầu thang của tàu Duperré.

Các sĩ quan đứng xếp hàng trên sân cao sau lái.

Một trung đội bộ binh Angiêri đứng sắp dàn trải trên cao, bên trái và một đại đội súng trường ở bên phải, số thủy thủ đoàn còn lại thì đứng sát nhau trên tàu.

Tất cả các đội quân ấy bỗng súng chào khi tổng chỉ huy đến, trống đánh nhịp chào mừng, nhạc lần lượt cử điệu Hoàng gia và quốc ca Tây Ban Nha.

Vào lúc 3 giờ kém 15, từ trong một chiếc xuồng được cất cử phục vụ cho ông tổng thanh tra theo lệnh của ông chỉ huy của tàu Forbin, ông tổng thanh tra và các sự vụ bản xứ cùng với một nhà Nho bước lên thuyền An nam. Đồng thời chỉ huy của chiếc Forbin và ông Legrand cũng lên thuyền An nam.

Chỉ huy trưởng chiếc tàu "Forbin" và ông thanh tra đưa các Khâm sai của Tự Đức lên tàu Duperré

*
* *

Một xuồng nhỏ đưa toàn tùy tùng gồm có ngoài các thông ngôn và các nhà Nho, là các người An nam có phẩm tước.

Khi các Khâm sai đặt chân lên tàu, thì trống đánh, báo hiệu lễ, các đoàn quân bỗng súng. Các sĩ quan làm hàng rào danh dự, âm nhạc nổi lên. Họ sẽ được tiếp đón ở chân cầu thang tàu do hộ vệ viên bậc lớn nhất.

Sau khi thư ủy nhiệm được trao đổi xong, họ trở về, thì trống lại đánh và các đội quân bỗng súng chào. Họ sẽ được Tham mưu trưởng tiến đưa đến chân cầu thang. Chiếc Duperré sẽ chào họ bằng mười bảy phát lệnh đại bác.

Lúc tiếp đón ban đầu, cờ của Tây Ban Nha sẽ kéo lên ở cột buồm trước của chiếc Duperré, lá cờ Nam Kỳ ở cột buồm sau, lá cờ Pháp ở cột buồm lớn. Họ sẽ được đưa đi sau đợt chào thứ hai.

Sẽ mặc lễ phục mùa hạ.

Đoàn hộ tống Tổng chỉ huy trưởng sẽ đưa ông ta trở về hành dinh theo thứ tự ngược lại.

Trung đội lính bộ binh và đội âm nhạc sẽ lên tàu Duperré vào lúc 2 giờ. Tướng chỉ huy các đoàn quân và Đại úy quản dinh hộ vệ viên, được giao phó phụ trách các vấn đề trên để thừa hành lệnh này.

Sài Gòn, ngày 27 tháng 5 năm 1862.

Thừa lệnh

Tổng tham mưu trưởng

J. DE LA VAISSIÈRE

*

*

*

IV. LỄ NGHI ĐƯỢC QUY ĐỊNH ĐỂ KÝ KẾT HIỆP ƯỚC HÒA BÌNH VỚI CÁC KHÂM SAI CỦA VUA AN NAM.

Sáng thứ 5 của tháng này, Phó đô đốc chỉ huy trưởng và Bộ trưởng Tây Ban Nha sẽ tiếp đón ở Văn Miếu lúc 7 giờ rưỡi sáng vị Khâm sai thay mặt vua Tự Đức để kết thúc hòa bình bằng một hòa ước thân thiện, thương mại và hàng hải giữa hai vua.

Các phương thức sau đây kèm theo sự kiện quan trọng này.

Dinh thự trung tâm tây bắc sửa soạn để đón Thiếu tá chỉ huy trưởng, Bộ trưởng Tây Ban Nha và các đại sứ. Vị chỉ huy trưởng cưỡi ngựa đến vào lúc 7 giờ 15 phút cùng với Bộ trưởng Tây Ban Nha có Tham mưu trưởng đi theo, Cần vụ thứ nhất, ông de Néverlée, sĩ quan hộ giá và các thư ký.

Đoàn hộ tổng mười kỵ sĩ đi trước và sau đó sẽ túc trực bên trong trại.

Cần vụ phụ trách sự vụ An nam và ông Buge, sĩ quan hộ giá đến bến dò bằng ngựa để gặp Khâm sai An nam và hộ tổng họ.

Hai đội quân kỵ sĩ đi hộ tổng và theo sau.

Hai xe tứ mã dùng cho các Đại sứ được đi giữa đoàn.

Vị thanh tra về các việc châu Á và vị Thiếu tá của Forbin lên đúng giờ L.L.E.E trên chiếc thuyền buồm An nam, đi bằng chiếc canô của Thủy sư đô đốc.

Có kèm theo một chiếc canô.

Cờ hòa bình chỉ tung ra khi các vị đến.

Cờ hiệu bên phải để sẵn dành cho các ông Chủ sự các phòng và các Đại úy của tàu và cờ hiệu bên trái dành cho các nhân vật An nam đi theo sau.

Ông De Néverlée chăm lo bảo đảm an toàn trong việc sử dụng các phương tiện đó.

Vào lúc 7 giờ, các đơn vị đã bố trí theo hàng chiến đấu ở Văn Miếu, xếp theo thứ tự sau đây dưới sự chỉ huy của vị thiếu tướng chỉ huy:

- Bộ binh Tây Ban Nha.
- Cảnh binh.
- Pháo bộ binh.
- Công binh.
- Thủy quân lục chiến.
- Bộ binh hải quân.

- Các lính bộ Angiêri.
- Các đội quân bản xứ.
- Đội nhạc ở giữa.

Kỵ binh sắp hàng trên đường bên phải cổng.

Đội pháo binh ngựa kéo, ở vị trí trước cổng Tây Bắc.

Các nhà cầm quyền An nam đeo các huy hiệu và các bang tri sự Trung Hoa do Quan bộ và Thanh tra các vụ việc Trung Hoa, sẽ được tiếp nhận vào các nhà ngang của trại phía bên phải và bên trái.

Các nhà ngang đầu tiên của mỗi bên sẽ để dành: nhà bên phải cho các ban tham mưu các tàu thuyền và các quan võ, có lính đi theo; nhà bên trái cho các quan võ, quan lại hành chính, y tế và các võ quan khác.

Khi các Ngài đại diện đôi bên đã ký vào hiệp ước, pháo binh sẽ bắn 21 phát đại bác chào mừng theo hiệu cờ của ông Neverlée.

Các tàu chạy trong cảng cũng đồng loạt bắn như thế bằng cách điều chỉnh theo tàu đô đốc. Các tù nhân chính trị và quân đội sẽ được trả tự do.

Sau đợt bắn, các chủ sự và đại úy chỉ huy tàu thủy đến chào mừng các Khâm sai.

Theo họ, có các sĩ quan và công chức.

Sau cùng là các công chức An nam, các hiệp hội do sự hướng dẫn của các ông Boresse và Gandet dẫn đến.

Các người này lần lượt đến vị trí của họ ở gian nhà ngang và lúc đó tướng chỉ huy các binh chủng sẽ nhận lệnh của Tổng chỉ huy để ra lệnh và giao cho trung tá trung đoàn 3 hải quân điều khiển cuộc diễu binh, kỵ binh sẽ sẵn sàng tập hợp thành các đội hộ tống.

Pháo binh được ngựa kéo sẽ đi sau cùng đoàn diễu hành với các cỗ pháo của nó.

Vị Tổng chỉ huy và các Khâm sai sẽ được đưa về với nghi thức như lúc đưa đến.

Y phục lễ mùa hè.

Sài Gòn ngày 5 tháng 6 năm 1868

Thừa lệnh

Tổng tham mưu trưởng

J.DE LA VAISSIÈRE

V. TUYÊN BỐ CỦA PHÓ ĐÔ ĐỐC TỔNG CHỈ HUY.

Hỡi các lính bộ và lính thủy.

Vua An nam đã cầu hòa.

Một hiệp định vinh quang cho quân đội Pháp và Tây Ban Nha vừa được ký kết.

Tất cả những thiệt thòi của chúng ta đã được bù đắp. Các nguyện vọng chính đáng của chúng ta được chấp nhận. Bằng cách mở ra đến tận biên giới Trung Hoa một con đường mới cho văn minh và thương mại, các bạn đã thực hiện được một ý nghĩ của Hoàng đế.

Với sự tham gia mạnh mẽ của quân đồng minh Tây Ban Nha, chỉ trong 6 tháng, các bạn đã chiến thắng và chúng ta đã thoáng thấy được thành quả của chiến thắng trong một tương lai không xa.

Nhân danh Hoàng đế tôi xin khen ngợi nhiệt tình và sự kiên trì của các bạn, và xin cảm ơn đội quân Tây Ban Nha về sự đóng góp dũng cảm và trung thực của họ.

Tôi xin trình lên Hoàng đế hiệp định Sài Gòn như là một bằng chứng mới về sự trung thành của thủy quân và bộ binh của Người.

Bộ tổng chỉ huy Sài Gòn ngày 5 tháng 6 năm 1868.

Phó đô đốc, Tổng chỉ huy,

BONARD

VI. PHÁI ĐOÀN PHÁP VÀ TÂY BAN NHA ĐẾN HUẾ.

Các Khâm sai An nam gồm có Phan Thanh Giản, Khâm sai thứ nhất, Tổng đốc Vĩnh Long và Lâm Duy Hiệp, Khâm sai thứ hai, tổng đốc Bình Thuận, đến Sài Gòn theo lệnh của triều đình Huế để làm lễ ký kết việc chuẩn y hiệp định ngày 5 tháng 6 năm 1868, lên đường ngày 31 tháng 3 trên chiếc tàu hơi nước Forbin để trở về Kinh đô vương quốc An nam, sau khi đã hoàn thành sứ mạng.

Các ông Trung úy thủy quân Amirault và Illana, Trung úy lục quân Tây Ban Nha đi theo trên tàu để áp tải các vật tặng của Hoàng đế Napoléon đệ tam và Hoàng Hậu Isabelle gửi đến cho vua Tự Đức.

Ngày 1 tháng 4, chiếc tàu nhỏ "Cosmas" và tàu hộ tống "Grenada" đến vịnh Đà Nẵng và chờ lệnh của Phó đô đốc Thống đốc, Tổng chỉ huy.

Chiếc thuyền nhỏ "Circe" cùng chở đoàn Tây Ban Nha đến địa điểm ấy.

Ngày 2 tháng 4 chiếc tàu cỡ trung "Sémiramis" treo cờ Phó đô đốc "Jáure", tổng chỉ huy các lực lượng Pháp ở Trung Hoa, đưa đoàn Pháp đến Đà Nẵng. Phái đoàn Pháp và Tây Ban Nha gồm có như sau:

PHÁI ĐOÀN PHÁP

Ngài Phó Đô đốc Bonard, Thống đốc, Tổng chỉ huy ở Nam Kỳ, Đại biện Toàn quyền của Hoàng đế Napoléon Đệ Tam, Phái viên thứ nhất.

Các ông Reboul, Đại tá bộ binh Hải quân, Tổng tham mưu trưởng.

Tricault, Đại úy Thủy quân, hộ vệ viên của bộ trưởng Hải quân và thuộc địa, phái viên thứ hai aubaret, Đại úy thuyền buồm thanh tra công vụ Á Châu, phái viên thứ ba.

Bugé : Trung úy thủy quân, hộ vệ viên của Tổng chỉ huy.

PHÁI ĐOÀN TÂY BAN NHA.

Ngài trung tá Palance Guhiere tổng chỉ huy quân viễn chinh Tây Ban Nha và đại biện Toàn quyền của Hoàng đế và Hoàng hậu Tây Ban Nha, phái viên thứ nhất. Các ông: Roig de Luis, tổng tham mưu trưởng, phái viên thứ nhì; Torontegui, tiểu đoàn trưởng, phái viên thứ ba; Carballo, chỉ huy tàu nhỏ Tây Ban nha "*Circé*" của Véra, ủy viên sư đoàn.

Ông Le Grand de Liraye, trưởng phòng công vụ bản xứ ở bộ Tổng tham mưu, biệt phái sang phái đoàn Pháp để làm thông ngôn.

Một phái đoàn có 40 quân nhân đi theo.

VII. CÁC ÔNG PHAN THANH GIẢN VÀ LÂM DUY HIỆP CÓ TRỌNG TRÁCH THẢO HIỆP ĐỊNH VỚI CÁC ĐẠI SỨ CHÂU ÂU:

Ngày 24 tháng giêng năm thứ 16 niên hiệu Tự Đức (13 tháng 3 năm 1863) các quan đại thần của triều đình thi hành chiếu dụ nói rằng Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đã không dàn xếp được công việc có lợi cho nước nhà; nhưng họ là người được giao trọng trách thương thuyết ngay từ các buổi đầu khi tuyên bố chiến sự. Họ đã đem hết ý chí để thực hiện sứ mệnh lâu dài nhưng đã không thành công, và nay công việc xong, họ trở về Huế. Hiện nay, tàu của phái đoàn đang thả neo trong hải phận Gia Định. Họ chờ dịp để ra Huế, nếu kéo dài công việc bằng đường liên lạc thư từ, phái đoàn sẽ ra Huế; và chúng ta không có đủ thì giờ để sắp đặt công việc. Vậy phải giao trách nhiệm cho ông Phạm Phú Thứ, thự Tham tri Bộ Hình được trợ lực bởi Phan Văn Trung, Hiệp lãnh thị vệ và Hồ Văn Long, viên ngoại lang, để thống nhất với các ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, cùng đến Gia Định điều đình theo chỉ thị mệnh của Hoàng thượng với đương cục của hai tàu đó.

Ông Phạm Phú Thứ phải chuyển đến các ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp các điều chỉ dẫn của Hoàng thượng và giao cho họ bản báo cáo đã được trình lên Hoàng đế, các nghi thức ngoại giao của Bộ Lễ cũng như các bức thư của các đại sứ ngoại quốc để làm các điều cần thiết.

Giao phó cho các ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp phải hành động với sự trung thành tuyệt đối để trình bày một cách rõ ràng với các đại sứ ngoại quốc các ý muốn của triều đình để đi đến một sự thỏa hiệp.

Họ phải miễn cán báo cáo ngay cho triều đình các kết quả của sứ mạng của họ, mọi sự chậm trễ sẽ có tội. Phải nghiêm túc thực hiện.

*

* *

VIII. CUỘC ĐÓN TIẾP TẠI HUẾ CÁC PHÁI ĐOÀN VÀ SỰ QUY ĐỊNH NGHI THỨC GIAO TẾ

Ngày 13 tháng 2 năm thứ 16 niên hiệu Tự Đức (1 tháng 4 năm 1863), chúng tôi, Phan Thanh Giản, Hiệp tá Đại học sĩ, chức vụ Tổng đốc Vĩnh Long, Lâm Duy Hiệp, Thượng thư Bộ Binh, sung chức Tuần Vũ Phú Khánh, tham tri Bộ nội vụ, Khâm sai. Xin kính báo cho các ủy viên Hội đồng Cơ Mật như sau:

Trong mấy tháng vừa qua, có một chiếc tàu Âu đến báo tin cho biết là các sứ thần ngoại quốc sẽ đến vào ngày 25 tháng 2. Phạm Phú Thứ được cử đến Gia Định để trao chiếu dụ của vua, một báo cáo của triều đình dâng lên vua và một bản nghị thức ngoại giao của Bộ Lễ gửi cho Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp. Ông Phạm Phú Thứ cho biết là hai ông phải lên tàu thủy để trao các văn bản ấy, sau đó làm tờ trình gửi về Kinh Đô.

Chiều hôm đó, ngày 6 của tháng ấy (24 tháng 3 năm 1863), Lâm Duy Hiệp và Phạm Phú Thứ đến Gia Định để gặp Phan Thanh Giản.

Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp mở hiệp ước để thực hiện nội dung trong ấy.

Các đại sứ đã viết thư cho các quan Thương Bạc và báo cho biết là chiếc tàu của họ sẽ đến Huế.

Tuân theo chỉ dụ của vua, chúng tôi đã hành động không chậm trễ. Có thể sau lễ tế Nam Giao, chiếc tàu thủy sẽ đến Huế vào ngày 16 này.

Trong khoảng từ 20 đến cuối tháng cho đến mùng 1 tháng sau và đầu sao thì giờ này không có tính bắt buộc, các đại sứ có thể được phép yết kiến long trọng với vua.

Các đại sứ đã khẳng định chấp nhận các thủ tục ấy.

Chúng tôi luôn tiếp xúc với họ và cho họ biết các nghi lễ cần phải tuân theo khi yết kiến vua.

Danh sách các công chức và nhân viên phái đoàn trình lên vua được hạn định ở con số 13 người. Nhưng họ xin thêm một Tham tán, một Hộ lễ (để mang quà tặng) và một thông ngôn cụ Trường.

Như vậy là 16 người được yết kiến vua.

Nghĩ rằng phái đoàn mong được vinh dự trong cuộc yết kiến nên không thể từ chối yêu cầu này.

Về việc mang kiểng vào trong Hoàng cung, các đại sứ có nói với chúng tôi những điểm sau đây:

"Ở nước chúng tôi, các công chức (hay sĩ quan) được mang kiểng. Chỉ có tù nhân mới không mang kiểng nếu hàng ngũ tội phạm. Không kiểng, chúng tôi sẽ bị giới quân sự phê bình và hơn thế, vua của chúng tôi sẽ phạt nặng; chúng tôi yêu cầu giữ kỷ luật của chúng tôi để khỏi phải bị chính phủ chúng tôi khiển trách. Chúng tôi không có ý nghĩ gì xấu để phá hoại đất nước của các ông cả."

"Kỷ luật của chúng tôi buộc chúng tôi phải cất mũ và đưa tay lên để chào vua chúa. Trong quan hệ giữa nhà nước chúng tôi và nhà nước các ông, chúng tôi muốn giữ phong tục của chúng tôi. Trong những cuộc giao tiếp ở Hoàng Cung chúng tôi sẽ cất mũ; cúi đầu

một lần khi đến trước mặt vua và sau khi chúc tụng xong chúng tôi cúi chào 3 lần và rút lui.

Mặc dầu có những nhận xét của Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, các đại sứ vẫn cố giữ nghi thức giao tế như họ đã đề ra, và trong các cuộc bàn cãi, họ luôn khẳng định rằng các nghi thức đó là không thương tổn gì đến triều nghi cả.

Ông Bôna, đại sứ Pháp, ông Balăngca, đại sứ Tây Ban Nha và ông Di Vu ở chức vụ Tham tán, phó Đại sứ sẽ đến Đà Nẵng và tại đây đã có một Chánh soái và một Tham tán.

Đến Gia Định trên một tàu chiến lớn là các ông Rôlê, Đại biện Toàn quyền ở Bắc Kinh, và ông Đô đốc Tòng chỉ huy lực lượng lục quân và hải quân Trung Hoa, Nhật Bản và Triều Tiên. Theo một văn thư của Đại sứ Pháp Bôna thì ông Rôlê sẽ đến Đà Nẵng với phái đoàn và 4 tàu hộ tống, trong đó có tàu của ông Rôlê và các tàu sẽ chờ ở Tourane cho đến khi sứ mạng của phái đoàn được làm xong tại Huế, sau đó để đến Nhật Bản.

Ông Bôna sẽ đem theo 1 vông và 8 người gánh do một người Trung Hoa chỉ huy. Ông ta sẽ gửi trước cái vông và đội gánh ấy trên chiếc tàu mang quà tặng sẽ đậu ở Thuận An vào ngày 13 trong tháng này (1 tháng 4 năm 1863).

Cách tổ chức như thế rất thuận tiện và chúng tôi muốn lên chiếc tàu ấy để có thể đến đúng ngày tại Huế.

Chúng tôi gửi đến viện Cơ Mật để chuyển đệ lên Hoàng thượng các biên bản của các cuộc thương lượng. Ngoài ra, chúng tôi xin gửi kèm theo các điều khoản dứt khoát đã được thỏa thuận giữa ba phái đoàn của ba nước:

1/ Các Khâm sai của hai nước phải đưa đến công quán các bức thư có huy hiệu và dấu ấn của các vua của họ. Các bức thư đó phải

được đặt trên bàn sơn son do Bộ Lễ chuẩn bị để chuyển đến Hoàng thượng có các đội nhạc đi theo, khi Hoàng thượng xem xong, thư sẽ được giao lại với các nghi lễ như trên cho các phái viên sau này sẽ đến yết kiến vua. Sau cuộc yết kiến và thể theo nội dung các hiệp định sẽ có sự trao đổi các bảo đảm song phương liên quan đến nền tảng vững chắc của các sự liên hệ.

2/ Hoàng thượng sẽ tiếp các đại sứ của hai nước ở ngôi điện đã được quy định. Các khách mời sẽ chờ ở lầu "thế bằng" (lầu mái bằng). Khi họ đến, Bộ Lễ sẽ báo cho Hoàng thượng biết, họ cùng tùy tùng sẽ được đưa đến trước điện tiếp tân và được sắp xếp theo thứ tự, theo cấp bậc, và những người đưa vào sẽ tháo lui.

Thể theo quy ước, các người khách khi đến phải cất mũ và cúi đầu chào một lần. Một Đại sứ nhân danh hai nước sẽ đọc diễn văn chúc mừng, và sẽ được thông dịch do một Bồi sự (phó sứ hay thư ký đoàn).

Các quan của Bộ Lễ quỳ xuống, chuyển đệ các lời dịch cho Hoàng thượng và sau đó rút lui.

Tất cả các quốc khách cúi chào 3 lần và tháo lui.

3/ Một tàu chiến mang theo quà tặng ngoại giao sẽ đến Thuận An. Họ sẽ chuyển các quà tặng lên thuyền của chính phủ An nam đưa đến và thuyền này cũng chở luôn đại diện của mỗi nước của hai nước Âu châu, và một tổ lính 2 người đi theo tặng vật đến sứ quán (Khách sạn của Đại sứ) và sau cùng để có thể kiểm tra các tặng vật.

4/ 50 lính (40 vũ trang và 10 tay không) sẽ hộ tống nhân sự phái đoàn của mỗi nước và như vậy tất cả là 100 lính cho 2 phái đoàn. Tất cả đều đến sứ quán vào ngày đón tiếp trong Hoàng cung, họ sẽ đi qua dò Huế, sẽ đi vào trong Kinh thành bằng cửa Quảng Đức (cổng số VI) khi đến các nhà xưởng hữu tướng quân (nhà xưởng của thủy quân) 80 người có vũ khí dừng tại đó.

Các phái đoàn hai nước được 20 lính hộ tống không vũ khí và 4 thư ký và thông ngôn sẽ đi bộ qua cửa bên phải Ngọ Môn và đợi ở lều "thể bằng" (lều mái bằng). Sau khi chỉnh đốn y phục và mang kiếm theo, họ đã nói là không thể thiếu được, họ sẽ được dẫn đến yết kiến vua, và để lại trong lều các thông ngôn, các thầy chữ và các người lính.

5/ Khi các đại sứ đến sứ quán sẽ được các quan Bộ Lễ đón tiếp và kiểm tra các nghi lễ. Vào ngày yết kiến vua, họ lại được các quan này hướng dẫn và xếp đặt vào vị trí quy định.

Hàng đầu:

Hai đại sứ là: Đại nguyên soái Pháp và đại tướng quân Tây Ban Nha.

Hàng thứ hai: 2 phó - bồi sứ và 3 tham tán.

Hàng thứ ba: 4 quan võ (sĩ quan); tổng cộng 13 người.

6/ Danh sách định trước cho mỗi chính phủ: 1 đại sứ, 1 phó đại sứ, 1 bồi sứ, 1 tham biện, 2 quan võ, như vậy cả hai chính phủ là 12 người.

Sau đó họ yêu cầu được thêm: 1 tham tán, thư ký của Đại nguyên soái, 1 Hộ lễ, 1 thầy thuốc, 1 thông ngôn tên Cụ Trường, tổng cộng như vậy là 16 người.

Tất cả phụ tá đều ở hàng thứ ba trong lễ yết kiến vua.

*

*

*

IX. CÁC ĐẠI SỨ PHÁP VÀ TÂY BAN NHA ĐẾN HUẾ: ÔNG BONARD VÀ PALANCA.

Tháng 2 năm thứ 16 Tự Đức (tháng 3 năm 1863) các đại sứ Pháp và Tây Ban Nha là các ông Bonard và Palanca đến Huế, trước khi vào yết kiến vua, họ đã chuyển giao một bức thư và tặng phẩm từ chính quyền của nước họ, qua trung gian của cơ quan liên hệ để trình lên vua. Ngược lại họ cũng được nhận một bức thư của triều đình An nam.

Đến ngày quy định, họ được đưa đến yết kiến vua trong điện Thái Hòa. Sau cuộc yết kiến, họ được dự tiệc trong phòng đại sứ. Họ nhận từ vua một khoản tiền đền bù là: 186.111 đồng và các vật tặng ngoại giao được gửi đến chính phủ họ, cho họ và tùy tùng của họ. Giá trị của vật phẩm thay đổi tùy theo cấp bậc.

Các đại sứ trở về Gia Định, có ông Phan Thanh Giản đi theo với sứ mạng thu hồi lại tỉnh Vĩnh Long, theo như người đại diện của nước Pháp đã hứa giao trả.

Tuy nhiên ông Phan Thanh Giản không thể thương lượng được nên bị cách chức, hoãn thi hành.

*

* *

X. BÁO CÁO SƠ LƯỢC VỀ CUỘC HÀNH TRÌNH RA HUẾ CỦA PHÓ ĐÔ ĐỐC THỐNG ĐỐC, TỔNG CHỈ HUY, ĐẠI BIỆN, TOÀN QUYỀN CỦA HOÀNG ĐẾ NAPOLÉON ĐỆ TAM.

Chiếc tàu cỡ trung "Sémiramis" và "Circe" đến lạch Đà Nẵng ngày 5 tháng 4, buổi sáng. Vị Tổng chỉ huy lên chiếc "Grenada" cùng chiếc "Sémiramis", nhổ neo đi Trung Hoa.

Sáng ngày 6, đi thăm quan chỉ huy các pháo đài Đà Nẵng, buổi chiều nhổ neo đi Tiên Châu, trên đó có hai phái đoàn và đoàn hộ tống. Xuống đất liền, đứng ở trong nhà khách do Công bố Biện lý chuẩn bị, Phó chủ sự của Bộ Công Âm Y được giao trách nhiệm từ Huế đến gặp các phái đoàn.

Ngày 7 vào lúc 7 giờ sáng, khởi hành với sự hộ tống của 300 lính An nam dưới sự chỉ huy của "Thống chế Long Võ", tướng của quân bảo vệ Hoàng triều "Nguyên Quân", đoàn hộ tống gồm 150 người gánh cáng và 250 người gánh hành lý. Đến "cổng sắt" vào lúc 8 giờ 15 phút và Thừa Phước vào lúc 10 giờ mới dừng nghỉ.

Ngày 8, khởi hành từ 6 giờ sáng, đến Thừa Liêu lúc 8 giờ 15 phút. Khởi hành lúc 12 giờ 15 phút, đến Thừa Hoa vào lúc 2 giờ 45 phút, dừng nghỉ.

Ngày 9 xuất phát từ 5 giờ rưỡi, đến Thừa Nong vào lúc 11 giờ 15 phút, dừng nghỉ.

Ngày 10, xuất phát từ 5 giờ, đến Huế vào lúc 11 giờ 45 phút.

Trên suốt đường đi qua và lúc đến các trạm, các phái đoàn được đón tiếp thân mật, sẵn sóc chu đáo, trong niềm mến khách trọn vẹn.

Ngày 11, vị Thống chế, trụ cột triều đình và Thượng thư Bộ Binh nhân danh vua Tự Đức đến chào mừng sức khỏe của Hoàng đế Napoléon đệ Tam và Hoàng hậu Isabella, cùng ngợi khen các đại sứ và đãi bữa tiệc chào khách.

Ngày 12 và 13, làm việc tại văn phòng, chiều đi dạo thành phố.

Ngày 14, phê chuẩn hiệp định ở Phu Văn Lâu.

Ngày 15 đánh dấu ngày mất của quan Lâm Duy Hiệp, Tổng đốc Bình Thuận, một trong hai Khâm sai Toàn quyền đã ký hiệp định ngày 5 tháng 6 năm 1962 tại Sài Gòn.

Ngày 16, các phái đoàn được vua Tự Đức long trọng đón rước tại Hoàng cung Huế. Đây là một cách đón tiếp chưa từng có trong lịch sử An nam, diễn ra trong khung cảnh long trọng, rực rỡ, lớn lao khắc sâu vào ký ức của mỗi người.

Khi đến trước Ngai của đức vua, Phó đô đốc Bonard đã nói những lời như sau:

"Tôi được Hoàng đế của Pháp cử đến để trao đổi sự phê chuẩn và có đóng dấu quân đội của Ngài, và để chuyển đến đức vua An Nam những lời hoan nghênh của Hoàng đế."

Hoàng đế nước Pháp mong ước hòa bình và hữu nghị được bền vững giữa Pháp và An nam.

"Hoàng đế cầu mong sự thịnh vượng của đất nước này, cũng như ngọc thể của đức vua được an khang".

Đại tá Palanca cũng phát biểu bằng tiếng Tây Ban Nha và được dịch thuật lại cho đức vua nghe.

Đức vua đáp từ qua trung gian của một viên Hội đồng tư vấn (Nội cơ):

"Các đại sứ đã phải bao nhiêu khó nhọc để đến tận đây thật là đáng quý. Cho nên Đức vua An Nam rất khen ngợi và chào mừng sự mạng của họ .

"Khi các đại sứ trở về với các đức vua của họ, mong họ sẽ nói lại rằng hòa bình đã ký kết, từ rày mọi việc đều được thương lượng một

cách ôn hòa và tình hữu nghị chân thành nhất sẽ tồn tại lâu dài cho hạnh phúc của cả ba nước.

"Mong các đại sứ sẽ khắc sâu những lời nói đó trong tâm trí và cũng vì lẽ ấy mà đức vua đã nói ra những lời lẽ đó".

Ngày 16 tháng 4, đó là công trình của đoàn viễn chinh, mong họ giữ mãi kỷ niệm với niềm kiêu hãnh xứng đáng!

Ngày 17, trao đổi các tặng phẩm;

Ngày 18, sau buổi tiệc mừng và một buổi biểu diễn ca múa do Hoàng thượng chiêu đãi, vào 8 giờ rưỡi chiều các phái đoàn lên thuyền vua và xuôi dòng sông Huế.

Ngày 19 lên tàu "Grenada" vào lúc 6 giờ sáng.

Lên đường và trở về Sài Gòn ngày 22 buổi sáng.

Sứ mạng của nước Pháp và nền khai hóa có một bước tiến trong lịch sử.

Đối diện với một trong những vị vua hùng cường của Viễn Đông, những bóng tối đã tan dần và sự thực đã bắt đầu soi sáng một tương lai đầy hứa hẹn nghiêm chỉnh.

Sài Gòn, ngày 24 tháng 4 năm 1863.

Tổng tham mưu trưởng

REBOUL

*

*

*

XI. TRAO ĐỔI CÁC PHÊ CHUẨN CỦA HIỆP ƯỚC ĐƯỢC KÝ KẾT VỚI VƯƠNG QUỐC AN NAM⁽¹⁾.

Bộ trưởng Hải quân và thuộc địa nhận được từ Phó đô đốc báo cáo như sau:

Kính thưa ông Bộ trưởng,

Tôi xin trân trọng báo cáo với Ngài các sự kiện mới đây đã diễn ra ở Nam Kỳ trước khi có sự bàn giao công tác giữa tôi với phó đô đốc La Grandière để cho tôi trở về Pháp.

Ngay sau khi dẹp xong loạn ở tất cả các tỉnh thuộc Pháp trên đất Nam Kỳ và trật tự vật chất được lập lại, tôi đã khẩn trương thúc đẩy mọi sinh hoạt bình thường.

Tôi đã tức thì ra lệnh cho chiếc tàu hạng trung Seramis trên đó có đô đốc Jaurrèss, chở lính bộ binh nguyên từ Bắc đến, nay đã trở về Trung Hoa và chiếc này khi đi qua Đà Nẵng đã không làm chậm hành trình của ông Jaurrèss mà còn đưa tôi đến chỗ hoàn thành sứ mạng là phê chuẩn hiệp ước và đây là một sự kết động tác có lợi là

⁽¹⁾ Trích ở Tạp chí "*Hàng hải và thuộc địa*", cuốn IV 1863 các trang 168-173.

- Thêm vào các tài liệu sưu tầm của ông La Marchant de Trigon chúng tôi xin được bổ sung vào những lời tường thuật chi tiết hơn về hành trình của đô đốc Bonard ở Huế. Bài tường thuật ấy cho chúng tôi cơ hội để có thể ghi lại một bức tranh thời kỳ đó về cuộc đón tiếp được tổ chức ở Huế, trên bờ sông ở chỗ Thương Bạc cũ để đón tiếp chỉ huy chiếc "Forbin", là người đã đến Huế trước Thủy sư đô đốc Bonard. Bức tranh này do ông Hồ Đắc Khải đã tìm thấy ở Paris trong một hiệu sách và biếu cho tôi. Nó ở trong một tờ ảnh báo của thời ấy, đi kèm với bài tường thuật mà chúng tôi rất mừng đã được giới thiệu (Tổng biên tập Tập san).

làm cho chính quyền An nam thấy được tận mắt một lực lượng quân đội đáng sợ luôn sẵn sàng hành động. Vị chỉ huy của sứ đoàn các biển Trung Hoa có thể khởi hành từ Đà Nẵng ngày 3 tháng 4 và có thể tức tốc trở về trung tâm của địa phận đóng quân mà sự có mặt của các lực lượng quân đội của ông ta trở nên cần thiết, sau khi đã gắng công sức rất đáng khen giúp đỡ cho chúng tôi chiếm cứ thêm đất mới ở Viễn Đông.

Đoàn quân viễn chinh Tây Ban Nha đã rời Sài Gòn để sang Manille trên tàu chờ hàng "Européen" và sau chuyến đi này, tàu đi Hồng Kông để có những sửa chữa cần thiết.

Hòa bình mọi nơi, dân chúng đã buộc phải phá hủy các công sự, làm lại đường sá, cầu cống bị đánh sập, sửa lại đường dây bưu điện, và buộc phải bị nộp tiền bồi thường để trả phí tổn cho việc xây dựng các đồn bót mà chúng tôi phải thực hiện để chống lại sự nổi dậy của họ.

Tất cả các biện pháp đó đang tiến hành: các đường dây bưu điện đã hoạt động. Để tránh sự hiểu lầm, và mọi thứ chậm trễ trong những tiếp xúc khó khăn với người châu Á, tôi phải lo dự tính trước mọi điều và lập thành văn bản cùng với hai vị đại biện toàn quyền là ông Lâm, tổng đốc Bình Thuận và ông Phan Tân Danh, tổng đốc và phó vương Vĩnh Long, mà tôi phải mời về Sài Gòn về việc này.

Khi mà tất cả công việc đã được giải quyết bằng văn bản và đã được hiểu rõ từ phía hai ông này, thì vào ngày 1 tháng 4, tôi gửi các ông đi trước ra Huế trên chiếc "Forbin" để có thể kiểm tra mọi sự chuẩn bị.

Vào ngày 2, bản thân tôi đi trên chiếc tàu đô đốc Séminaris có chiếc "Cosmas" và chiếc "la Circé" chở Khâm mạng Toàn quyền của

đức vua có đạo Công giáo⁽¹⁾. Vào ngày 5 chúng tôi đậu ở lạch Đà Nẵng; cùng ngày này, Đô đốc Jaures lên đường đi Trung Hoa.

Tất cả đều được liệu trước để đón tiếp chúng tôi: Các quan lớn được đưa từ Kinh thành đến chốt từng chặn đường, chuẩn bị nhà tạm trú, người cáng, ngựa tiếp liên, lương thực thực phẩm cho chúng tôi và đoàn hộ tống gồm 100 người cho 2 phái đoàn được chọn trong đoàn quân.

Các nhà tạm trú được bố trí hoàn hảo và giống nhau tươm tất trên tất cả các chặng đường dừng chân, làm cho chúng tôi khi có kinh nghiệm vào cái nhà đầu tiên, thì về sau gặp nhà nào cũng có thể vào ở ngay được.

Các người đi hộ tống được chọn trong các thành phần ưu tú từ các thứ quân và mỗi người được cấp một số tiền nhỏ để khi trên

⁽¹⁾ Đây là cơ cấu của các phái đoàn Pháp và Tây Ban Nha:

PHÁI ĐOÀN PHÁP

Phó đô đốc, Tổng chỉ huy ở Đông Dương, đại biện toàn quyền của Hoàng đế Napoléon đệ Tam, Trưởng đoàn Reboul, đại tá thủy quân lục chiến, Tổng tham mưu trưởng Trieault, đại úy hải quân, hộ vệ viên của Bộ trưởng Hải quân và thuộc địa, phó đoàn thứ nhất, Aubaret, Đại úy thuyền buồm, Tổng thanh tra về công vụ châu Á, phó đoàn thứ 2, Buge trung úy hải quân, hộ vệ viên của Tổng chỉ huy.

PHÁI ĐOÀN TÂY BAN NHA

Đại tá Palanca Gutierrez, Tổng chỉ huy của đoàn quân viễn chinh Tây Ban Nha, đại biện toàn quyền của Hoàng hậu Tây Ban Nha, trưởng đoàn; Roig de Luis, tham mưu trưởng, phó đoàn thứ nhất, Torrontegui, tiểu đoàn trưởng, phó đoàn thứ nhì, Carballo, chỉ huy thuyền buồm "Circe", Devera, ủy viên của sư đoàn. Ông Le Grant de la Liraye, trưởng phòng công vụ bản xứ tại Tổng tham mưu, biệt phái làm thông ngôn cho phái đoàn Pháp. Mỗi phái đoàn có một đoàn hộ tống là 40 người vũ trang.

đường tránh được mọi hiểu lầm, mọi những nhiễu nên đã giữ được tư cách tốt không hề bị khiển trách và những phu gánh vãng được trưng dụng phục vụ cho đoàn, chúng tôi đã có khen thưởng ngoại lệ; tóm lại, cuộc du hành hòa bình qua Nam Kỳ chỉ lưu lại một cảm nghĩ tuyệt vời đối với dân chúng.

Các đoàn hộ tống danh dự được tập hợp từ quân đội chính quy của Huế, đều tỏ thái độ đúng đắn rất mực họ luôn luôn dành chỗ đặt danh dự cho hiệp định trên một cái bệ màu đỏ chói suốt dọc đường; và nếu chúng tôi dừng chân tại một ngôi chùa thì họ đặt hiệp định trên bàn thờ. Khi số người gánh bị thiếu trên những đoạn đường khó khăn thì họ ra tay giúp đỡ. Các quan chức được gửi từ kinh đô An nam và các chức trách địa phương, đều quan tâm lo liệu cho chúng tôi không thiếu thứ gì.

Chúng tôi đến Huế vào ngày 10, trong một đoàn hộ tống đã được bố trí ở các chặng đường, gồm nhiều toán quân chính quy với đại tá, sĩ quan dẫn đầu; và chúng tôi cũng được các Thượng thư xuất phát từ Kinh đô xa xôi đến đón tiếp để đưa đến những cái nhà được đặt quanh thành.

Trong suốt thời gian ở đây, chúng tôi luôn luôn được kính nể và chúng tôi có thể lo liệu ngay được các thủ tục để ký kết và trao đổi vĩnh viễn hiệp định cũng như để yết kiến vua.

Lúc ra đi từ Sài Gòn, tất cả đều đã được chuẩn bị lập thành bằng văn bản cùng với các Thượng thư và Toàn quyền khâm sai Lâm Duy Hiệp, Phan Thanh Giản.

Ngày 14, trong nghi thức long trọng tại ngôi điện ban hành luật pháp của triều đình, chúng tôi trao đổi hiệp định đã được vua Tự Đức phê chuẩn.

Bệnh dịch tả hoành hành tại Huế đã gây một sự mất mát lớn: Khâm sai Lâm sau ngày phê chuẩn hiệp ước thì qua đời bất ngờ, vì

đã phải chịu đựng nhiều mệt nhọc do phải lo liệu và kết thúc buổi lễ này.

Cái chết đáng tiếc này cũng may là không ảnh hưởng đến sự kết thúc công việc là nhờ có Phan Thanh Giản.

Ngày 16, sau khi thông qua diễn văn mà tôi phải đọc trước vua Tự Đức, và đáp từ của nhà vua, cũng như ấn định các chỗ đứng, các hình thức nghi lễ mà chúng tôi phải tuân theo, chúng tôi đã đến yết kiến từ giả vua ở trong Kinh thành.

Tất cả sự xa hoa lộng lẫy ở Đông Dương đã được triều đình An nam phô bày trong dịp này. Hơn 20.000 lính với các binh chủng đã được sắp hàng trên chặng đường chúng tôi đi qua. Các con voi kẻ cả voi ngự, được trang phục và điều khiển bởi các ông nài trông đồ sộ nổi bật lên trên cái đơn điệu của những đám quân cờ xí đủ sắc màu lòe loẹt đầy khắp các con đường của Kinh thành.

Đoàn hộ tống vũ trang của chúng tôi, theo tục lệ phải dừng trước cổng Hoàng thành, và chỉ có chúng tôi mới được đi vào cung cấm để yết kiến vua Tự Đức.

Chúng tôi được miễn quỳ lạy vì việc này không có trong phong tục của chúng tôi và được giữ thanh kiếm bên mình; theo như qui ước với nhau thì chúng tôi chỉ cúi đầu một lần, khi đến gần cái bệ ngai vua và cúi đầu 3 lần nữa khi cáo từ vua Tự Đức.

Vua An nam trong một gian phòng rộng lớn được trang trí bằng tơ lụa và cờ xí, xung quanh có Hoàng tử nhiều đời, không dưới 150 hay 200 người, đã tiếp đón chúng tôi trước cái bàn thếp vàng.

Tất cả các chức sắc, các quan lại triều đình, các nhà văn nho, các thị vệ của vua, mặc áo lụa đều cùng chúng tôi đọc trực tiếp cho vua nghe bài diễn văn đã được thỏa thuận trước và trình cho vua một bản sao. Bài diễn văn được lặp lại cho vua nghe bằng tiếng Trung Hoa

bồi đại úy Aubaret chỉ huy chiếc tàu cỡ trung và sau đó là lời đáp từ của vua được Khâm sai Toàn quyền Phan Thanh Giản lập lại và dịch cho chúng tôi nghe bởi một thành viên của hội đồng tư vấn bên cạnh vua.

Sau buổi lễ này, chúng tôi được đưa về cũng long trọng như khi được rước đến; và tại nhà ở, chúng tôi tiếp tục được các Thượng thư và các phái viên của triều đình đến thăm viếng.

Trong ngày ấy, vua Tự Đức đưa đến cho tôi một bức thư tự tay vua viết, trong nghi thức trang trọng như đối với mọi bức thư được xem là thiêng liêng khác, và căn dặn chúng tôi nói lại là sau khi ký hiệp ước chính thức, vua nhận thấy có bốn phận giao cho chúng tôi một bức thư viết bằng thể thơ do vua tự viết để tự chúng tôi đưa về cho Hoàng đế Pháp.

Ngày 18, tôi đã có thể đi bằng thuyền đến chiếc tàu "Grenada" mà chúng tôi đã cho đậu trước Huế; và nếu có thể được thì tránh cho đoàn hộ tống đang mệt mỏi giữa lúc dịch tả, khỏi phải một chuyến đi vất vả từ kinh đô về Đà Nẵng bằng đường bộ.

Yêu cầu của tôi đã được chấp nhận dễ dàng; sáng ngày 19, chúng tôi có thể nhổ neo về Sài Gòn và dầu sao thì chúng tôi mất 2 người lính, một của quân Tây Ban Nha và một thủy quân lục chiến trong cuộc hành trình vất vả và trong hoàn cảnh tai hại của dịch tả đã làm cho nhiều người dân Huế chịu tử vong.

Tóm lại, kính thưa Bộ trưởng, hiệp định được Hoàng đế phê chuẩn và các phái viên do Ngài cử sang đã được đón tiếp trong mọi nghi lễ vinh dự, trang trọng ở tại kinh đô vương quốc An nam.

Cuộc hành trình vì hòa bình của chúng tôi đã có âm vang tốt trong dân chúng. Người An Nam nhiều lần công khai bày tỏ ý muốn gửi một phái đoàn sang yết kiến Hoàng đế, cũng như ký thác cho

chúng tôi một số thanh thiếu niên tuấn tú của các nhà quyền quý để đưa vào Sài Gòn hay sang Pháp học tập văn minh và học văn Tây phương.

Tôi xin mang về Ngài, bản hiệp định không thay đổi, được vua Tự Đức phê chuẩn và một bức thư tự tay vị vua ấy gửi đến Hoàng đế của chúng ta và cuối cùng là 1 triệu tiền đền bù chiến tranh theo quy ước.

Vua An nam chưa có thời giờ để gửi tặng phẩm xứng đáng đến Hoàng đế và hứa sẽ sửa chữa sự thiếu sót đó ngay khi có điều kiện gửi một phái đoàn đến yết kiến vua Napoléon.

Vùng Nam Kỳ thuộc Pháp đã được bình định, hiệp định được ký kết, các quân đội của Hoàng hậu Tây Ban Nha đã trở về Manille, đội quân viễn chinh trên đất Trung Hoa đã trở lại trung tâm đóng quân. Tôi bàn giao công tác lại cho phó đô đốc de la Grandière và trở về Pháp trên chiếc tàu chở thư từ, ngày 1 tháng 5.

Tôi là.....

BONARD

*
* *

XII. HÒA ƯỚC KÝ KẾT GIỮA HOÀNG ĐẾ PHÁP VÀ VUA AN NAM.

Hôm nay, các Ngài:

Napoléon đệ tam, Hoàng đế Pháp.

Isabelle II, Nữ hoàng Tây Ban Nha.

Và Tự Đức, vua An nam.

Đều mong muốn từ nay có sự thỏa thuận hoàn toàn giữa ba nước Pháp, Tây Ban Nha và An Nam; mong muốn tình hữu nghị và nền hòa bình không bao giờ bị gián đoạn giữa ba nước. Vì các mục đích ấy:

Chúng tôi, Louis Adolphe Bonard, Phó đô đốc Tổng chỉ huy trưởng đội quân viễn chinh Pháp, Tây Ban Nha ở Nam Kỳ, đại sứ Toàn quyền của Hoàng đế Pháp tước Thượng kỵ sĩ của các tước tập Hoàng gia của đoàn quốc công danh dự và của đoàn Saint Stanilas L'Galata tước thượng kỵ sĩ của đoàn La Mã và tước thượng kỵ sĩ của tước tập hoàng gia của vua Chiales đệ tam Tây Ban Nha.

Don Carlos Palanca Gutierrez, Đại tá tổng chỉ huy đội quân viễn chinh Tây Ban Nha ở Nam Kỳ, tước thượng kỵ sĩ cùng tước tập Hoàng gia chân mỹ Nữ hoàng Isabelle Thiên Chúa Giáo và tước tập Hoàng gia của đoàn quốc công danh dự, tước kỵ sĩ của các tước tập Hoàng gia và quân đội Saint Ferdinand và Saint và Hermenegirsle, đại sứ Toàn quyền của Nữ hoàng Thiên Chúa Giáo Dona Isabelle II, Nữ hoàng Tây Ban Nha.

Và chúng tôi Phan Thanh Giản, Thái phó Ngự sử nước An nam, Thượng thư, Chánh án tòa án, Bộ Lễ, Khâm sai Toàn quyền của Hoàng đế Tự Đức, có phụ tá là:

Chúng tôi Lâm Duy Hiệp, Thượng thư, Chánh án Tòa án binh, Khâm sai toàn quyền của Hoàng đế Tự Đức.

Tất cả chúng tôi đều được giao phó toàn quyền thương thuyết hòa bình và hành động theo lương tâm ý chí, đã hội họp với nhau và sau khi trao đổi ủy nhiệm thư, chúng tôi thấy đúng hoàn toàn theo luật.

Chúng tôi, khẳng định đã có sự thỏa thuận chung nhất trí theo từng điều khoản một dưới đây lập thành một hiệp ước hòa bình và hữu nghị:

Điều khoản 1 - Từ nay về sau có sự hòa bình vĩnh viễn giữa một bên là Hoàng đế Pháp và Nữ hoàng Tây Ban Nha, và bên kia là vua An nam; hữu nghị hoàn toàn và vĩnh viễn giữa các công dân của ba quốc gia bất kỳ ở đâu có sự hiện diện của họ.

Điều khoản 2 - Các công dân của hai quốc gia Pháp và Tây Ban Nha có thể hành đạo Thiên Chúa trong vương quốc An nam, không phân biệt là ai, nếu muốn, và theo đạo Thiên Chúa có thể tự do làm điều đó và không bị gây trở ngại nhưng cũng không được bắt ai phải theo đạo Thiên Chúa nếu họ không muốn.

Điều khoản 3 - Ba tỉnh trọn vẹn Biên Hòa, Gia Định và Định Tường (Mỹ Tho) cũng với Côn Đảo phải được nhượng toàn bộ theo hiệp định này cho chủ quyền của Hoàng đế Pháp.

Ngoài ra các thương gia Pháp có thể tự do buôn bán và cho tàu thuyền bất cứ loại nào đi lại trên con sông lớn Cao Miên và trong tất cả các nhánh sông phụ thuộc.

Điều khoản 4 - Hòa bình đã lập lại, nếu một ngoại quốc nào hoặc khiêu khích hoặc bằng hiệp định đòi nhượng một phần đất An nam, vua An nam phải phái một Khâm sai đến với Hoàng đế Pháp để trình vấn đề đã xảy ra và để cho Hoàng đế Pháp được toàn quyền tự do giúp đỡ hay không giúp đỡ cho vương quốc An nam, nhưng nếu cái hiệp định đó đối với ngoại quốc có về vấn đề nhượng đất thì việc nhượng đất ấy chỉ có thể chấp nhận với sự đồng ý của Hoàng đế Pháp.

Điều khoản 5 - Các công dân của vương quốc Pháp và vương quốc Tây Ban Nha có thể tự do buôn bán trong ba cảng Đà Nẵng, Ba Lạt và Quảng An.

Các công dân An nam cũng được quyền tự do buôn bán trên các cảng của Pháp và Tây Ban Nha và nếu nước ấy có một đặc quyền

trong vương quốc An nam thì đặc quyền đó không có thể lớn hơn đặc quyền đã được thỏa thuận dành cho nước Pháp và Tây Ban Nha.

Điều khoản 6- Hòa bình đã lập lại, nếu có giải quyết một việc nào quan trọng, cả ba vua có thể gửi các đại diện giải quyết các việc quan trọng ấy tại một trong ba kinh đô.

Nếu không có gì quan trọng, một trong ba vua muốn gửi các điều chúc mừng cho các vua khác thì có thể phái đi một Khâm sai.

Tàu của Khâm sai Pháp hay Tây Ban Nha sẽ đậu ở cảng Đà Nẵng và Khâm sai sẽ đi ra Huế bằng đường bộ, tại đây vị ấy sẽ được yết kiến vua.

Điều khoản 7- Hòa bình đã lập lại, hận thù hoàn toàn không còn nữa cho nên Hoàng đế Pháp ban bố ân xá cho các người dân dũ là quân đội hay dân thường của vương quốc An nam bị bắt giữ trong chiến tranh, và giao trả cho họ các tài sản đã bị quản lý. Vua An nam cũng ban bố ân xá toàn diện cho các người dân và cho cả gia đình họ đã đầu hàng chính quyền Pháp.

Điều khoản 8- Vua An nam phải trả một số tiền đền bù là 4 triệu đôla, trả trong 10 năm, mỗi năm 400.000 đôla giao cho đại diện của Hoàng đế Pháp tại Sài Gòn. Số tiền ấy để đền bù các chi phí chiến tranh của Pháp và Tây Ban Nha.

Một trăm nghìn lạng đã đưa sẽ được khấu trừ.

Nước An nam không có đôla, đôla sẽ được trị giá bằng 72 phần trăm lạng vàng.

Điều khoản 9- Nếu một kẻ cướp đường, một kẻ cướp biển là người An nam phạm tội cướp bóc hay gây rối ở địa phận Pháp, hoặc một người dân Âu phạm một tội hình sự nào đó trốn sang địa phận An nam, sau khi chính quyền Pháp đã báo tin cho chính

quyền An nam biết thì lập tức chính quyền An nam phải cố gắng bắt cho được tội phạm giao lại cho chính quyền Pháp.

Cũng làm như vậy đối với kẻ cướp đường, cướp biển hay kẻ gây loạn người An nam sau khi phạm tội, lại trốn qua địa phận Pháp.

Điều khoản 10- Dân ở ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên có thể buôn bán tự do trong ba tỉnh thuộc Pháp và phải tuân thủ luật pháp được áp dụng nhưng sự di chuyển các đoàn quân, vũ khí, đạn dược hay lương thực thực phẩm giữa ba tỉnh trên và Nam Kỳ phải tuyệt đối đi theo đường biển.

Tuy nhiên, Hoàng đế Pháp cho phép các đoàn ấy vào Cao Miên bằng lạch Mỹ Tho có tên gọi là Cửa Tiên, với điều kiện chính quyền An nam phải báo trước cho đại diện Hoàng đế để họ cấp giấy thông hành. Nếu không chấp hành thủ tục và nếu có đoàn thuyền nào đi không giấy phép, thì đoàn ấy cùng toàn bộ những gì làm nên đoàn ấy sẽ bị bắt giữ, các vật liệu sẽ bị phá hủy.

Điều khoản 11- Thành Vĩnh Long được đặt dưới quyền canh giữ của quân đội Pháp cho đến khi có lệnh mới mà không ngăn cấm các hoạt động của quan chức An nam. Thành này sẽ trả lại cho vua An- nam ngay sau khi vua An nam ra lệnh dẹp tắt được các cuộc nổi loạn hiện nay còn tồn tại ở các tỉnh Gia Định và Định Tường và khi các tướng lĩnh nổi loạn ra đi hết, các tỉnh được yên ổn, thuận phục đúng theo nghĩa của một vùng đất hòa bình.

Điều khoản 12- Hiệp định này được đúc kết giữa ba quốc gia, các Khâm sai toàn quyền của ba quốc gia ấy đã ký tên và đóng dấu vào đó và họ sẽ tường trình hiệp ước cho vua của họ, và kể từ hôm nay, ngày ký kết cho đến trong khoảng 1 năm. Kể cả việc sau khi ba vua đã xem xét và phê chuẩn hiệp định này, thì cuộc trao đổi hiệp ước phê chuẩn sẽ được diễn ra ở kinh đô của vương quốc An nam.

Để làm tin, các đại sứ toàn quyền có tên trên lần lượt ký vào hiệp ước này và đóng dấu của họ.

Tại Sài Gòn, năm một nghìn tám trăm sáu mươi hai (1862), ngày 5 tháng 6 năm thứ 15 niên hiệu Tự Đức, tháng 5 ngày mồng 9.

Ký tên Bonard, Calos Palanca Grutierrez

Phan Thanh Glán và Lâm Duy Hiệp

Bản sao:

Phó đô đốc, Tổng chỉ huy ở Nam Kỳ.

Khâm sai toàn quyền của Hoàng đế.

BONARD



VÀI GƯƠNG MẶT CỦA TRIỀU VÕ VƯƠNG

L.CADIÈRE,

Hội truyền giáo, Paris

Lắm khi những người quen với những cái lạy lớn, cũng muốn biết mặt biết tên một người nào đó trong đám đông các quan lại đang sắp hàng với áo lễ đủ màu, trên các nền sân châu lát gạch của điện Thái Hòa. Ngoài những đại thần của triều đình mà chức tước đã làm cho họ nổi bật hẳn lên trước kẻ khác, thì cũng thật khó mà tin cho được cái tên của một người nào đó trên cái gương mặt im lặng và bất động. Tất cả đều mặt đồng phục, đều cùng một tư thế, đều có chung các động tác, có chung một nét mặt. Người ta có thể nói rằng con người thực không còn nữa, chỉ còn chức vụ. Bản sắc và cái tên đã lu mờ sau chức tước và cấp bậc quan lại. Ta cũng có một ít cảm giác tương tự một khi theo dõi trong sử sách, tiểu sử các đại thần của các thế kỷ trước, ta thấy lần lượt hiện ra những nhân vật chính trị, chiến binh, những người cai trị mà vài trường hợp cá biệt hầu hết đều giống nhau, đều có các hành động như nhau, đều leo lên các cấp bậc quan trời như nhau, đều tỏ ra có các nét đạo đức hay phát huy các tài năng như nhau. Thật là khó nếu không nói bất lực, trong nhiều trường hợp khi muốn tìm hiểu tình hình, muốn phân biệt được bản chất của một người.

May mắn thay là trong một vài thời kỳ của lịch sử An nam, chúng ta có các chuyện kể của người Âu đã sống hay đã đi qua Huế. Các tác giả ấy đã hiểu chức năng của họ khác với các nhà viết sử và chúng ta rất cảm ơn họ. Họ đã thấy trong các quan lớn mà họ gặp có thể là các quan chức, vì họ phải giải quyết với các người ấy những vấn đề tế nhị, nhiều khi gai góc nữa và chính họ đã đánh giá các quan ấy trong vai trò của quan lại, nhưng đầu sao cũng có một vài tác giả quan tâm đến con người của ông quan: họ đã miêu tả các cá nhân, hình dạng bên ngoài, cách đi đứng, diện mạo, lối trò chuyện, các đức tính và tật xấu, gia đình họ, tâm hồn họ, những ưu tư mật thiết về đời riêng của họ. Và chúng ta rất vui mừng thấy được con người chính trị nghiêm khắc, uy nghi, lạnh nhạt và cứng cỏi như các pho tượng đá ở các sân châu của huyện cung tại các lăng tẩm vua chúa, trong các sách sử vẫn là con người biết cử động, nói phỏ, có cảm giác và có sự sống như mọi người khác.

Trong tất cả các thời kỳ, hầu như kể từ ngày triều đại ra đời, đều có các người châu Âu tại triều Nguyễn. Nhưng đặc biệt họ có mặt nhiều vào thời kỳ phục hưng, tôi muốn nói là thời Võ Vương ở giữa thế kỷ XVIII. Và những người đã sống hay đến Huế vào thời kỳ đó là những người Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Bồ Đào Nha, những người như các ông Hoffer, Poivre, Siébert, Favre đều để lại cho chúng ta những gì họ đã làm đã thấy với các chi tiết thú vị, tạo nên những hương vị sử học.

Trong bài nghiên cứu này, tôi chỉ cố gắng tập trung các tư liệu được cung cấp do các nhà viết sử An nam, mặt khác được ghi chép do các tác giả về một vài khuôn mặt của triều đại Võ Vương, mong xây dựng nên những chân dung chính xác và đầy đủ chừng nào tốt chừng ấy của một vài nhân vật, vào thời đại đó đã có một vai trò lớn trong vận mệnh của vương quốc, một số đường nét nhưng không

muốn dựa vào các giả thuyết đơn giản để xây dựng nên những cái bề ngoài của sự thật. Nhưng triều đình Huế, vào một thời kỳ đặc biệt đáng được lưu ý, theo như tôi nghĩ, có thể nắm bắt được một tia sáng mới mẽ từ những nghiên cứu này.

I. NGƯỜI CẬU RUỘT CỦA VÕ VƯƠNG.

Ngày 26 tháng 9 năm 1749, Poivre vừa đến Huế thì liền đi thăm "cậu ruột của vua". Tuần sau, ngày 9 tháng 11, thương gia này phải một người đến nhà nhân vật ấy để yêu cầu giải quyết nhanh một công việc. "*Vị quan này đang bận tổ chức đám cưới cho con ông với con gái của vua*". Hai tư liệu này có một giá trị lớn, giúp cho ta xác định được một cách chắc chắn tên của quan lớn đó, và từ đó chúng ta có thể soi sáng với một luồng ánh sáng mạnh mẽ diện mạo tinh thần và vẻ bên ngoài của một nhân vật đã đóng một vai trò quan trọng của triều đình Huế, vào những thập kỷ 50, 60, 70 của thế kỷ XVIII. Đó là Trương Phúc Loan.

Sử sách về các vua trước đời Gia Long và tiểu sử của các nhân vật quan trọng của thời kỳ ấy cho chúng ta biết mẹ của Võ Vương Hoàng hậu tức Tôn Hiếu Ninh Hoàng hậu, vợ của Minh Mạng, là con gái của Trương Phúc Phan. Như vậy Trương Phúc Loan là con trai thứ hai của Trương Phúc Phan. Cậu của Võ Vương mà ông Poivre nói đến, như vậy là đã rõ, đó chính là một trong số con trai của Trương Phúc Phan, có thể Trương Phúc Loan là con trai thứ hai trong số những con trai của vị đại thần này, nhưng chúng ta chưa biết chắc chắn lắm vì đó cũng có thể là con trai trưởng của Trương Phúc Phan mà trong tiểu sử có nêu tên là Trương Phúc Thông.

Tư liệu thứ hai mà Poivre cung cấp cho chúng ta biết được một cách tuyệt đối đó chính là Trương Phúc Loan.

Thật vậy, vào ngày 9 tháng 11 cậu của vua làm đám cưới cho một trong số những con trai của ông với con gái Võ Vương. Nhưng trong các tiểu sử thì Ngọc Nguyên, con gái thứ hai của Võ Vương lại là vợ của Trương Phúc Thặng, con trai trưởng của Trương Phúc Loan. Cho nên, các đám cưới với con vua có thể nói là một thông lệ trong gia đình này. Trương Phúc Phan có vợ là con thứ ba của Ngải Vương tên là Ngọc Nhiễm, và một người con trai nữa của Trương Phúc Loan, con thứ ba tên là Trương Phúc Nhạc lại cưới con gái thứ chín của Võ Vương là Ngọc Thọ.

Chúng ta hãy dừng lại ở đây một chút để nhìn lại các tâm hồn trẻ này mà tình cờ chúng ta gặp trên đường nghiên cứu. Không có một dấu hiệu nào để ước định được tuổi của người hôn phu.

Cái tài liệu An nam với mâu thuẫn không phải là không có, cho chúng ta biết chàng trai đã đạt được những vinh dự như thế nào, anh ta là "Chưởng dinh", và là "Chưởng dinh cai cơ" hay nói cho đúng hơn nữa là "Chưởng cơ" và là "Cửu dinh trấn thủ" nghĩa là quan dân xứ Quảng Trị.

Nhưng chúng ta không rõ là người này làm các công việc và vai trò đó như thế nào trong những ngày loạn lạc của lịch sử An nam. Còn về công chúa, nàng mất vào năm Quý Tỵ 1773 thọ 48 tuổi, như vậy là năm sinh của nàng ứng vào năm 1726. Vào lúc mà Võ Vương, sinh năm 1714 mới có 12 tuổi. Đây có thể là trường hợp tảo hôn rất quá kỳ lạ. Đây chắc chắn có sự nhầm lẫn trong cách tính năm âm lịch về ngày mất hay tuổi của công chúa vào thời kỳ ấy. Chúng ta chẳng có cách gì để sửa cho chính xác được. Nhưng nếu chúng ta cho rằng... Ngọc Quyên chính là con gái thứ hai của Võ Vương và người con gái đầu, chị cả có lẽ khác mẹ, sinh năm 1738. Chúng ta có thể kết luận chính Ngọc Quyên này đều cùng sinh năm 1738. Như vậy năm 12 tuổi, theo kiểu An nam, nàng đã được gả về cho Trương

Phúc Thành và theo tục lệ An nam, vài năm sau mới được ở chung với nhau. Trở lại ông bố vợ, các tài liệu An nam đã vẽ với những nét có nhiều đen tối về con người riêng tư, con người xã hội của ông này.

"Khi Thế Tôn (Vô Vương) mất, Hưng Tổ (cha Gia Long) theo thứ tự thừa kế, lẽ ra phải được lên ngôi ông này thông minh đức hạnh nên Loạn sợ rằng về sau không lái ông ta theo ý muốn của Loạn được. Loạn cho công bố mệnh di chiếu giả và Thái tử đáng được lên ngôi kia bị bắt bỏ ngục.

"Dục Tôn (Huệ vương) mới 12 tuổi. Loạn lợi dụng tuổi trẻ này, phối hợp với thái giám Chử Đức và vị Chương doanh Nguyễn Cửu Thông làm một di chiếu giả mạo trong đó Vô Vương để ngôi cho vị Hoàng tử này.

"Dục Tôn lên ngôi. Loạn xúi giục đủ các loại trò chơi và lạc thú. Vị vương này, nghĩ đến công lao của Loạn nên đã phong chức Phụ chánh của vương quốc, phụ trách Bộ Hộ, chỉ huy đoàn voi tại kinh đô và phụ trách về thuyền bè. Con trai trưởng của Loạn là Thăng lấy Ngọc Nguyên, con gái thứ hai của Vô Vương, và con gái thứ nhì tên Nhạc lấy con gái thứ 7 của Vô Vương tên Ngọc Thọ, cả hai đều được chức Chương doanh cai cơ. Cùng trong một gia đình đã tập trung cả danh vọng và của cải, quyền bính trọn vẹn đối với những gì ở chốn Hoàng Cung, cũng như đối với của các tỉnh. Một tay cùng cánh với Loạn là Thái Sinh được bố trí giữ chức Thượng thư Bộ Hộ và chiếm giữ vị trí quan trọng nhất. Niềm kiêu hãnh của Loạn ngày càng tăng lên. Ông ta chỉ biết thỏa mãn lòng tham lam, hung ác, hận thù và tàn bạo mà chẳng sợ ai cả. Dân gọi ông là Trương Tần Cối.

"Lúc đầu Hoàng tử Dục có uy quyền lớn nhất và được trọng nể nhất trong Hoàng tộc. Loạn muốn tổ thân thiện và uốn gả con gái cho Dục nhưng Dục vẫn đi con đường chân chính, không chịu làm con người nịnh bợ. Loạn hèn học, xúi bọn phe cánh nói xấu và buộc

tội Dục là mưu phản. Nhưng không có sự việc cụ thể, Dục chỉ bị cách chức.

"Hơn nữa, do hận thù cá nhân Loan đã vu khống kẻ tội oan và sai giết Hoàng tử Văn. Rất nhiều người đều là nạn nhân cùng số phận.

"Loan có nhiều lợi tức, riêng sản phẩm và thuế của các thung lũng Sái Nguyên, Thu Bồn, Trà Sơn, Trà Văn, Đồng Hương hằng năm thu đến 40 đến 50.000 quan. Công việc Bộ Hộ, kiểm soát tàu thuyền và các chức vụ khác đem lại một mối lợi không dưới 30 hay 40.000 quan. Để làm giàu cho gia đình, ông bán các chức quan và thả tù để đổi lấy bạc. Vàng bạc, đá quý, lụa là chất đống như núi. Dinh cơ của Loan, ruộng đồng, vườn nhà, tôi tớ, gia cầm, gia súc, ngựa không đếm xiết. Loan còn một dinh thự nghỉ mát đặc biệt ở làng Phấn Dương. Có một năm do lũ lụt lớn về mùa thu, ruộng hòm của Loan bị ngập nước. Khi nước rút, người ta đem vàng phơi cả sân chói ngời.

"Ba bữa ăn trong ngày, chợ búa đều nhao nháo do các người nhà bếp của Loan. Bàn ăn đầy món ngon nhưng Loan luôn kêu không hợp khẩu vị, chỉ ăn một ít nước mắm (dân gọi là mắm vãnh hay vĩnh) và canh rau".

Theo chúng ta thấy, các nhà viết sử viết tiểu sử của Trương Phúc Loan đã dồn về đủ mọi thứ: lời ta thán của những kẻ bất mãn trước sự lạm dụng quyền hạn của quan đại thần này; thêm vào đó, là những lời mách lẻo của tôi tớ hay gièm pha của đàn bà chợ búa, những công kích mạnh mẽ lên thêm dữ dội theo đà của những biến cố dồn dập, kéo theo sự sụp đổ nhanh chóng các chúa ở Huế.

"Năm Quý Tị 1773 vào mùa xuân, anh em Tây Sơn với Nguyễn Nhạc phát cờ nổi loạn. Một bức thư từ biên giới báo tin khẩn cấp cho

triều đình. Sĩ quan và binh lính nhụt nhuệ khí trong hòa bình vì từ lâu không đánh trận nên kể viện lý này, người bàn lẽ khác để khỏi phải hành quân, Loan lại thêm lần nữa vơ vét của công và củ người khác thay mình để cời đánh giặc, mọi người đều bất mãn. Mới giáp trận lần đầu, quân lính ta đã rút lui tán loạn, thế lực của giặc ngày càng mạnh thêm.

"Năm Giáp Ngọ (1774) mùa Đông, tướng của họ Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc tiến vào phần đất của miền Nam và bố cáo tội ác của Loan. Hoàng Ngũ Phúc nói: "Loan kìm hãm con người có tài, khủng bố dân, cuộc viễn chinh chỉ có mục đích loại trừ Loan chứ không phải xâm chiếm đất nước".

"Khi các đoàn quân thù đến tại Hồ Xá, Hoàng tử Huống, Chương dinh, cùng với Nguyễn Cửu Pháp liền bắt Loan và giao cho Ngũ Phúc. Hơn nữa họ còn giết các đồng đảng của Loan như bọn Thái Sinh. Loan bảo các con lấy vàng bạc và tìm mọi cách để mua chuộc tướng của Trịnh. Ngũ Phúc cho trói Loan ở giữa ba quân, con trai của Loan đem vàng cho những người canh gác. Những người canh gác hỏi: "Vàng này từ đâu mà có nhiều thế?". Các người con trả lời "Chúng tôi đã bán ruộng và vườn chúng tôi".

"Năm Bính Thân, vào mùa Đông 1776, có lệnh dẫn tên tù về Hà Nội nhưng Loan chết dọc đường đi" (Đại Nam liệt truyện).

Bảng tóm tắt sự kiện này được viết có tính cách thiên vị cũng như những gì được viết ở trên về tiểu sử của Trương Phúc Loan. Người ta chỉ kể những gì thuộc về trách nhiệm của ông, nói về ông như người phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình hình rối loạn của An nam thời kỳ ấy; nhưng lẽ ra, phải có những kẻ khác cùng gánh chịu nữa mới đúng; những nạn nhân của ông đều được miêu tả như những kẻ chết vì chính nghĩa nhưng thật ra ít nhất cũng có vài người đã làm những vai trò hèn mạt. Người ta phanh phui đời tư của ông để làm

cho ông trở thành một nhân vật bỉ ổi, thô lỗ. Đối với các nhà viết sử thời Nguyễn, thì Trương Phúc Loan là kẻ phạm tội lớn nhất, duy nhất làm cho triều đại Huế sụp đổ. Bây giờ chúng ta hãy xem thử các tác giả châu Âu đã nói gì về Loan.

Poivre có liên hệ với Trương Phúc Loan trong vài tháng ở lại Huế và đã có nhiều cơ hội gặp được ông ấy. Vị quan này có một địa vị rất cao trong vương quốc. Theo cách viết của Poivre, thì ông này được viết với chữ "*Ông tha ngoại*" nghĩa là "*ông tả ngoại*", nhưng cũng không nên dịch theo cách của nhà thương mại của chúng ta thành ra "*Thượng thư bên phải của những công việc bên ngoài*" mà phải dịch là "*Tả Thượng thư về công việc đối ngoại*".

Chính vào năm 1638, năm thứ ba của triều Công thượng vương mà Công thượng đã đặt một chức Nội tả và Ngoại tả, một Nội hữu và Ngoại hữu, là tứ trụ triều đình. Đại thần Poivre đã cho chúng ta biết các chức vụ của đại thần khi nói rằng "*Ông tha Tlaon*" (Ông Tả Trong, Ông Nội tả) là *Thượng thư cánh hữu* (nên đọc: cánh tả) *phải đảm trách các việc tư và nội tình Hoàng cung*", "*Những vị nội thần*" đầu là nội tả Nội hữu đều phải chăm lo việc trong nội bộ của Hoàng cung và "*những vị ở ngoại thần*" đầu là Ngoại tả hay Ngoại hữu đều tập trung vào việc cai quản các tỉnh.

Poivre đã có đem theo, ngoài các hàng hóa đủ loại, một khối lượng bạc trụ của Mỹ Tây Cơ và của các nước khác, mà ông muốn cho tiêu thụ trong nước. Ông xin Võ Vương ra một chiếu dụ để định một tỷ giá hợp pháp. Vương đã chuẩn y cầu xin của Poivre với điều kiện là phải in vài chữ trên trụ bạc để ổn định giá cả thị trường và ủy nhiệm cho Trương Phúc Loan in các chữ đó vì có mấy chục nghìn đồng bạc và phải qua trung gian nhiều quan lại hạ cấp, các thợ vàng của triều đình và vì công việc không gặp nhiều khó khăn có thể làm

hồng việc, nên người ta hiểu vì sao Poivre phải thường đến tư dinh của vị đại thần này và nhân thể có thể quan sát tính tình của ông ta.

Cảm tưởng rất lộn xộn, quan niệm của thuyền nhân này trong nhận định về Trương Phúc Loan là tốt, có một vài sự dè dặt và về sau thật là xấu khi Poivre cảm thấy ông bị vị quan này cũng như các quan khác lừa gạt.

Poivre nói rằng, ngày 26 tháng 9 năm 1749 là ngày có cuộc gặp gỡ đầu tiên: *"Vị quan này tiếp chúng tôi rất long trọng và tỏ tình rất thân thiện. Ông nói nhiều, biết về sức mạnh quân sự của vương quốc, khoe khoang nhiều về thủy binh thuyền buồm; kể cho chúng tôi nghe các chiến công của các đoàn quân ấy nhưng thật ra các chuyện này cần phải được xác minh và tỏ ra có tính cách quá hảo huyền, chẳng cần phải nói là làm chi cho nhiều. Tôi nhận thấy ở vị quan này một sự khoe khoang thô kệch, nhiều uế oải, có vẻ trau chuốt nhưng thiếu phẩm chất và quý phái"*.

Nói tóm lại, Trương Phúc Loan không ghét việc buôn bán với người Âu. Trái lại ông tỏ ra rất có cảm tình, thích trò chuyện. Hơn thế nữa, lúc đầu khi giải quyết những việc chạy chọt cho Poivre, quan chúng tỏ có thiện chí và chân thật.

"Ngày 29 tháng 10, sau khi ăn chiều, tôi đến vị Thượng thư "Ôn tha ngoại" để tặng một món quà nhỏ gồm một số vật lạ của châu Âu."

"Vị quan này hứa hẹn với tôi nghìn lần về sự nhiệt tình. Tôi đem đến cho ông 7.000 đồng để in dấu. Ông chỉ cho đếm được 1.000 đồng thì trời tối hẳn và ông không dám nhận 6.000 đồng còn lại do đó tôi lại phải mang về nhà."

"Vị quan này bảo đảm với tôi là vua đã chỉ thị cho ông phải nâng đỡ tôi trong những gì thuộc quyền ông phụ trách và tôi lợi dụng cơ hội này để trình bày là không công bằng nếu để một sai sót quá lớn giữa các loại bạc..."

"Vị quan trả lời rằng, ông cũng cảm thấy đó là bất công mà người ta muốn gây cho chúng tôi, vì đặt trước một giá cho đồng bạc. Ông đã tập trung các thợ vàng của vua. Và những người này sau khi xem xét các loại bạc mà tôi cho là lớn nhất đã nhất trí là phải 16 đồng ấy mới bằng 10 lạng bạc. Vị quan còn nói ông biết là bọn thợ vàng ấy là bọn gian lận đã hạ giá đồng bạc của chúng tôi để kiếm lợi. Ông còn cho biết, trong dịp chúng tôi đến những thợ vàng đã làm một buổi tế lễ và tiệc tùng, và sự tuyên thệ với nhau là thợ vàng của triều đình sẽ làm làm tiêu tan đồng bạc của người Pháp bằng cách chỉ đánh giá 16 đồng bằng 10 lạng thôi. Tôi đã nói hết cho "Ôn tha" biết phương pháp bất công của các thợ vàng, tôi cũng có nêu là trái ý muốn của vua. Tất cả giá mà tôi đạt được đó là 4 đồng vuông hay Mê Tây Cơ sẽ được định giá bằng 1 quan 2 nén 48 tiền và các bạc mới vẫn quy định bằng 1 quan 3 nén".

Bắt đầu từ đó các thẻ bạc được đều đều đến hành dinh vị Đại thần để ông cho in dấu giá vào đó. Poivre có nhận xét là Trương Phúc Loan cũng có một sự năng động tương đối: "Tôi gửi đến "Ôn tha" cái hòm bạc cuối cùng. Vị quan này tuy chậm nhưng cũng còn nhanh hơn các vị quan khác. Vua thích ông cũng do đức tính ấy".

Hôm ấy là ngày 13 tháng 11, sau ngày này Poivre đến vị quan ấy.

"Ông tiếp đón tôi với sự niềm nở thường lệ. Ông an ủi tôi đủ điều và thết đãi tôi bữa cơm ngon. Tôi nghỉ lại đấy nửa ngày, ông rất nhiệt tình và tôi hy vọng nhiều ở ông ấy, vì ông tỏ ra ngay thẳng và có uy quyền... Các thợ vàng hôm qua ăn cắp hai đồng, khi biết được, ông cho đóng cửa và dọa bắt mang gông cả bọn. Hai đồng bạc đã tìm lại được ngay. Ông đọc cho tôi nghe chiếu dụ của vua cho lưu hành các đồng bạc của chúng tôi".

Bốn ngày sau, 18 tháng 11, Poivre cho người đến lấy các hòm bạc còn lại tại nơi in ấn, ông quan tuyên bố: *"Tất cả đều đã trả lại hết"*.

Hơn nữa Trương Phúc Loan cũng tỏ ra lanh lợi trong sự phân phát về các tỉnh chiếu dụ của vua cho ấn định tỷ giá hợp pháp cho đồng bạc mới.

Tóm lại, mọi sự đã hỏng do một việc không đâu.

Vị quan này, muốn nêu thí dụ về sử dụng các đồng bạc cho cả vương quốc nên đã đem giao cho tôi 3.000 quan bằng tiền để được đổi lấy bạc".

Phải chăng đây là một lời hứa chân thật và nhanh gọn? Hay là Poivre có yêu cầu đại thần giúp cho ông việc này và ông này đã hứa hẹn như những người khác thường hứa hẹn trong tình thế bị yêu cầu dồn dập, để rồi phải tổng khứ kẻ đến nhờ, mà chẳng hề nghĩ đến việc phải giữ lời? Tôi cũng chẳng biết nói gì hơn! Nhưng chắc giả thuyết thứ hai này có thể đúng hơn.

Khổ thay Poivre thì xem lời hứa của vị quan như là đồng tiền mặt, và Poivre rất chú tâm đến điều này. Chẳng ai muốn các đồng bạc mới và dầu được trị giá như thế nào từ các người buôn bán hạt tiêu hay là lụa hoặc đường, cho đến các quan có nhiều tình cảm đối với vị thương gia ngoại quốc trong lúc tình hình bất lợi.

Việc làm tiêu biểu của một trong tứ trụ triều đình, đổi một số tiền lớn 3.000 lạng, độ chừng 2.300 đồng bạc, hẳn tạo nên một ảnh hưởng tốt cho công việc của Poivre. Nhưng vị quan đã không làm nghĩa vụ của ông. Ngày 17 tháng 11 là ngày hứa hẹn giải quyết, ngày 3 tháng 12 Poivre đã ghi nhật ký một cách buồn rầu: *"Tôi được biết rằng ông quan "Ôn tha" đã thất hứa với tôi trong việc giao cho tôi 3.000 quan ở Hội An trước ngày 20 âm lịch với điều kiện ông được lấy bạc về*

tại đây. Ngày 27 tôi gửi người đến ông để khiếu nại về việc không giữ lời hứa. Lúc đầu ông từ chối không tiếp và trả lời là bị ốm nhưng do năn nỉ những người ấy được vào song để cản trở các khiếu nại của tôi, ông lại làm mặt giận bằng cách trả lời thật là tôi chưa cần số tiền như ông đã hứa cho nên ông chưa gửi giấy đến. Nên nhớ là chưa đến 15 ngày, tôi đã giao trước cho vị quan ấy 30.000 đồng bạc mà không yêu cầu một giấy tờ gì cả; hơn nữa tôi biết họ là những người có tính rất hoài nghi, tôi đã gửi giấy của tôi qua tay người thông ngôn, nhưng cho đến ngày hôm ấy, thông ngôn vẫn chưa chuyển... Những than phiền của "Ôn tha" lại càng làm tôi có nghi vấn thêm cả đối với người thông ngôn...".

Sự lãng quên hay có thể là sự gian lận của người thông ngôn là nguyên nhân của sự cắt đứt liên lạc, nhưng cũng có thể đó là cái dịp hay cái cớ. Poivre lại bị mọi người chống lại: "Tôi chẳng còn biết tin vào ai nữa, ông đã nói ra buồn bã, đâu tôi cũng thấy toàn là kẻ cắp" Trương Phúc Loan đã nhiều lần bắt người thương gia Pháp phải đợi trong nhiều giờ khi đến gặp, và sau cùng từ chối hẳn không tiếp nữa.

"Ngày 6 tháng 12, tôi đến "Ôn tha" nhờ đổi cho vài đồng bạc được in dấu để nhận đồng tiền do gặp khó khăn trong những ngày tôi cần tiêu các đồng bạc mới. Vị quan đã thất lời hứa với tôi về 3000 quan mà ông hứa trao cho tôi ở Hội An để đổi số bạc mà tôi đã trả tại đây, lại sợ tôi đưa ra những khiếu nại. Lúc đầu ông bắt tôi đợi ngoài cổng trong một lều tranh, và tại đây, tôi đã phải khổ sở vì thái độ hỗn xược của một bầy vô loại, các đầy tớ và lính tráng. Sau 2 giờ, ông cho người đưa những lý do rất xấu để xin lỗi là không tiếp tôi được".

Như thế là chấm dứt quan hệ giữa Poivre và Trương Phúc Loan.

Poivre không phải là người Âu duy nhất giao dịch với triều đình Huế, còn có rất nhiều linh mục ở trong xứ, có thể nói quá nhiều là

đăng khác, các hội viên của nhiều hội thuộc nhiều nước đến truyền đạo ở Nam Kỳ, đã không ngớt tranh giành các địa phương, các xứ đạo, nhà thờ và giáo dân.

Vào tháng 6 năm 1739, một người Pháp, đức cha Elzéar des Achard de la Baume, tức là linh mục d'Halicarnasse, đến Huế với quyền năng quan sát truyền giáo, thay mặt Giáo hoàng để giải quyết mâu thuẫn giữa các linh mục. Thư ký của đức cha là một tu viện trưởng người Thụy sĩ, tên Favre, có để lại cho chúng ta một bài tường thuật thích thú mặc dầu không khách quan về cuộc thăm viếng truyền giáo.

Đương nhiên theo thường lệ thì vị đại diện đức Giáo hoàng đã liên hệ và mang quà tặng đến Võ Vương và cũng liên hệ với một vài đại thần của triều đình.

"Tuần sau đó, cậu của vua "Ôn Tha" Thượng thư quốc gia và Bộ Binh thân hành đến thăm khách: ông Thượng thư chúc tụng rất lịch sự, ông Halicarnasse đón tiếp rất lễ phép. Đức cha rất cảm xúc khi thấy ông lớn này, có diện mạo khá ái và dáng dấp vẻ trung hậu. Sau cuộc trò chuyện khá dài, Khâm sai nói: "Nếu ông lớn theo đạo Thiên Chúa thì đó là hạnh phúc vô cùng". Ông lớn mỉm cười và nói: "Tôi có biết chút ít về đạo của Ngài và cũng thấy rất tốt, khi nào Ngài biết nói thạo tiếng của chúng tôi, chúng ta sẽ mạn đàm nhiều hơn", và đồng thời ông lớn đặt tay lên vai tôi tỏ ý thân thiện. Đức cha tặng ông một hộp đựng thuốc lá có khảm vàng mà ông lớn rất lấy làm vinh dự và hai người từ giã nhau vui vẻ cả hai".

Đó đích thị là ông Trương Phúc Loan, cái chúc tước mà ông Favre dùng để nói về ông này cũng giống chúc tước như đã thấy trong bài của ông Poivre *"Ôn Tha"* nghĩa là *"Ông Tả"* (ông phía trái). Đó là một chức vụ của tứ trụ triều đình mà Favre muốn nói khi gọi là *"Thượng thư quốc gia"*. Nhưng chức vụ *"Thượng thư Bộ Binh"* của

Trương Phúc Loan như được nêu ra theo Favre và theo các tài liệu của đạo giáo mà chúng tôi được biết về sau thì chẳng hề được nói đến trong một tư liệu gốc nào của bản xứ.

Cũng như Poivre, cảm tưởng đầu tiên do Trương Phúc Loan gây ra đối với đức cha Halicarnasse và người thư ký của Ngài là rất tốt; cảm tưởng đó không phai mờ về sau.

Các thầy dòng Jésuites Bồ Đào Nha chống đối một cách có hệ thống đối với đức Cha là người Pháp và bạn của các linh mục Pháp, và còn tệ hơn là khi đức cha De la Baume qua đời, chỉ còn một mình tu viện trưởng Favre. Họ không muốn thừa nhận quyền hạn của ông, và ở cương vị trợ lý đức Cha, ông ta buộc phải nhờ sự che chở của vị quan đầy quyền lực này.

"Tôi nói với ông hoàng theo Thiên Chúa Giáo là tôi còn một việc cấp bách hơn là làm sao tôi có được sự bảo vệ của đại thần Thượng thư quốc vụ và của Bộ Binh. Ông hoàng trả lời là tôi có thể lấy cơ đến cảm ơn về lòng tốt của ông này đối với đức Cha kính trọng (tức là đức Cha d'Halicarnasse). Tôi đã đến dinh thự của đại thần, cuộc viếng thăm của tôi sẽ làm ông vui lòng, ông giữ tôi lại ăn tối, câu chuyện của ông là chủ đề của một tọa đàm khá vui vẻ: ông hỏi tôi có thể thật chẳng ở trên thế giới lại có nơi có đàn bà đẻ con mà không cần đến đàn ông; tôi trả lời là không thể có được và nếu có người kể chuyện như vậy thì nên xem như huyền thoại trích từ trong các chuyện cổ tích không có thật và chỉ có trong trí tưởng tượng của những người ưa đặt điều. Ông rất vừa ý về câu trả lời của tôi và ông lại hỏi tôi, ai là vị vua lớn nhất của châu Âu, tôi trả lời đó là vua nước Pháp; ông nói tiếp ngay, ông hẳn là người Pháp?

Thưa Ngài, tôi không phải là người Pháp nhưng khi mà tôi là người Pháp hay kẻ thù của người Pháp tôi sẽ không nói gì khác được với Ngài, trừ phi tôi nói trái với sự thật. Ông gật đầu tỏ ý tin, tôi thật

sự, ông vẫn tin là nước Pháp vượt trội hơn tất cả các nước ở châu Âu cũng như Trung Hoa vượt trội hơn tất cả các vương quốc châu Á. Ông còn hỏi tôi nhiều câu khác và các câu trả lời của tôi làm cho ông thích thú. Ông nói hơn mười lần là ông thương tôi và ông thích tôi vì tôi nói rõ sự thật. Khi tôi về, ông ra lệnh thu xếp chiếc thuyền đẹp để đưa tôi đến nhà. Ngày hôm sau tôi gửi đến ông chiếc đồng hồ treo của Anh quốc mà ông Halicarnasse để lại. Ông rất cảm ơn tôi chẳng khác gì tôi cho ông vàng, và do đó tôi vững tin là chẳng phải lo sợ đến các việc khó khăn nào khác xảy ra vì vị đại thần đó là đáng bảo hộ tôi, và lấy làm thoải mái là tôi có thể tự do nhờ đến ông như nhờ một người bạn thân thiết.

"Quần chúng rất tán thành về sự cư xử thông minh của tôi đối với vị đại thần, ông Hoàng và các quan lại Thiên Chúa giáo rất mừng rỡ...".

Tu viện trưởng Favre biết lợi dụng thái độ thuận lợi ấy, dù đúng hay sai ông đều sợ các thần dòng Jésuites, kẻ thù của ông, sẽ gây trở ngại cho ngày về của ông ở Trung Hoa và châu Âu, ông tìm cách xin một bức thư đồ đầu của Trương Phúc Loan.

"Tôi viết thư cho đại thần, Thượng thư quốc vụ và Bộ Binh, xin viết cho tôi một thư giới thiệu với thuyền trưởng của các thuyền mà tôi sẽ đi đến đó. Vị đại thần đầy thiện ý với tôi, có cho một sĩ quan cùng hai lính đưa thư cho tôi:

"Ôn Tha đại thần xin chào thầy Pierre (ông ta gọi chính tôi như thế).

"Tôi đã biết được là ông muốn trở về quê hương, đó là một cuộc hành trình dài và khó khăn, tôi muốn tặng để ông vui lòng 26 gậy hoa, 10 quét ngà, 3 tấm vải đẹp màu, tỏ tình bằng hữu chúc ông đi đường mạnh khỏe và vui vẻ trở về chứ không phải dăm sánh với các

quà đẹp mà ông đã tặng tôi vì chẳng có gì để so sánh được với những thứ đó; tuy nhiên tình bạn đặc biệt và thân thiết của tôi đối với ông thì vẫn tương xứng so với của ông đối với tôi.

Cầu trời phù hộ cho ông và ban cho ông nghìn tuổi.

Viết tại Huế vào một đêm trăng tỏ và ngày xán lạn.

"Người sĩ quan đưa thư cho tôi nói: "Tôi còn một bức thư nữa gửi đến thuyền trưởng của thuyền đưa ông về Trung Hoa. Tôi được lệnh phải đưa tận tay và báo cho người ấy biết vị đại thần chỉ thị phải đối xử trân trọng với ông như đối với Ngài ấy. Năm sau thuyền trưởng này phải mang trở về một bằng chứng của ông là ông rất bằng lòng về người ấy! Tôi trả lời cho Đại thần.

"Thưa đức ông, thanh cao và đẹp đẽ, từ khi tôi đến vương quốc này tôi được biết Ngài đã rộng lượng và nhân từ biết bao đối với người ngoại quốc, cho nên trong khi mạnh dạn tỏ sự kính mến, tôi xin nhận ân huệ lớn lao được cảm nhận những điều ưu ái mà Ngài dành cho tôi cũng như cảm nhận được cái cao quý hiếm có ở nơi Ngài. Vì cái chết của đức Cha buộc tôi phải trở về châu Âu, nên tôi chưa thể dâng đến Ngài những việc làm ưu ái đủ để cho tôi đền đáp những vinh dự mà Ngài ban cho, càng đọc những lời nói trong thư Ngài, tôi càng vô cùng cảm kích, đời tôi không dài đủ để ca ngợi tất cả những tính cao cả ấy. Cách Ngài ban ơn, thưa Ngài, càng nâng cao giá trị các tặng phẩm. Tôi ước mong Ngài sẽ ban phát hơn nữa điều ưu ái với các nhà truyền giáo, họ sẽ cùng tôi cầu nguyện Thượng đế ban phúc lành cho Ngài.

Tôi xin vinh dự tỏ bày niềm kính cẩn Ngài...

*

*

*

Không còn gì lễ phép hơn thế nữa, ở phía này hay phía khác, tu viện trưởng Fauvre được nuôi dưỡng ở trường của thế kỷ XVII: ông vẫn giữ mãi cái đài các cao quý và có hơi kiêu cách.

Khi đến Quảng Đông vào tháng 12 năm 1741, "*Người thuyền trưởng Trung Hoa*" không quên yêu cầu tôi viết nhận xét. Tôi rất vừa ý trên chiếc tàu của ông và để trao tờ nhận xét về cho vị đại thần của Nam Kỳ, tôi đã đồng ý viết những gì mà người ấy muốn. Chúng ta nên biết thêm là khi trở lại Nam Kỳ, thuyền Trung Hoa ấy đã chở theo "*ông Poivre*" là thương gia đã có quan hệ với Trương Phúc Loan cách 10 năm sau.

Tôi dài dòng về các liên hệ của hai người Âu này với vị đại thần An nam là có ý nói lên rằng cảm tưởng của đại thần đối với các người ngoại quốc không phải đều là ác cảm.

Chúng ta tiếp tục điều tra.

Ta đã thấy nụ cười hoài nghi của Trương Phúc Loan khi đón nhận đề xuất của đức cha De la Baume muốn làm cho ông Loan theo đạo Thiên Chúa. Ông Loan cũng tỏ ra khá am hiểu về Thiên Chúa Giáo. Ông có nhiều lần lo toan vấn đề này về mặt chính trị.

Sau những cuộc bài xích đẫm máu do Minh Vương thì dưới triều đình Minh Vương, các nhà thờ ở An nam, được hưởng một thời kỳ yên tĩnh, tiếp tục cho đến các năm đầu triều Võ Vương. Nhưng sự chống đối với người theo đạo Thiên Chúa, sợ rằng đạo này sẽ lan tràn đến triều đình Huế, đến các người lân cận quanh ông Hoàng, đến cả gia đình ông Hoàng, nên đến năm 1740 sau khi vị vương mới lên ngôi vài ngày, đã làm cho Vương thay đổi ý định giúp đỡ mà Vương

vốn có sẵn đối với người theo đạo Thiên Chúa. Nhiều lần họ dâng sớ lên Vương để tâu về những tai họa hay những sự cố đặc biệt vừa mới xảy ra trước đó để yêu cầu Vương bãi trừ đạo Thiên Chúa.

Vương cho thiết triều để xem xét vấn đề. Vị Thượng thư đầu triều tỏ ra không tán thành dùng bạo lực. Hai vị quan khác chống quan niệm đó; vị quan thứ tư, cậu của vua, Thượng thư Quốc vụ và Bộ Binh là người có đầu óc sáng suốt nhất, được Vương tin cậy nhất, đã nói rằng các sư tăng phần lớn dốt nát chẳng làm được gì, đáng tội treo cổ. Các người châu Âu, trái lại rất thông thái, cần cù, giàu có làm được những việc từ thiện, giúp đỡ người nghèo, có lòng tôn trọng đối với vua, trả thuế đầy đủ, họ không gây lời nói hàm hồ một việc gì trong quần chúng; và như thế người Âu không xâm phạm thần thánh, không xâm phạm con người; và vị đại thần đầu triều đã biết quan sát những lý do về mặt vật lý của sự xuất hiện nhiều chuột, của việc núi đổ, của hiện tượng cảnh bị cạn: thánh thần không liên quan gì đến các tai nạn ấy. Những kẻ theo đạo Thiên Chúa càng không liên quan nữa.

Bài trình bày này không làm phật ý vua.

Tại đây chúng ta đang còn thấy các người cậu của vua, "*Thượng thư Quốc vụ và Bộ Binh*" mà ở trên đã nói đến, tức là Trương Phúc Loan. Bốn đại thần được nói đến là tứ trụ triều đình, đối với người ngoại quốc, đối với các vị linh mục và đặc biệt là đối với các người theo đạo Thiên Chúa, Trương Phúc Loan cũng có những tình cảm rộng lượng và hòa hảo như chúng ta đã thấy, chẳng khác gì trong quan hệ đối với đức cha Khâm mạng De la Baume, với trưởng tu viện Fauvre. Cách mười năm sau, ông không nói thẳng như thế sự bênh vực của ông đối với họ.

Ngày ấy là 24 tháng 4 năm 1750, phái chống đối người ngoại quốc và người Thiên Chúa vẫn chưa nói tay. Rất dài dòng nếu phải

kể lại các trường hợp đã làm gia tăng sự đổ kỵ của Vương, đã làm cho Vương có ý nghĩ rất thiện cảm. Một cuộc châu triều nữa có cả "*quan văn, võ tham dự*". Đa số yêu cầu loại trừ bằng nhiều lý do. Với những lý do như vậy thì việc lấy ý kiến không tuyệt đối được, vì trong hội đồng toàn những người lương không tin đạo Thiên Chúa, không phải là không có một số quan lại có cảm tình với đạo Thiên Chúa, đã từng nghiên cứu đạo này, và trong thâm tâm vẫn thừa nhận đó là đạo chân chính, nhiều người nói là nên xử lý đạo Thiên Chúa trong các cơ hội khác, và đặc biệt "*cậu của vua*", là nhân vật được kính nể nhất trong hội đồng lại luôn đứng ở phía bênh vực, uy tín của ông ta có thể làm chia rẽ các quan điểm, tuy nhiên thái độ yếu đuối và nhập nhằng của ông đã làm hỏng chân lý tốt đẹp!

Ông nói: "*Các vị cứ đuổi các người truyền giáo ấy đi nếu các người muốn và các người sẽ thấy tai họa sẽ đổ xuống trên đất nước cho mà xem. Những kẻ chống lại đạo Thiên Chúa, lập tức lên tiếng là họ đồng ý đuổi và các người khác cũng lên tiếng như vậy, vì họ sợ bị tình nghi nếu như họ chống đối lại việc đuổi đó và sợ bị vua ghét bỏ cũng như sợ gặp phải sự tức giận của vị cận thần bên cạnh Vương.*"

"*Khi nhận được quyết định của hội đồng, Vương tỏ ra rất vui mừng nhất khi biết được Ngài⁽¹⁾, ông cậu của Vương là người có lập luận đầu tiên lưu dầy các người châu Âu...*".

⁽¹⁾ Tước Hoàng tử mà người ta phong cho người chú hay cậu của Võ Vương cho phép suy đoán rằng đây không phải là tước cậu của Vương là Trương Phúc Loan, vì cậu thì không được phong tước Hoàng tử, nhưng chỉ có người chú mà tôi sẽ miêu tả diện mạo như sau đây theo lời Poivre thì mới được phong mà thôi. Tuy nhiên một nhà truyền giáo thế kỷ XVII thì nói rằng một cậu của vua chỉ phải là Hoàng tử dù là bác, chú hay cậu trước sau gì chúng ta cũng chỉ có một nhân vật là Trương Phúc Loan mà thôi, mặc dầu các chức tước được nêu ra thế này hoặc thế khác trong các tài liệu.

Trương Phúc Loan hình như đã thay đổi ý kiến ông ấy và các bạn bè của người Âu đã kết luận tổng khứ các nhà truyền giáo. Than ôi! Tình huống đã thay đổi, vị Thượng thư khôn ngoan này hiểu điều đó; ông tìm đường lối khôn khéo để giải quyết khó khăn tương chừng đang đến. Ông không muốn làm phật ý vị chủ mà ông thấy đã có những đổi thay tình cảm trong lòng và ông đã đồng ý xua đuổi các nhà truyền giáo, nhưng phát biểu ý kiến một cách khôn khéo không để cho những người ông bỏ rơi oán trách. Các nhà truyền giáo vẫn xem ông như một trong số những người bạn của họ, một người bạn phải chịu nhường bước trước bão tố. Mặc khác, trước đó vài tháng ông đã "bỏ rơi" Poivre, bất chấp lời hứa sẽ đem đổi mấy nghìn bạc mới ra tiền quan cho Poivre, khi Poivre nhận thấy đồng bạc mới không có giá trị gì ở vương quốc nữa. Những con người có bản lĩnh rất hiếm ở An nam cũng như các nơi khác.

Các tài liệu An nam, như ta thấy đã đặc biệt đổ lỗi cho Trương Phúc Loan. Những dữ kiện mà chúng ta tìm thấy trong quan hệ của người Pháp với vị đại thần đã sống ở Huế vào thời kỳ ấy mang đến cho chúng ta nhiều yếu tố để có thể duyệt lại bản án và đánh giá cho công bằng hơn bản thân con người đương chức cai trị. Người ta không thể cho rằng ông ấy không lỗi... Ông ấy đã hành động như các bạn đồng nghiệp của ông trong mọi thời đại đã làm⁽¹⁾.

Ông có lạm dụng chức vụ cao và ảnh hưởng quyền lực để làm giàu nhưng không phải chỉ riêng những điều những lạm của ông đã

⁽¹⁾ Chẳng có gì thật hơn dưới góc độ này là những lời kể lại của Poivre, không phải Trương Phúc Loan ở vào triều Võ Vương đã phạm nhiều tham nhũng như thế. Và có thể nói chính ông là một trong những vị quan lại liêm chính nhất của thời kỳ ấy.

gây nên cuộc nổi loạn Tây Sơn và sau đó là sự xâm chiếm của người Bắc.

Người ta bắt giao ông cho đoàn quân của Trịnh thì cũng vô ích, bởi vì quân Trịnh không bao giờ dừng bước trong cuộc hành quân xâm lăng. Cái đau khổ quá sâu rộng đã từ nhiều năm, dân tộc An-nam sống trong cơn sốt âm ỉ, trong các tầng lớp dân chúng sục sôi những dòng tình cảm, tư tưởng khác nhau, tất yếu phải dẫn đến một cuộc nổi dậy. Cái ngai vàng của nhà Nguyễn được sơn lại do Võ Vương, thực tế đã mục nát và lung lay. Những lạm quyền của Trương Phúc Loan cũng chỉ là yếu tố muôn một trong biết bao diễn biến khác của tình huống. Nếu Trương Phúc Loan bị xem là kẻ phạm tội phải gánh chịu trách nhiệm về những sự cố chém giết ở miền Nam và miền Bắc trong hai mươi năm sau cùng của thế kỷ XVIII, thì chủ yếu về mặt chính trị, là vì ông đã hất thân phụ của vua Gia Long khỏi ngôi báu; và vì các tác giả viết sử và viết tiểu sử, đã viết theo mệnh lệnh của những người kế vị Gia Long, là những người không thể nào tha thứ cho ông cái lỗi lầm chính trị ấy; và phải chăng cũng vì trong nhiều trường hợp, và có thể suốt đời ông, ông đã có một cảm tình nào đó đối với người ngoại quốc?

II. MỘT ÔNG CẬU RUỘT NỬA CỦA VUA.

Người anh của Trương Phúc Loan không làm cho chúng ta chú ý nhiều; Poivre nói ít về ông này, nhưng phải thừa nhận là ông nói rất có cảm tình. Ngày 28 tháng 9 năm 1749, Poivre đến thăm ông:

"Tôi đến thăm vị quan "On Tha Tlaon" là Thượng thư cánh hữu về các việc riêng và trong Nội bộ Hoàng cung, vị quan này

cũng là cậu ruột của vua nhưng ông này không được tín nhiệm bằng ba vị Thượng thư kia và không giàu bằng. Ông tiếp chúng tôi ở trong một cái trại dựng ở giữa sân, bốn bề trống và lợp rơm. Ông tiếp chúng tôi rất lễ phép, giới thiệu các con ông còn trẻ, chừng chạc, trắng trẻo và mặt mũi thông minh. Hình như ông rất chăm chú giáo dục và tỏ ý với tôi, muốn cho chúng nó đi du lịch để học hỏi, để đưa chúng nó ra khỏi sự dốt nát ngưng trệ như những người dân trong xứ ông do thiếu hiểu biết về những gì xảy ra xung quanh họ. Vị quan này nói thật lòng, hình như tôi thấy ông có một ít các triết lý tự nhiên. Ông rất hài lòng với lời giải đáp của tôi về các câu hỏi của ông và yêu cầu tôi đến thăm ông luôn.

"Những câu hỏi của ông tạo cho tôi có dịp để hỏi lại là ông có bao nhiêu vợ. Ông bảo đảm với tôi chỉ có một bà. Tức thì ông cho gọi bà ra mắt. Người đàn bà này xuất hiện rất duyên dáng và đáng đáp quý phái mà không phải những người đàn bà nào, ngoài đàn bà châu Âu, cũng có được. Do phải giữ lễ với chồng theo tục lệ trong xứ, bà ngồi một góc phía sau vị quan. Sau đó bà hỏi tôi nhiều câu tỏ ra rất tò mò với nét mặt vui tươi.

"Tôi nói với vị quan về hành trình của tôi và yêu cầu giúp đỡ trong việc xin ban cho tôi được tự do và có những thuận lợi cần thiết để buôn bán. Tôi cố ý làm cho ông hiểu hậu quả có lợi như thế nào đối với bản thân ông và tôi và đối với quyền lợi công cộng quân chúng của vương quốc trong việc đi lưu hành trong nước. Ông ấy hứa hẹn với thái độ chân thành làm cho có thể hy vọng sự chân thật của ông".

Nội bộ gia đình của vị đại thần thật là đáng yêu; con cái có vẻ sáng sủa, cha thì muốn cho con cái đi học nước ngoài, ông có vẻ tán

thời, có ý tưởng tiến bộ so với thời đại⁽¹⁾! Bà mẹ trẻ trong gia đình quý phái nhưng thực tình thì tò mò và tươi vui; người cha là người có lương tri, không giàu bằng đồng liêu của ông! Dường như tách mình khỏi những cuộc gây rối trong triều đình và các vụ tham nhũng. Cả gia đình được mô tả với tình cảm dễ mến và đáng kính trọng. Và sự kính nể ấy càng tăng khi người ta so sánh vị chủ gia đình này chỉ có một người vợ với các đồng liêu của ông. Chẳng hạn, ông Thượng thư cánh hữu về Ngoại vụ và hai vị Thái giám chức tước cao nhất trong hàng ngũ Thái giám ở Hoàng cung và trong khi tiếp xúc với những người này, ta thấy ở họ có một sự sa đọa hiếm thấy.

Ta lưu ý là Poivre không hề thay đổi mà vẫn tiếp tục dịch từ tả bằng từ hữu trong tiếng Pháp cái chức mà ông dành để nói về quan lại "*On tha Tlaon*", tương ứng với ông Tả trong "*Vị quan tả, Nội vụ*". Và như vậy, chúng ta đang nói về một trong tứ trụ của vương quốc. Chức tước nghi lễ là nội tả "*Cánh tả của Nội vụ*".

Các tiểu sử sẽ giúp chúng ta nêu được tên của gương mặt mà Poivre đã miêu tả. Đây là em mẹ của Võ Vương, chúng ta đã biết về Trương Phúc Loan, Thượng thư cánh tả, đối ngoại, anh của vợ Ninh

⁽¹⁾ Năm 1744, theo chiều hướng này người ta đã trải qua một cuộc thử nghiệm đau khổ. Một người thương gia Pháp xin Võ Vương cho phép đưa qua Pondichéry để dạy học văn của phương Tây cho hai thanh niên An nam, trong đó một người Michel Cương là đạo Thiên Chúa. Khi trở về nước được Võ Vương hỏi thì người này đã nói ra những điều rất kỳ lạ và sai lệch về các xứ sở mà người này đã trông thấy và về con người của châu Âu, và như thế đã tạo thêm cơ hội làm cho Vương thay đổi quan niệm. Sau này vào năm 1749 người này làm thông ngôn cho Poivre, đã lừa phỉnh ông một cách vô liêm sỉ đến mức thương gia này tức giận đã tự ý trả thù, kéo cổ người này lên tàu khi tàu rời Nam Kỳ. Đó là một trong những lý do dẫn đến chiếu dụ đặt các nhà truyền giáo ra ngoài vòng pháp luật.

Vương, mẹ của Võ Vương. Và lại Trương Phúc Loan chỉ có một anh cả là Trương Phúc Thông. Các tiểu sử chỉ đưa ra được một thông tin là vị quan này đã làm đến chức trấn thủ. Nhưng người anh cả bị người em ruồng bỏ. Các tài liệu lịch sử An nam dường như làm ngơ đối với ông này. Nếu như hình ảnh của Poivre đã miêu tả về con người ấy và về nội bộ gia đình của con người ấy là thật, thì xét nghĩ nên đưa Trương Phúc Thông ra khỏi sự lãng quên của mọi người. Tôi nghĩ là tôi nhận biết được vị đại thần này trong báo cáo tổng quát của tu viện trưởng Fauvre về cuộc chầu triều của Võ Vương triệu tập vào năm 1740 đã quyết định có nên trục xuất các nhà truyền giáo và bài trừ đạo Thiên Chúa hay không. Ở trên tôi đã tóm tắt sự việc xảy ra. Ta thấy Fauvre, trích dẫn các lời nói hay ít nhất cũng là ý kiến của bốn ông quan đầu triều là "*vị Thượng thư thứ nhất*" sau là "*hai ông quan khác*" và cuối cùng là "*ông quan thứ tư*", cậu của vua, Thượng thư Quốc vụ và Bộ Binh, là người được xem như có đầu óc sáng suốt nhất mà Vương rất trọng nể". Cậu của vương đúng là Trương Phúc Loan⁽¹⁾.

Tại sao người ta lại đặt vị Thượng thư vào hàng thứ tư: tôi không tự giải thích được. Dầu không có văn bản rõ ràng nhưng dường như với chức tước ngoại tả thì ông có thể đứng vào vị trí thứ hai hoặc thứ

⁽¹⁾ Văn bản nói về sự đặt định các chức quan dường lấy cơ sở quan giai từ phía "trái" sang "phải" hay là từ phía "phải" sang "trái": Người ta đặt một chức quan phía trái cho bên trong (Nội tả) và một chức quan phía trái bên ngoài (Ngoại tả), một chức quan phía phải cho bên trong (Nội hữu) và một vị phía phải cho bên ngoài (Ngoại hữu). Theo thứ tự này Trương Phúc Loan là Thượng thư thứ hai. Nên trái lại nếu người ta thành lập tứ trụ triều đình dựa trên chức vụ của họ:

Chức vụ bên trong rồi đến chức vụ bên ngoài Hoàng cung thì trước hết người ta có các Nội tả và Nội hữu rồi đến các Ngoại tả và Ngoại hữu, và như vậy Trương Phúc Loan lại sẽ là vị Thượng thư thứ ba.

ba. Có thể ở đây người ta chỉ thứ tự phát biểu ý kiến của các Thượng thư, hay thứ tự ưu tiên tùy thuộc ngày họ được phong tước. Hình như Fauvre nói rằng Võ Vương hỏi vị Thượng thư thứ nhất để biết ông này nghĩ đến vấn đề thì đúng là Vương hỏi một trong tứ trụ triều đình đúng theo trật tự nghi lễ đang giữ vị trí Thượng thư thứ nhất. Như vậy vị trí đầu phải dành cho "Nội tả" phía trái (vị trí danh dự) trong Hoàng cung là chức vụ trọng đại hơn cương vị các tỉnh bên ngoài. Đây chính là Trương Phúc Thông như đã là "*On tha Tlaon*", ông tả trong Công quan bên trái trong triều".

Như vậy ý kiến ông này đưa ra ăn khớp với ý kiến của Trương Phúc Loan, lẽ dĩ nhiên là hai anh em này phải nâng đỡ nhau. Đó là một chứng cứ nữa để chúng ta chắc chắn đây là Trương Phúc Thông.

Ý kiến rõ ràng thuận lợi cho các nhà truyền giáo và các người có đạo Chúa.

Hoàng đế bị các sư sãi khiêu nại, lại đưa vấn đề ra hội đồng và hỏi vị Thượng thư đầu tiên là ông này nên nghĩ như thế nào? Ông này khá thông vật lý, trả lời là các sư sãi hoảng sợ và muốn làm cho chúng ta hoảng sợ không đúng về sự tức giận của Thần thánh, mà họ đặt trên cơ sở của sự cố, mà họ không hiểu nguyên nhân: nếu cảng bị cạn là do thủy triều dâng lên và hạ xuống là do phù sa mà sông tải về của biển, nếu núi đổ là do hỏa sơn, nước và gió trong lòng đất, chuột sinh sản nhiều thì phải đi tìm thức ăn ở các làng lân cận. Đó là những gì đáng để cho chúng ta lo sợ. Phải chăng lịch sử về các thời đại và của tất cả các nước đều có nói các tai họa như vậy. Chúng ta nên yên tâm tất cả những điều đó do nguyên nhân tự nhiên và vật lý chứ các thánh thần yên tĩnh của chúng ta có can thiệp vào đâu.

Cũng không phải là đi quá xa khi nói Trương Phúc Thông trong thành viên hội đồng năm 1750 trước vấn đề đầy dao động liên quan đến các nhà truyền giáo và những người theo đạo Thiên Chúa giáo,

lại đứng về phía "*những quan lại có cảm tình với đạo*", những quan lại đã tìm hiểu và tin rằng đạo này là chính đáng, cũng như những con chiên là những công dân rất trung thành với đất nước.

Chắc chắn, khi nhớ Trương Phúc Thông, ta phải xót xa trước sự sai lầm chính trị mà các chúa Nguyễn về sau đã phạm phải, khi oán trách người em út Trương Phúc Loan đã nhẫn tâm truất ngôi thân phụ Gia Long, là những sử sách và tiểu sử được viết vào một thời đại có sự bài ngoại gay gắt. Cũng không phải không có lý để nghĩ rằng sự cảm phục và cảm tình mà vị đại thần nhiều lần đã tỏ ra đối với người ngoại quốc thật ra không bị thật sự lãng quên cùng với cái tên ông. Ở đây, các tài liệu được cung cấp từ nguồn thông tin châu Âu có thể cho phép chúng ta xét lại bản án đầy thiên vị này.

III. MỘT NGƯỜI CHÚ RUỘT CỦA VÕ VƯƠNG.

Ngày 25 tháng 9 năm 1749, Poivre đến thăm một trong các chú ruột của Võ Vương.

"Tôi đến thăm vị đại thần "On Cous tous" nghĩa là vị cha của vương quốc, chú ruột của vua và là nhân vật thứ hai của vương quốc. Vị Thượng thư này tiếp tôi với các lính đứng dàn hầu. Ông ở trong một phòng rộng, nhà rường sạch sẽ và phong cách bản xứ. Ông ngồi trên chiếc ghế bành cao giống như ngai vua. Đầu đội một cái mũ công được kết tạo công phu và có trang trí hình rồng vàng óng ánh và giữa mũ có một chỏm lụa đỏ như là ngù lông được cài bằng một trâm vàng.

"Ông tiếp đón niềm nở, mời chúng tôi ngồi gần ông, gọi rót trà cho chúng tôi và nói là sẽ che chở cho chúng tôi. Vị quan này to lớn, nét mặt vui vẻ và tuổi 64. Ông là người thanh liêm nhất và rất sáng suốt. Mãi cho đến nay, ông cai trị vương quốc một cách khéo léo,

nhưng bây giờ vì lớn tuổi, ông bắt đầu nghỉ ngơi nhưng Võ Vương và 4 Thượng thư vẫn luôn đến hỏi ý kiến một khi có việc cần phải làm; ông vui thú đi câu và vẫn béo tốt vì ngày nào cũng ăn hai con chó mới sinh".

Bắt đầu, xin lưu ý đến một chi tiết nhỏ: Các Hoàng tử chính thống, ngày nay khi mặc áo quần thường triều đều có mang ở trên mũ lông của họ một chùm lông tròn màu đỏ có chỉ kim tuyến. Dựa theo lời nói của Poivre, ta có thể thấy vật trang trí này thịnh hành vào giữa thế kỷ XVIII.

Thoạt tiên, có thể là rất khó tìm và vô vọng, để định danh tính của người chú ruột này của Võ Vương, trong số 146 người con trai và gái của Ninh Vương mặc dầu người ta đã hạn chế ở con số 38 Hoàng tử được nêu tên trong các tiểu sử. Tuy nhiên một số chi tiết mà Poivre nêu ra có thể giúp chúng ta điều hướng việc nghiên cứu.

Chúng ta xem người con thứ hai của Ninh Vương, vị Hoàng tử thứ hai tên là Thế, mẹ ông là họ Trần và được truy phong công chúa Tu Dung. Ông Hoàng này được phong Thủy Chương cơ (đại úy Hải quân) năm Nhâm Ngọ 1762, vào mùa thu ông mất thọ 74 tuổi được truy phong Chương Đình.

Chúng ta hãy xem người con trai thứ tám.

Hoàng tử thứ tám tên là Đản, mẹ là Hoàng Hậu Tống, năm Ất Vị 1715, ông được nhậm chức Nội hữu Cai đội (Đại đội trưởng của Nội hữu quân).

Hoàng tử vóc người cao lớn có nhiều khả năng. Ông học rộng về văn chương và lịch sử hơn hẳn mọi người về văn thơ bình dân.

Khi Võ Vương lên ngôi, Hoàng tử có nhiều tài năng nên gây nhiều ganh tị, ông xin nghỉ việc. Vương cho về ở làng Hương Cẩn, huyện Hương Trà.

Hoàng tử này không tham gia trị vì vương quốc nữa, ông thả tâm trí trong hành lạc, trong tiệc tùng và trong ca hát, đi tìm thú tiêu khiển và giải khuây. Các sáng tác của ông bằng văn chương bình dân, đầy tình cảm và đam mê, người ta truyền miệng và ca hát các sáng tác của ông.

Năm Quý Dậu 1753 vào mùa hè, ông mất thọ 55 tuổi, người ta trung phong tước Thái sư luận Quốc công. Có thể do dự giữa hai Hoàng tử này.

Nếu dựa vào tuổi như Poivre đã nêu là 64 tuổi vào năm 1749 thì chúng ta sẽ cho đó là Hoàng Thế mất vào năm 1762 thọ 74 tuổi, tính tuổi theo cách của An nam thì ông ta sinh vào năm Kỉ Tị 1689 và được 61 tuổi vào năm 1748 khi Poivre thấy ông ở Huế. Như vậy là tuổi gần với tuổi mà ông khách đã nêu lên là 64.

Nếu không dựa vào tuổi mà chỉ xét các chi tiết khác, theo Poivre đã nêu như *"người lớn và mặt vui vẻ"* đã có tham gia phần lớn vào việc trị nước *"nay bắt đầu nghỉ ngơi"* thích câu cá và giữ được sự mập mập bằng cách *"ăn hai con chó mới sinh"*, nhân vật này rất giống với ông Hoàng tên Tú, người to béo, tự nguyện thôi việc vào đầu niên hiệu Võ Vương, tìm thú vui trong tiệc tùng và hoan lạc.

Đối với tôi, tôi chọn người sau; những chức tước mà ông được truy phong chứng tỏ ông đã giữ một vai trò quan trọng trong việc cai trị đất nước, và mặc dầu đã nghỉ hưu, ông vẫn được Võ Vương rất quý mến. Như vậy vấn đề sẽ khớp với những điều mà Poivre đã nói là mặc dù chú của vua đã bắt đầu an dưỡng *"Vua và bốn vị Thượng thư mỗi khi làm việc gì cũng đến xin ý kiến khuyên bảo của ông"*. Nhưng tôi cũng không dám quả quyết lắm: *"Adhuc sub judice lisest"* (Vấn đề còn đợi giải quyết).

Chúng ta nói thêm rằng chức tước mà Poivre dùng để nói về vị Hoàng tử ấy "*On Cous tous*" có thể được giải thích bằng nhiều cách. Có thể tương ứng với "*ông Quốc trưởng*", người đứng đầu của vương quốc và chúng ta có một nghĩa gần với nghĩa "*Cha của vương quốc*" như Poivre đã nói. Người ta cũng có thể giải thích "*On cous tous*" là "*ông Quốc trưởng*", ông "*Trưởng của vương quốc*". Nhưng ông Hoàng Tử là em út của cha Võ Vương thì "*On cous tous*" có thể ông Quốc Thúc, ông chú (em cha) của vương quốc, nếu tương quan này là đúng thì có thêm bằng chứng mới là chú của Võ Vương mà Poivre đã gặp, không phải Hoàng tử Thế mà là Hoàng tử Tú.

IV. VỊ TRƯỞNG PHÒNG KIỂM TÀU VỤ

Nói về Trương Phúc Loan, các cuốn tiểu sử trước thời Gia Long cho chúng ta biết là triều đình Huế vào giữa thế kỷ XVIII có một tờ số "*Kiểm tàu vụ*". Không nên hiểu đây là một bộ số của hải quân. Các đại đội và trung đoàn của hải quân đều tùy thuộc vào các sĩ quan cũng như các binh đoàn lục quân về mặt hành chánh đều được đặt dưới sự điều hành của một cơ sở quản lý mà dưới thời Võ Vương được thay tên là Bộ Binh. Kiểm tàu vụ chuyên lo quản lý các tàu buôn của Âu hay Á lui tới các cảng của Nam Kỳ.

Rải rác trong đoạn này đoạn khác, Poivre đã đưa ra một số thông tin khá chi tiết giúp chúng ta một ý niệm tương đối chính xác về cách thức hoạt động của cơ quan này.

Trong các cảng thương mại chính yếu có một vị quan ở ngay tại cảng với trách nhiệm kiểm soát tàu thuyền. Trong số các cảng khác thì ở Bao Vinh, cảng của Huế, có một ông quan nhỏ lai Trung Hoa để kiểm tra thuyền vận tải Trung Hoa, ngoài ra lại còn có một ông quan phụ trách chung về thuế quan thuyền vận tải Trung Hoa; và đây

là một người Trung Hoa rất giàu có và có vẻ lương thiện. Quan thanh tra hình như có trách nhiệm coi việc kiểm soát các thuyền khi đến, trong khi đó thì quan thuế quan phải phụ trách về các hàng hóa nội địa được mua để xuất khẩu.

Các điều trên xuất phát từ tài liệu do Poivre cung cấp liên quan đến chiếc tàu của ông ta.

"Tôi phải yêu cầu cử cho một vị quan lại để giải quyết việc cho chúng tôi vì ở đây không có thuế quan. Lệ thường là vua chỉ định cho từng chiếc tàu, một vị quan để thẩm tra và ghi chép tất cả các hàng hóa chở đi, không phải là để đánh thuế mà để cấm không cho chở hàng như gạo, sắt..."

Lý do của cái lệ này là vì chức vụ của quan thẩm tra kiểm được nhiều lợi, nhất là khi có sự ăn cắp dễ dàng.

Poivre đưa những chi tiết về cách thức mà quan sử dụng để khai thác tối đa chức vụ được vua ban. Xin tạm gác việc khai thác này. Chức vụ này chỉ được giao trong thời gian ngắn, có thể là một năm hay thay đổi theo từng chuyến tàu, nhất là đối với các tàu của người Âu mang đến dịp lớn cho quan làm giàu. Đối với các thuyền Trung Hoa, chiến lợi phẩm ít hơn, nên có một vị quan lại được chỉ định trong thời gian dài. Để tránh được những khó khăn ở Bao Vinh là chỗ hẹn gặp của các người Trung Hoa đến buôn bán ở Huế, nên một người Trung Hoa quan trọng được chọn để giữ chức vụ này, cùng với một người lai Trung Hoa khác có chức vụ kiểm tra các thuyền Trung Hoa khi đến.

Ở Hội An cũng có một ông quan kiểm tra các tàu buôn cập bến cách một ngày sau ngày tàu cập bến Đà Nẵng. Poivre đến thăm ông ấy.

"Ngày 1 tháng 9 , tôi đi Hội An để thăm vị quan lớn kiểm tra các tàu ngoại quốc. Tôi được tiếp đón niềm nở; tôi báo cho quan Tổng đốc là tôi có nhiệm vụ chở một số tặng phẩm đến cho vua, và nói số hàng hóa mà chúng tôi có trên tàu. Ông hỏi tôi trọng tải của tàu, số sĩ quan và thủy thủ đoàn, số lượng đại bác và các thứ vũ khí khác mà chúng tôi có, bảo tôi viết các bản khai, và cho một người chuyển báo cáo về ngay triều đình.

"Tôi được phép đi mua các loại lương thực, thực phẩm và các thứ nước giải khát cho thủy thủ đoàn và cũng được dựng một nhà tre ở trên hòn đảo lớn của Đà Nẵng để cho người ốm.

"Ngày 3... chúng tôi có bò, gia cầm và trái cây đủ loại. Trước đây người Nam Kỳ không dám lên tàu vì có lệnh tất cả các thuyền bè không được đến gần khi nào chưa có vị quan đến khám xét, bởi sợ có kẻ viển có đến bán hàng hóa mà làm điều gian lận gây thiệt hại cho vua, làm cho vua mất quyền ưu tiên mua hàng trên tàu.

"Để ngăn chặn gian lận ấy, thường khi có thuyền Trung Hoa đến thì các lính Nam Kỳ ở bờ biển phải lên tàu ngăn chặn không cho đưa gì ra khỏi tàu.

"Đối với chúng tôi, họ đối xử có khác biệt hơn; đêm đến, họ chỉ cho vài chiếc xuồng lượn quanh tàu chúng tôi vào cỡ nửa tầm đại bác".

"Vị quan kiểm soát các tàu nước ngoài đóng ở các cảng chỉ kiểm soát sơ qua, ông ta nhận tờ khai của các thuyền trưởng để chuyển đến triều đình mà không cần kiểm tra. Hơn nữa, ông cũng cấp giấy phép thuận tiện cho nhân viên lên bờ.

Quan trưởng phòng kiểm tàu vụ đóng ở Huế. Khi được tin tàu của Poivre đến Đà Nẵng thì ông đến đó ngay.

"Ngày 6, vị quan tổng quản các tàu tên là *"On cai botao"* đến nơi. Vị quan ấy theo Poivre có quyền khám toàn bộ và thường xuyên trên các tàu: *"Trọng trách của ông là kiểm soát tất cả các tàu"*. Nhưng thật ra quyền hành này chưa được xác định lắm vì Poivre thấy ở Huế còn có một vị quan là *"On cai an tin"* có *"trọng trách quản lý tài chính"*, tỏ ra ít cởi mở và *"tính tình cau có"* vì ông ấy tức giận là không được cử đến để kiểm tra tàu của chúng tôi, hơn nữa còn tự cho mình có chức vụ cao *"On cai bo"* là chức vụ quan cao cấp nhất về kiểm tra tàu thuyền. Đây là một sự tranh quyền giữa quan văn và quan võ để được danh vị ưu tiên".

Cũng vì thiếu sự phân công chính xác trong chức vụ của các quan lớn, nên mỗi lần có một tàu của Tây phương đến, thì vua ra sắc dụ riêng đề cử ai là người có quyền đến kiểm tra hàng hóa. Và ở đây, đặc biệt nhất là đối với tàu của Poivre là ngoài việc kiểm soát tất cả các tàu bè, *"Cai bo tao"* còn được đề cử riêng để kiểm soát tàu của Poivre. Bởi lẽ sự đề cử này mang đến lợi lớn và vì cần làm vừa lòng càng nhiều miệng ưa ăn càng tốt, nên thông thường vua đề cử nhiều ông quan cho một chiếc tàu. Điều này xảy ra đối với tàu của Poivre. Ngoài *"On cai bo tao"*, vua còn cử thêm một người da đen Cam bát được tin cậy, hay đó có thể là một người Lào, Tổng quản tài chánh vật tư của thuyền ngự hoặc tổng quản lý tài chính vật tư của nội bộ Hoàng cung, và một chỉ huy Thị vệ để làm trợ lý cho *"On cai bo tao"* đi vào Đà Nẵng để kiểm tra chi tiết. Quan lớn cần coi chừng và kính nể, đặc biệt quan tâm đến 2 người này, vì cả hai là những do thám của triều đình để theo dõi tư cách của quan lớn. Theo trên chúng ta đã biết, khi các thuyền trưởng tàu buôn Âu châu đến một cảng An nam phải liên hệ với quan nào và những thủ tục gì, vậy nay ta hãy tìm hiểu sâu hơn về *"ông Cai bộ tàu"* là nhà chức trách đương hành phải liên hệ khi Poivre đến An nam. Poivre đề vị quan ở Đà Nẵng và đi ra Huế. Việc kiểm tra rất lâu. Ông Cai bộ và những phụ tá đến Đà

Những ngày 6 tháng 9 và đến 1 tháng 10 thì Poivre mới đến thăm quan mới vừa trở ra Huế. Công việc được dễ dàng là nhờ thiện chí, sự rộng rãi của vị Phó của tàu. Poivre nói: *"Ông ấy khen ngợi tôi nhiều, về sự lanh lẹ của ông Laurens mà tôi để lại với ông ở Đà Nẵng để hoàn tất sự kiểm tra tàu, và nhấn mạnh rằng, kể từ khi ông ta làm việc kiểm soát, ông ta chưa từng thấy một thương gia nào mà nói mau hiểu như vậy và chẳng có gì làm cho thương gia này lúng túng, và nếu không có sự tháo vát của người này, thì việc kiểm tra tàu hẳn phải kéo dài thêm một tháng nữa"*.

Đó là công thức xả giao, điều nên nhớ đó chính là ông Cai bộ đã kiểm tra nhiều tàu, mặc dầu có những lời phản kháng do quyền lợi của "On cai bo tao" thì "Cai bộ" vẫn là trưởng Kiểm tàu vụ.

Poivre miêu tả ông quan với đầy cảm tình.

"Quan này đón tiếp rất cởi mở, không khách sáo như tôi đã có cảm tưởng so với ở nơi khác. Ông tỏ lễ phép hơn các vị khác. Ông cho tôi những lời khuyên tốt mà tôi đã nghe theo trong công việc. Đây là vị quan đầu tiên mà tôi nghĩ rằng có ý thức về thương mại, hình như ông ta thạo nghề nghiệp.

"Ông nói cho tôi biết cần phải tiếp xúc với những vị quan nào để thành công và ông phản nản giùm cho tôi về sự bất bình của tôi đối với người da màu ưu ái và đối với người chỉ huy thị vệ mà vua đã chỉ định làm phó ban trong ban kiểm tra tàu. Nhưng ông lại sợ hai ông quan đó nên không dám cởi mở hết tâm tư với tôi vấn đề này.

"Tiếp đó, ông hỏi tôi có bằng lòng người thông ngôn Miguel không, khi tôi bảo là tôi không có gì để không bằng lòng, thì ông khuyên tôi nên dùng người ấy, và nói thêm là ông biết được những nghĩa vụ mà thông ngôn phải có đối với tôi, nên ông không nỡ lòng

nào để hại tôi, và cũng nói là những khó khăn mà người ngoại quốc đến đây gặp phải thường do các thông ngôn.

"Và không giải thích rõ, quan chỉ nói thêm vài lời úp mở làm cho tôi dù không muốn, cũng cảm thấy không an tâm đối với người thông ngôn, nhưng dầu sao tôi cũng không đành lòng nghi ngờ được một con người đã có nhiều nghĩa vụ với tôi, đã công khai chấp nhận những nghĩa vụ ấy, lại có thể lập tâm làm hại tôi.

"Câu chuyện kết thúc bằng một buổi ăn tối rất ngon với nhiều món thịt kho, loại thịt hạng nhất của Trung Hoa và Nam Kỳ mà tôi được thưởng thức".

"Thật ra, ông quan có thiện tâm thiện chí muốn làm cho một người ngoại quốc còn xa lạ với phong tục tập quán, biết được những gì cần thiết đối với sự vật và nhất là với con người của xứ này.

Hai tháng sau, vào ngày 27 tháng 11 năm 1749, lại có thêm cho tôi nhiều lời khuyên mới:

"Không muốn phí thì giờ cả ngày, tôi tìm đến *"On Cai bo"* tôi gặp ông đang dưỡng bệnh, ông niềm nở như thường lệ và đãi tôi ăn cơm theo lối Nam Kỳ.

"Sau buổi ăn chiều, ông cho tôi biết nguyên nhân của nhiều cuộc trì hoãn mà tôi đã gặp phải ở đây. Ông hỏi là tôi có nghĩ cần phải mang quà cáp đến cho vị quan này hay vị quan khác không? Tôi trả lời là không và bực mình nếu phải biếu xén và bức rức vì chưa đề nghị được điều gì cả. Lập tức quan cho biết đó là nguyên nhân của mọi sự chậm trễ mà tôi phải chịu. Ở đây phải giao tiền trước tận tay. Dù khéo léo đến mấy, dầu được vua che chở đến mấy, nếu không có quà thì cũng chỉ là vô ích. Ông bảo tôi hãy tặng quà gấp để cho mọi việc xong xuôi, và nếu tặng một hoặc hai lần mà xong xuôi thì cũng là may lắm. Ông còn nói thêm cho tôi biết cần phải tăng giá số quà

biểu vì ở trên đất nước này vua chỉ lo ăn chơi quan thì có toàn quyền trên địa hạt cai trị của họ. Đức vua che chở thì không sợ quan làm hại nhưng không buộc quan phải giúp đỡ cho mình. Nếu khiếu nại công việc chậm trễ, vua hạ lệnh phải làm cho xong nhưng thật tình khi quan không muốn như thế nếu mình khiếu nại nữa thì quan không thiếu lý do để xin lỗi và làm vua lòng vua. Bài học này làm cho tôi hơi ngạc nhiên. Tôi muốn kêu lên về cách suy nghĩ không chính đáng của con người xứ này, và muốn nói họ biết rằng chúng tôi từ 6 nghìn hải lý đến đây không phải chỉ để chịu cảnh sạt nghiệp và làm giàu cho những con người kháu ăn này.

Ông Cai bộ nói với tôi là ông ta cũng hiểu như vậy, nhưng khuyên tôi phải nghe theo lời ông và phải mang quà biểu đến, còn tôi muốn nghĩ thế nào thì mặc tình.

Poivre nói là cuối cùng bị buộc làm theo như vậy, và quan hứa là sẽ giúp đỡ hết lòng nếu tôi nghe lời ông, nghĩa là tôi phải mang quà đi biểu.

Người thương gia tốt bụng đã hết lòng nghe theo lời khuyên bảo của ông quan. Bằng chứng là ngay hôm sau, thương gia gửi đến cho quan một món quà nhỏ và Poivre đã viết một cách hóm hỉnh trong nhật ký của ông: *"Tôi bắt đầu nghe theo những lời khuyên của quan"*. Về phía mình, Cai bộ nhắc nhở Poivre đề phòng các kẻ thù của ông.

"Ngày 4 tháng 12 quan *"On cai bo"* khi biết tin về cuộc yết kiến của tôi trong Hoàng cung, đã cho biết là hai ông quan đi cùng ông ta đến khám tàu của tôi, một ông da màu thân cận vua, và một ông là chỉ huy thị vệ tên Tòng đều có quyền chi phối công việc của tôi. Tôi đã phải lo sợ đối với công việc của 2 người đó cũng như đối với quan *"On cai an tin"*. Tôi đã lần lượt đến gặp những người này và để biết

xem những lời nói của "*On cai bo*" có căn cứ hay không? Cả ba ông quan này đều tiếp đón tôi rất lịch thiệp, nhưng xuyên qua sự lịch thiệp đó, tôi vẫn khám phá được ở nơi họ một lòng tham lớn, muốn ăn cắp của tôi".

Thông ngôn của Poivre, người thanh niên Michel Ruong hay Kương gì đó từng có mặt ở Pondichery hai năm, đã phỉnh lừa người Âu đồ đầu cho anh ta một cách vô liêm sỉ. "*On cai bo*" khuyên tôi đừng tỏ thái độ gì, trái lại làm ra bộ như tin cây để khỏi phải gặp sự không may. Tôi đã làm theo như vậy ngoài ý muốn của bản thân.

Poivre rất tin ở ông quan lớn này.

Khi thấy mình không được lòng của những kẻ xung quanh vua, Poivre quyết định trở vào Đà Nẵng độ một thời gian ngắn và ký thác công việc cho "*On cai bo*" để ông này thu xếp giúp cho và ông quan đã nhận lời.

Võ Vương hình như biết được quan hệ của các thương gia và ông Trưởng kiểm tàu vụ. Cũng chính vì sự quan hệ đó nên khi chiếc đồ chở đồ đạc của Poivre vào Đà Nẵng bị mắc cạn ở Vịnh Chân Mối và bị các người chèo đò cướp bóc, thì việc điều tra sự cố được giao cho "*On cai bo*"; và ông quan này được làm mọi thủ tục khám xét chiếc tàu lớn ở các bờ biển Nam Kỳ trước khi thả cho nó đi.

Tiếc thay, sự hài hòa giữa hai người này không vững bền đến cùng.

Poivre nhận thấy quan không vô tư như Poivre hằng mong muốn, nhận xét này là vào dịp Poivre mang đến cho "*On cai bo*" và cho vị Hoàng tử nhỏ đã che chở Poivre, cũng như mang quà đến cho mẹ của Hoàng tử là người vợ thứ được Võ Vương ưa chuộng: "*Những quà tặng được nhận với vẻ lạnh lùng như nợ phải trả, nhưng rõ ràng là có giá trị gồm những đồ vật kỳ lạ đối với người xứ này*". Và ngay cả

quan đường như cũng chưa vừa ý về quà tặng. Poivre kết luận là quan này cũng như những con người khác của xứ sở ông ta, đều vụ lợi".

Trên đây chỉ là những nhận xét không quan trọng. Tình hình thật ra diễn biến còn xấu hơn, một vài sự kiện nhỏ đã mở đường cho xích mích. "*On cai bo*" đã gây khó khăn trong việc cho Poivre mượn một số tiền 1000 quan. Trước đó, người con trai của quan đã mở các thùng bạc của Poivre và đã đếm số bạc theo một cách thức mà Poivre chẳng vừa lòng.

Trước khi trở vào Đà Nẵng và cây "*On cai bo*" giải quyết giúp các công việc, Poivre tin rằng mọi việc đều xong xuôi trong thời gian ngắn theo ông muốn. Rủi thay, sự việc chẳng được như thế. Giáo sĩ ở Huế đã báo tin cho Poivre được biết trước.

"Ngày 20 tháng 12 năm 1749 tôi nhận được một bức thư của ông Le Fèvre, giáo sĩ De Noélene, sống tại Huế và theo đó giáo sĩ cho biết là đừng mong chờ có quan khám tàu, đừng mong có giấy phép cho tàu đi và cũng cho biết là "*On cai bo*" không thể làm xong công việc của tôi được; và khi ông ấy muốn dính líu vào thì ông đã gặp những quan khác, dịch thủ thế lực hơn ông. Vị giáo sĩ nói thêm là như thế thì cần hy sinh vài nghìn quan để thoát ra khỏi khó khăn theo lệ thường của xứ này. Đó là số phận của những người lần đầu tiên buôn bán ở vương quốc này. Các năm sau sẽ không như thế nữa. Vị giáo sĩ tốt bụng này đã kết thúc bức thư bằng cách khuyên tôi trong những hoàn cảnh như vậy đừng có tin tưởng vào sự tháo vát vốn có của người Pháp để khỏi tổn hại đến công việc⁽¹⁾ nên thận trọng cư xử mềm dẻo.

⁽¹⁾ Đáng lẽ Poivre không nên nghe những lời khuyên này. Khi rời khỏi Nam Kỳ và để trả thù người thông ngôn đã phản bội ông, Poivre đã kéo người này lên tàu và bắt đi như tù binh. Đó là một trong những lý do làm cho Võ Vương càng thêm chống đối các người Thiên Chúa, và gây việc giết đạo vào năm 1750.

Về sau, Poivre không hề có kỷ niệm gì xấu đối với giáo sĩ, đã ý thức được biết bao công việc mà giáo sĩ đã làm để giúp đỡ Poivre trong khả năng ông ta có thể làm được. Nhưng đối với "*On Cai bo*" lại khác, lời giải thích của đức cha Le Fèvre có thể là đúng đắn: ông quan ấy dù có ý tốt nhưng khi thấy các đồng nghiệp có thể lực hơn chống lại yêu cầu của Poivre thì quan không dưng chạm vào và phải từ chối không dám đứng ra để dàn xếp công việc của Poivre. Trong khi ấy thì Poivre đi xa hơn: Poivre kết tội là quan đã kết bè với các kẻ địch của ông; hơn nữa còn đứng vào hàng ngũ những người dòng tu Jésuites Bồ Đào Nha để làm lợi cho bọn người này, và làm hại cho mưu tính của Poivre muốn lập nên các quan hệ thương mại giữa Pháp và Nam Kỳ.

Tôi không dám nói là Poivre không có lý. Hãy nghe Poivre nói:

"Thuế (10 phần trăm giá trị hàng hóa) mà "*On cai bo*" cho nói lại với tôi sáng nay là khổng lồ. Chưa có chiếc tàu nào phải trả theo giá này và dù đã có luật quy định như vậy thì vẫn có luật khác miễn cho tàu nào đưa đến quà tặng kỳ lạ. Chưa có tàu nào đã chở đến những thứ hàng hóa như chúng tôi. Thứ thuế 10% trên tổng số hàng hóa đều phải được ước lượng do người đại diện chuyên chở hàng hóa trên tàu, phối hợp với vị quan kiểm tra tàu. Hầu như chúng tôi chẳng có hàng hóa gì, tôi hiểu bằng cách nào "*On cai bo*" lên danh sách theo cách của ông ấy: ông nói là có 80.000 quan về hàng hóa mà chúng tôi phải chịu thuế 8.000 quan.

"Bây giờ tôi mới thấy quan này, dù là Thiên Chúa giáo nhưng cũng lừa bịp như những kẻ khác và đồng lõa với bọn họ. Lúc đầu hình như ông ấy sẵn sàng giúp đỡ tôi, đưa ra cho tôi nhiều điều chỉ dẫn mà tôi nghe theo răm rắp. Nay tôi mới hiểu là ông ấy đã nghe theo lời ông thầy thuộc dòng tu Jésuites là người đã hoàn toàn chống lại chúng tôi, người đã rút tiền trước cho ông ta cũng như cho hai

hoặc ba ông quan khác để những quan này xen lẫn vào các công việc làm ăn của chúng tôi. Cho nên tôi không có cách nào hơn là phải đưa ra khoản tiền nhiều hơn ông thầy tu, thầy thuốc tốt kia đã công khai chống lại chúng tôi để phục vụ quyền lợi của những đồng nghiệp của ông ta và của bọn Bỏ Đào Nha".

Poivre có thể đứng khi tố cáo cha Koffler đã gây cho Poivre nhiều khó khăn. Chúng ta có nhiều bằng chứng do quan thầy thuốc của vua đã nói với chúng ta về những suy nghĩ mà người ta đã có tại triều Võ Vương, cũng như những suy nghĩ của chính quan thầy thuốc đã có đối với toan tính của Poivre.

"Một thời gian sau, có một chiếc tàu Pháp vào cảng mang theo vị đại sứ của nước này. Đại sứ cho mang quà tới trước và được Vương đón tiếp nồng hậu. Nhưng thái độ thân thiện này chỉ được một thời gian ngắn mà thôi. Vì khi xem các bức thư chứng nhận sứ mạng của phái đoàn, Vương nhận thấy các bản văn bằng tiếng Pháp không ăn khớp với bản văn bằng chữ Hán. Từ đó có nghi ngờ là phái đoàn không phải được gửi đến từ vị vua mộ đạo Thiên Chúa, mà là vị Toàn quyền của Pondichéry, ngoài ra còn có sự khinh rẻ bởi vì phái đoàn không có tầm cỡ oai nghi phù hợp với vương tước.

Đại sứ này không được tiếp đón vinh dự, nên đã từ giả triều đình năm 1749".

Chúng ta phải nói rõ những bức thư của Poivre là giả. Poivre công nhận như vậy, Poivre đã cho viết thư giả kèm theo quà để dâng lên Vương. Poivre nói đã không viết thư nhân danh vua nước Pháp mà chỉ viết nhân danh công ty Ấn Độ, nhưng Poivre cũng thừa nhận là khi "*On cai bo*" đến Đà Nẵng và phải đưa thơ cho "*On cai bo*" thì Poivre đã thực hiện trò chơi chữ với các chữ: "*Họ nhà vua*" (xã hội hay gia đình nhà vua) để làm cho ông quan có sự nhầm lẫn.

"Tôi nghĩ rằng các chữ lập lò hai nghĩa này có lợi cho tôi, nên tôi cử để mặc cho quan lâm lẫn, và không phải là quan chẳng mấy hành diện khi được thấy bề trên của quan nhận được quà tặng và một bức thư gửi từ một ông vua châu Âu".

Nếu vị Cai bộ kiêm tàu vụ đã thay đổi ý kiến đối với Poivre và đã đứng về phía những địch thủ của Poivre, đặc biệt đứng về các nhà truyền giáo và thương mại của Bồ Đào Nha thì chúng ta thấy các điều trần trở không phải là do ở phía ông ấy. Poivre đã không hành động với mọi ngay thẳng cần thiết.

Dù sao, thì kết quả cuối cùng chẳng còn chi là tình cảm giữa đôi bên".

"Ngày 13 tháng 1 năm 1750 Tôi đã tính đủ với "On Cai bo" về các khoản thuế và tiền phí tổn kiểm soát chiếc tàu của chúng tôi theo ý ông muốn, rất là đắt. Tôi phải giải quyết như vậy thôi để khỏi bị ông ta giận vì trong hoàn cảnh của tôi tôi có thể bị ông ta gây thiệt hại bất cứ lúc nào. Hơn nữa, ông là ông chủ có quyền đòi trả tiền ngoài ý muốn của tôi. Vì ông này đang cầm trong tay một số tiền mà người ta đã ăn cắp của tôi và ông đã thu hồi được phần lớn.

Hơn nữa, Poivre đã giết tôi, ông quan đã buộc chở ra Huế và do đó đã làm mất của công ty Ấn Độ, vài loại hàng hóa được cất giữ ở kho thuế vụ Đà Nẵng và đã được vua ra lệnh trả lại.

Tôi cũng chưa từng xem trong sổ đông các quan lại thế kỷ XVIII, như trước đã nói đến trong các tiểu sử công bút, ai là người mà Poivre đã giao thiệp. Các tư liệu mà Poivre đưa ra thật tình chưa đầy đủ. Poivre nói: vị quan ấy là "*ông Cai bộ tàu*" nhưng chức "*ông Cai bộ tàu*" này không có trong tài liệu bản xứ. Trương Phúc Loan phụ trách kiêm tài vụ nhưng vấn đề không được đặt ra ở đây với ông. Chức Cai bộ dưới chính quyền của các chúa Nguyễn đầu tiên và từ

Sãi Vương vào năm 1614, là chức quan đứng đầu của ty "*Tướng thần lại*" có nhiệm vụ phải thu bạc và gạo thuế, và phân phối lương thực thực phẩm cho các quân chủng. Nhân khi nói về "*On cai bo*" thì Poivre nói đó là một chức quan quản lý tài vụ, và thực tế, cái ty này dưới thời Võ Vương đã trở thành Bộ Hộ ở Huế. Và hầu hết các tỉnh ở vương quốc đều có một Cai bộ. Trong tiểu sử và công sử có tên các vị quan được chức Cai bộ hay Thượng thư Bộ Hộ, vào giữa thế kỷ XVIII, nhưng ngày tháng và các chức tước của họ không ăn khớp nhau lắm, vả lại các tài liệu không thấy nói đến chức vụ Cai bộ tàu. Và chúng ta đã chẳng có các công trình lịch sử của Cai bộ tàu của thời Poivre? Thật là lạ kỳ! Đừng quên rằng vị quan này lại theo đạo Thiên Chúa⁽¹⁾ có thể tôi đưa một giả thuyết vu khống chẳng?

Nhưng chúng ta có thể nhận dạng một vị Hoàng tử được "*On cai bo*" đỡ đầu. Poivre đã gặp người này trong nhà của ông Cai bộ, lúc Poivre đến viếng "*On cai bo*" lần đầu tiên.

"Sau bữa cơm, ông quan đưa tôi vào một gian phòng của một người con vua mà ông là người cai quản và là cha nuôi, vị Hoàng tử trẻ này mới 11 tuổi, là con trai của bà vợ thứ nhất mà người ta gọi là "*Mệ hòm*" nghĩa là người đàn bà quản lý ruộng hòm của vua. Hoàng tử tầm vóc cân đối, mặt mũi đầy đặn trắng trẻo và rất lễ phép. Hoàng

⁽¹⁾ Các tác phẩm người Âu về thời kỳ này thường có nói đến: "On cai ẩn tín" ta có thể biểu diễn các chữ "*Ông cai ẩn tín*" là ông quan giữ khuôn dấu của vua, ẩn là cái dấu và tín là để làm tin. Có một lần Poivre đã viết Tlin thay cho tín và ta có thể cho rằng chữ này được dùng để chỉ ông Nguyễn Cư Trinh mà sách Liệt Truyện đã có nói nhiều (Liệt truyện tập 5 và tiếp theo). Như vậy, có lẽ có thể chúng ta đã có cái tên ông Cai Ẩn Trinh "*quan giữ khuôn dấu*". Đây là ông quan rất ghét người có đạo ở thời kỳ này.

tử trong lễ phục mời tôi ngồi, mời trầu cau và nước trà và tôi mong đến thăm càng nhiều càng tốt.

"Hoàng tử này chẳng có nhà nào ngoài nhà của quan "On cai bờ". Đây là một lệ thường ở Nam Kỳ; cái lệ vua không nuôi người con nào, ngoại trừ Hoàng tử kế vị.

Những người con khác khi mới sinh ra thì được gửi đến một ông quan giàu có mà vua chỉ định làm người cai quản và cha nuôi dưỡng. Vua càng thận trọng chọn một người giàu có, nhất là muốn rằng đứa con này được xem như con đẻ có quyền thừa kế trong tài sản của cha nuôi, mặc dầu gây thiệt thòi cho con đẻ chính thức.

Như vậy là trong chốn lát vua không còn trách nhiệm nữa đối với tất cả con cái thường là rất đông đảo của các bà vợ thứ, khi mà đứa con đến ở nhà các người cha nuôi dưỡng.

Vua không can thiệp đến nữa, chính vị quan phải cung cấp nuôi dưỡng Hoàng tử, và nếu muốn làm vừa lòng Hoàng tử, quan không từ chối điều gì. Khi Hoàng tử lớn lên, thỉnh thoảng vua lại cho gọi vào Hoàng cung để thăm mẹ của họ.

Mặc dầu phải nuôi dưỡng các Hoàng tử và lưu quyền thừa kế tài sản cho Hoàng tử, nhưng các cha nuôi đều nhanh chân chạy theo vua để tìm xin ân huệ ấy, bởi vì được như vậy thì họ càng được hưởng các chức tước lợi lộc và được sự che chở của vua. Được núp dưới sự che chở đó, họ sẽ vun vén của tiền theo ý muốn, hay nói cách khác, họ sẽ ăn cắp, ăn cướp vô tội vạ; và khi đã giàu lên thì họ lén lút mang của tiền cho con cái riêng của họ và ngay lúc còn sống đã đền bù cho chúng số tài sản thừa kế mà chúng không được hưởng dụng về sau này.

"Vị vương đang trị vì có mười con mà chín người thì giao cho nhiều ông quan nuôi và những quan này phải làm suốt đời để lại các gia tài lớn cho con nuôi. Khi vua mất, những người con này không có

gì cả ngoại trừ tài sản của cha nuôi để lại, và tài sản của bà vợ thứ của Vương tức là mẹ của họ đã gom góp được do các mưu tính của bà này trong khi được hưởng ân huệ vì cuộc đời của họ, cũng thăng trầm và ngăn ngủi".

Các chi tiết được Poivre nêu lên về việc giáo dục các Hoàng tử huyết thống là rất hấp dẫn. Người ta có thể giải thích một cách khác cái tục lệ giao các Hoàng tử cho một vị đại thần làm cha nuôi. Các cuốn công sử cho biết là Võ Vương đã gặp nhiều khó khăn trong việc nuôi nấng con trai và nhiều đứa bị chết lúc còn nhỏ tuổi.

Wương cho gọi tên con trai như là con gái và con gái như là con trai. Vương đã làm theo cách của người An nam thường làm trong những trường hợp tương tự để đánh lạc hướng những linh hồn ma quỷ thường ghét con trai tóm lấy linh hồn và bắt chúng chết, trong khi không cần đếm xỉa đến con gái. Những cha mẹ gặp khi nguy hiểm ấy, lại làm theo một lối khác, họ bán con cho ông thợ rèn hay đặt cho con cái tên "*Xin*" (dứa con được xin về) để tránh ma quỷ. Cũng có thể khi giao con cho các vị đại thần của triều đình nuôi dưỡng, Võ Vương nhằm vào mục đích vì tiền của, do cách làm này đem lại mà chỉ nhằm mục đích đánh lừa cho ma quỷ nhầm đó không phải con của Vương để dùng thêm khát chộp bắt chúng. Đây cũng là một lối giải thích.

Chúng ta có thể tìm ra danh tính của người con trai được giao cho ông "*Cai bộ tàu*" và mẹ nó. Người vợ thứ "*Mẹ hòm*" như sau này chúng ta sẽ thấy, thì đó là người thứ nhất của hàng vợ thứ hai, tức là bà Chiêu Nghi, họ Trần mà tôi nêu tiểu sử như dưới đây:

Con bà được 11 tuổi khi ông Poivre gặp người con này ngày 1 tháng 10 năm 1749. Đây chính là hoàng tử Kinh con thứ 7 của Võ Vương, mất năm 1775 thọ 38 tuổi, tính theo tuổi An nam. Và như vậy được sinh năm 1738. Khi ông vào quân ngũ, ông được phong chức Đại đội trưởng (Cai đội) của trung đoàn "*Bảo vệ Hậu quân*"

(Hậu dục cơ) vào năm 1774 về mùa thu, Huệ Vương đi kiểm tra các đoàn quân sĩ ở cảng Tư Hiền, Hoàng tử được phong lên Chưởng dinh quận công, chỉ huy trại, và Quận công được tham dự vào chính quyền của vương quốc. Chẳng may trong năm sau, 1775, Huệ Vương phải chạy trốn vào Nam trước xâm lược của Bắc Kỳ. Hoàng tử Kinh đi phò vua. Khi gặp cơn bão ở giữa biển khơi ông đắm thuyền và chết. Đó là tất cả tiểu sử của ông. Tôi có thể nêu hầu như chắc chắn rằng hoàng tử Kinh là người được nói trong bức thư của cha Siebert là một nhà toán học và thầy thuốc của Võ Vương được "*viết từ triều đình Nam Kỳ*" ngày 6 tháng 8 năm 1741, là năm Hoàng tử mới lên ba.

Số trẻ con theo đạo Thiên Chúa của chúng ta phát triển rất nhanh. Trong số đó có một người con của vua đang trị vì mà chúng tôi đã làm phép rửa tội trong nguy cơ bị chết. Phải hy vọng là các phụ nữ theo đạo Chúa ở triều đình và nhất là năm bà Tôn nữ dòng máu Hoàng tộc sẽ tác động chân thành mền đạo vào tâm hồn Hoàng tử trẻ khi đang còn trong vòng tay của các Bà, để lớn lên Hoàng tử sẽ công khai công nhận và bảo vệ mạnh mẽ đạo Thiên Chúa.

Đừng quên là Hoàng tử đã được giao làm con nuôi của một ông quan Thiên Chúa giáo và người mẹ của Hoàng tử là Thiên Chúa giáo; đó là những lý do làm cho chúng ta tin rằng ở đây đúng là hoàng tử Kinh⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo bức thư của Cha Siebert được nêu trên, thì vào thời ấy có những người theo đạo Thiên Chúa có địa vị cao ở Nam Kỳ là "hai Hoàng tử chính thống, em vua đã băng hà (hai em của Ninh Vương, con trai của Minh Vương) cùng gia đình của họ, một cố vấn thân cận vua vừa là toàn quyền trên vương quốc; Phó vương của Dinh Cát (Quảng Trị ngày nay) chỉ huy trưởng (lũy thầy Đồng Hới) là tướng thành ngăn cách Bắc Kỳ và Nam Kỳ, một tướng, hai đại tá, 12 trung tá và nhiều đại úy.

Favre: "Các bức thư tỏ rõ và kỳ lạ về chuyến thăm viếng truyền giáo của ông de la Baume" trang 108.

Trưởng tu viện Fauvre trong bài tường thuật về chuyến du hành truyền giáo của đức cha De la Baume còn đưa ra thêm một bằng chứng nữa:

Ông nói đến một bà lớn, mẹ nuôi của con trưởng của vua là người đàn bà có đạo Thiên Chúa. Người con trưởng này của vua không phải là người con trưởng tên Chương hay Trà sinh ngày 26 tháng 4 năm 1732 có thể đã lên 9 tuổi tính theo cách An nam vào lúc ông Fauvre nói đến nghĩa là cái tuổi đã bỏ bú lâu rồi. Nhưng đó là hoàng tử Kinh sinh ngày 15 tháng 10 năm 1737 và đến 1739 hay 1740 thì vẫn còn 8 tuổi thơ ấu phải được giao cho vú nuôi. Và bà vú nuôi đó mà tu viện trưởng là Fauvre đã đề cập đến phải chăng là bà vợ của "*On cai bố*" dưới mắt của Fauvre là người mới đến nước An nam, thì hoàng tử Kinh có thể xem như con trưởng của Võ Vương.

Và nếu Hoàng tử được giao cho người vú nuôi có đạo Thiên Chúa thì lý do há không phải vì bản thân Hoàng tử cũng có đạo Thiên Chúa hay sao?

Cũng nên đề cập sự kiện mà Fauvre đã nêu ra trong tường hợp vú nuôi đó là vợ "*On cai bố*", đây là một tài liệu giữa chúng ta để có thể phán đoán được giá trị tinh thần gia đình của vị đại thần này.

Vào thời kỳ này, các thầy dòng Jesuites cho phép các điều mà người ta gọi là "*sự nguyện rửa của ma quỷ*". Các nhà truyền giáo người Pháp thì cứng rắn hơn, đã lên án cách làm này. Đức cha La Baume trong chuyến du hành truyền đạo đã chấp nhận quan điểm thứ hai; từ đó, tu viện trưởng Fauvre đã nói về người vú nuôi của người con đầu của Võ Vương.

Một bà lớn, vú nuôi của con đầu Vương tử trước nhẹ dạ mà nói lời thề đó thì đến năm nay đã có can đảm để hỏi lỗi, và bà tâu với Vương là bà không thề với ma quỷ, không đi theo ma quỷ, bà là

người đạo Thiên Chúa và đạo của bà không cho phép bà làm như vậy. Bà sẵn sàng thề trung thành với Vương bằng tất cả những gì cao cả và linh thiêng trên Trời và được đạo giáo của bà ra lệnh cho bà còn rõ ràng hơn luật lệ của Nhà nước. Chúa Trời dạy chúng ta phải trả lại cho vua những gì mà vua và thánh St Paul, đồ đệ của Chúa dạy bảo chúng ta phải vâng lời những con người mà ý muốn của Thượng đế đã đặt lên ngôi báu để trị vì chúng ta.

Vài ngày sau của cuộc chiến thắng lũ ma quỷ, một vị quan cũng rất mê tín và dua nịnh, đã nêu lên trước Vương hành vi của bà ấy mà ông buộc tội là táo bạo và đáng nghi ngờ. Vương trả lời: Tôi cũng nhận bà ấy là táo bạo nhưng một vị vua thì còn sợ gì cái bầy tôi có đạo Thiên Chúa, lòng trung thành của họ là không bị gì lấn át. Rất nhiều người từ chối không nói lời thề như bà nhưng cũng không có sự theo dõi để chối kẻ có đạo Thiên Chúa.

Tiếc thay các tài liệu bản xứ chỉ cho chúng ta biết được một vài dữ kiện quá cô đọng về hoàng tử Kính, khi tham gia vào ngạch Nhà nước ông đã giữ được chức cai đội. Chỉ huy đại đội ít lâu sau được nâng lên Chuồng dinh quận công, chỉ huy trại quân và quận công tỉnh. Đến năm 1775, khi quân Bắc Kỳ tràn vào, ông đã chạy vào miền đông Nam Kỳ cùng Huệ Vương và bị chết chìm ở biển trong một cơn bão vào năm 38 tuổi. Người ta "*cúng chiêu hồn*" cho ông cũng như cho tất cả người chết đuối, mộ của ông được xây ở Dương Xuân.

V. NGƯỜI VỢ THỨ NUÔNG CHIỀU CỦA VÕ VƯƠNG.

Một thời gian sau khi đến Huế, vị khách truyền giáo - đức cha De la Baume được thấy "*Bà Tham*". Một bà lớn bạc nhất, nhì xã hội, đến lay bên chân đức Cha, đó là mẹ của một trong những Cung phi được

nuông chiều của Võ Vương. Câu chuyện của Cung phi có đạo này rất hay và buồn thảm. Chúng tôi sẽ kể lại chuyện đó một ngày gần đây.

Sau vài trang tới đây, người thư ký của vị khách truyền đạo sẽ nói về bà ấy.

Chúng tôi còn được cảm tình của một ông Hoàng theo đạo Thiên Chúa thất sủng tại triều đình và bị sa sút do mộ đạo của chúng tôi và là người *"thiếu thận trọng"* và *"thiếu lối cư xử"*, theo lời của một số nhà truyền giáo và những nhà truyền giáo này có ý nghĩ rằng *"ông Hoàng ấy có thể điều vận tài sản của ông ta để làm vinh quang Chúa"*. Họ nêu thí dụ như bà Tham đã xây nhà thờ và ông quan *"Xavier"* của họ, tức là cha của vợ thứ của Vương đã làm nhiều việc tốt giúp hội.

Hình như theo bối cảnh của bài viết, thì vị quan *"Xavier"* không phải là chồng *"Bà Tham"*. Vậy thì con gái bà không phải là vợ thứ của Ninh Vương như chúng ta vừa thấy. Bà đã mất vào thời gian ấy, nhưng chúng ta có một bà vợ thứ khác là con gái của một người có đạo Thiên Chúa. Như vậy bản thân bà vợ thứ này có đạo Thiên Chúa và là vợ thứ của Võ Vương.

Đây toàn là giả thuyết rất có lý và đúng như vậy, người vợ thứ mà Favre nêu lên phải chăng là ngwôi mà chúng ta sắp nói đến? Và đây cũng là một giả thuyết nữa, tôi đưa ra giả thuyết rất thận trọng.

Cha Koffler với danh nghĩa thầy thuốc trong Hoàng cung Huế, sẽ nói cho chúng ta biết về người vợ thứ được Võ Vương yêu chuộng này.

Trong đợt giết đạo lần thứ hai ở Nam Kỳ, có một trong những vợ thứ yêu quý của Vương đã phải qua đời. Để đề cao vinh quang và danh dự của người chết một cách đặc biệt, Vương đã ra lệnh cho đưa nhà thờ của cha Koffler đến dựng trên mộ của bà này, được trang trí

sơn son thép vàng, có tám trụ lớn và mười tám trụ nhỏ. Thật là một ngôi lăng sang trọng không đâu có được.

Bài viết này được bổ sung với một số bài viết khác, sẽ giúp ta định được danh tánh của bà lớn, viết lại được những mảng sống của đời bà, giúp ta làm được một cuộc hành hương đến ngôi lăng của bà để thấy được dấu vết 24 cột của nhà thờ của cha Koffler mà chúng tôi có thể ghi lại kích thước.

Cuộc chém giết mà cha Koffler nói, là vào năm 1750. Ngày 24 tháng 4 có một chỉ dụ của Võ Vương trục xuất tất cả những người truyền đạo ra khỏi vương quốc ngoại trừ cha Koffler; và ra lệnh đập phá hết các nhà thờ ngoại trừ nhà thờ của Vương ở trên hòn đảo của Vương nghĩa là bên cạnh Hoàng cung. Ông Charles B. Maybon khi tóm tắt một lá thư của cha Koffler đã nói là:

"Sau cuộc yết kiến ấy với Võ Vương thì việc đi vào cũng bị cấm rất lâu đối với các nhà truyền giáo, nếu không nhờ Thượng đế ban ân và nếu bà thứ nhất trong số các bà thứ không lâm bệnh. Và nay thì Vương có lệnh cho thầy thuốc được vào.

"Những phương thuốc của thầy tu và thầy phù thủy đã không hiệu lực và người ta triệu tôi vào không phải để điều trị bệnh mà để hỏi ý kiến của tôi về tính chất trầm trọng của sự việc. Vua nói với tôi: *"Các người châu Âu có thói điều chế thuốc với các món thuốc tầm phào và nguy hại như là bột xương xác chết, rắn và hổ mang, và như vậy thuốc các người tác động cơ thể rất mạnh cho nên người bệnh mới mau thoát khỏi bệnh một cách thần kỳ.*

Vương nói với tôi: *"Những nguyên nhân chính yếu làm cho Vương không muốn duy trì thuốc của tôi là vì Vương sợ tôi sẽ trả thù về các tác hại mà Vương đã gây cho những người đồng đạo của tôi và bản thân tôi.*

"Hai ngày sau, lần cho ý kiến đầu tiên, tôi được gọi đến bên người bệnh, tôi thấy Vương rất dễ mến, Vương hứa với tôi nếu tôi điều trị lành, Vương cho xây lại các nhà thờ. Vương truyền lệnh cho tôi trở về nhà để soạn thuốc. Tình trạng sức khỏe của bệnh nhân khá dần, sức khỏe trở lại thì..."

"Maybon viết tiếp ở đây, một đoạn văn khá đen tối tiếp theo sẽ thấy người bệnh được bảo vệ là đã chết vào ngày 22 tháng 8. Koffler lại bị cấm vào triều đình, Võ Vương tức giận vô cùng..."

Chúng ta dừng lại đây, ngày 22 tháng 8 năm 1750 là ngày mất của người vợ thứ yếu chuộng của vua. Chúng ta nên nhớ kỳ hạn này là kỳ hạn có thể được tăng thêm một ngày theo tài liệu bản xứ. Từ lâu, Koffler đã biết người vợ thứ yếu quý này. Chính Võ Vương đã giới thiệu bà cho Koffler được biết vào ngày đầu tiên đến thăm Vương 14 tháng 6 năm 1747, sau khi vừa được triệu vào triều đình để làm thầy thuốc riêng cho vua.

"Vương rất mừng khi nghe tôi nói; Vương đứng dậy cầm tay tôi và dắt tôi vào phòng một bên để tôi nói những lời chào kính cẩn đối với người vợ thứ nhất và được yêu quý nhất trong số các bà vợ thứ.

Trong các bức thư của Koffler, khi nói đến người vợ thứ mất năm 1750, Koffler đã ghi chữ "*Neben Weiber*", ở đây ta gặp chữ Beischafflerin. Cách nói của hai từ ngữ này phải chăng để chỉ hai người hay không? Ở trong triều đình Võ Vương, có 3 loại cung nữ khác nhau. Con gái của các vị đại thần thì đúng là những vợ thứ, con gái của các quan nhỏ là cung nữ phục vụ và khi cần cũng có thể sinh con cho vua, sau cùng là các đào hát, con gái dân thường được đưa vào cung, và cũng có thể được Vương lựa chọn. Là một người hiểu rõ vấn đề nên khi dùng hai từ khác nhau, Koffler đã chỉ hai người khác nhau và như vậy chúng ta có hai nhân vật khác nhau nếu ta cho rằng con người được Koffler nhìn thấy vào năm 1747 là "*vợ Thứ thứ nhất*"

và được yêu quý nhất, và nếu khi nghĩ đến sự giận dữ và thất vọng của Võ Vương vào lúc người vợ này chết năm 1750, thì chúng ta có thể tìm được danh tánh của hai người vợ yêu chuộng này.

Như thầy thuốc đã nói, dầu sao thì phải xoay quanh vấn đề người vợ thứ nhất năm 1750 mà ta đang quan tâm.

Poivre chưa bao giờ có cơ hội để trông thấy các bà vợ của Võ Vương. Võ Vương dắt Poivre đi khắp các nhà cửa trông cung điện nhưng Vương dừng chân lại trước cửa nhà của các bà vợ mà không vào. Dầu sao thì từ đó nhiều lần Koffler có dịp nghe nói về bà vợ thứ nhất.

Koffler khẩn khoản xin Võ Vương cho phép đưa vào trong vương quốc những đồng tiền kẽm, nghĩa là loại tiền hợp kim kém phẩm chất như ngày xưa thương gia Trung Hoa thường đưa vào. Koffler hy vọng sẽ được toại nguyện, nhưng trong lần yết kiến cuối cùng, yêu cầu này bị từ chối bởi vì Võ Vương cho rằng: "Đặc ân này là trái ý của Vương và Vương từ chối đặc ân này khi chú của Vương và vợ Thứ thứ nhất đã đứng xin yêu cầu đối với tiền Trung Hoa. Vậy thì ta biết rằng bà lớn này như ta đã thấy khi cần thiết đã biết lợi dụng tình thế và tình yêu của Vương đối với bà.

Có lẽ cũng là bà, theo tôi nghĩ, là người được nhà du hành nói đến trong một đoạn viết khác.

Ngày 1 tháng 10 năm 1749, Poivre đến thăm "*On cai bo tao*"⁽¹⁾ là người phụ trách việc kiểm tra hàng hóa của tàu, Poivre được mời ăn cơm tối.

⁽¹⁾ Ông Cai bộ tàu, được cử xuống tàu, chức Cai bộ dưới thời các chúa Nguyễn tức là chức chủ sở Tướng thần lại tư, phụ trách thu bạc và gạo và phát lương thực thực phẩm cho các đoàn quân. Sở này dưới thời Võ Vương, trở thành Bộ Tài chính.

"Sau bữa ăn, quan đưa tôi vào phòng ở của con trai vua, mà ông là người dạy dỗ và là cha nuôi. Hoàng tử này mới 11 tuổi, người là con của vợ thứ nhất được gọi là "*Mệ hòm*" nghĩa là người đàn bà quản lý các hòm của vua. Hoàng tử chững chạc mặt mày hiền từ khá trắng trẻo và có lễ phép. Hoàng tử mặc lễ phục và tiếp tôi, mời tôi ngồi, mời trà cau và như ta đã thấy, trong tiểu sử của các Cai bộ các tâu thì ông này có đạo Thiên Chúa. Ta cũng thấy Hoàng tử trẻ này là con trai thứ bảy của Võ Vương, tên là Kinh, và dựa theo các sách tiểu sử thì đó là con trai của bà lớn Chiêu Nghi, họ Trần, người vợ yêu chuộng của Võ Vương.

Cha Koffler nói đến người đàn bà quản lý rương hòm, "*Mệ hòm*" hay "*Me hòm*" nói đúng hơn "*Mẹ của các hòm*".

Trong số các cung nữ thuộc loại thứ hai thì người đứng đầu được giao nhiệm vụ coi ngó rương hòm, các cửa quý như là thau, chậu vàng, khay, hộp, gương thủy tinh,... bà này được phong chức mẹ để chỉ rõ trách nhiệm chăm sóc rất lớn lao đối với con người của Vương hoặc đối với các đồ vật quý giá nhất của Vương.

Nay đã có được các tài liệu gốc từ Tây phương, thì ta có thể phát hiện được một cách chắc chắn danh tánh của bà lớn mà Võ Vương yêu dấu nhất trong đám các vợ thứ.

Các tiểu sử có nói về bà vợ đầu của Võ Vương là bà nội của Gia Long, và một bà vợ thứ hai là Hoàng hậu Tuệ Tĩnh, mẹ của Huệ Vương, và thêm nữa là một bà vợ thứ, công chúa họ Trần. Khi thấy ca tụng nhiều về người thứ ba này, chúng ta có thể hiểu vị trí của bà này trong đời của Võ Vương. Tiểu sử viết về hai bà đầu chỉ tóm tắt vào ngày các bà được đưa vào cung, số con cái các bà đã sinh, ngày chết và chức tước được phong cho những bà sau khi chết. Đối với bà thứ ba thì trái lại, dòng viết đã được dài để nói chuyện về duyên dáng, đạo đức và tình yêu của Võ Vương đối với bà.

Nhưng chúng ta còn thấy nhiều hơn thế nữa, sau khi bà thứ ba mất, vua truyền lệnh phải làm lăng mộ đẹp và dựng bia đá, mang một bài văn được sáng tác do các nho sĩ tài giỏi. Đây là một điều văn ca ngợi. Chữ được khắc trên bia đá trắng, có trang trí chim, phụng và đường hồi văn, cao 3 mét 10, kể cả đế rộng trên 1 mét 40. Cuộc đời của công chúa được ghi lại tỉ mỉ.

"Công chúa Từ Mẫn Chiêu Nghi được phong tước Tân trong cung cấm. Quê ở làng Trung Quán, tổng Khương Lộc, họ Trần, tên húy cấm khộng được nói là Xạ, pháp danh là Hải Pháp. Cha của bà là quan Khâm lý tức là một chức quan giám sát và được phong tước hầu Năng Tài.

"Là phụ nữ rất đẹp và đạo đức được đưa về cho Thái tử và mỗi ngày càng làm cho Thái tử thêm yêu chuộng những cái khiêm nhường và duyên dáng.

Vào năm thứ tư Vinh Lưu năm 1738, Thái tử trở thành ông chủ của đất nước đã ban cho bà nhiều áo quần quý giá và quạt đất tiên. Bà không rời Vương ngay cả các cuộc hành trình, là một người hầu cận tận tình và vui vẻ trong mọi tình huống, bà không bao giờ làm trái ý Vương.

Được ánh điện soi chiếu, được tham gia trong đoàn ca múa Hoàng gia, bà luôn luôn giữ được lòng thương yêu tôn kính đối với Vương và ngày đêm hết lòng hoàn thành nhiệm vụ. Ngoài giờ làm các công việc phục vụ, thì bà dâng hương nguyện đức Phật. Tận tụy lo lắng, dịu dàng và kín đáo, bà luôn giữ được gương mẫu đạo đức. Thanh khiết lạnh lẽ, bình dị, êm dịu, bà chỉ nói cười rất chừng mực.

"Phải chăng đây là một tấm gương đạo đức của những người đàn bà nổi tiếng đời xưa rất được sử sách ca ngợi?

"Đội mũ chim phượng và được hưởng ân huệ giữa thâm cung, có bao nhiêu kẻ đã lợi dụng thời cơ để làm giàu cho gia đình riêng và nâng cao thân thế hơn nữa. Nhưng đối với bà, bà vẫn giữ tư cách mộ đạo, một lòng tu đường đạo đức, không bao giờ phụ về địa vị cao sang. Sáng ngời ở hàng đầu của 9 cấp cung tần mỹ nữ, nơi thâm cung, bao nhiêu kẻ khác ắt chỉ lo trang điểm mỹ miều để mong tranh giành ơn huệ của quân vương, nhưng bà chỉ lo vun đắp đức độ cho những người quanh mình và không nghĩ đến gian truân.

Uống say mật đường trong chén ngọc, tắm gội ơn mưa móc của quân vương, biết bao kẻ khác hẳn đã đeo đầy mình vàng ngọc quý nhưng bà chỉ lo rút ngắn thân áo để khỏi kéo lê ra đất và giữ nguyên khuôn mặt thản nhiên hồn hậu để thờ trời, tránh các xa hoa.

Được làm bằng ngọc quý của núi Côn Sơn, bà vẫn không nề thức dậy lúc gà gáy sáng như một người đàn bà dầm dãi, và cũng không nề hái lượm ngọn rau, ngọn cỏ. Đứng ở đỉnh cao của bà, chòm sao sáng của bà vẫn luôn chiếu cố đến kẻ dưới tay và sống hài hòa với đức chồng làm chủ thiên hạ.

"Một người đàn bà như thế lẽ nào lại không đáng được hưởng một mùa xuân thịnh vượng và hạnh phúc dài lâu, lại không đáng được hưởng hương vị của đóa hoa sen, và của trái đào bất tử như các tiên nữ trên trời.

"Tại sao một cơn se mình lại cướp mất bà như 6 vật phù du trong trần giới.

"Năm thứ 11 Cảnh Hưng, ngày 22 tháng 7 vào mùa thu (ngày 23 tháng 8 năm 1750) cái vì sao đẹp trở về với chòm sao của nó, nàng tiên đã lên cung Quảng, con chim xanh không bao giờ còn báo tin tiên đến, con ngỗng trời mang thư đã vĩnh viễn bay đi. Tại sao trời lại nở sớm vội vàng kéo nàng đi! Sinh từ năm Bính Thân 1716, là chỉ sống có 35 xuân. Người ta không biết đường nào để tìm ra côi bất tử.

Đàn chỉ biết hát lời cầu nguyện để khóc than người không trở lại, người đã từ già vườn vua, có cây đào, cây mận để đến miền vĩnh viễn có cây bách cây tùng.

"Đáng cay thay!

"Đau nặng bà cảm tin cho Vương biết, đang cơn đau trầm trọng để tránh cho Vương khỏi sự lo âu. Bà cố gắng ăn uống ít nhiều và trang điểm đôi chút để tỏ ra bệnh có thuyên giảm, mặc dầu cảm thấy nguy hiểm đến nơi. Và cũng vì lý do ấy mà bà không trối trăn gì về ước mong sau khi chết. Không thổ lộ những tình cảm yếu đuối như thường thấy ở nơi nữ giới trong những giây phút ốm nặng, và luôn giữ được tâm lòng trung thành và tận tụy đối với đức phu quân cho đến khi hấp hối, thì đó không là cử chỉ của một nữ anh hùng xứng đáng hay sao?

"Phải chăng đó là tiên nữ đã cưỡi chim phụng bay đi vui ca cùng bảy tiên nữ, hay đó là Thiên Tôn mỉm cười chim loan lánh xa mặt đất.

"Hơn nữa làm sao có thể tin được là có sự biến mất của một viên ngọc trai quý như thế, có sự tan rã của một viên ngọc thạch đẹp như thế, có sự chết đi của một cây quế đẹp như thế, sự úa tàn của một đóa hoa đẹp như thế.

"Than ôi! Thực hay hư? Một giấc mộng hay một ảo ảnh, một tia chớp hay giọt sương mai? Ông đau đớn thay!

Vương của chúng ta thương tiếc vô cùng cũng như các vua xưa khóc nàng Từ Huệ, khóc nàng Phân Cơ. Để tỏ lòng thương tiếc sâu sắc, Vương đã phong lên hàng Chiêu Nghi và tước Từ Mẫu.

"Đến năm Tân Vị, đời Cảnh Hưng ngày mồng một tháng 11, ngày Giáp Tị 18 tháng 12 năm 1751, vào giờ Đinh, thi hài của bà được mai táng tại vùng núi làng Dương Xuân trong vị thế "Ngo" xoay ba

độ về phía "Nhâm" và "Bính" và như thế là theo hướng Canh Tí và Canh Ngọ.

"Như vậy là viên ngọc quý "quỳnh" và "diệp" đã an nghỉ dưới đất, cái chất anh hoa đã bay về cõi trời, linh hồn của bà đã đi theo những linh hồn cao siêu đến cõi niết bàn, những chiếc hài của bà vẫn còn lưu lại ở nơi điện ngọc!

Đau đớn thay!

"Công chúa để lại trần gian bốn trai hai gái đẹp và tài, kỷ niệm ngàn đời về bà sẽ còn nơi dòng dõi cháu con đông đúc. Như vậy bà vẫn được an ủi, mặc dầu không được cuộc sống dài hơn!

"Khi nhìn lăng mộ của bà, Vương đã cảm động truyền các quan giới văn học nêu lên bản chất tốt đẹp của bà, và những nét nổi bật của đời bà, nhân đó để phụng thờ và lưu truyền mãi những đức tính cao quý của bà cho mai sau. Bia đá này sẽ cảm động lòng người đến muôn nghìn năm sau.

BÀI THƠ

"Trăng thu trong sáng, bị đám mây lãng đãng che mờ

"Hoa xuân đỏ thắm bị một làn gió táp tàn phai.

"Trời rộng bao la nhưng công chúa đẹp không trở lại!

"Tại sao không trở lại, tại sao không trở lại?

"Phải chăng nàng đã ở nơi cõi vui Hậu Lân hay Dao Trì?

"Người không còn thấy nhưng bóng hình còn thấy mãi

"Còn gì để tặng nàng cho hơn được cái cao 1m5".

Có lẽ trong lịch sử nhà Nguyễn, ít có Cung phi được ưa chuộng và được thương tiếc như vậy.

Cung tần được ca ngợi như trên hẳn phải là người vợ thứ được yêu chuộng của Võ Vương, như lời của cha Koffler nói. Có hai dấu hiệu để chứng minh:

Trước hết là ngày mất, Koffler ghi là 22 tháng 8, bia ghi là 23 tháng 8 năm 1750. Có thể Koffler bị nhầm, hay nói đúng hơn là ông chưa nói được chính xác.

Tiếp theo là điều mà Koffler cho biết là cái nhà thờ Chúa của bà được chuyển đến bên ngôi mộ của bà.

Đây là điều chưa từng có trên các lăng tẩm vua chúa và hoàng tử, và chúng ta còn thấy trên sân lớn quanh năm mộ, dấu vết của các đế đội cột trụ: đó là cột trụ nhà thờ của Koffler.

Lăng mộ đồ sộ trong cái đơn giản, sườn đồi thoải thoải có chỗ được san đắp bằng phẳng và xung quanh nền cũng được san đắp đường như xưa kia có một vòng tường mà dấu tích phía đông còn thấy rõ. Bờ thẳng đứng của sườn đồi ở phía bắc, có bờ chắn bằng đá.

Ở góc đông nam của nền được san đắp là bàn thờ thổ thần. Hiện nay ngôi lăng gồm có sân trước, hai vòng thành, một nền cao bằng gạch ở giữa là năm mộ.

Sân trước là 38 mét chiều rộng, 8 mét 50 chiều từ trước sau.

Ở hai góc phía trước có hai trụ nhỏ, ở giữa mặt trước là một bia đá lớn cẩm thạch trắng viền được trang trí hồi văn và trán bia có hai con phụng tượng trưng cho đàn bà. Bia đá ấy cao 3mét 10 kể cả đế và rộng 1 mét 40, phần giữa bia được che bằng tường gạch mà phần nền phía trái và phải vẫn còn được thấy. Hiện nay có hai cột nhỏ hai bên kia, cột dựng bao quanh.

Vòng tường ngoài rộng 39 mét và sâu 33 mét, tường bằng gạch cao 1 mét 60, trước có trở lối vào, hai bên có hai trụ. Tường trong rộng 23 mét, sâu 20 mét.

Ở trước có cửa vòm đơn giản, ngày trước có hai cánh cửa vào, mặt sau của hai vòng thành tường nhô cao lên ở giữa theo trục lộ.

Vòng tường bao quanh một nền gạch rộng 16 mét sâu 9 mét 80 và cao 0 mét 40. Ở trước có bàn thờ bằng gạch ở giữa là ngôi mộ hình chữ nhật hai cấp, rộng 2 mét và dài 2 mét 80 ở chân sát đất và cao 0 mét 40.

Chính cái nền cao là thành phần chủ yếu nhất, vì nó phải được đắp lên để đỡ toàn bộ nhà thờ của cha Koffler, hiện nay chúng ta còn thấy vị trí của các cột nhà thờ nhờ đó có thể biết được chính xác kích thước của nền cao. Cái nền cao cho thấy đó là toàn bộ mặt bằng của nhà thờ.

Cha Koffler có nói là nhà thờ của ông có 8 cột lớn và 16 cột nhỏ, 8 cột ở giữa tạo thành một lối đi chính ở giữa dọc theo chiều dài. Hai hàng cột, 4 cột một hàng cách nhau 3 mét 80, tính theo thước An nam là 9 thước 5 tấc. Bốn đòn tay làm 3 gian 3 mét 60 hay 9 thước, chiều rộng mỗi gian, và như vậy là một nhà kiểu lớn An nam.

18 cột phụ xếp theo vòng quanh của nền 6 cột mỗi mặt dọc theo chiều dài kể cả các cột ở góc, và 2 cột theo chiều rộng. Các cột tạo nên các lối đi hai bên, lối đi chính giữa nhà và các lối đi hai bên có 2 mét 50 chiều rộng, khoảng 6 thước An nam. Hai đầu của nhà, các cột ấy hình thành hai chái phụ độ 2 mét 30 chiều rộng.

Thông thường, các ngôi chùa An nam nếu tài năng kiến trúc không làm một cách nào khác thì đều trở cửa ở một mặt của chiều dài, cách xếp đặt kiến trúc này đúng là diện mạo của nhà thờ cũ của Koffler và tôi phải nói như thế nào đây?

Có thể và ắt hẳn các thầy dòng Jesuites không muốn loại trừ nhiều các tập tục và phép tắc của đại đa số thần cổ la hy và cha Koffler, là thầy thuốc được trọng dụng của triều đình khi thiết kế đền thờ chúa cho triều đình đã làm theo tập tục đó một cách chặt chẽ. Trong cách mặc áo quần và cách sống Koffler rập khuôn theo thói tục của các quan lại và hẳn cũng như thế mà Koffler muốn các nhà thờ Chúa của ông không khác bao nhiêu với một cái chùa về dáng dấp bên ngoài của An nam.

Theo như dấu vết của cái móng nay còn rõ nét, thì trước kia quanh 4 phía có tường được trổ cửa sổ mặt trước, 18 cột phụ phải là ở trong và đặt gần tường, điều này chứng tỏ các dấu vết của cái móng mang hình ảnh của một nửa diện tích có thể là của hình chữ nhật; như vậy những cây cột có thể ở trong tường và đây không phải là cách làm thường lệ hay có thể đứng áp vào tường.

Ở bên trong nhà là năm mộ nằm trong gian giữa bao gồm toàn bộ lối đi chính giữa gồm 89 cột mẹ và phần nền giữa của lối đi sau, tất cả là 3 gian. Phòng này được đóng kín bởi các bức tường mà nay còn thấy rõ các chân tường ở ngoài các cột trụ, phía trước có các cửa ra vào, tôi không hiểu cách bố trí phía trong như vậy là vốn có ở nhà thờ của Koffler hay không? Không có thể được, vì như thế là trái với thông dụng của cách phối trí nhà thờ; chính tại đây tất cả đều phải thông suốt và mở ra để cho con chiên có thể thấy bàn thờ. Ít nhất thì đây cũng là cái thông dụng của nhà thờ La Mã vì người ta biết nghi lễ Hy Lạp có nhiều điều được thể hiện một cách khác.

Tôi cũng xin thú nhận là tôi không khỏi xúc cảm thâm lắng khi nhận thấy vết tích cái đế của cột đều ứng với số lượng các cây cột mà Koffler đã kể về nhà thờ của ông ta, không những nói về cột chính mà còn là cột phụ và từ đó mới có bằng chứng gần như chắc chắn là

tôi đang đứng tại vị trí của nhà thờ Koffler mà Võ Vương cho đưa về đặt ở mộ của người vợ yêu quý của Vương.

Trước khi rời công chúa Chiêu Nghi, chúng ta thử dè dặt tìm hiểu về bức tượng của bà.

Tiểu sử của bà hoặc ở trong tuyển tập các tiểu sử hoặc ở trên bia đá của năm mộ bà đều đã miêu tả bà như một người mộ đạo Phật *"Ngoài giờ làm việc, bà ưa thích thắp hương trước bàn thờ Phật"* Bà ưa thích tịnh tâm, cầu nguyện và sau khi đã làm trọn nghĩa vụ đối với Vương.

Bà tôn thờ Phật, bà có pháp danh qui y là Hải Pháp.

Mặt khác, hình như nếu bà có đạo Thiên Chúa thì cha Koffler có thấy bà nhiều lần, đến gần bà và điều trị trong lần đau cuối, ắt đã nói về điều này, nhưng ông chẳng nói gì hết.

Nhưng chúng ta cũng không nên loại trừ giả thuyết ấy. Trái lại có một tổng hợp lý do, trong đó có nhiều lý do với sức mạnh thuyết phục tương đối yếu ớt, nhưng sắp xếp lại gần nhau, thì cũng tạo nên được một cụm lý do nhất trí, khả dĩ làm cho giả thuyết đó có thể chấp nhận được.

Chúng ta thấy ngay lúc đầu, ông quan tên Xavier thuộc dòng tu Jesuites mà tu viện trưởng Fauvre đã có nói dường như là cha đỡ đạo của bà lớn. Chúng ta đã kể lại cuộc đời quan Xavier, cha của vợ thứ của vua.

Cái cách nói trang trọng *"Vợ thứ của Vương"* theo ý nghĩa của Fauvre là để chỉ một người vợ thứ mà thôi và không cần cái tên nào khác nữa, một người vợ rất được yêu quý mà ai cũng phân biệt được trong số đông những phụ nữ trong thâm cung của Võ Vương. Bằng cách này, theo ý tôi là mạnh nhất.

Công chúa Chiêu Nghi quê ở làng Trung Quán thuộc Quảng Bình, trong làng này có một xứ đạo từ lâu đời được ghi trong danh sách gửi đến các Hồng y giáo chủ về truyền giáo do một linh mục An nam là cha Laurent Long ngày 7 tháng 2 năm 1694. Gia tộc Trần của bà công chúa nằm trong đạo Thiên Chúa đã lâu. Giá trị của bằng chứng là âm hơn dương. Tôi cũng ghi nhận bằng chứng này như dấu hiệu của điều có thể.

Người con trai trưởng của bà vợ thứ yêu quý được gửi cho ông Cai bộ, đặc trách Kiểm tàu vụ. Người con trai ấy là người đạo Thiên Chúa và là một tín đồ mà Koffler điều khiển tùy ý muốn của ông. Mẹ là Thiên Chúa giáo thì có thêm một giá trị lớn hơn, chính vì lý do phẩm chất mà Vương đã chọn một người đạo Thiên Chúa để đỡ đầu và giáo dục cho con của Vương. Lần đầu đến thăm Hoàng cung, Koffler được vua giới thiệu với bà vợ yêu quý của Vương theo tư cách thầy thuốc hay tư cách thầy tu? Với Poivre, thì Poivre được Vương đưa đi khắp nơi trong Hoàng cung nhưng phải dừng lại trước cửa khuê phòng các cung nữ. Vào những ngày cuối của công chúa, Võ Vương có hứa với Koffler là cho xây dựng lại tất cả các nhà thờ Chúa, nếu thuốc hiệu nghiệm, người ta cho rằng đây là một lời hứa rất tự nhiên và là lời hứa đã làm cho Koffler phát huy được tất cả tài năng khéo léo của ông sau khi tất cả các nhà thờ Chúa bị đập phá.

Đúng là như thế, nhưng Võ Vương cũng dựa vào đó để hy vọng làm vui lòng người vợ yêu quý. Ai có thể biết được rằng bà ta đã không do đó mà muốn hối chuộc một cuộc đời chưa sùng đạo Thiên Chúa. Tu viện trưởng Fauvre cho chúng ta biết là bà Tham, mẹ của người vợ thứ theo đạo Thiên Chúa của Ninh Vương, và Xavier ông quan thuộc dòng Jesuites, cha đạo vợ thứ của Võ Vương, là một người vợ thứ mà chúng ta đang bàn đến, đã làm nhiều việc bố thí và đã cho xây cất rất nhiều nhà thờ Chúa.

Sau cùng, khi công chúa Chiêu Nghi qua đời, Võ Vương không biết làm gì hơn để ban ơn cho bà bằng cách cho chuyển đến nơi mộ của bà cái nhà thờ của cha Koffler. Phải chăng Vương đã muốn người vợ của mình được an nghỉ trong một cái đền thờ của đạo mà bà ấy đã tin theo để cho linh hồn được yên tĩnh. Trường hợp về những người cha mẹ không Thiên Chúa yêu cầu rửa tội cho những thành viên gia đình khi chết không phải là hiếm.

Koffler không nói công chúa là một người đạo Thiên Chúa. Tuy nhiên cha Siebert lại đưa nhiều chi tiết một cách tự hào về các thành viên trong Hoàng tộc và về các quan lớn ở thời kỳ đó đã qui y theo đạo Thiên Chúa. Mặc dù những sự giúp đỡ dành cho các nhà truyền giáo dòng Jesuites của người con gái quan Xavier là như thế nào đi nữa, thì họ cũng không thể dè dặt mà nói rằng, một phụ nữ theo đạo Thiên Chúa, trong khi chấp nhận hoàn cảnh của mình, đã từ chối sự qui y theo đạo Chúa.

Những điều cá ngợi về lòng mộ đạo của bà thì như thế nào?

Bà có thực hành đạo Phật hết lòng hay không?

Phòng cầu nguyện mà tại đó bà đến ẩn mình có thể là một trong những nhà cầu nguyện tại gia ngay cho đến người có đạo Thiên Chúa trong một hoàn cảnh bế tắc cũng phải duy trì riêng cho họ.

Hơn nữa, dẫu cho gia đình có đạo Thiên Chúa đi nữa, lẽ nào bà lại không đến với đạo Phật khi được rước vào cung, để làm vừa lòng chồng, và để giữ địa vị của mình?

Để cho được đầy đủ nên tôi giải bày vấn đề. Tôi không có ý muốn bỏ qua nó đi.

TỬ VONG: ÔNG LE MARCHANT DE TRIGON

A.LABORDE

Tập san "*Những người bạn cố đô Huế*" trong năm 1918, đã mất một ông bạn tốt là ông Le Marchant de Trigon, chết ngày 29 tháng 4 năm 1918, và cộng tác viên có năng nổ nhờ địa vị cao trong ngành hành chính dân sự, nhờ kinh nghiệm lâu năm về xứ An nam mà tại đây ông đã sống trong 29 năm, nhờ các tài liệu mà ông đã được phép tham cứu và nhất là những kỷ niệm bản thân cộng thêm một số trí nhớ mạnh mẽ nên ông Le Marchant hơn ai hết có thể viết nhiều bài nghiên cứu rất hấp dẫn cho tập san.

Trong nhiều trang sách, ông đã làm sống lại những giai đoạn tế nhị của Huế, của những cuộc tranh đấu ngoại giao đã đưa đến cái tình thế chính trị của Ngải hôm nay, và đang dự định cho ra mắt chúng ta nhiều tài liệu mới mẽ chưa được xuất bản, những điều được khám phá dưới sự chỉ dẫn của ông trong các kho sách của triều đình Huế, thì thành linh một cơn bệnh đã cướp mất ông, và làm gián đoạn công việc của ông. Dù sao ông cũng đã gần hoàn chỉnh tác phẩm nghiên cứu cuối cùng: "*Hòa ước năm 1862*". Tác phẩm đã được đăng trong kỳ tập san cuối cùng của năm 1918, là một bài được đăng sau

khi ông mất nằm trong chương trình đăng tải rộng lớn mà ông Le Marchant đã vui lòng phác họa một khi có ai nói với ông này về các công trình của "*Những người bạn cổ đô Huế*".

Ông Marchant đang ở Pháp vào lúc ra đời tập san "*Những người bạn cổ đô Huế*", nếu không thì ắt hẳn ông đã có tên trong những sáng lập viên đầu tiên. Khi trở về, ông đã ghi danh và đã hợp tác từ năm 1916, nếu như các chức vụ quan trọng trong vị trí Khâm sứ xử lý thường vụ của ông đã không thu hút hết thì giờ của ông. Ông đã cố gắng đuổi bắt lại thời gian, và vào năm 1917 đã có 3 bài:

1/ Lễ đăng quang của vua Hàm Nghi (B.A.V.H 1917 các trang 77-78) trong đó có các bài tường thuật chính thức của ông Rheinart ở cương vị Thống đốc và bài này cho chúng ta thấy được một giai đoạn hồi hộp của lịch sử bảo hộ.

2/ Những bước đầu của nền bảo hộ: Sự đến Huế của ông Đại biện Lâm thời đầu tiên (B.A.V.H 1917 các trang 263 - 267), năm 1875 được nhắc đến khi Rheinart đổ bộ lên Thuận An với nhiều người Pháp, là các đồng nghiệp cộng sự.

3/ Những người Âu đã trông thấy Huế xưa, những người đi trước mới đây (B.A.V.H các trang 281 -283).

Năm 1918, ông bị bệnh và chỉ kịp viết một bài: *Vùng lân cận tòa Khâm sứ* (B.A.V.H 1918 các trang 15-19) và đã để lại một bài được viết gần xong: *Hòa ước 1862* mà chúng ta vừa nói.

Để tỏ lòng biết ơn, chúng tôi kết thúc mục tử vong ngắn ngủi này bằng tiểu sử của ông Le Marchant de Trigon. Tôi không làm gì hơn là trích một đoạn trong điều văn đọc trước mộ ông Khâm sứ vắng mặt lúc tang lễ:

"Đi qua Đông Dương từ lúc 21 tuổi với một nền học vấn cổ điển vững chắc. Khi mới đến Đà Nẵng vào tháng giêng năm 1889, Le Marchant được cử làm Tham tá hạng ba của ngạch Công sứ.

Năm 1891, rồi 1893, ông được nhanh chóng chọn lọc tăng cấp lên hạng nhì và hạng nhất của ngạch và được thăng chức thủ ấn vào tháng giêng 1897.

"Ông đã phục vụ lần lượt ở Đồng Hới, Vinh và Thanh Hóa.

"Tháng 11 năm 1896 đến tháng 2 năm 1901, ông làm chức Trưởng phòng kế toán tại tòa Khâm sứ Huế, năm 1900 Khâm sứ Auvergne chứng nhận là ông Marchant đã điều hành công việc một cách hoàn chỉnh và đánh giá là ông Marchant có tính nhanh nhẹn, có trí óc nhận định trung thực và chắc chắn, có phong thái rất nhã nhặn nên đặc biệt đủ khả năng để điều hành một tỉnh.

"Năm 1901, ông được lên ngạch chủ sự công vụ hạng 4 và làm công sứ Thừa Thiên. Trong chức vụ này, ông lại được nhiều khen thưởng mới và đã biết gây cảm tình với mọi người.

"Năm 1903, ông Auvergne đã chọn ông làm Trưởng phòng và đã không tiếc lời khen ngợi sự năng nổ, lòng tận tụy cũng như tính trung thực của ông.

"Được thăng chủ sự hạng ba vào năm 1904, hạng nhì vào năm 1908 và hạng nhất vào năm 1914. Ông đã điều hành liên tiếp các tỉnh Quảng Ngãi, Rạch Giá và Kiến An. Tất cả các Khâm sứ và Thống đốc khi đánh giá các công việc làm của ông đều nhất trí xác nhận ông là chủ sự hàng đầu.

"Những ngày cuối cùng của ông ở Đông Dương được đánh dấu bằng thời gian làm việc ở tòa Công sứ Thị Chính Đà Nẵng vào năm 1913; và ở đây cũng như ở tất cả các nơi khác mà ông đã đi qua, ông đều gặp toàn bạn hữu cả.

"Cuối cùng vào tháng 11 năm 1915, ông Le Marchant được cử vào trọng trách Thanh tra chính trị và hành chính. Đến tháng 5 năm 1916, nhờ những đức tính thông minh hiếm có và kinh nghiệm phong phú về những việc An nam, nên ông được chính phủ chỉ định vào chức vụ Khâm sứ lâm thời ở An nam trong một hoàn cảnh đầy phức tạp.

Những đức tính tự nhiên, bất thiệp, kinh-nghiệm, những thiện cảm và tình cảm thân hữu mà ông có thể tạo ra được trong đám đông quần chúng người Âu cũng như người An nam, đã là nền móng bảo đảm cho sự thành công hoàn toàn của ông trong nhiệm vụ lâm thời đó.

Ông Le Marchant sinh ở Plestin-les-Grèves ở miền duyên hải phía Bắc, ngày 25 tháng 12 năm 1867.

Mong tất cả các bạn của Huế xưa đến cùng Hội để chào lời vĩnh biệt đối với ông, và bày tỏ nỗi đau buồn sâu sắc cùng tang quyến.

A.LABORDE



TỬ VONG: H. RUSSIER

E. DAYDÉ

Hội của chúng ta trong năm nay gặp phải tổn thương khá nặng: sau cái chết của ông Le Marchant de Trigon lại được tin buồn về cái chết của ông Russier.

Ông Russier đã làm việc ở Đông Dương trong thời gian ngắn ngủi nhưng đã hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc. Ông sinh ngày 4 tháng 8 năm 1878 ở Nouméa là nơi mà thân phụ và thân mẫu ông đã tạo dựng nền giảng dạy tiểu học. Đậu tiến sĩ Văn khoa với luận án "*Sự phân chia của châu Đại Dương*" ông không học tiếp và ra làm việc để giúp đỡ cha mẹ, để nuôi dưỡng 8 người em trai và em gái mà ông là anh cả. Năm 1906, ông qua Đông Dương và bắt đầu làm giáo sư hạng ba; ông liên tiếp làm thư ký của Tổng vụ Giáo dục, thanh tra các trường ở Nam Kỳ, hiệu trưởng trường cấp 2 Chasseloup - Laubat ở Sài Gòn. Giám đốc Sở Giáo dục ở Cao Miên. Khi ông Gouxdon đi Pháp thì ông Russier lâm thời giữ chức vụ cao nhất trong ngành học chánh ở Đông Dương, chức vụ Thanh tra hội đồng Học chính. Khi chiến tranh xảy ra, ông đang ở các nhiệm sở trên và khi ông Délétie được động viên vào quân đội, ông Russier tạm thời thay thế Délétie ở chức vụ Thủ trưởng ngành Giáo dục ở An nam mặc dầu chức vụ Thanh tra hội đồng buộc ông phải thường xuyên tại Hà Nội.

Các ưu lo ngành nghề đã đưa ông đến chỗ hợp tác với ông Maybon trong việc viết một cuốn sách giảng dạy lịch sử An nam trong các trường học Đông Dương. Công việc truyền bá thường thức này có thể bị phê phán, cũng như tất cả các tác phẩm mở đường khác trong sự thể hiện đầu tay của nó, nhưng trước khi mất ông đã sửa xong cuốn sách để sắp tới đây đưa tới nhà in. Cuốn sách này còn là tác phẩm đại cương duy nhất đưa ra những khái niệm lịch sử An nam để giới thiệu với quảng đại quần chúng Đông Dương chưa có thời gian, chưa có sở thích, hay chưa có các phương tiện để tìm tòi các khái niệm đó trong đồng sử sách lộn xộn hay trong các bài viết uyên bác. Như vậy ông Russier có giúp đỡ nhiều cho *"Những người bạn cổ đô Huế"*, ông tạo điều kiện để hiểu rõ hơn nữa về một số bài viết của tập san chúng tôi, số bài viết tưởng chừng không có ích gì cho những độc giả còn mù tịt về quá khứ của nước An nam.

Còn phải giới thiệu tác phẩm *"Đông Dương thuộc Pháp"* của ông, nhà in Armand Colin xuất bản trong sự cộng tác với ông Henri Bzenier. Đây là cuốn sách tốt nhất mà chúng ta có về địa lý Đông Dương. Có nhiều cuốn sách tiểu học tự tay ông Russier viết hay biên soạn do sự gợi ý của Brunier, cho thấy Russier rất nhiệt tình với nhiệm vụ giáo dục và làm thầy đối với tuổi trẻ. Đồng thời, ông còn điều hành *"Tạp chí Đông Dương"* và mặc dầu có nhiều khó khăn trong công việc, vẫn làm cho tạp chí xứng đáng với niềm tự hào của thuộc địa.

Tháng 9 năm 1917, ông Russier về Pháp, do Hội đồng sức khỏe đưa về căn cứ vào những biểu hiện của chứng bệnh sau này đã làm cho ông chết; khi về đến Marseille, các thầy thuốc báo cho ông biết bệnh đã trầm trọng, nhưng ông chỉ có một nỗi lo âu là làm sao phục hồi sức khỏe để được quân đội nhận vào; và khi thấy sức khỏe hồi phục, ông đã hợp đồng vào quân đội suốt thời kỳ chiến tranh, ông

được đưa vào Trung đoàn bộ binh 113. Ông chưa bao giờ làm lính nên phải học tập gấp rút quân sự rất mệt nhọc ngay cả đối với thanh niên tuổi hai mươi. Sự thông minh đặc biệt của ông, các chức vụ cao cấp của ông ở Đông Dương đã làm cho người ta chú ý đến ông và ông được phụ trách tuyên truyền để động viên lòng yêu nước và tinh thần hy sinh của người lính. Cũng như đối với nhiệm vụ nào khác mà ông đã phụ trách, đối với nhiệm vụ tuyên truyền này, ông cũng đã công tác hết lòng, đem hết sức lực yếu ớt còn lại dốc vào đó, kiệt sức ông được đưa vào bệnh viện Auxonne và chết liền ở đấy.

Mặc dầu không thường xuyên ở Huế, nhưng ông Russier rất gắn bó với thành phố này do phong cảnh đẹp, do những kỷ niệm sâu sắc đã có tại đây; cuộc hành trình đầu tiên của ông đã để lại cho ông cảm tưởng rất tốt đẹp nên ông nói về nó một cách say sưa, không tiếc lời như chỉ có thể thấy được trong văn chương mô tả cái gì mà con người yêu thương và muốn làm cho kẻ khác cũng yêu thương được như mình. Do đó, ông đã đăng ký gia nhập vào hội "*Những người bạn cố đô Huế*" khi được biết cơ hội này.

Trước khi mất, ông có một ý nghĩ rất cảm động: lúc trời trần ông đã tặng cho thư viện chúng ta một số sách mà ông để lại ở Hà Nội.

Ông Russier lưu lại ở Đông Dương hình ảnh của một con người cao cả do thông minh tuyệt vời, do khả năng làm việc phi thường và do một cuộc sống có phong cách đạo lý vững vàng, "*Những người bạn cố đô Huế*" xin đặt lên mộ đồng sự những nỗi buồn tiếc đau buồn, và kính mong gia quyến đồng sự nhận cho những lời chia buồn chân thật nhất.



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Bia lăng Thiệu Trị...	7
- Vùng lân cận tòa Khâm sứ...	23
- Nón thượng, loại mũ của phụ nữ Việt Nam...	30
- Bia lăng Tự Đức...	33
- Lễ tôn vinh các Hoàng Thái hậu...	53
- Những người Pháp phục vụ Gia Long...	68
- Phong tục hiệu quý tộc ở triều đình An nam...	81
- Phủ Tôn Nhơn...	105
- Các Thái giám của triều đình Huế...	112
- Lễ ngũ tuần của Hoàng Thái phi...	130
- Chuyến du hành của vua Khải Định ra bắc Trung Kỳ và Bắc Kỳ...	143
- Vua Khải Định đến thăm các đền thờ và lăng tẩm ở Thanh Hóa...	197
- Các đại lộ của nhượng địa ở Huế...	214
- Một kỷ niệm về Palasne de Champeaux...	222
- Thân huân từ...	224
- Hòa ước năm 1862 giữa Pháp - Tây Ban Nha và An nam...	233
- Vải gương mặt của triều Võ Vương...	278
- Tử vong...	339
* Ông Marchant de Trigon...	
* Ông H. Russier...	

Chịu trách nhiệm xuất bản

LÊ DẦN

Biên tập:

LÊ - VŨ

Chế bản và sửa bài:

HOÀNG XUÂN THIÊN

In 500 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại xí nghiệp in Phan Văn Mảng, Long An. Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số 10/1098/CXB của Cục xuất bản. Quyết định xuất bản số 1463XB/TH của Nhà xuất bản Thuận Hóa cấp ngày 12/7/98. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 1998.

BULLETIN
DES AMIS DU VIEUX HUE

NHỮNG NGƯỜI BẠN CỔ ĐÔ HUẾ

B.A.V.H
TẬP
V
1918